

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ KHE MO
(1948 - 2013)

NĂM 2014

BAN CHỈ ĐẠO

- 1- NGUYỄN TRỌNG HÙNG: Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đồng Hỷ.
Trưởng ban.
- 2- NGUYỄN VĂN LONG: Bí thư Đảng ủy,
Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Khe Mo.
Phó ban.
- 3- PHẠM XUÂN TRƯỜNG: Phó Bí thư Đảng ủy,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khe Mo.
Ủy viên.
- 4- TRẦN XUÂN THỊNH: Ủy viên Ban Thường vụ,
Thường trực Đảng ủy xã Khe Mo.
Ủy viên.
- 5- ĐINH MẠNH TUẤN: Đảng ủy viên,
Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khe Mo về VHXX.
Ủy viên.
- 6- LÊ NGỌC DŨNG: Đảng ủy viên,
Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khe Mo về kinh tế.
Ủy viên.
- 7- LỤC THỊ HÀ UYÊN
Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đồng Hỷ.
Ủy viên

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
NGUYỄN VĂN LONG

TỔ SƯU TÀM VÀ BIÊN SOẠN

1- TRẦN XUÂN THỊNH

Ủy viên Ban Chỉ đạo - Tổ trưởng.

2- NGUYỄN NGỌC LÂM

Sỹ quan Quân đội nghỉ hưu - Chủ biên.

3- ĐINH MẠNH TUẤN

Ủy viên Ban Chỉ đạo - Tổ viên.

4- VŨ QUANG VIỆT

*Nguyên Bí thư Đảng ủy, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân
xã Khe Mo - Tổ viên.*

5- NGUYỄN KHẮC ĐÔNG

Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã Khe Mo - Tổ viên

ĐỌC SOÁT BẢN IN

NGUYỄN NGỌC LÂM

VŨ VĂN THẮNG

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH XÃ KHE MO

HUYỆN ĐỒNG HỖ

TỈNH THÁI NGUYÊN



BẢNG VÀ CỜ ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN



Lời giới thiệu

Đảng bộ xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, tiền thân là Chi bộ xã Long Khê được thành lập từ tháng 9 năm 1948. Trải qua hơn 65 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý ***“Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”*** thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Tiếp theo là những thành tích to lớn trong kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội và thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Mỗi một khoảng thời gian đi qua, đã để lại những dấu ấn lịch sử rất vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo. Những kết quả trong chiến đấu và xây dựng đã trở thành tài sản vô giá của nhân

dân xã Khe Mo, cần được trân trọng gìn giữ và phát huy cao độ.

Thực hiện Công văn số 472-CV/TU, ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc biên soạn Lịch sử các cấp các ngành trong tỉnh. Ngày 07 tháng 02 năm 2012, Huyện ủy Đồng Hỷ ra Quyết định số 180^a-QĐ/HU thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ sưu tầm tư liệu và biên soạn Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo giai đoạn 1948-2010.

Chấp hành sự phân công của Huyện ủy và Ban Chỉ đạo; Tổ Biên soạn đã sưu tầm nghiên cứu từ các tài liệu, tư liệu một cách nghiêm túc, trách nhiệm, khách quan và đề nghị biên soạn đến hết năm 2013, là năm kỷ niệm Đảng bộ tròn 65 năm. Đến nay, cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948-2013)" đã hoàn thành; đem lại cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong xã một nguồn tư liệu quý giá.

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo là những trang oanh liệt, được viết bằng mồ hôi, xương máu của cán bộ và nhân dân các dân tộc trong xã từ khi theo Đảng hoạt động bí mật đến nay.

Trong cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp, chi bộ đảng đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc xã Khe Mo trực tiếp chiến đấu với đội quân xâm lược nhà nghề. Trong thời gian ấy với những khó khăn chồng chất, vừa xây dựng củng cố chính quyền, các đoàn thể nhân dân, vừa tiếp đón bố trí nơi ăn chốn ở cho đồng bào, các cơ quan đơn vị của cấp trên sơ tán, vừa huy động động viên sức người sức của chi viện cho chiến trường. Chi bộ đảng, chính quyền và nhân dân xã Khe Mo đã hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ, được Đảng và nhân dân giao phó.

Phát huy truyền thống của đơn vị “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kỳ kháng chiến chống Pháp; trong những năm kháng chiến chống Mỹ, Chi bộ và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo tiếp tục vừa xây dựng quê hương vừa trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của không quân địch. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu với khẩu hiệu “chắc tay cày, tay súng”, “tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, nhân dân Khe Mo đã làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Sau ngày thống nhất, chi bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo đứng trước những khó khăn thử thách vô cùng to lớn. Do chính sách bao vây cấm vận của đế quốc, do hậu quả của chiến tranh kéo dài và cả những hạn chế bất cập của cơ chế chính sách, những yếu kém trong quản lý, dẫn đến đời sống của nhân dân bị giảm sút đáng kể. Những ngày này, chi bộ và chính quyền xã luôn trăn trở, tìm cách tháo gỡ khó khăn, phấn đấu vươn lên để thực hiện nhiệm vụ nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự và an ninh xã hội làm tiền đề cùng nhân dân cả nước tiến vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo các nghị quyết của Đảng từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến nay.

Nhân dịp xuất bản cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948-2013)”, Đảng ủy xin trân trọng cảm ơn Phòng Lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên; Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Hỷ, Ban Tuyên giáo Huyện ủy; cá nhân đồng chí Nguyễn Sơn Oanh nguyên Bí thư Huyện ủy Đồng Hỷ; cử nhân Vũ Thanh Khôi...đã chỉ đạo và có ý kiến tham gia đóng góp cho cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo.

Tuy nhiên, do trải qua thời gian dài hơn 60 năm, các tài liệu lưu trữ còn lại rất hạn chế. Các nhân chứng không còn nhiều, lại là những người tuổi cao, sức yếu, trí tuệ phần lớn không còn được minh mẫn như trước đây. Vì vậy, các tài liệu cung cấp có thể chưa đầy đủ, thậm chí có nhầm lẫn. Đảng ủy rất mong được tiếp thu các ý kiến tham gia đóng góp phê bình cho cuốn Lịch sử Đảng bộ để khi tái bản được đầy đủ hơn.

Đảng ủy xin trân trọng giới thiệu với cán bộ, đảng viên và nhân dân cuốn "Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948-2013)".

Xin trân trọng cảm ơn.

TM ĐẢNG ỦY XÃ KHE MO

BÍ THƯ

Nguyễn Văn Long

Trong bối cảnh này, các nhà nghiên cứu cần phải có những nghiên cứu thực địa để tìm hiểu về các loài thực vật và động vật hoang dã trong khu vực này. Các nghiên cứu này cần phải được thực hiện một cách có hệ thống và khoa học, để có thể cung cấp những dữ liệu đáng tin cậy cho các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu khác. Các nghiên cứu này cũng cần phải được thực hiện một cách có hệ thống và khoa học, để có thể cung cấp những dữ liệu đáng tin cậy cho các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu khác.

Trong quá trình nghiên cứu, cần phải có sự phối hợp giữa các nhà nghiên cứu và các nhà quản lý để có thể thực hiện các nghiên cứu một cách hiệu quả. Các nghiên cứu này cũng cần phải được thực hiện một cách có hệ thống và khoa học, để có thể cung cấp những dữ liệu đáng tin cậy cho các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu khác.

Kính mời ông tham gia.

TRỊ DẪN ÔNG KIỆT MẠC

TRỊ DẪN

Nguyễn Văn Long

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THỐNG CỦA NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC XÃ KHE MO TRONG SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH DỰNG NƯỚC, GIỮ NƯỚC

1- Địa lý hành chính và điều kiện tự nhiên

Địa lý hành chính

Xã Khe Mo nằm ở vùng đông bắc huyện Đồng Hỷ; phía bắc giáp xã Quang Sơn cùng huyện và xã La Hiên thuộc huyện Võ Nhai. Phần địa giới còn lại của Khe Mo đều tiếp giáp với các xã cùng trong huyện Đồng Hỷ. Cụ thể, phía tây giáp thị trấn Sông Cầu và các xã Hóa Trung, Hóa Thượng; phía nam giáp với các xã Linh Sơn, Nam Hòa; phía đông giáp với xã Văn Hán. Ranh giới của xã Khe Mo với các xã bạn ở xung quanh đã nhiều lần thay đổi. Chỉ riêng thế kỷ XX đã có đến 5 lần điều chỉnh địa giới, diện tích của xã khi rộng khi hẹp khác nhau.

Ranh giới hiện nay của xã, theo hệ quy chiếu có tọa độ điểm cực Bắc tại xóm Thống Nhất tiếp giáp với

2 xã Văn Hán, La Hiên ở $21^{\circ}41'49''$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}55'54''$ kinh độ Đông. Điểm cực Nam của xã ở xóm La Rẫy giáp xã Nam Hòa ở tọa độ $21^{\circ}37'34''$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}54'06''$ kinh độ Đông. Từ cực Bắc đến cực Nam của xã trải dài $0^{\circ}04'15''$ vĩ độ, khoảng cách vuông góc là 7.870 mét. Cực Tây của xã ở xóm Ao Rôm 2 giáp xã Hóa Trung ở tọa độ $21^{\circ}39'27''$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}51'05''$ kinh độ Đông. Điểm cực Đông của xã ở xóm Thống Nhất giáp xã Văn Hán ở tọa độ $21^{\circ}41'40''$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}55'55''$ kinh độ Đông. Từ cực Tây đến cực Đông của xã trải dài $0^{\circ}02'52''$ kinh độ, khoảng cách vuông góc là 4.953 mét¹.

Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã hiện nay đặt tại xóm Khe Mo 2, ở tọa độ $21^{\circ}39'53''$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}53'03''$ kinh độ Đông. Đường đi từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ tại thị trấn Chùa Hang có chiều dài 8 km.

Diện tích đất tự nhiên của xã Khe Mo hiện nay rộng 2.967,76 ha, trong đó đất nông nghiệp có diện

¹ Một phút (1') góc ở tâm trái đất với 2 đường kinh tuyến (kiểu mũi bươi), dây cung 1' lớn nhất ở xích đạo có độ dài 1.852 mét. Nhưng 1' kinh tuyến ở mỗi vĩ độ Bắc (hoặc Nam) có độ dài nhỏ dần, do khoảng cách của 2 đường kinh độ càng về Bắc hoặc Nam bán cầu càng gần nhau.

tích 2.764,67 ha; đất phi nông nghiệp 203,09 ha. Diện tích đất rừng các loại có 1.576 ha (trong đó rừng của Công ty Ván dăm Thái Nguyên có khoảng 180 ha, còn lại là rừng sản xuất và rừng tự nhiên). Diện tích nuôi trồng thủy sản (bao gồm hồ, ao, sông, suối) có gần 50 ha (trong đó đang nuôi trồng thủy sản có 5,5 ha). Xã có khoảng 52 ha đất được tỉnh quy hoạch làm mỏ sắt Tiến Bộ thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên; trên 23 ha đất quy hoạch mỏ đất sét phục vụ cho nhà máy xi măng Quang Sơn; 10 ha quy hoạch xây dựng nhà máy gạch Tuy-nel và 200 ha đất thuộc khu quân sự của các đơn vị thuộc Quân khu I. Có khoảng 60% diện tích đất đai của xã là đồi núi, còn lại 40% là những khu đất thấp xen giữa đồi núi. Những khu đất này được nhân dân khai khẩn cải tạo thành ruộng trồng lúa, trồng màu; độ rộng hẹp của các khu đồng này khác nhau, rộng nhất là cánh đồng ở xóm La Nưa (8ha), xóm La Đường (7 ha), đồng Gốc Mít (5ha)...

Về địa hình

Xã Khe Mo nằm trong khu vực địa hình núi đất thấp, độ cao trung bình từ 25 đến 75 mét so với mặt

nước biển¹. Toàn xã có 2 dãy núi chính cơ bản ở 2 bên đường 1B (cũ) là núi Ba Đồi² ở phía bắc và tây bắc; núi Phó Hùng ở phía đông và đông nam. Các núi cao hơn đều nằm ở khu vực phía bắc và phía đông xã như các đỉnh cao 113, 131, 133 ở xóm Long Giàn; đỉnh cao 138 ở xóm Thống Nhất; đỉnh cao 177, 123 ở xóm La Rẫy và đỉnh cao 236 ở xóm Ao Đậu. Địa hình của xã cao ở phía bắc và phía đông, thấp dần về phía

¹ Theo sách Địa chí Thái Nguyên: Địa hình Thái Nguyên được phân chia thành 7 bậc theo độ cao so với mặt nước biển. Bậc 1 có độ cao trung bình nhỏ hơn 15 mét. Bậc 2 độ cao trung bình từ 15-25 mét. Bậc 3 độ cao trung bình từ 25-75 mét. Bậc 4 độ cao trung bình từ 75-200 mét. Bậc 5 độ cao trung bình từ 200-600 mét. Bậc 6 độ cao trung bình từ 600-1000 mét. Bậc 7 độ cao trung bình từ 1000-1500 mét. Khe Mo ở vào khu vực địa hình bậc 3.

² Truyền thuyết dãy núi Ba Đồi (có 99 đồi, núi) được kể lại đại ý như sau: Thời xa xưa, Ngọc Hoàng thượng đế truyền cho dân vùng này phải đắp 100 quả núi. Vâng lệnh trời, quan dân trong vùng phân chia khu vực đào đất đắp núi, thấy đất cao, họ nghỉ, liên hoan, rượu chè rồi sinh mâu thuẫn. Ngọc Hoàng cho kiểm tra, xác nhận đồi thứ nhất chỉ đắp được 99 ụ đất và ra lệnh đắp tiếp. Đến đồi thứ 2 đắp được cao hơn, không kiểm đếm đã cho là đủ và lại dừng nghỉ; mưa gió làm sỏi mòn dần những quả đồi trở trụi. Đồi thứ 3, quan dân lại đắp tiếp. Ngọc Hoàng thương dân, ban cho cây sim, cây mua, cây guột trồng lên để chống sỏi mòn. Đất đào lên đắp núi, sâu dài thành sông, thành suối. Tiếc thay, vẫn do chủ quan không kiểm tra, nên vẫn chỉ có 99 ngọn cao thấp khác nhau. Từ đó gọi là dãy núi Ba Đồi (3 đồi đắp núi chưa xong).

Một ngày nọ có 100 con rồng từ trên trời dần hàng đắp xuống vùng đất này. Rồng đầu đàn bay trên cao chỉ chỗ cho mỗi con đắp xuống 1 đỉnh đồi (hoặc núi). Đến lượt mình thì hết chỗ đậu, rồng đầu đàn mới kéo cả đàn bay đi nơi khác. Người đời nói rằng: đất này thiếu chỗ rồng đậu và gọi là Long Khê. Khu vực rồng dần hàng đắp xuống nên còn gọi là Long Dần (lâu dần ghi chép chệch là Long Giàn)

tây và phía nam; vùng phía nam và phía tây chỉ có các ngọn đồi, độ cao dưới 100 mét so với mặt nước biển.

Về khí hậu, thủy văn

Khí hậu ở khu vực xã Khe Mo mang đặc điểm chung của khí hậu huyện Đồng Hỷ, là loại sinh khí hậu “nhiệt đới gió mùa nóng, mưa nhiều, mùa lạnh ngắn, mùa khô trung bình”¹ xen với sinh khí hậu “nhiệt đới gió mùa nóng, mưa vừa, mùa lạnh ngắn, mùa khô trung bình”². Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 22-23⁰C. Nhiệt độ trung bình thấp nhất vào tháng 1, khoảng 15-16⁰C. Nhiệt độ trung bình cao nhất vào tháng 7, khoảng 28-29⁰C. Những ngày đặc biệt, nhiệt độ lạnh có thể xuống thấp từ 5-7⁰C, nhiệt độ nóng có thể lên tới 35-37⁰C; tuy nhiên thời gian nhiệt độ đặc biệt này thường không kéo dài.

Lượng mưa ở Khe Mo cũng mang những nét chung của huyện Đồng Hỷ và tỉnh Thái Nguyên. Hàng năm lượng mưa trung bình từ 1.900 mm đến 2.000 mm. Từ tháng 5 đến tháng 10 mưa nhiều chiếm 85 đến 90%

¹ Sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia 2009, trang 51 và trang 64, kiểu sinh khí hậu này được các nhà khoa học ký hiệu IA1b.

² Sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia 2009, trang 51 và trang 64, kiểu sinh khí hậu này được các nhà khoa học ký hiệu IB1b

lượng mưa cả năm; các tháng còn lại lượng mưa chỉ chiếm từ 10-15%. Là xã có địa hình chủ yếu là núi đất, những năm sau này, do bị mất rừng, thiếu thảm thực vật che phủ nên mùa mưa ở Khe Mo cần lưu ý đến tình trạng lũ quét, lũ ống và hiện tượng sạt lở do dòng chảy tạo ra.

Về sông ngòi

Ở Khe Mo có sông Mo Linh (còn có tên gọi cổ là sông Ma Linh, hoặc tên gọi khác là sông Khe Mo hay sông Khe Mo-Huống Thượng) là dòng chảy chính và lớn nhất qua xã. Sông Mo Linh được hợp nguồn từ 2 nhánh suối chính; nhánh thứ nhất ở núi Lân Củng thuộc dãy núi Lô Sen (xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai). Nhánh thứ 2 lại có 2 nguồn, 1 nguồn từ núi Bò Cu (xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ) và một nguồn từ xã Liên Minh thuộc huyện Võ Nhai. Lưu vực của 2 nhánh sông này gặp nhau ở xóm Thống Nhất (và từ đoạn này xuôi dòng được gọi là suối Đèo Khế). Tiếp tục xuôi xuống phía nam gọi là sông Long Giàn (do đoạn sông này chảy gần di tích đền Long Giàn tại xóm Long Giàn); đoạn sau gọi là sông Con hay suối Dừng. Ở phía nam, sông nhận thêm dòng chảy từ các

suối ở xóm La Nưa, La Rẫy qua cầu Bò Đái (nay là cầu Khe Mo) nhập vào nên nhân dân quen gọi là sông Khe Mo. Sông Mo Linh vận chuyển hầu như toàn bộ lượng nước ở vùng nam huyện Võ Nhai và bắc huyện Đồng Hỷ đổ vào sông Cầu.

Xưa kia sông Mo Linh có dòng chảy khá lớn, gặp sông Cầu ở gianh giới giữa xã Linh Sơn và xã Đồng Bẩm. Trước đây, sông có rất nhiều cá và cá ở Khe Mo đã đi vào truyền thuyết của huyện Đồng Hỷ với câu ca truyền lại “cá Khe Mo, bò Văn Hảo, lão Trung Thần, dân Hóa Thượng”¹.

Ngoài sông Mo Linh là dòng chảy chính ở Khe Mo, tại các xóm có những suối, lạch nhỏ xuất phát từ đường tụ thủy của các núi, đồi trong xã, hình thành tiểu hệ thống thủy văn. Suối Khe Mo chảy từ làng Hóa (xã Văn Hán) qua các xóm Khe Mo 2, Dọc Hèo, Tiên Phong, Ao Rôm 1, tới suối Dừng² thuộc xóm Ao

¹ Có nghĩa là sông ở Khe Mo có nhiều cá. Văn Hảo nay là xóm Văn Hữu (xã Hóa Thượng) có đàn bò đông đến vài chục con. Xóm Trung Thần (nay thuộc xã Hóa Trung) có ông Khán Thoại 90 tuổi vẫn khỏe mạnh và trong gia đình có 5 thế hệ cùng chung sống (xưa gọi ngũ đại đồng đường, là gia đình có phúc đức lớn). Dân Hóa Thượng có nhiều người học giỏi và đỗ đạt.

² Gọi là suối Dừng vì 2 bên bờ có rất nhiều cây dùng đan kết vào nhau (cây dùng có vẻ ngoài giống như cây đang nhưng cây dùng đặc ruột, cây đang rỗng ruột)

Rôm 2 và chảy ra sông Mo Linh. Suối Khe Cạn chảy từ nhà Bò ra sông Con ở đập Đình Phạt. Suối Cả gồm 3 nhánh từ xóm La Nưa qua xóm Hải Hà chảy qua cầu Bò Đái và nhập vào sông Mo Linh...Hệ thống sông suối này làm cơ sở để nhân dân Khe Mo đặt các cọn nước, ngăn phai (vai), đắp đập, làm nương dẫn dòng phục vụ cho việc tưới tiêu canh tác.

Về giao thông

Từ xa xưa không có tài liệu nào ghi chép về giao thông của xã nhưng theo các tư liệu về đường tiến quân của Vua Lê Đại Hành từ bến Đà Giang Dịch (ở gần cầu Gia Bảy hiện nay) lên Vạn Nhai (Võ Nhai) để truy quét giặc Tống thế kỷ thứ X³. Con đường mà Triệu Tiết chỉ huy đạo kỳ binh từ Vạn Nhai xuống bến Như Nguyệt khi chúng sang xâm lược nước ta ở thế kỷ XI. Vùng đất nay là xã Khe Mo đã có các lối mòn do con người tạo ra. Những con đường này khi thì men theo các sườn đồi núi, khi lên, khi xuống dốc...đạp lên cỏ, lau lách, đi mãi mà thành. Trong đó có con đường nối xuôi về kinh thành và ngược lên Võ Nhai.

³ Sách Địa chí Thái Nguyên trang 144, 145, NXB Chính trị quốc gia, xuất bản năm 2009

Đến đời nhà Nguyễn, do nhu cầu khai thác quặng sắt ở đây, nên đã hình thành con đường nối từ mỏ sắt Na Khôn (nay là xã Khe Mo), mỏ sắt Linh Nham theo phía đông sông Mo Linh và bờ bắc sông Cầu đến lý sở huyện Động Hỷ ở Huống Thượng.

Sau khi đánh chiếm Thái Nguyên (1884) thực dân Pháp tiến hành bình định các vùng xung quanh và đến đầu thế kỷ XX đã cơ bản đàn áp dập tắt các phong trào phản kháng của nhân dân ta. Chính quyền thuộc địa Pháp bắt tay vào đợt khai thác thuộc địa lần thứ nhất theo dự án 7 điểm, ngày 23/3/1897 của Toàn quyền Đông Dương Pôn Đume (Paul Doumer). Trong đó điểm 4 của kế hoạch này là “Chú ý xây dựng thiết bị lớn cho Đông Dương như xây dựng hệ thống đường sắt, đường bộ, sông đào, bến cảng...rất cần thiết cho công cuộc khai thác”. Ở Thái Nguyên, những năm từ 1900 đến 1915 các nhà thầu Pháp tiến hành mở rộng con đường thông từ Thị xã Thái Nguyên lên Đình Cả. Con đường này xuất phát từ khu vực sau này là cầu Gia Bảy¹ qua Đồng Bầm, Linh

¹ Cầu Gia Bảy được xây dựng bằng bê tông cốt thép từ năm 1928 đến 1929 thì hoàn thành.

Nham chạy dọc theo xã Khe Mo đến Đèo Khế sang La Hiên (khi ấy là trấn lý của huyện Võ Nhai). Chỉ riêng đoạn đường qua địa phận xã Khe Mo, nhà thầu đã cho xây 3 cây cầu lớn là cầu Linh Nham, cầu Bò Đái² và cầu Long Giàn cùng một số các cầu cống nhỏ trên dọc tuyến³. Tiếp đó trong lần khai thác thuộc địa lần thứ hai, chính quyền thực dân lại tiếp tục mở thông con đường từ Võ Nhai qua Bắc Sơn-Bình Gia lên Thị xã Lạng Sơn và đặt tên cho toàn tuyến đường từ Thái Nguyên đến Lạng Sơn là Quốc lộ 1B. Quốc lộ 1B được khánh thành toàn bộ vào năm 1938⁴.

² Cầu Bò Đái nay đổi tên, gọi là cầu Khe Mo; nhưng ở xã còn 1 cây cầu nhỏ cũng mang tên cầu Khe Mo ở xóm Khe Mo phía trên chợ xã đi Long Giàn. Để tránh nhầm lẫn, tổ biên soạn gọi cầu Khe Mo cũ là cống Khe Mo, còn nếu viết cầu Khe Mo tức là viết về cầu Bò Đái cũ.

³ Hiện nay ở các cống ngang đường 1B cũ qua xã Khe Mo còn ghi năm hoàn thành từ năm 1900 đến 1915.

⁴ Báo Đông Pháp số ra ngày 18/12/1938 tường thuật buổi lễ khánh thành đường 1B như sau “Quan thống sứ Yves Chutel đã đi kinh lý Lạng Sơn và khánh thành con đường này. Ngày 6/12/1938...5 giờ 15 phút Ngài tới châu Bắc Sơn, một cuộc đón tiếp long trọng. Ông Tri châu Hoàng Văn Sỹ đọc chúc từ kể sự khó khăn làm con đường này, mà hôm nay quan thống sứ khánh thành. 6 giờ rưỡi Ngài tới châu Vũ Nhai, một nhà rạp dựng trong giữa rừng sâu, bên đường quan lộ, Mán và Thổ dân rất đông đứng đón chào quan thống sứ. Đêm khuya, rừng tối, 5,6 bó đuốc đốt để lấy sáng, lúc tỏ lúc mờ, người ta cảm thấy vẻ rừng rợn của núi rừng. Ông tri châu Vi Văn Mẹo đọc chúc từ; quan sứ Thái Nguyên Ê-si-na (Echinard) nói tiếng ta cảm ơn binh lính đã tận tâm làm con đường đó, cảm ơn dân của núi rừng đã giúp sức, cảm ơn các quan chức đã sẵn sóc đến và nói về ích lợi của con đường này trong việc buôn bán, du lịch, vận tải và tuần phòng. Xong các quan khách dự tiệc và 7 giờ tối, Thống sứ mới lên đường về Thái Nguyên, tới nơi hồi 8 giờ rưỡi. Đến đêm Ngài trở về Hà Nội”.

Từ sau Chiến dịch Biên giới đến năm 1955, Khu Việt Bắc huy động hàng vạn dân công từ các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang..., mở rộng và nắn chỉnh quốc lộ 1B. Một đoạn đường nắn chỉnh qua huyện Đồng Hỷ bắt đầu từ La Hiên chia đôi xã Hóa Trung, về đến Hóa Thượng gặp đường cũ từ Đồng Bầm đi mỏ Lang Hit (Làng Hích)¹. Từ đó đoạn đường quốc lộ qua xã Khe Mo được gọi là đường 1B cũ và sau này được đổi thành đường huyện. Còn một nhánh đường huyện từ xóm Khe Mo, đi qua làng Hỏa đến Ủy ban nhân dân xã Văn Hán và đến xóm Vân Hán, qua đèo Nhâu sang xã Liên Minh (huyện Võ Nhai). Những năm cuối thế kỷ XX, hai nhánh đường này ít được tu sửa bảo dưỡng, lại là đường chủ yếu dùng vào việc chuyên chở lâm thổ sản do Lâm trường Đồng Hỷ khai thác; phương tiện vận chuyển bằng xe công nông, các xe quá khổ, quá tải, nên đường bị xuống cấp hù hổng nặng.

Ngoài ra, Khe Mo còn có các con đường (thường gọi là đường xã) nối từ trục đường chính đến các

¹ Điểm nối là ngã ba cây số 7 Quốc lộ 1B từ xóm Na Long, xã Hóa Trung đi các xã Minh Lập, Hòa Bình, Văn Lãng.

xóm, chiều dài tổng cộng khoảng 40 km, phục vụ cho nhu cầu dân sinh. Đầu thế kỷ XXI, thực hiện chủ trương cứng hóa đường giao thông nông thôn theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đảng bộ, Chính quyền đã lãnh đạo nhân dân trong xã huy động công sức, đóng góp tiền của để đổ bê tông mặt đường đi đến các xóm. Từ đó việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân được thuận lợi, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội của địa phương.

Về tài nguyên, khoáng sản

Về tài nguyên rừng, trước đây Khe Mo là vùng có diện tích rừng rất lớn, đầu thế kỷ XX, rừng còn chiếm trên 90% diện tích đất tự nhiên. Đến những năm 1960-1970 rừng tự nhiên che phủ khoảng 40 đến 50% diện tích đất của xã. Thảm thực vật rừng có rất nhiều lâm sản quý như song, mây, tre, trúc, nứa, lá...và các loại gỗ nhóm 1, nhóm 2². Động vật ở trong rừng Khe Mo

² Gỗ nhóm 1 là loại gỗ vừa tốt bền vừa có vân đẹp hoặc hương thơm như lát hoa, hoàng đàn, pơ mu...Gỗ nhóm 2 là các loại gỗ có độ bền chắc như đinh, lim, sến, táu...gỗ nhóm 2 còn được gọi là nhóm “tứ thiết” (tứ thiết là 4 loại gỗ được ví bền như kim loại sắt).

phong phú, có nhiều loại, nhiều loài từ hổ¹, báo, hươu, nai, kỳ đà cho đến công, trĩ, chồn, cây hương... Tài nguyên rừng giàu có đã nuôi sống bao thế hệ người dân Khe Mo và góp phần vào phát triển kinh tế chung của đất nước. Đồng thời rừng Khe Mo còn góp phần che chở, nuôi dưỡng cho cán bộ hoạt động cách mạng trong những ngày khó khăn. Tuy nhiên, do khai thác quá mức, sự thiếu ý thức của con người dẫn đến tài nguyên rừng ở Khe Mo bị cạn kiệt. Đến cuối thế kỷ XX, rừng tự nhiên ở xã Khe Mo, về cơ bản đã bị khai thác hết. Mất rừng, mất động vật rừng và mất thảm thực vật che phủ; tình trạng này kéo theo mặt đất bị rửa trôi, độ phì của đất giảm nhanh. Khi rừng nghèo kiệt, lượng dự trữ nước ngầm trong lòng đất giảm sút đáng kể. Để khắc phục tình trạng suy kiệt tài nguyên rừng, người dân đã trồng thay thế bằng rừng bạch đàn, rừng keo.... Từ những năm 1990 đến nay, Nhà nước có chương trình trồng rừng PAM, Chương trình 327, Chương trình 661 trồng 5 triệu héc ta rừng và nhiều chính sách hỗ trợ mang lại lợi ích thiết thực cho người

¹ Liên tiếp 2 đêm 20 và 21 tháng Chạp năm 1956 hổ còn về bắt lợn ở xóm Ao Rôm.

trồng rừng. Vì thế thảm thực vật rừng ở Khe Mo được dần dần khôi phục; độ che phủ rừng không ngừng tăng lên và đến nay đã đạt trên 50%. Tuy nhiên, rừng trồng vẫn không thể thay thế được rừng tự nhiên về mặt đa dạng sinh học.

Trong lòng đất Khe Mo chứa nguồn tài nguyên khoáng sản quý. Từ đầu thế kỷ XIX, ở vùng đất Khe Mo đã có mỏ sắt Na Khôn và mỏ sắt Linh Nham được khai thác. Theo sách Đại Nam thực lục, đệ nhị kỷ, tập IV: “Năm 1834, thuế thu ở mỏ Linh Nham trước đây là 1.200 cân sắt thỏi, nay thu sắt chín bằng 960 cân; thuế thu ở mỏ Na Khôn trước đây nộp sắt thỏi 2.000 cân, sau đổi nộp sắt chín bằng 1.600 cân”². Vì lý do khó khăn trong khai thác, các mỏ này đóng cửa từ thời vua Minh Mệnh³; đến giữa những năm thập kỷ 4 của thế kỷ XX, mỏ sắt Linh Nham được người Pháp tổ chức mộ phu để khai thác trở lại. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, mỏ Linh Nham tiếp tục được Nhà nước tổ chức khai thác. Năm 1960-1961, tại mỏ đã xây dựng lò cao (gọi là lò cao Linh Nham) để

² Sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia, xuất bản năm 2009, trang 195.

³ Vua Minh Mệnh (còn gọi là Minh Mạng) trị vì từ năm 1820 đến 1840.

luyện gang tại chỗ, nhưng được một thời gian rồi lại đóng cửa. Đầu thế kỷ XXI, kim loại sắt của Khe Mo nằm trong cụm mỏ Tiến Bộ-Linh Nham, có trữ lượng khoảng 1 đến 3 triệu tấn, thuộc Dự án đầu tư mở rộng giai đoạn 2 Công ty Gang thép Thái Nguyên đang chuẩn bị khai thác. Ngoài ra lòng đất Khe Mo còn lượng khoáng sản phi kim loại là sét xi măng cũng đang được thăm dò khai thác¹.

Lịch sử vùng đất

Vùng đất nay là xã Khe Mo đã hình thành từ xa xưa cùng với tổ tiên dựng nước mấy ngàn năm. Tên gọi Khe Mo bắt đầu từ bao giờ cũng không có ghi chép nào cụ thể. Theo truyền thuyết, xưa kia do không có điện nên đến mùa nắng nóng, nhiều người thường nổi nhiều rôm (nhất là trẻ em); người bị rôm luôn cảm thấy rất khó chịu. Ở vùng Khe Mo có cái ao, nước rất trong mát, những người thường xuyên tắm ở ao này đều không có rôm sảy. Thấy vậy, những người bị nổi rôm khác đến ao tắm vài ngày thì rôm sảy lặn, vì vậy, người ta gọi ao này là Ao Rôm và đặt tên cho cụm dân cư xung quanh là xóm Ao Rôm.

¹ Sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia, xuất bản năm 2009, trang 35, 36.

Đầu thế kỷ XX, nơi đây vẫn là những khu rừng nguyên sinh, cây cối rậm rạp, dân cư rất thưa thớt. Theo sách “Các tổng trấn xã danh bị lãm” làm từ năm 1812 dưới triều vua Gia Long, sau này được Viện Hán-Nôm biên soạn lại là “Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX” (thuộc các tỉnh từ Nghệ-Tĩnh trở ra) thì vùng đất xã Khe Mo khi xưa nằm trong khu vực của 2 tổng là Hóa Thượng và Huống Thượng đều thuộc huyện Động Hỷ thuộc phủ Phú Bình, xứ (hoặc trấn) Thái Nguyên. Khi ấy tổng Huống Thượng có 4 xã là Huống Thượng, Linh Nham, Phổ Lý, Đồng Bầm và Phường Thủy cơ; tổng Hóa Thượng có 2 xã là Hóa Thượng, Quang Vinh nhưng vẫn không thấy địa danh nào ghi tên Khe Mo.

Đến sách “Đồng Khánh dư địa chí” biên soạn từ năm 1886 đến 1888 thì các xã trong tổng Huống Thượng vẫn được giữ nguyên; tổng Hóa Thượng có thêm xã thứ 3 là Hóa Trung nhưng vẫn chưa thấy có tên gọi nào là Khe Mo.

Trên các văn bản được coi là cũ nhất là ở đầu thế kỷ XX còn lưu giữ được tại đình, tên làng, tên xã được viết theo chữ Hán gọi là làng Khê Mo, xã Khê

Mo¹ (chứ không phải là Khe Mo). Ở đây chữ Khê (có bộ thủy) nghĩa là nguồn nước, chữ Mo là khu vực núi đồi rừng rậm có nhiều mo (tre, nứa...). Khê Mo là một nguồn nước xuất phát từ rừng núi rậm rạp có nhiều mo nang. Cũng ở trong tiếng Hán, còn có một chữ cũng phát âm là Khê (nhưng có bộ hỏa), nghĩa là cháy; theo cách này Khê Mo cũng có nghĩa là những chiếc mo bị cháy (như mo tre, mo nứa, mo vầu...). Để tránh nhầm lẫn cho người nghe khi phát âm không chuẩn (nói lắp, nói ngọng...), các cụ xưa mới dùng từ Khe trong chữ Nôm, cũng có nghĩa là nguồn nước, gắn vào với chữ Mo để thành Khe Mo như ngày nay, mà vẫn diễn đạt được đầy đủ ý nghĩa như khi dùng từ Khê Mo².

Sau khi chiếm được Thái Nguyên (1884), thực dân Pháp tập trung đàn áp các phong trào phản kháng, xây

¹ Tại các bức sắc phong của Vua Khải Định năm thứ 2 và năm thứ 9 đều ghi là thôn Khê Mo, xã Khê Mo. Các văn bản do đồng chí Đinh Phú Hào, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Long Khê ký năm 1950-1951 cũng đều ghi tên xã là Khê Mo.

² Cũng còn có một truyền thuyết giải thích tên gọi Khê Mo khác là do 2 bên bờ suối có nhiều bụi tre, nứa, sau khi măng “thay áo”, những chiếc mo nang rơi xuống suối và trôi theo dòng nước đến gần làng thì mắc lại thành đồng; người địa phương nói những chiếc mo bị mắc lại (là bị khê) và gọi nơi này là Khê Mo.

dụng chính quyền bù nhìn, thiết lập chế độ kìm kẹp để cai trị nhân dân trong toàn tỉnh. Tại Đồng Hỷ chúng lập 4 đồn binh là đồn Minh Lý (ở tổng Minh Lý), đồn Mo Na Khôn (ở tổng Huống Thượng), trại lính khổ xanh và trại lính sen đầm (còn gọi là trại lính Tây) ở tỉnh lỵ Thái Nguyên. Đồn Mo Na Khôn được lập tại vùng đất xã Khe Mo hiện nay. Tên gọi địa danh Mo Na Khôn có thể là cách gọi chệch đi của Mỏ (sắt) Na Khôn mà ra.

Từ năm 1905 đến năm 1922³, thực hiện chính sách chia để trị, thực dân Pháp vừa chia nhỏ các xã trong từng tổng vừa sáp nhập các xã từ tổng này sang tổng khác. Tổng Hóa Thượng từ chỗ chỉ có 2 xã Hóa Thượng và Hóa Trung; lúc này có 4 xã là Hóa Thượng, Minh Lý, Hóa Trung và Cao Ngạn. Trong xã Hóa Trung có 8 thôn (xóm) là xóm Na Đình (Na Đành), xóm Tam Thái, xóm Na Đường, xóm Trung Thần, thôn Làng Nậm (huong ước năm 1937 ghi là

³ Theo các tài liệu lưu trữ, năm 1905 bỏ cấp phủ đến năm 1922 chia nhỏ các xã trong tổng. Nhưng thực tế việc thực hiện có thể sớm hoặc muộn hơn một chút như: Tại bia ký hậu tự tại chùa Huống lập ngày 21 tháng 12 năm 1907 vẫn ghi phủ Phú Bình. Tuy nhiên việc chia tách các xã không đồng loạt. Ví dụ xã Huống Trung, tổng Huống Thượng đã được chia ra trước năm 1922.

Làng Lậm), thôn Cây Hồng, xóm Na Thông và xóm Đồng Thu¹.

Tổng Huống Thượng từ chỗ chỉ có 4 xã (thời Gia Long - ghi chép từ năm 1812-1814) đến năm 1922 (dưới triều vua Khải Định) được chia thành 10 xã (làng) trực thuộc là xã Huống Thượng, xã Huống Trung, xã Linh Nham, xã Đồng Bầm, xã Khe Mo, xã Phở Lý (Phả Lý), xã Vân Hán, xã Nam Ký, làng Hòa Khê, làng Đồng Giang. Diện tích của tổng Huống Thượng mới lúc này là tổng Huống Thượng cũ (theo Đồng Khánh Dư địa chí 1886-1888) và 2 xã Vân Hán, Nam Ký của tổng Đồng Bang chuyển sang.

Tên xã Khe Mo lần đầu xuất hiện² ở sách “Tên làng xã và địa chí Bắc Kỳ năm 1925” gồm 3 xóm Khe

¹ Theo sách Tên làng xã và Địa chí Bắc Kỳ năm 1925 của Ngô Vi Liễn, xuất bản năm 1927 ghi xã Hóa Trung có 7 xóm là Na Đình, Na Đường, Tam Thái, Trung Thần, Làng Nậm, Làng Cháy, Na Thông. Tại Hương ước xã Hóa Trung, tổng Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ lập ngày 22 tháng 7 năm 1937 thì xã Hóa Trung có 8 xóm là Na Đình, Na Đường, Tam Thái, Trung Thần, Làng Nậm, Cây Hồng, Na Thông và Đồng Thu. Các xóm của xã Hóa Trung về sau cách mạng tháng 8/1945 có ít nhiều liên quan đến sinh hoạt của nhân dân Khe Mo dưới chính quyền mới.

² Theo sách “Tên làng xã và Địa chí Bắc Kỳ năm 1925” của Ngô Vi Liễn xuất bản năm 1927

Mo, Na Dưa, Na Dẫy³. Số lượng thôn xóm này được giữ nguyên đến nửa đầu thập kỷ thứ 5 (1941-1950)⁴ của thế kỷ XX⁵. Thời kỳ đầu năm 1945, xã Khe Mo gồm có 4 xóm là Khe Mo, Na Dưa (còn gọi chệch là Na Lưa hoặc La Nưa), Na Dẫy (gọi chệch đi là Na Rẫy hoặc La Rẫy), Ao Rôm và đến 1945 có thêm xóm thứ 5 được đặt tên là Ao Đậu (gọi tên xóm là Ao Đậu vì thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám 1945, nơi này là một hương ấp trồng nhiều củ đậu xung quanh một cái ao rất đậu nước).

Khoảng từ năm 1940 đến nửa đầu 1948, ở phía bắc xã Khe Mo có xóm Đèo Khế (có 5 hộ) thuộc xã Vân Hán (nay gọi là Văn Hán); xóm Long Giàn (có 4 hộ) thuộc xã Phả Lý (trước đó gọi là xã Phở Lý) đều thuộc

³ Đây là những tên chính thức từ sách Tên làng xã và địa chí Bắc kỳ năm 1925. Sau này các tên xóm có thay bằng các chữ L hoặc N khác nhau. Ở chương ngày tổ biên soạn vẫn ghi tên xóm theo tên gốc.

⁴ Một thập kỷ có 10 năm. Thập kỷ thứ nhất từ những năm có số cuối từ 01-10; thập kỷ thứ 2 từ những năm có số cuối từ 11-20,...; thập kỷ thứ 10 từ những năm có số cuối từ 91 đến 00. Tổ biên soạn sẽ ghi theo 2 quy ước. Ví dụ: “thập kỷ 1 thuộc thế kỷ 20” có nghĩa là khoảng từ năm 1901 đến 1910 hoặc “những năm thuộc thập kỷ 1960” thì được hiểu từ năm 1960 đến 1969.

⁵ Theo Hương ước xã Khe Mo, lập ngày 10/8/1942. Bản mang ký hiệu Hư 3260 hiện đang lưu tại Viện Thông tin Khoa học xã hội Việt Nam, địa chỉ 24-26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội.

tổng Huống Thượng. Ở phía tây và tây bắc xã Khe Mo có 2 xóm là Làng Cháy (có 10 hộ) và Na Đường (có 8 hộ) thuộc xã Hóa Trung, tổng Hóa Thượng. Xóm Làng Cháy (khi gọi tên là Cây Hồng, khi gọi là Làng Cháy) gồm có 2 chòm dân cư nhỏ gọi là thôn Cây Hồng và khu Núc Nác, mỗi chòm chỉ có 5 hộ, dân số chưa đến 40 người. Khu Núc Nác thực chất là một hương ấp của gia đình ông Ba Hy, thường gọi là ấp Ba Hy. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tên Làng Cháy (gồm thôn Cây Hồng và Núc Nác) được gọi chính thức cho đến ngày nay.

Một thời gian không lâu sau ngày Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng đã tiến hành đổi tên nhiều xã, huyện trong cả nước nói chung và trong tỉnh nói riêng. Các xã trong huyện cũng được đổi tên, hoặc sáp nhập, hoặc chia nhỏ theo chỉ đạo của cấp trên. Khi đó huyện Đồng Hỷ được đổi tên thành huyện Cộng Hòa. Lúc này chính quyền nhân dân lâm thời huyện Cộng Hòa đã cho đổi tên xã Vân Hán thành xã Hưng Thịnh; xã Phả Lý thành xã Đồng Quyết; xã Hòa Khê và xóm La Đàn thành xã Khánh

Hòa. Ba xã Hưng Thịnh, Đồng Quyết, Khánh Hòa thuộc tổng Văn Minh¹, huyện Cộng Hòa.

Một thời gian ngắn sau ngày giành chính quyền (tháng 8 năm 1945), các xã Khe Mo, Hóa Trung hợp nhất thành đại xã Chiến Thắng². Nhưng cũng chỉ một thời gian ngắn sau đó, phần đất xã Khe Mo cũ (gồm các xóm Ao Đậu, Ao Rôm, Khe Mo, Na Dưa, Na Dẫy) cùng các xóm Na Đường, Cây Hồng, Núc Nác, Phúc Thành³ của xã Hóa Trung tách khỏi đại xã Chiến Thắng để thành lập một xã Khe Mo mới. Phần còn lại của xã Hóa Trung cùng với xã Hóa Thượng, Minh Lý,

¹ Cổ đồng chí Đàm Ngọc Văn ở xóm Vân Hán lưu giữ: các tài liệu viết tay và con dấu của xã Khánh Hòa-tổng Văn Minh-huyện Cộng Hòa ký các ngày 27/7 năm Ất Dậu (tức ngày 03/9/1945); ngày 09/9 năm Ất Dậu (tức ngày 14/10/1945); ngày 07/11 năm Ất Dậu (tức ngày 30/11/1945); ngày 04/12 Ất Dậu (tức ngày 06/01/1946) và 19/02 Bính Tuất (tức ngày 22/3/1946) thì tổng Văn Minh có 3 xã Hưng Thịnh, Đồng Quyết và Khánh Hòa. Như vậy không phải mọi tổng đều giải tán ngay sau khi cách mạng thành công.

² Các di bút của các đồng chí cán bộ xã Khe Mo tham gia hoạt động cách mạng thời kỳ đầu giành chính quyền đều ghi như vậy. Tuy nhiên, ở một số báo cáo khác cũng như di bút của các đồng chí cán bộ thuộc xã Hóa Trung, Hóa Thượng, Minh Lập cùng thời kỳ lại không thấy nhắc đến tên đại xã Chiến Thắng mà chỉ thấy nói đến tên đại xã Dân Chủ. Ban Biên tập xin được cứ ghi như các di bút của cán bộ xã Khe Mo.

³ Các nhân chứng đều không nhớ được chính xác thời gian Khe Mo tách ra khỏi đại xã Chiến Thắng, nhưng đều khẳng định khi bầu cử Hội đồng nhân xã khóa I, xã Khe Mo đã được tách ra. Đối với xóm Phúc Thành đến ngày 27/4/1954 vẫn là 1 tổ của Hội đồng dân xã Khe Mo.

Cao Ngạn sáp nhập thành đại xã Dân Chủ và các xã nhỏ trước kia được gọi là thôn.

Năm 1946, chính quyền cách mạng lại tiếp tục sáp nhập 3 xã Khánh Hòa, Hưng Thịnh, Đồng Quyết thành một xã đặt tên là xã Vân Hòa thuộc huyện Cộng Hòa, tỉnh Thái Nguyên¹.

Năm 1948, cấp trên tiếp tục sáp nhập xã Khe Mo với xã Vân Hòa thành một đại xã mới, đặt tên là xã Long Khê thuộc huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Trong xã Long Khê có các thôn Khe Mo, thôn Vân Hòa và thôn Phúc Thành.

Tháng 11/1953 thực hiện việc củng cố cấp xã sau giảm tô chuẩn bị cho Cải cách ruộng đất, Long Khê được tách ra thành 2 xã mới là xã Khe Mo và xã Đoàn Kết. Riêng xóm Phúc Thành tách khỏi xã Khe Mo trở về thuộc xã Hóa Trung như trước cách mạng Tháng Tám năm 1945².

¹ Năm sáp nhập Hưng Thịnh, Đồng Quyết, Khánh Hòa thành xã Vân Hòa các tài liệu cũng ghi khác nhau. Bút tích của cổ đồng chí Trần Văn Thị ghi ngày 23/3/1946; bút tích của cổ đồng chí Đàm Ngọc Văn ghi năm 1947. Khi sáp nhập 3 xã trên thành xã Vân Hòa thì tổng Văn Minh bị xóa tên. Còn tên huyện Cộng Hòa vẫn còn trên con dấu ở tài liệu ký năm 1947, sau đó chỉ thấy dùng lại tên cũ là Đồng Hỷ.

² Bút tích của đồng chí cán bộ có tên là Nguyễn Xuân Trường ghi tại cuộc họp nông hội ngày 27/4/1954. Số do cổ đồng chí Lý Văn Học (xóm Đèo Khế) lưu giữ tại gia đình.

Xã Khe Mo (năm 1953) gồm có 8 xóm là Ao Đâu, Ao Rôm, Khe Mo, La Nưa, La Rẫy, Đèo Khế, Long Giàn, Làng Cháy, La Đường³.

2- Dân cư-xã hội

Đến đầu thế kỷ XX, vùng đất Khe Mo vẫn là rừng nguyên sinh, dân cư rất thưa thớt và đa phần là người dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Dao, Hoa, Sán Chay (Sán Chí, Cao Lan)...cùng với người Kinh sinh sống thành từng chòm xóm riêng lẻ hoặc đan xen. Đến trước khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp⁴ (1946) cả xã có 77 hộ dân, ở 8 xóm (gồm xóm Khe Mo 15 hộ, xóm Ao Rôm 6 hộ, xóm La Nưa 18 hộ, xóm La Rẫy 15 hộ, xóm Đèo Khế 4 hộ, xóm Long Giàn 5 hộ, xóm Làng Cháy 10 hộ, xóm La Đường 8 hộ).

Đến cuối năm 2013 xã Khe Mo có 15 xóm là Ao Đâu, Ao Rôm 1, Ao Rôm 2, Dọc Hèo, Đèo Khế, Hải

³ Từ đây tên 3 xóm (Na Dưa, Na Dẫy, Na Đường) được viết theo tên gọi ghi trên bản đồ hành chính xã Khe Mo xuất bản năm 2011 là La Nưa, La Rẫy, La Đường

⁴ Thời điểm ghi dân số là trước ngày toàn quốc kháng chiến (19/12/1946). Từ năm 1947, sau khi có chủ trương tản cư, đồng bào miền xuôi tản cư theo kháng chiến về ở tại xã Khe Mo; đồng thời tại Khe Mo cũng có nhiều cơ quan đơn vị dân sự và quân sự đến trú chân hoặc đóng quân nên dân số của xã tăng nhanh. Thời kỳ năm 1960 trở về sau có nhiều gia đình đi khai hoang lập nghiệp tại Khe Mo nên dân số càng tăng nhanh (gọi là tăng dân số cơ học).

Hà, Khe Mo 1, Khe Mo 2, La Nưa (Na Nưa hoặc Na Dura), La Rẫy (Na Rẫy hay Na Dẫy), La Đường, Làng Cháy, Long Giàn, Thống Nhất và Tiên Phong. Toàn xã có 1.712 hộ gia đình, 6.841 nhân khẩu, bao gồm 9 dân tộc anh em chung sống. Dân tộc Kinh có 1.109 hộ, 4.180 nhân khẩu; dân tộc Sán Chay¹ có 277 hộ, 1.170 khẩu cả Cao Lan và Sán Chí; dân tộc Nùng có 252 hộ, 1.120 khẩu. Tiếp đến là dân tộc Sán Dìu có 28 hộ, 159 khẩu; dân tộc Tày có 25 hộ, 127 khẩu; dân tộc Hoa có 15 hộ, 57 khẩu; dân tộc H'rê có 3 hộ, 7 khẩu; dân tộc Mường có 2 hộ, 10 khẩu và dân tộc Dao có 1 hộ, 11 khẩu. Bên cạnh đó còn có một số khẩu là người dân tộc Mông và người dân tộc khác lấy chồng, lấy vợ về làm dâu, ở rể tại các gia đình dân tộc gốc địa phương.

Nhân dân xã Khe Mo trước đây chỉ làm ruộng, phát nương làm rẫy và khai thác lâm thổ sản trong rừng đem bán đổi lấy hàng hóa, tuy nhiên việc bán đổi hàng hóa chỉ để phục vụ cho những nhu cầu tối thiểu của mỗi gia đình. Kinh tế của nhân dân Khe Mo trước, trong và thời kỳ đầu Cách mạng Tháng Tám (1945) chủ yếu là tự cung, tự cấp. Dưới sự áp bức bóc

¹ Dân tộc Sán Chay có 2 chi là Cao Lan và Sán Chí

lột của thực dân phong kiến, cùng với chính sách “ngu dân” và “chia để trị”; mặc dù sinh sống giữa vùng rừng núi giàu có về lâm thổ sản, nhưng đời sống của nhân dân Khe Mo đều khổ cực. Hầu hết các gia đình đều nghèo, hàng năm thiếu ăn từ 4 đến 6 tháng nên phải vào rừng kiếm củ, quả, măng rừng để ăn, bán, đổi sống qua ngày. Nhiều gia đình quá khổ cực phải di cư đi nơi khác, nhưng vẫn không thoát được kiếp người dân nô lệ đói nghèo.

Về văn hóa giáo dục, tín ngưỡng

Từ Cách mạng tháng Tám (1945) trở về trước, Khe Mo là vùng núi, rừng rậm rạp, dân cư thưa thớt, lại có nhiều dân tộc khác nhau, nên việc giao lưu giữa các dân tộc có phần hạn chế. Mặt khác, thực dân Pháp còn tìm cách chia rẽ các dân tộc, khuyến khích các hủ tục lạc hậu, nhằm thực hiện chính sách “ngu dân để dễ cai trị” nên trên 90% dân số xã Khe Mo mù chữ. Thời kỳ này cả tổng Huống Thượng chỉ có 1 trường học, đặt tại xã Huống Thượng, nên chỉ lác đác vài gia đình có kinh tế khá giả mới cho con đến trường của tổng để học, hoặc gia đình tự đón thầy đồ về dạy tại nhà. Số người biết chữ ở trong xã chiếm số rất nhỏ và hầu hết

chỉ ở mức biết đọc biết viết đến văn hoá sơ học (như các lớp đầu của cấp tiểu học hiện nay).

Là vùng đất có nhiều dân tộc, mỗi dân tộc có nét văn hóa khác nhau từ nhà ở, trang phục đến tập quán canh tác và các tục lệ tín ngưỡng. Tuy nhiên, đến đầu thế kỷ XX, nhân dân xã Khe Mo chỉ theo một tôn giáo duy nhất là đạo Phật. Ở xã Khe Mo không có chùa, chỉ có đình và đền.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hội đồng kỳ mục, Lý trưởng, Hộ lại, Chương bạ xã Khe Mo đã xây dựng được Hương ước quy định những việc làm, những tục lệ thờ cúng tín ngưỡng cụ thể của địa phương¹. Những quy định trong hương ước được nhân dân tự giác chấp hành nghiêm túc; một số tục lệ vẫn được duy trì cho đến ngày nay.

Cũng vào khoảng giữa thế kỷ XX, có một số hộ đồng bào là người theo đạo Công giáo đi khai hoang lập nghiệp tại xã Khe Mo. Đến năm 2012 toàn xã có 36 hộ, 135 nhân khẩu là người theo đạo Công giáo,

¹ Hương ước xã Khe Mo-tổng Huống Thượng-huyện Đồng Hỷ- tỉnh Thái Nguyên lập ngày 10/8/1942; ký hiệu Hư 3260, bản lưu tại Viện thông tin KHXH Hà Nội.

tập trung chủ yếu ở xóm Khe Mo 1, Khe Mo 2 và Ao Rôm. Bà con giáo dân đi lễ tại các nhà thờ giáo họ ở các địa phương xung quanh như Nam Sơn, Ngọc Lâm (thuộc xã Linh Sơn), Oánh (thuộc thành phố Thái Nguyên).... Ở Khe Mo không có họ đạo và cũng không có nhà thờ họ đạo.

Về đình

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Khe Mo có 3 xóm (là Khê Mo, La Nưa, La Rẫy), mỗi xóm có một ngôi đình tế thần hoàng Cao Sơn-Quý Minh²

² Theo truyền thuyết Cao Hiển và Cao Dụ là anh em sinh đôi đã cùng với vị tướng thủy quân tên là Uyên (thường gọi Uyên công) được trời phái xuống phò giúp vua Hùng Duệ Vương và Tản Viên Sơn Thánh chống giặc, giữ yên bờ cõi. Giành thắng lợi, cả 3 Ngài đều không trở về triều đình để nhận phong thưởng mà về đạo Thái Nguyên hóa thân trong 2 ngày 11 và 12/11. Ghi công trạng của 3 Ngài, Hùng Duệ Vương phong Cao Hiển là Cao Sơn Đại vương; Cao Dụ là Quý Minh Đại vương và Uyên công là Tam Tư Quá Giang biến hóa đại vương và lệnh cho các cung động lập miếu phụng thờ hương hỏa không ngớt để tỏ lòng biết ơn.

Bên cạnh đó: Cuốn thần phả ở đình Xuân La, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình được sao ngày 26/3/1883 có ghi Dương Tự Minh được phong là Cao Sơn Quý Minh Đại Vương.

Ở đình Quang Vinh, Thành phố Thái Nguyên trước đây có 1 tấm bia đá chép lại, trên bia có ghi công tích Dương Tự Minh, nhưng cũng không ghi Ngài được phong là Cao Sơn Quý Minh.

Vì vậy ở Thái Nguyên chưa có sự phân biệt được rõ ràng Cao Sơn Quý Minh với Dương Tự Minh. Có ý kiến cho rằng nơi nào cúng tế ngày 11 hoặc 12/11 âm lịch là thờ Cao Sơn Quý Minh, nơi nào cúng tế ngày 06/01 âm lịch là thờ Dương Tự Minh; ý kiến này cũng nên được xem xét.

và các vị sơn thần thổ địa ở địa phương hiển linh, có công hộ quốc an dân. Mỗi năm có 5 lần cúng tế chung tại đình của cả 3 xóm đều là các ngày 12/01, 12/4, 12/7, 12/11, lễ vật dùng cúng tế tại đình là xôi gà. Riêng ngày 12/11 cả 3 đình đều sắm sửa mũ áo và mỗ lợn làm lễ cúng tế. Tục cúng cơm mới hàng năm ở các thôn trong xã Khe Mo được ấn định vào tháng 8, là lệ bắt buộc phải làm, nhưng lại không nhất thiết phải làm vào một ngày nhất định nào. Ngày cúng cơm mới cụ thể từng năm là do làng căn cứ vào tình hình thực tế việc thu hoạch của năm ấy mà tổ chức cho phù hợp.

Vị trí của đình Khê Mo hiện nay ở xóm Khe Mo 2, là ngôi đình còn giữ được một số di sản văn hóa từ xưa để lại. Trong đình còn 3 bức sắc phong (còn gọi là Thần sắc) của vua Khải Định.

Bức sắc phong thứ nhất ghi: “*Ban cho thôn Khê Mo, xã Khê Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo lệnh phụng thờ nhị vị tôn thần hiển linh Quý Minh và Cao Sơn đã giúp dân hộ nước. Vì nhớ nghĩ sự che chở của các Ngài mà sắc phong chư vị là Thượng đẳng thần giúp nước an dân tôn kính. Nhân dân địa phương theo*

lệnh phụng sự chư thần để bá tính được bảo vệ và che chở. Khải Định năm thứ 2, tháng 3 ngày 18.

Theo lệnh”.

Bức sắc phong thứ 2 ghi: “*Ban cho thôn Khê Mo, xã Khê Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo lệnh phụng thờ chư vị sơn thần thổ địa phương hiển linh, có công hộ nước giúp dân từ xưa đến nay. Nhân dân địa phương luôn hết lòng tiếp tục theo gương tiền nhân phụng sự chư thần để báo đáp sự che chở và bảo hộ. Khải Định năm thứ 2, tháng 8, ngày 13.*

Theo lệnh”.

Bức sắc phong thứ 3 có nội dung: “*Ban cho thôn Khê Mo, xã Khê Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo lệnh phụng thờ chư vị sơn thần thổ địa hiển linh bản xứ có công hộ nước giúp dân. Nhân đại lễ mừng vua 40 tuổi, khắp nơi long trọng hân hoan, ban sắc chỉ đặc biệt cho phép y theo truyền thống tổ chức trọng thể ngày vui của quốc gia để đền đáp ân che chở của chư thần. Khải Định năm thứ 9, tháng 2 ngày 15. Theo lệnh”¹.*

¹ Ba bức sắc phong do Đại đức Thích Chúc Tiếp, trụ trì chùa Hương dịch

Đình Khê Mo đã 2 lần bị gặc đốt. Lần thứ nhất vào năm 1944 do quân Pháp đốt khi chúng càn quét vào xã truy lùng cán bộ cách mạng. Lần thứ 2 vào năm 1947, quân Pháp nhảy dù xuống La Hiên, sau đó càn vào xã đã đốt đình và nhiều nhà cửa. Ba bức sắc phong được gia đình ông Trương Văn Đạo kịp thời cất giấu nên còn giữ được đến ngày nay. Các ngày lễ của đình Khê Mo được duy trì khá đều đặn. Tuy nhiên, những năm gần đây do lý do khách quan và chủ quan nên đã có sự nhầm lẫn là chuyển ngày giỗ Cao Sơn Quý Minh (11 hoặc 12/11) sang ngày 12/12 làm “Lễ tất niên”.

Các đình La Nưa, La Rẫy hiện nay vẫn còn, nhưng các ngày lễ duy trì có phần đơn giản hơn so với đình Khê Mo.

Bên cạnh các đình trên thuộc xã Khe Mo cũ, ở La Đường có một ngôi đình làng có từ xa xưa, khi xóm còn thuộc xã Hóa Trung, tổng Hóa Thượng. Lễ đình La Đường đã được quy định trong hương ước của làng, mỗi năm chỉ có 1 kỳ vào ngày 22 tháng 11 âm lịch; dân làng góp tiền sắm lễ bằng xôi gà để cúng

thần hoàng. Ngoài ra đình còn có lễ hạ điền, thượng điền và com mới hàng năm do “hội hợp hàng thôn” quy định và cũng bỏ đầu dân làng đóng góp. Mỗi năm làng cắt cử một “người thủ chiêu” vào cúng trong đình và một “người đương cai”¹ làm nhiệm vụ thu tiền và sắp cỗ để cho “người thủ chiêu” vào cúng tế cho dân. Đình La Đường hiện nay vẫn duy trì sinh hoạt tín ngưỡng, nhưng có biến đổi đi ít nhiều so với trước đây.

Về đền thờ

Xưa kia xã Khe Mo có 4 ngôi đền là đền Khê Mo, Long Giàn, Ao Rôm và Linh Nham. Đền Khê Mo ở gần cổng Khe Mo (xưa vẫn gọi là cầu Khe Mo, nhưng khi cầu Bò Đái đổi thành cầu Khe Mo thì cầu Khê Mo được gọi là cổng Khe Mo hoặc cầu Khê Mo để dễ phân biệt) đã bị phá hủy từ lâu. Các đền còn lại được nhân dân chăm sóc cúng bái cho đến ngày nay, đó là đền Long Giàn, đền Ao Rôm và đền Linh Nham.

¹ Các cụm từ “hội hợp hàng thôn”, “người thủ chiêu”, “người đương cai” được ghi trong hương ước xã Hóa Trung lập ngày 22/7/1937.

Đền Long Giàn tên đền được gọi theo tên xóm, nằm ngay bên phải cạnh đường 1B cũ, bên bờ sông Long Giàn. Đền tọa lạc trên một vùng đất có địa thế đẹp trên bên dưới thuyền với diện tích hơn 1000 m².

Đền Long Giàn thờ đạo Tam phủ, Tứ phủ (tức thờ Mẫu) và thờ Hai Bà Trưng (Trưng Trắc và Trưng Nhị). Đền được xây dựng từ rất lâu nhưng không rõ từ niên đại nào. Trải qua sự khắc nghiệt của thời gian, do mưa, nắng, bão tố...đền cũng đã bị hư hại. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, thực hiện chủ trương “tiêu thổ kháng chiến”, ta đã phá hoại một phần đền. Sau ngày thống nhất đất nước, nhân dân địa phương mới tập trung công của để khôi phục lại, vì vậy những nét kiến trúc trong đền hiện nay chủ yếu là của thế kỷ XX.

Theo một số tài liệu của các nhà nghiên cứu và nhân dân địa phương, trung tuần tháng 10 năm 1947, trên đường đi công tác từ Định Hóa sang Võ Nhai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thắp hương tại Đền.

Đền Long Giàn được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công nhận là ***“Di tích Lịch sử Văn hóa cấp***

ỉnh” tại Quyết định số 69/QĐ-UB, ngày 14 tháng 01 năm 2008. Lễ hội đền Long Giàn được tổ chức hàng năm vào ngày 14 và 15 tháng giêng âm lịch.

Đền Ao Rôm là ngôi đền xây dựng tại xóm Ao Rôm cũ, bên trái đường 1B cũ - nay là xóm Ao Rôm 1. Đền được xây dựng từ rất lâu bên cây si già vài trăm năm tuổi. Theo truyền thuyết, trước đây vùng đất Ao Rôm có những toán cướp, chúng thường chặn đường giết người cướp của. Chúng đã giết hại nhiều người vô tội rồi vứt xác xuống ao. Vì vậy dân quanh vùng mới lập đền, thờ cúng và giải oan cho những vong hồn đau khổ; mong các hồn được siêu thoát, phò trợ, giúp đỡ cho làng xóm quê hương bình an, nhân dân làm ăn phát đạt. Trải qua thời gian, dần dần người dân xây dựng mở rộng đền, tổ chức thờ cúng chu đáo cùng các vị thần khác.

Mỗi năm đền Ao Rôm tổ chức cúng tế theo định kỳ 12 lần vào các ngày âm lịch là: 10/01 (Khai xuân); 18/02 (lễ Sơn Trang); 6/3 (lễ Mẫu); 13/4 (Lễ Phật Đản và vào hè); 24/5 (lễ Quan tuần Trang); 23/6 (lễ Quan đệ tam); 17/7 (lễ quan Hoàng Bẩy); 20/8 (Lễ đức

Thánh Trần); 9/9 (lễ cô Chín và tạ Sơn Trang); 19/10 (tiệc ông Hoàng Mười); 11/11 (lễ quan giám sát); 19/12 (Lễ tất niên), chưa kể các ngày rằm, mùng một hàng tháng.

Trong kháng chiến chống Pháp, đền Ao Rôm được sử dụng làm kho lương thực của Chính phủ. Đền bị quân Pháp đốt 2 lần khi chúng càn vào xã; lần 1 năm 1947 và lần 2 vào năm 1950. Hòa bình năm 1954, nhân dân tu sửa lại đền và tiếp tục thờ cúng như xưa. Gần đây đền được tu sửa khang trang và thờ cúng theo các tuần tiết quy định riêng của nhân dân địa phương.

Đền Linh Nham xây dựng tại địa phận xóm Ao Đậu, bên cầu Linh Nham giáp với xã Linh Sơn cùng trong huyện Đồng Hỷ. Truyền khẩu lưu lại, từ khi các chủ mỏ đến khai thác sắt ở Linh Nham đã dùng nhiều biện pháp cưỡng bức người lao động với đồng lương trả cho công nhân rẻ mạt, đời sống phu mỏ không được chủ quan tâm. Người thợ bị ốm đau, bệnh tật không có thuốc men chữa trị nên bị chết khá nhiều lại không được chủ mỏ chôn cất chu đáo. Công tác an

toàn lao động không được chú trọng, vì vậy tình trạng sập hầm trong khi khai thác quặng luôn xảy ra. Mỗi khi có hầm sập, bọn chủ đều không tổ chức đào bới cứu người, mà thường cho lấp luôn hầm lò ấy để giảm chi phí. Đền Linh Nham được lập nên, chủ yếu để thờ vong hồn những người thợ mỏ đã bỏ mình trong khi khai thác hầm lò và cầu mong được che chở. Trải qua thời gian, nhân dân đưa vào thờ cúng tại đền các vị thần, thánh như ở đền Ao Rôm. Ở trong đền Linh Nham cũng phân ra phía trong và phía ngoài. Trong đền ở phía ngoài ở chính giữa là cung cộng đồng; bên trái thờ 3 ông hoàng là Hoàng Bơ, Hoàng Bảy, Hoàng Mười; bên phải là cung Trần triều (Đức Thánh Trần). Trong đền ở phía trong chính giữa là cung Tam tòa Thánh mẫu. Một năm, ở đền Linh Nham có 5 kỳ lễ theo âm lịch là các ngày 6/01 (khai xuân); 6/02 (lễ Sơn trang); 15/7 (Lễ Hoàng Bảy); 10/10 (Lễ Hoàng Mười) và 20/12 (lễ Tất niên), chưa kể các ngày rằm và mùng một hàng tháng. Đền Linh Nham đang được Ủy ban nhân dân xã và Phòng Văn hóa thông tin huyện Đồng Hỷ lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thái

Nguyên công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh với tên gọi chệch là Kim Nham¹.

3- Truyền thống yêu nước

Nhân dân xã Khe Mo có truyền thống yêu nước. Theo sử sách cũ để lại, năm 43 sau công nguyên, Hai Bà Trưng bị Mã Viện truy đuổi đã rút lên Thái Nguyên và lánh vào hang Kim Khê². Chưa có ghi chép cụ thể nào về việc Hai Bà có đặt chân lên đất Khe Mo, nhưng di tích lịch sử đền Long Giàn đang thờ Hai Bà Trưng là một minh chứng về lòng yêu nước của đồng bào các dân tộc xã Khe Mo hướng về người anh hùng dân tộc.

Sau trận thua ở Tây Kết (năm 981), quân Tống tháo chạy về phương Bắc theo nhiều hướng khác nhau. Một toán quân do Quách Quân Biện chỉ huy rút chạy từ Tây Kết theo đường Sóc Sơn, Phổ Yên, Vạn Nhai hòng thoát về phương Bắc. Đến Thái Nguyên chúng chạy qua bến Đà Giang Dịch (nay gần cầu Gia

¹ Tên gọi Linh Nham có trong sách “Các tổng trấn xã danh bị lãm”, làm năm 1812-1814 dưới triều Gia Long.

² Theo Sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia 2009, trang 138

Bảy) để sang vùng đất nay là Đồng Bầm, Khe Mo đến Vạn Nhai (tức huyện Võ Nhai ngày nay). Lê Hoàn truy kích đến Vạn Nhai, bắt được Quách Quân Biện và tiêu diệt hoàn toàn tàn binh của cánh quân này; kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Tống của quân dân Đại Cồ Việt ở thế kỷ thứ X³. Theo dấu tích con đường từ xưa để lại, ta biết được đường rút chạy của Quách Quân Biện và tàn quân giặc Tống qua đất xã Khe Mo để đến Võ Nhai. Tuy khi ấy dân cư thưa thớt nhưng giữa vùng rừng núi là chiến trường hẳn có sự góp sức của nhân dân địa phương vào chiến thắng của Đức vua Lê Đại Hành.

Năm Bính Thìn (1076) quân Tống lại một lần nữa xâm lược Việt Nam. Để tránh bị quân dân Đại Việt phục kích ở ải Chi Lăng, Tống chỉ huy đội quân xâm lược lúc đó là Quách Quỳ đã cử “phó tướng Triệu Tiết chỉ huy đội kỳ binh (lực lượng khoảng 6-7 vạn bộ binh và vài nghìn kỵ binh) tiến quân theo hướng Bằng Tường - Bình Gia - Vạn Nhai - Nhã Nam xuống bến

³ Theo Sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia 2009, trang 144 và 145

Như Nguyệt”¹. Theo đường tiến quân từ Vạn Nhai (tức Võ Nhai), giặc Tống qua Khe Mo sau đó men theo bờ đông sông Cầu qua Linh Nham, Huống Thượng qua huyện Tư Nông (nay là huyện Phú Bình) xuống Nhã Nam, rồi tìm cách vượt sông Như Nguyệt. Trên suốt chặng đường tiến công, quân Tống luôn bị lực lượng dân binh và thổ dân đánh quấy rối, tiêu hao sinh lực, gây cho chúng nhiều tổn thất. Quân địch ăn không ngon, ngủ không yên và bị quân chủ lực của triều đình chặn đứng ở bên bờ bắc sông Như Nguyệt; đến cuối cùng bị quân dân Đại Việt đánh cho thất bại hoàn toàn. Chiến thắng này có sự đóng góp của nhân dân Đồng Hỷ ở mạn đông sông Cầu nói chung và nhân dân Khe Mo nói riêng.

Thế kỷ XV, khi quân Minh xâm lược Việt Nam, chúng thi hành nhiều chính sách dã man và hà khắc vừa đàn áp nhân dân vừa vơ vét của cải đem về nước và âm mưu đồng hóa dân tộc Việt Nam. Không chịu khuất phục kẻ thù xâm lược, nhân dân các dân tộc Khe Mo cùng với nhân dân Đồng Hỷ đã sát cánh cùng

¹ Sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia, 2009, trang 155.

nghĩa quân Ông Lão² và nghĩa quân Áo Đỏ³ chống giặc. Nghĩa quân được sự giúp đỡ của nhân dân, dựa vào núi rừng liên tục tiến công quân địch ở khắp mọi nơi, “làm chúng không thể nào đặt vững được chính quyền đô hộ trên miền rừng núi bao la của ta”⁴. Hiện nay, không có ghi chép nào của nhân dân các dân tộc xã Khe Mo cùng nghĩa quân Ông Lão, nghĩa quân Áo Đỏ chống quân xâm lược Minh, nhưng ở vùng chiến sự, lực lượng vũ trang nào cũng phải dựa vào nhân dân. Vì vậy việc đóng góp sức người sức của của nhân dân vùng đất nay là xã Khe Mo cho nghĩa quân là lẽ đương nhiên.

Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, nhất là từ khi chúng chiếm đóng ở Thái Nguyên (1884), nhân dân các dân tộc xã Khe Mo chịu sự áp bức bóc lột nhiều bề, phải đi phu, đi lính và các công việc tạp dịch

² Ông Lão đã xây dựng căn cứ kháng chiến ở huyện Động Hỷ chống lại quân Minh xâm lược nước ta thế kỷ XV từ 1410-1412 (Sách Địa chí Thái Nguyên-NXB Chính trị quốc gia năm, XB 2009-trang 165).

³ Nghĩa quân Áo Đỏ-là đội quân thường mặc áo màu đỏ và gọi là Hồng Y hình thành từ năm 1410 và lan rộng từ vùng Đông Bắc, Tây Bắc vào đến Thanh Hóa-Nghệ Tĩnh (Sách Địa chí Thái Nguyên-NXB Chính trị quốc gia năm, XB 2009-trang 165).

⁴ Lịch sử Việt Nam, tập 1-NXB Khoa học xã hội, 1971, trang 239

khác. Với bản chất của người nông dân Việt Nam khảng khái, yêu ghét rõ ràng, nhân dân trong xã bất bình cao độ với chế độ thực dân phong kiến.

Khi Đề Thám phát cờ khởi nghĩa đã lấy núi rừng Yên Thế làm trung tâm kháng chiến đồng thời phát triển sang các địa phương lân cận. Hưởng ứng phong trào Yên Thế, nhân dân Khe Mo đã cùng với nhân dân vùng phía đông huyện Đồng Hỷ sát cánh cùng nghĩa quân Đề Thám chống quân xâm lược. Cuộc kháng chiến hơn 30 năm giữa núi rừng Bắc Giang-Thái Nguyên của nghĩa quân Đề Thám đã buộc thực dân Pháp phải lúng túng bị động đối phó nhiều năm.

Ngày 31 tháng 8 năm 1917, dưới sự lãnh đạo của Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến, binh lính người Việt đóng ở thị xã Thái Nguyên đã nhất tề đứng lên làm binh biến. Quân khởi nghĩa làm chủ thị xã và tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu “Đại Hùng đế quốc”, lấy lá cờ vàng 5 sao đỏ (cờ ngũ tinh) thêu dòng chữ “Nam Bình phục quốc” làm quốc kỳ. Khởi nghĩa Thái Nguyên làm rung chuyển toàn bộ hệ thống cai trị của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Chúng hoảng hốt huy động tối đa lực lượng quân sự ở Bắc Kỳ để đàn áp cuộc khởi nghĩa¹. Tuy chỉ giữ Thị xã Thái Nguyên được 6 ngày ngắn ngủi, sau đó nghĩa quân dựa vào núi rừng hiểm trở, vừa rút lui, vừa chiến đấu nhằm bảo toàn lực lượng lâu dài. Trên đường vừa rút lui vừa chiến đấu, quân khởi nghĩa Thái Nguyên đã hoạt động trên địa bàn xã Khe Mo theo hướng hành quân từ Phổ Yên lên Bảo Nang, Tràng Xá, Mỏ Nà Lương, Đèo Khế², Thịnh Đán, Cù Vân³. Tại Núi Pháo, xã Cù Vân, huyện Đại Từ, vào hồi 21 giờ ngày 05 tháng 01 năm 1918, thủ lĩnh nghĩa

¹ Theo sách “Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại” do Sở Văn hóa TT-TT và Viện Sử học Việt Nam phát hành năm 1977: Lực lượng nghĩa quân chỉ có khoảng 600 người (khoảng 300 binh lính và 300 tù nhân) nhưng Pháp phải điều động một lực lượng đàn áp khổng lồ gồm: 1.086 sĩ quan binh lính người Âu; 1.626 hạ sĩ quan binh lính người; 1.139 lính tập, lính đồng, lính cơ...được trang bị đầy đủ pháo binh, tàu chiến và toàn bộ hệ thống chính quyền từ cấp làng xã trong 10 tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bắc Kạn, Phú Yên, Phú Thọ, Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên nhưng nghĩa quân đã dựa vào rừng núi chiến đấu đến cùng. Ngày 10/01/1918, quân Pháp tổ chức cuộc can quét lần cuối vào Núi Pháo (Đại Từ), khởi nghĩa mới chấm dứt.

² Đèo Khế nằm ở gianh giới 2 xã thuộc 2 huyện (phía nam đèo là xóm Đèo Khế, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ-phía bắc đèo là xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai).

³ Trích trong “Địa bàn hoạt động của nghĩa quân Đội Cấn” do Giáo sư-Nhà giáo nhân dân Đinh Xuân Lâm cung cấp trong sách “Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại” (Sđd trên)



Đền Long Giàn, Di tích Lịch sử-Văn hóa cấp tỉnh

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Đền Ao Rôm, nơi đặt kho lương thực trong kháng chiến chống Pháp.

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Đền Linh Nham năm 2012.

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Đình Khê Mo năm 2012.

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Ba bức sắc phong của Vua Khải Định
 ban cho đình Khê Mo (xóm Khe Mo)



quân Trịnh Văn Cấn đã tự sát, quyết không chịu sa vào tay giặc. Do nằm trên đường vừa rút lui vừa chiến đấu của nghĩa quân Đội Cấn; vùng đất xã Khe Mo là nơi nghĩa quân hành quân qua nên ít nhiều cũng có những đóng góp nhất định cho binh lính khởi nghĩa Thái Nguyên.

Những thập kỷ tiếp theo và nhất là từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, truyền thống yêu nước của nhân dân các dân tộc xã Khe Mo, được các thế hệ cán bộ và nhân dân ngày càng được phát huy cao độ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân trong xã đã có những đóng góp đặc biệt xuất sắc vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Xã Khe Mo được Đảng, Nhà nước tặng thưởng danh hiệu cao quý “Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Chương II

XÃ KHE MO THỜI KỲ VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Cuối năm 1936, Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên do đồng chí Đặng Tùng tuyên bố thành lập ở xã La Bằng thuộc huyện Đại Từ. Đầu năm 1937, đồng chí Đặng Tùng tiếp tục phát triển đảng viên và thành lập Chi bộ Đảng ở Võ Nhai¹ (thường gọi Chi bộ Võ Nhai).

Ngay sau khi thành lập, năm 1937-1938, Chi bộ Võ Nhai đã liên tiếp vận động nhân dân châu lỵ La Hiên và khu vực xung quanh đấu tranh chống bắt phu, bắt lính vào ngày mùa...cấm đánh đập phu, đòi trừng trị bọn ăn chặn thù lao của dân phu... Các cuộc đấu tranh đã giành thắng lợi, Tuần phủ Thái Nguyên buộc phải lần lượt đổi 2 tên tri châu Võ Nhai là Đèo Văn Long và Vi Văn Méo đi nơi khác². Xã Khe Mo chỉ

¹ Sách Địa chí Thái Nguyên-NXB Chính trị quốc gia, XB 2009, tr.231, 231 và Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập 1, XB 2003, tr.63

² Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I, trang 69 đến 71.

cách La Hiên (khi ấy là châu lỵ của Châu Võ Nhai) nửa chiều dài của Đèo Khế¹. Những hoạt động chống Pháp có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương diễn ra tại La Hiên đã được lan truyền nhanh chóng và ảnh hưởng tích cực đối với nhân dân Khe Mo.

Những năm 1932-1940, một số cán bộ cách mạng ở miền xuôi bị địch khủng bố vỡ cơ sở hoặc ra tù phải tạm lánh lên Thái Nguyên dựa vào rừng núi để bảo toàn lực lượng chờ bắt liên lạc với tổ chức như Tổng Văn Phổ, Vũ Hưng, Nguyễn Công Viên....

Cạnh xã Khe Mo là Làng Hỏa (lúc này thuộc xã Phả Lý) có đồng chí Tổng Văn Phổ đến hoạt động. Đồng chí Tổng Văn Phổ, nguyên là Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình, bị thực dân Pháp bắt và kết án tù giam. Đến thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương (năm 1936-1939), trước sức mạnh của phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ do Đảng lãnh đạo và phong trào đấu tranh ở chính quốc (nước Pháp), thực dân Pháp ở Đông Dương buộc phải trả tự do cho đồng chí. Tuy nhiên, không rõ bằng cách nào, đồng chí đến khu vực

¹ Bên kia đỉnh Đèo Khế là xóm Cây Bòng, xã La Hiên.

làng Hòa, xã Phả Lý, tổng Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ. Tại đây đồng chí lập ấp vừa dạy học vừa khai thác lâm sản, lấy tên là “ấp Giáo Phổ”². Thời gian này chỉ thấy “ông Giáo Phổ” sinh hoạt, làm việc bình thường như mọi người; có thể do chưa bắt mỗi được với tổ chức Đảng khi đó đang hoạt động mạnh ở Võ Nai. Gần đến ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí Tổng Văn Phổ bị sát hại không rõ nguyên nhân, phần mộ đặt tại làng Hòa¹ (khi ấy thuộc xã Phả Lý, nay là xóm Ấp Chè, xã Văn Hán).

² “Ấp Giáo Phổ” trước kia thuộc Làng Hòa, xã Phả Lý, tổng Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ; hiện nay thuộc xóm Ấp Chè, xã Văn Hán Huyện Đồng Hỷ.

¹ Đồng chí Tổng Văn Phổ, là Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình, những năm đầu thập kỷ 4 (khoảng 1932-1933) bị bắt và bị kết án đầy đi nhà tù Côn Đảo. Năm 1936 được ra tù, đến xã Phả Lý, tổng Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Đồng chí lập ấp Giáo Phổ (khu vực 2 xóm Khe Mo và Làng Hòa); đồng chí bị giết chết không rõ nguyên nhân và phần mộ đặt tại Làng Hòa. Theo đồng chí Nguyễn Sơn Oanh (nguyên Bí thư Huyện ủy Đồng Hỷ): khi đồng chí còn là Phó Bí thư, được Huyện ủy Đồng Hỷ phân công cùng Tỉnh ủy Thái Bình và gia đình đi tìm phần mộ đồng chí Tổng Văn Phổ, nhưng không thấy. Về sau được biết, ngôi mộ đã được em gái đồng chí Phổ tên là Tổng Thị Nhài (công tác ở Viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên) chuyển từ trước đó.

Tại xã Khe Mo có Nguyễn Công Viên¹ (tức Lâm Đức Thụ) đến lánh tạm tại ấp Ao Rôm thuộc xóm Ao Rôm. Lâm Đức Thụ, nguyên là lãnh tụ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (Hội Cách mạng thanh niên do Nguyễn Ái Quốc thành lập năm 1925). Phát hiện được dấu vết Lâm Đức Thụ, Lơ-néc (chánh mật thám Bắc Kỳ) lập tức cử người lên Thái Nguyên chỉ đạo việc vây ráp. Ngay sau đó, dưới sự chỉ đạo và chỉ huy trực tiếp của Phó Chánh mật thám Bắc kỳ Mô-răng, Công sứ Thái Nguyên đã điều động binh lính của

¹ Tài liệu lưu trữ của mật thám Pháp có một bức thư nội dung như sau:

“Hà nội ngày 28 tháng 11 năm 1939.

Ngày 27 vừa qua, ông phó cảm Đờ-loóc (Delorge) kiêm chánh cảm cảnh sát đặc biệt ở Thái Bình khi đi ngang qua Hà Nội, đã cho tôi biết: Một chỉ điểm tin cần báo rằng có rất nhiều người xuất dương, trong đó có một tên khá quen thuộc là Nguyễn Công Viên, hãn mang bí danh Lâm Đức Thụ và vài người ở... (đoạn này chữ bị mờ, chỉ có một chữ R có lẽ là Russie-theo tiếng Pháp, tức nước Nga) đã vượt biên giới Bắc Kỳ vào ẩn náu ở 1 tiểu đồn điền cách Thị xã Thái Nguyên 6 km. Theo người chỉ điểm thì đồn điền này ở xã Ao Rôm, chủ đồn điền là Chức, sinh quán tại Nam Định. Tái bút: Ông Ru-Ban (Roubal) đã gọi dây nói báo cho LI.G.P ngay sáng 28 tháng 11 năm 1939. Ông Lơ-phe-vơ-rơ (LoFevre) đã nhận điện và cho biết tên Lâm Đức Thụ đã rời khỏi nơi đó từ tháng 4 vừa rồi. Ông Phó cảm Mô-răng (Morand) sẽ lên Thái Nguyên ngay trưa 28 để liên hệ với quan công sứ tỉnh này về sự việc trên và bàn bạc với quan sứ dùng lực lượng trị an cần quét với mục đích kiểm tra căn cước những người ở trong đồn điền nói trên. Ký tên Lơ- Nec”.

Tổ biên soạn được các nhân chứng cung cấp: Ở địa phương gọi là ấp Ao Rôm, chủ ấp Ao Rôm là vợ chồng ông Nguyễn Văn Sức (quê Nam Định) và Lê Thị Tức (có lẽ do mật thám báo nhầm là Chức). Khi ấy ông Sức bị gọi là đi làm “giặc cỏ” (cách gọi người theo cách mạng) ở Võ Nhai và mất tích. Sau sự kiện địch cần quét cuối năm 1939, bà Tức bán ấp này cho ông Nguyễn Như Chín, rồi chuyển ra buôn bán ở Làng Cháy và Ao Rôm. Ngày Cách mạng tháng Tám thành công bà dẫn đầu Đoàn Phụ nữ Cứu quốc xã Khe Mo đi điều hành dọc đường 1B (cũ).

tỉnh, huy động lính đồng ở địa phương càn quét vào các xã Khe Mo, Phả Lý, Hòa Khê, Vân Hán (xã cũ). Cuộc càn quét này diễn ra liên tục trong mấy ngày, binh lính kiểm tra giấy tờ của từng người, tra xét từng gia đình trong các xóm của 4 xã (làng) và các làng xã xung quanh, mục đích để truy lùng những người lạ mặt và những người được cho là cán bộ cách mạng đang hoạt động trong vùng.

Ngày 22 tháng 9 năm 1940 quân đội Nhật vượt biên giới Việt-Trung đánh quân Pháp tại Lạng Sơn² làm các đơn vị đồn trú tại đây hoảng hốt bỏ vị trí tháo chạy toán loạn. Cho rằng thời cơ đã đến, tối ngày 27 tháng 9 năm 1940, Chi bộ Bắc Sơn phát động quần chúng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Tuy nhiên, khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra giữa lúc tình hình trong nước và thế giới không thuận lợi nên bị kẻ thù đàn áp đẫm máu.

Để bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và duy trì phong trào cách mạng, nhiều cán bộ đảng viên của Thái Nguyên đã xung phong vào đội du kích chiến đấu chống giặc. Đến tháng 5 năm 1941, đội du

² Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập I, trang 78.

kích Bắc Sơn đổi tên là đội Cứu quốc quân I. Đội lấy khu vực Bắc Sơn-Võ Nhai và vùng xung quanh trong đó có các xã Cây Thị, Khe Mo, Văn Hán làm địa bàn hoạt động. Đội có nhiệm vụ vừa chiến đấu, vừa xây dựng cơ sở cách mạng, xây dựng các trạm liên lạc bảo đảm cho tuyến giao thông thông suốt giữa Trung ương với các địa phương khác. Cứu quốc quân xây dựng được căn cứ bí mật tại rừng xóm Đèo Khế (khi đó thuộc xã Phả Lý) hình thành đường dây liên lạc đưa đón cán bộ từ Võ Nhai về và từ Cây Thị, Văn Hán lên. Tháng 5 năm 1941, đường dây liên lạc đã góp phần đưa cán bộ lên Cao Bằng họp Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa I) do đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đại biểu của Quốc tế cộng sản chủ trì.

Sau hội nghị Trung ương lần thứ 8, ngày 16 tháng 6 năm 1941, các đồng chí Trung ương từ Cao Bằng về đến Bắc Sơn-Võ Nhai. Phát hiện được các đồng chí Trường Chinh (Tổng Bí thư) và đồng chí Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ (Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng) và các đồng chí lãnh đạo khác có mặt ở khu căn cứ; quân Pháp tập trung bao vây căn quét nhằm triệt hạ đầu não lãnh đạo của Đảng ta. Ngày 17

tháng 6 năm 1941, Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp tập trung 4.000 quân bao vây căn cứ Bắc Sơn-Võ Nhai. Do vị trí địa lý của xã Khe Mo, đường quốc lộ nối từ Thái Nguyên đi La Hiên (Võ Nhai) có chiều dài 9,7 km chạy dọc theo xã. Một con đường nối từ xóm Khe Mo qua Phả Lý, Văn Hán qua đèo Nhâu sang Liên Minh, Tràng Xá (Võ Nhai). Khe Mo trở thành điểm tập kết, dừng chân và trung chuyển binh lính địch đi càn quét, đàn áp cách mạng. Các chức dịch, lính đồng ở địa phương được huy động tham gia vào việc lùng sục, bao vây những nơi nghỉ ngơi và chặn đường đi lại của cán bộ Việt Minh. Những ngày này, trên đường qua xã có hàng chục xe vận tải, chở đầy binh lính lên bao vây khu căn cứ, đàn áp phong trào cách mạng, lùng bắt cán bộ, khủng bố nhân dân. Các cuộc càn quét, vây ráp khủng bố diễn ra thường xuyên làm đảo lộn đời sống của nhân dân địa phương. Mặt khác địch còn tung một lượng lớn gián điệp vào các xóm Khe Mo, Ao Rôm, Đèo Khế, Long Giàn... giả làm người bán hàng xén, bán muối, bán dầu hỏa (dầu thắp đèn) để dò la tin tức cách mạng.

Tháng 10 năm 1941, một tổ cứu quốc quân do đồng chí Hoàng Tài phụ trách về vùng Cây Thị, Khe

Mo, Văn Hán, Hợp Tiến xây dựng cơ sở cách mạng. Được sự giúp đỡ của nhân dân các xóm Khe Mo, Làng Hòa, Cầu Mai...tổ Cứu quốc quân từng bước vận động nhân dân, trước hết là các thanh niên yêu nước tham gia cách mạng. Đồng chí Triệu Khánh Phương tổ chức và giao cho đồng chí Đinh Phú Hào người xóm Long Giàn (lúc này vẫn thuộc xã Phả Lý) làm giao thông từ Khe Mo, Văn Hán lên căn cứ Bắc Sơn-Võ Nhai. Khôn khéo, mưu trí, sáng tạo đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong tình hình địch vây ráp thường xuyên, mật thám luôn rình rập.

Một tuyến giao thông khác do đồng chí Triệu Khánh Phương tổ chức để đưa đón cán bộ và công văn tài liệu đến các cơ sở được giao cho đồng chí Mông Quốc Hoa. Nhận nhiệm vụ, đồng chí khôn khéo linh hoạt và luôn thay đổi đường đi và ký ám hiệu bắt liên lạc nên đã vượt qua được mạng lưới mật thám dày đặc của địch¹.

Từ những thanh niên lớp đầu tiên như đồng chí Đinh Phú Hào, Vi Văn Tình, Mông Quốc Hoa...đầu

¹ Trích Hồ sơ “về công tác Xây dựng và bảo vệ Đảng từ khi thành lập đến 10/1964” của Ban Bảo vệ Đảng huyện ủy Đồng Hỷ ngày 01/12/1964, trang 3 bản viết tay.

năm 1942 tổ chức Thanh niên Cứu quốc ở Khe Mo, Văn Hán được xây dựng và đây cũng là cơ sở cách mạng đầu tiên của huyện Đồng Hỷ².

Ngày 15 tháng 02 tháng 1942, địch mở cuộc càn quét lớn vào xã Cây Thị nhằm cắt đứt đường dây liên lạc giữa Trung ương, Xứ ủy Bắc Kỳ với khu căn cứ cách mạng Võ Nai. Một đường tiến quân của địch từ Thái Nguyên lên và một đường khác từ La Hiên xuống hội quân tại ngã ba xóm Khe Mo. Từ đây một bộ phận càn quét theo dọc 2 bên đường, sục sạo vào từng gia đình từ xóm Khe Mo sang làng Hỏa, xóm Cầu Mai, xóm Văn Hán (xã Văn Hán) đến Cây Thị. Một bộ phận khác tách thành các toán nhỏ luồn rừng, sục sạo vào những nơi chúng nghi ngờ dọc suối Đèo Khế, Suối Giường. Càn quét đến đâu chúng cũng đốt nhà, cướp bóc, làm hại nhân dân. Lực lượng Cứu quốc quân nhỏ bé bị đẩy vào thế bất lợi và khó khăn nhiều mặt. Để bảo toàn lực lượng, ngày 14 tháng 3 năm 1942, Ban Chỉ huy Cứu quốc quân họp đánh giá tình hình và quyết định tạm rút đơn vị lên biên giới Việt-

² Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ, XB năm 1997, trang 29, 30 và Hồ sơ “về công tác Xây dựng và bảo vệ Đảng từ khi thành lập đến 10/1964” của Ban Bảo vệ Đảng huyện ủy Đồng Hỷ ngày 01/12/1964, trang 3 bản viết tay.

Trung. Tuy bị địch khủng bố, đàn áp truy bức truy tìm cứu quốc quân, nhưng ở Khe Mo không có ai hợp tác với địch làm hại đến phong trào cách mạng đang trong lúc gặp khó khăn. Nhân dân vùng căn cứ nói chung và nhân dân Khe Mo nói riêng vẫn một lòng một dạ tin tưởng Cứu quốc quân sẽ trở về.

Lợi dụng tình hình lộn xộn, trong xã xuất hiện những kẻ gây rối, cướp của làm nhân dân hoang mang. Tháng 3 năm 1943, đơn vị Cứu quốc quân về lại xã Khe Mo, Văn Hán; một tổ do đồng chí Bằng Bình¹ chỉ huy về ở nhà ông Lương Văn Cán² (ở xóm La Nưa) sau đó chuyển sang nhà ông Hoàng Văn Độ ở xóm La Rẫy vừa truy bắt bọn giặc cướp vừa tuyên truyền cách mạng cho nhân dân. Các quần chúng Đinh Phú Hào, Lương Văn Chiêu...đã vận động lính khổ xanh mang được 3 khẩu súng Joóp 3 về với cách mạng. Mặt khác dưới sự chỉ đạo của Cứu quốc quân, các quần chúng luôn bám sát hành tung hoạt động của địch, theo dõi người lạ mặt để bảo đảm an toàn cho cán bộ về ở tại các xóm trong xã..

¹ Theo các nhân chứng thì đồng chí Bằng Bình tên thật là Lương Văn Bằng

² Con trai tên là Tăng nên thường gọi theo tên con là cụ Tăng.

Trước sự tấn công điên cuồng của thực dân Pháp vào khu căn cứ địa Bắc Sơn-Võ Nhai và các xã lân cận trong đó có xã Khe Mo. Để công tác chỉ đạo được kịp thời và sâu sát, tháng 2 năm 1944 đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng đã triệu tập hội nghị cán bộ tại xóm Khuổi Kịch-xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang để phổ biến Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương về xây dựng căn cứ địa, phát triển lực lượng vũ trang. Hội nghị quyết định chia chiến khu Hoàng Hoa Thám thành 2 phân khu là phân khu A ở phía đông và phân khu B ở phía tây sông Cầu. Theo quyết định này các xã Khe Mo, Vân Hán, Linh Nham, Huống Thượng, Hóa Thượng sang đến Võ Nhai...được đặt dưới sự lãnh đạo của phân khu A.

Năm 1944, đồng chí Vi Văn Tình (người ở xóm Đèo Khế) được giao nhiệm vụ làm liên lạc, đưa đón cán bộ và công văn tài liệu cho Xứ ủy Bắc Kỳ từ xóm Đồng Thu, xã Hóa Trung (xóm Đồng Thu nay thuộc xã Quang Sơn) đi La Hiên, Đình Cả, Tràng Xá.... Công việc liên lạc lúc này rất khó khăn do địch cài chỉ điểm len lỏi vào các xóm, các đường rừng, giả làm

người buôn bán nhằm phát hiện lực lượng của ta. Là người địa phương lại rất thuộc đường mòn, đường tắt trong xã và xã này sang xã khác, nên các lần mang thư, tài liệu hoặc đưa đón cán bộ các đồng chí đều bảo đảm được an toàn. Đồng thời, các đồng chí đã đảm bảo được liên lạc từ Khu căn cứ cách mạng Võ Nhai đến các xã có phong trào đang phát triển như Nam Kỳ (Nam Hòa), Huống Thượng...luôn thông suốt¹. Lúc này lực lượng cách mạng ngày một phát triển lớn mạnh hơn. Cứu quốc quân vừa diệt ác, trừ gian vừa bao vây cô lập quân địch ở đồn Tràng Xá.

Ngày 12 tháng 11 tháng 1944, Pháp tiếp tục điều 700 lính khổ đỏ từ Thái Nguyên lên tăng viện cho Võ Nhai, vừa hành quân vừa sửa chữa cầu đường để ứng cứu cho đồn Tràng Xá đang bị bao vây². Tình hình nguy ngập, Cung Đình Vận, tuần phủ Thái Nguyên đích thân lên Võ Nhai kiểm tra tình hình và lên dây cót tinh thần cho binh lính. Ngày 13³ tháng 11 năm 1944, trên đường về đến khu vực gần đền Long Giàn,

¹ Hồ sơ bảo vệ Đảng huyện Đồng Hỷ ngày 31/12/1964, bản viết tay

² Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập 1, tr 128

³ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập 1 tr.129 ghi ngày 18/11/1944

Cung Đình Vận cho bắt một số dân địa phương trong đó có đồng chí Bùi Văn Rương⁴ để khai thác thông tin. Cứu quốc quân phục kích bắn hụt, Cung Đình Vận thoát chết vội vã về Thái Nguyên⁵, tiếp tục điều 500 quân vừa lính lê dương, vừa lính khổ xanh, lính khổ đỏ từ thị xã Thái Nguyên lên tăng viện cho địch ở Đình Cả để khủng bố cách mạng.

Đầu năm 1945, đồng chí Đỗ Chí Phương⁶, cán bộ Việt Minh về xã Khe Mo xây dựng đoàn thể cứu quốc. Từ các quần chúng tích cực tham gia hoạt động cách mạng bí mật, đồng chí tuyên truyền vận động và thành lập ban Mặt trận Việt Minh xã Khe Mo. Ban Mặt trận Việt Minh xã Khe Mo bầu ông Hoàng Hữu Thông làm Chủ nhiệm⁷ (khi ấy gọi mật là Ban Kiến trúc vệ sinh

⁴ Đến năm 1953 đồng chí Bùi Văn Rương là Quyền Bí thư Chi bộ xã Long Khê.

⁵ Bản tin của Pháp: sáng 13/11/1944, tỉnh trưởng Thái Nguyên Cung Đình Vận đi cùng với 2 tên nữa lên liên lạc với Đình Cả, lúc trở về bị một người mặc quân phục soóc-ka-ki bắn 2 phát, không xảy tai nạn gì (lưu trữ tại ĐVBQ số 0522, Phòng số 01, Tỉnh ủy Thái Nguyên).

⁶ Nhân chứng cung cấp là đồng chí Nguyễn Chi Lăng, nhưng các bút tích và lý lịch của các đảng viên được đồng chí Đỗ Chí Phương giới thiệu vào Đảng thì đồng chí Đỗ Chí Phương là người về xã Khe Mo xây dựng cơ sở Việt Minh và xây dựng cơ sở Đảng.

⁷ Đến ngày 19/8/1945 đồng chí Hoàng Hữu Thông được bầu làm Trưởng ban Kiến trúc vệ sinh

xã). Xã Khe Mo là vùng có nhiều đồng bào dân tộc ít người, phong tục tập quán tín ngưỡng khác nhau nhưng có chung một kẻ thù là bọn thực dân phong kiến áp bức bóc lột. Dưới thời thực dân phong kiến, nhân dân các dân tộc xã Khe Mo khổ cực trăm bề; thiếu lương thực, thiếu muối ăn, người dân phải vào rừng đào sắn, củ mài để nuôi sống gia đình. Đã khổ cực về vật chất, người dân Khe Mo cũng như nhân dân các dân tộc khác lại bị chính sách phân biệt đối xử, bị khinh miệt kỳ thị. Khi cán bộ Việt Minh về xã gây dựng cơ sở cách mạng cũng gặp trở ngại khó khăn. Từ trước nhân dân Khe Mo bị địch dùng các thủ đoạn tuyên truyền làm cho mọi người sợ hãi, xa lánh không dám gần. Để thực hiện được mục tiêu của mình, các đồng chí trong Ban Chủ nhiệm đã đến từng nhà vận động, tuyên truyền cho nhân dân hiểu tôn chỉ mục đích của Việt Minh là đánh Tây, đuổi Nhật, giải phóng đất nước; từ đó, đồng bào hiểu và dần tin theo cách mạng.

Từ giữa tháng 3 năm 1945, Cứu quốc quân phân tán thành nhiều bộ phận nhỏ về từng xóm, thôn vận

động và hỗ trợ nhân dân nổi dậy giành chính quyền¹. Tổ cứu quốc quân do đồng chí Hoàng Thế Thiện chỉ huy về đến xã Khe Mo phát động quần chúng diệt trừ bọn việt gian và bọn do thám của địch được nhân dân hưởng ứng. Các đồng chí Trần Văn Quý, Phùng Văn Sài, Hoàng Văn Kỳ, Phạm Văn Tổ là những người đầu tiên trong xã tham gia Cứu quốc quân².

Từ ngày 17 tháng 3 năm 1945, Cứu quốc quân một mặt tổ chức bao vây đồn Đình Cả, một mặt tiến đánh La Hiên (Châu ly châu Võ Nhai). Ngày 21 tháng 3 ta giải phóng La Hiên, tổ chức mít tinh tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu Võ Nhai. Cùng ngày 21 tháng 3, một đơn vị Cứu quốc quân tiêu diệt đồn Trảng Xá, sau đó tiến ra đánh đồn Đình Cả. Ta vừa đánh vừa gọi hàng. Địch dùng kế hoãn binh, mục đích chờ quân

¹ Theo Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ trang 37. Nhưng theo Tiểu sử Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện thì tháng 3/1945 đồng chí Thiện cùng đồng chí Đào An Thái và một số đồng chí khác mới vượt từ Sơn La về Hiền Lương (Phú Thọ) ở đây một số ngày rồi về Vân Xuyên (Hiệp Hòa, Bắc Giang), sau đó mới được đồng chí Lê Thanh Nghị và Trần Đăng Ninh giao nhiệm vụ lên Võ Nhai.

² Xã Khe Mo có Liệt sĩ Trần Văn Quý, sinh 1924, nhập ngũ tháng 1/1944, hi sinh 1945. Việc 4 đồng chí trên được cho là những người đầu tiên tham gia Cứu quốc quân cần được làm rõ.

tiếp viện ở thị xã Thái Nguyên lên giải vây. Ngày 27 tháng 3 năm 1945, tên đồn trưởng đồn Đình Cả trá hàng, mời ta vào đồn để thỏa thuận việc bàn giao vũ khí cho cách mạng nhưng lại phản phúc bắn chết đồng chí Thái Long và Nhật Sơn ngay tại cổng đồn. Hành động của địch làm dấy lên lòng căm thù cao độ của cán bộ chiến sỹ và đồng bào ta. Cứu quốc quân kiên cường xiết chặt vòng vây làm cho bọn địch ở trong đồn thiếu lương ăn, thiếu nước uống, càng ngày càng thêm nguy khốn. Tối 09 tháng 4 năm 1945, đơn vị lính khổ xanh ở đồn Đình Cả lợi dụng bóng đêm rút chạy về Thái Nguyên để tránh bị tiêu diệt. Phát hiện địch bỏ đồn tháo chạy, Cứu quốc quân kịp thời tổ chức đội hình truy kích. Khoảng 12 giờ trưa ngày 10 tháng 4 năm 1945, bọn địch về đến Đèo Khế (lúc này vẫn thuộc xã Vân Hán cũ), lọt vào trận địa phục kích của Cứu quốc quân. Bộ phận phục kích nổ súng đánh vỡ mặt địch ở đỉnh đèo; đồng thời lực lượng truy kích của Cứu quốc quân cũng vừa đến kịp, nổ súng tiến công từ phía sau. Bị đánh từ hai phía, những tên sống sót hoảng hốt bỏ lại xác chết, chạy toán loạn vào rừng. Ta thu được 2 khẩu súng máy, 19 khẩu súng

trường và nhiều đạn, lựu đạn và các loại trang bị khác. Góp phần vào chiến công của trận Đèo Khế, có những thanh niên Khe Mo trực tiếp chiến đấu cùng Cứu quốc quân. Nhân dân xóm Đèo Khế còn tích cực ủng hộ lương thực, vũ khí cho bộ phận phục kích địch ở trên đèo. Ông Lý Văn Chính ủng hộ 5 nôi, 7 đấu gạo¹. Ông Lục Văn Nghiệp ủng hộ 4 nôi gạo tẻ và 2 nôi gạo nếp rang làm lương khô. Ông Thái ủng hộ 1 khẩu súng kíp....Sự ủng hộ của nhân dân Khe Mo cho Cứu quốc quân và tự vệ chiến đấu đã góp phần làm cho chiến thắng Đèo Khế trở thành một nét son trong lịch sử vẻ vang của xã Khe Mo cũng như của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ.

Sau khi chiếm xong Thái Nguyên, từ tháng 4/1945, Bộ chỉ huy Nhật điều quân đi chiếm đóng các đồn lẻ trong tỉnh. Ngày 09 tháng 5 năm 1945, một đơn vị lính Nhật khoảng 100 tên hành quân cướp phá dọc đường 1B qua xã Khe Mo, Long Giàn, Đèo Khế lên chiếm đóng La Hiên² và Đình Cả. Để chặn đường

¹ Đơn vị tính của nhân dân xưa: 1 nôi gạo bằng 10 đấu, mỗi đấu bằng 4 bơ sữa bò, mỗi bơ sữa bò đựng được 0,3 kg gạo. Tính ra 1 nôi gạo bằng 12 kg. Như vậy ông Chính ủng hộ 5 nôi 7 đấu sẽ là khoảng 68,4 kg gạo.

² Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai (1930-1954) trang 78.

tiến quân của Nhật, lực lượng thanh niên tự vệ xã Khe Mo do đồng chí Dương Văn Hải, Trương Văn Chúc tập hợp cùng hàng chục thanh niên tự vệ của các xã Phả Lý, Vân Hán, Linh Nham, Huống Thượng, Đồng Bầm, Hóa Thượng, Hóa Trung đã tiến hành ngả những cây lớn dọc 2 bên đường quốc lộ 1B để cản đường quân địch. Cây rừng ngả đổ ra đường tạo thành chướng ngại vật chặn đường xe cơ giới. Quân Nhật vừa di chuyển vừa phải khắc phục vật cản, làm chậm tốc độ hành quân. Tranh thủ thời gian quân Nhật tập trung giải tỏa cây đổ chắn đường trên suốt chiều dài gần chục cây số¹; ta có thời gian chủ động sơ tán phòng tránh và tìm hiểu, nắm bắt tình hình đối tượng tác chiến mới tiếp xúc lần đầu. Sau một thời gian vất vả nhưng không thể tiến lên chiếm Đình Cả được, quân Nhật quay về đóng ở đồn La Hiên trong thế hoàn toàn bị cô lập, vì chính quyền châu Võ Nhai đã về tay nhân dân. Đường 1B qua xã Khe Mo là con đường duy nhất để liên lạc từ La Hiên về Thái Nguyên, nên quân Nhật

¹ Theo đường 1B cũ, chiều dài đường từ cầu Linh Nham đến đình Đèo Khế là 9,7 km

càng tăng cường hành quân càn quét, sử dụng sức mạnh của vũ khí để bảo đảm giao thông.

Thành lập chính quyền nhân dân lâm thời xã Khe Mo

Ngay sau chiến thắng Đèo Khế, khí thế cách mạng của nhân dân Khe Mo, Phả Lý, Hòa Khê và Vân Hán lên rất cao, với quyết tâm lật đổ chính quyền của thực dân phong kiến. Ngày 14 tháng 4 năm 1945², các đồng chí cán bộ Cứu quốc quân có bí danh là Đội Bình, Đội Nước, Trấn, Bắc...³ cùng các đồng chí Vi Văn Tình, Đinh Phú Hào, Trần Văn Thị... vận động nhân dân tập trung tại nhà ông Lương Văn Chiêu (khi đó là Lý trưởng xã Khe Mo - thường gọi là Lý Tư đã đi theo cách mạng hoạt động bí mật). Tại hội nghị này đồng chí chỉ huy Cứu quốc quân tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân phong kiến thân Pháp, Nhật;

² Theo di bút của đồng chí Trần Văn Thị là ngày 3/3/1945 nhưng không rõ là theo âm lịch hay dương lịch. Nếu căn cứ vào ngày Pháp nhảy dù xuống La Hiên, đồng chí Thị ghi trong văn bản này là 14/10/1947 sẽ là ngày âm vì ngày Pháp nhảy dù theo lịch dương là 26/11/1947. Từ đó suy ra ngày 3/3 ở đây là ngày theo âm lịch (tức là ngày 14/4/1945 theo dương lịch).

³ Về tên các đồng chí cán bộ Cứu quốc quân chỉ ghi là ông “Đội Bình” (các nhân chứng xác định là đồng chí Bằng Bình tức Lương Văn Bằng ở Bắc Sơn), ông “Đội Nước” tức Vi Văn Nước, ông Trấn, ông Bắc không rõ địa chỉ và họ đi kèm.

thành lập chính quyền cách mạng xã Khe Mo. Hội nghị bầu lãnh đạo chính quyền nhân dân cách mạng lâm thời xã (do chưa có tên gọi nào chính thống nên hội nghị quyết định gọi là Hội Cách mạng, cấp trưởng gọi là chánh hội). Ông Trương Văn Đại được bầu làm Chánh hội cách mạng xã (tức Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời); ông Phùng Văn Khoan được bầu làm Phó hội cách mạng (tức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời). Ủy ban nhân dân lâm thời cử ra Đội tự vệ chiến đấu gồm 16 người là các đồng chí Trương Văn Chức, Phương Ngọc Định, Hứa Văn Lả, Trương Văn Đạo, Tình Nam (xóm Khe Mo); Dương Văn Hải, Trần Dương Xuyên (tức Chấn Xuyên, xóm La Đường); Lương Đình Chiến, Cảnh, Hầu Văn Tân, Thái, Tài (xóm La Nua); Phương Hữu Đạt, Chín (xóm Ao Rôm); Trịnh Văn Thường (Ao Rôm), Đàm Văn Tôn (La Rẫy). Chỉ huy đội tự vệ được Ủy ban cử ra gồm đồng chí Trương Văn Đạo¹ làm Đội trưởng, đồng

¹ Đồng chí Trương Văn Đạo và Trương Văn Chức đều khai làm Đội trưởng (tương đương Trung đội trưởng) tự vệ thời gian này. Ông Lương Văn Chiêu và Trần Văn Thị cung cấp thời gian này đồng chí Trương Văn Đạo làm Đội trưởng tự vệ; đồng chí Trương Văn Chức làm Tiểu đội trưởng. Năm 1946, đồng chí Chức được Hội đồng nhân dân xã bầu là Ủy viên quân sự, sau đó làm Xã đội trưởng đầu tiên và Chính trị viên xã đội.

chí Hứa Văn Lả làm Đội phó. Đội tự vệ chiến đấu của xã đặt dưới sự điều hành của Chánh Hội và Phó Hội Cách mạng (tức Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã). Nhiệm vụ ban đầu của trung đội tự vệ chủ yếu làm nhiệm vụ tuần tra canh gác, canh chừng quân địch tràn vào xã để báo động cho cán bộ, nhân dân biết và phòng tránh. Đường 1B là lối đi duy nhất, bắt buộc của xe cơ giới địch phải qua xã. Để không bị bất ngờ nên đội tự vệ bố trí 2 trạm gác, mỗi trạm thường xuyên có từ 5 đến 7 người, (cũng có lúc quân số ít hơn) làm nhiệm vụ canh giới, phát hiện quân địch. Trạm gác thứ nhất đặt tại xóm Khe Mo, ở phía bắc ngã 3 đường đi vào Làng Hòa, trạm gác này được bố trí chỉ đơn giản là nơi tập trung canh gác của tự vệ, không có giao thông hào hay công sự chiến đấu. Trạm gác thứ 2 ở Ao Rôm, để phát hiện người lạ mặt từ Thái Nguyên lên. Trước sự áp bức của Pháp-Nhật và chính quyền phong kiến ở các địa phương; nghe tin Việt Minh đánh Pháp, đuổi Nhật nên nhiều người yêu nước đã bí mật rời gia đình, tìm cách đến khu căn cứ để theo cách mạng. Phát hiện được tình hình này, kẻ địch cũng cài người để vào khu căn cứ của ta. Trạm

gác Ao Rôm có nhiệm vụ phát hiện quân địch và đuổi những người lạ mặt¹ để bảo đảm an toàn cho căn cứ. Mặt khác, chính quyền lâm thời và tự vệ thường xuyên tuyên truyền cho nhân dân các xóm trong xã về công tác phòng gian giữ bí mật; khi có người lạ hỏi dò thì chỉ trả lời “không có”, “không thấy”, “không biết”. Một vài người đã được khuyên nhủ, ngăn chặn, nhưng vẫn cố tình dùng thủ đoạn để vào khu căn cứ đã bị bắt tạm giam hoặc bị cách ly bằng biện pháp mạnh. Còn một trạm gác đặt ở trên đỉnh Đèo Khế², trạm này ta đào giao thông hào dọc theo ta luy phía bên trên của đèo để làm công sự chiến đấu.

Cùng thời gian này, Chi đoàn Thanh niên cứu quốc xã Khe Mo được thành lập gồm 13 người là các đồng chí La Văn Thuận, Trương Văn Nguyên, Nguyễn Văn Nhâm (xóm La Đường); Lê Văn Thành,

¹ Hồi ký của đồng chí Đào An Thái, cán bộ lão thành cách mạng, nguyên Bí thư Việt Minh tỉnh Thái Nguyên năm 1945-2/1946 viết: “Phải chú ý người lạ mặt len lỏi vào các làng, bán thuốc Lào, bán muối...bằng cách đuổi đi là tốt, bắt thì giam vào đâu, ai nuôi? Thủ tiêu thì càng không được, giết oan người là tội nặng lắm” (bài trên Báo Thái Nguyên thứ Bảy ngày 28/8/1998). Những người muốn vào khu căn cứ phải có người của cách mạng giới thiệu, những trường hợp khác thì yêu cầu họ trở về quê hương.

² Trước khi sáp nhập thành xã Long Khê năm 1948, xóm Đèo Khế và xóm Long Giàn thuộc xã Vân Hòa. Từ ngày 07/12/1953 xóm Đèo Khế và xóm Long Giàn mới thuộc về xã Khe Mo.

Trần Công Bảo, Chặn (xóm Làng Cháy); Hoàng Bằng (xóm La Rẫy); Nông Văn Nhục (xóm Đèo Khế); Nguyễn Văn Soạn (xóm Long Giàn); Trạc Thị Xìn, Hoàng Văn Lợi, Phương Ngọc Định (xóm Khe Mo) và Lương Đình Phẩm (xóm La Nưa). Đồng chí La Văn Thuận được bầu làm Bí thư Đoàn Thanh niên Cứu quốc xã; đồng chí Trạc Thị Xìn làm Thường vụ chi đoàn. Các đoàn viên thanh niên trong chi đoàn chủ yếu đi cổ động tuyên truyền nhân dân dọc theo đường 1B từ xóm Long Giàn đến xóm Ao Đậu. Khẩu hiệu tuyên truyền lúc bấy giờ là “hãy theo Việt Minh đánh Tây, đuổi Nhật; An Nam phục quốc”.

Khoảng 18 giờ, một ngày trung tuần tháng 4 năm 1945, khoảng 1 tiểu đội quân Nhật mặc quần áo giả làm thường dân từ thị xã Thái Nguyên lên đến trạm gác của du kích xã ở xóm Khe Mo. Thấy người lạ mặt, đồng chí Hứa Văn Lả ra hỏi giấy, bị chúng bắt mang đi, sau đó đồng chí Hứa Văn Lả cùng 3 người nữa bị chúng bắn chết.

Mờ sáng ngày 14 tháng 6 năm 1945, khoảng một trung đội vừa quân Nhật vừa lính người Việt từ La Hiên tiến công vào xã, chúng lùng sục vào từng nhà

dân ở xóm Khe Mo để truy tìm cán bộ cách mạng. Một toán bao vây nhà ông Trương Văn Nho bắt chủ nhà và ông Trương Văn Đại đang ở trong nhà (ông Trương Văn Đại là Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời xã - lúc ấy vẫn gọi theo tên cũ là Chánh hội). Bọn lính ép ông Đại dẫn đường, đưa chúng sang nhà ông Tổng Bính ở xóm Na Đành, xã Hóa Trung (ông Tổng Bính tên đầy đủ là Nguyễn Bính, bí danh Nguyễn Vũ, nguyên là Phó Chánh tổng tổng Hóa Thượng, nhưng lúc này đã được đồng chí Triệu Khánh Phương giác ngộ, đã theo Việt Minh và đang làm Đội trưởng Đội tự vệ chiến đấu xã Hóa Trung). Do không biết người đang dẫn đường cho mình là Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời xã Khe Mo nên chúng không canh chừng chặt chẽ. Đưa chúng đến xóm La Đường, lợi dụng lúc bọn lính Nhật sơ hở, ông Đại trốn được về.

Khoảng 19 giờ ngày 08 tháng 8 năm 1945, tiểu đội tự vệ có 5 người gồm Tiểu đội trưởng Trương Văn Chúc; các chiến sỹ Phạm Văn An, Lương Văn Chiêu, Dương Văn Hải, Phương Hữu Ngôn và Đội trưởng Trương Văn Đạo, đang trực tại trạm gác xóm Khe Mo (nay ở phía trên ngã ba xóm Khe Mo đi Làng Hỏa)

phát hiện 1 bóng đen từ phía Long Giàn đi xuống. Đồng chí Phạm Văn An hỏi, bóng đen không trả lời và vẫn tiếp tục tiến đến trạm gác. Đồng chí An hỏi lần thứ 2, bóng đen liền nổ súng bắn thẳng vào quân ta đang đứng trong trạm, nhưng không trúng người nào. Hai đồng chí Lương Văn Chiêu và Phạm Văn An kịp thời nổ súng, bóng đen đổ vật xuống. Anh em trong tiểu đội ra kiểm tra, đó là 1 tên lính Nhật đã bị tiêu diệt, ta thu 1 súng ngắn, 3 băng đạn và 1 quả lựu đạn.

Những ngày tháng Tám năm 1945, khí thế cách mạng ở xã Khe Mo diễn ra sôi sục. Chính quyền đã về tay nhân dân, Ủy ban nhân dân lâm thời đang tích cực điều hành các nhiệm vụ bước đầu dưới chính quyền cách mạng. Xã Khe Mo là nơi giằng co quyết liệt giữa ta và địch. Đối với cách mạng, giành được chính quyền ở xã Khe Mo là đã cơ bản chặn được con đường tiếp tế cho quân Nhật từ Thái Nguyên lên La Hiên, đẩy địch vào thế bị động lúng túng. Đối với quân Nhật, chúng quyết tâm giành giữ đường 1B để làm cơ sở tiếp tế cho đơn vị tiền tiêu đóng ở La Hiên. Các trận càn quét của quân Nhật vào xã Khe Mo diễn ra liên tục, gây cho ta nhiều khó khăn. Để chặn đường

tiến công bằng cơ giới của bọn phát xít Nhật từ Thái Nguyên lên La Hiên, Đình Cả (Võ Nhai), được sự chỉ đạo của Mặt trận Việt Minh huyện Đồng Hỷ, lực lượng tự vệ chiến đấu xã Khe Mo phối hợp với Cứu quốc quân phá sập cầu Linh Nham và nổ mìn làm nghiêng cầu Bò Đái¹ (cầu Bò Đái nay được gọi là cầu Khe Mo) là 2 cây cầu nằm trên đường quốc lộ 1B cũ dẫn vào phía nam của xã Khe Mo. Ở phía bắc, ta cũng phá sập cầu Long Giàn, tổ chức đào đường ở khu vực Đèo Khế để làm công sự vật cản sẵn sàng chặn đánh địch khi chúng tràn vào xã.

Tại xã, chính quyền nhân dân lâm thời nhanh chóng củng cố lực lượng tự vệ, sẵn sàng chiến đấu đề phòng quân Nhật tấn công, đồng thời sẵn sàng cơ động tham gia khởi nghĩa khi có lệnh điều động của cấp trên. Về tổ chức lực lượng chiến đấu, từ tháng 4 năm 1945, xã đã mời cán bộ Cứu quốc quân về huấn luyện cho đội tự vệ chiến đấu. Trung đội tự vệ được huấn luyện thời gian 15 ngày tại khu vực nhà ông

¹ Việc phá cầu Bò Đái được giao cho tự vệ xã Khe Mo thực hiện. Tổ tự vệ do đồng chí Trần Dương Xuyên chỉ huy; chiến sỹ tự vệ tên là Dân trực tiếp đặt quả mìn có 10 kg thuốc nổ để phá. Mìn nổ nhưng cầu chỉ bị nghiêng, người đi bộ vẫn có thể đi được nhưng khó khăn, còn xe cộ đều không qua được.

Luân Viết Lan. Nội dung huấn luyện gồm học tập chính trị, cách đào hầm hào chiến đấu, sử dụng vũ khí và cách đánh du kích. Sau học tập, trình độ chính trị quân sự của anh em được nâng lên rõ rệt; các chiến sỹ phấn khởi tin tưởng và sẵn sàng nhận nhiệm vụ. Từ tháng 4 đến tháng 8/1945, lực lượng tự vệ chiến đấu của xã Khe Mo tiếp tục được học tập, củng cố huấn luyện và trưởng thành. Nhân dân trong xã trang bị cho tự vệ thêm được 3 khẩu súng kíp và 3 khẩu súng Joóp 3 do anh em lính đồng giao nộp cho cách mạng.

Trưa ngày 13 tháng 8 năm 1945, Phát xít Nhật đầu hàng Đồng Minh. 23 giờ cùng ngày Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do Tổng Bí thư Trường Chinh làm Chủ tịch ra “Quân lệnh số 1”. Ngày 18 tháng 8 năm 1945 “Lệnh khởi nghĩa” được chuyển về xã. Chấp hành lệnh điều động lực lượng của Ủy ban giải phóng huyện Đồng Hỷ; đội tự vệ chiến đấu của xã Khe Mo được chia làm 2 bộ phận. Một bộ phận làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới quân Nhật từ La Hiên kéo xuống. Một bộ phận cùng với tự vệ chiến đấu của các xã trong huyện tiến về Thị xã Thái Nguyên để biểu dương lực lượng và chiến đấu giành chính quyền.

Nhận nhiệm vụ đúng vào lúc nước lũ ở các sông, suối, ngòi đang dâng cao; các cầu Bò Đái, cầu Linh Nham đã bị phá trước đó để chặn đường tiến công của quân Nhật. Khắc phục khó khăn để tập trung lực lượng đúng thời gian quy định, các chiến sỹ tự vệ của xã đã dũng cảm bơi vượt dòng nước lũ ở sông Mo Linh sang Đồng Bầm. Từ Đồng Bầm sang thị xã Thái Nguyên, đường thuận tiện nhất là qua cầu Gia Bảy; nhưng cầu lại nằm trong tầm hỏa lực đại liên của quân Nhật đóng trọng trại lính khố xanh (nay là Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam). Để tránh hỏa lực súng máy của quân Nhật, bảo đảm an toàn cho nhân dân và tự vệ chiến đấu, ta tổ chức cho anh em vượt sông ở đoạn phía trên cầu. Ngày 20 tháng 8 năm 1945, tự vệ xã Khe Mo tham gia cùng quân giải phóng và nhân dân các xã trong huyện và tỉnh chiến đấu giành chính quyền thành công ở thị xã Thái Nguyên.

Chiều ngày 20 tháng 8 năm 1945, các chiến sỹ tự vệ chiến đấu xã Khe Mo tham dự cuộc mít tinh quần chúng đông đến hàng vạn người tại sân vận động Thị xã Thái Nguyên. Đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc tuyên bố xóa bỏ chính

quyền của Nhật và bọn tay sai. Tuyên bố thành lập chính quyền nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, đồng thời chỉ định đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch để lãnh đạo nhân dân trong tỉnh thực hiện các chính sách của Mặt trận Việt Minh và Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên ra mắt, đã chấm dứt gần 100 năm nô lệ của nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

Hoàn thành nhiệm vụ biểu dương lực lượng và phối hợp chiến đấu cướp chính quyền ở thị xã Thái Nguyên; tiểu đội tự vệ chiến đấu do đồng chí Trương Văn Chức chỉ huy lại vượt dòng nước lũ ở sông Cầu, sông Mo Linh trở về địa phương. Tại xã, Mặt trận Việt Minh, Ủy ban nhân dân lâm thời cùng lực lượng tự vệ khẩn trương bắt tay vào công việc xây dựng chế độ còn đang rất mới mẻ. Giành được chính quyền, nhân dân các dân tộc xã Khe Mo cùng với nhân dân cả nước bước vào kỷ nguyên làm chủ vận mệnh của mình.

Sau ngày giành được chính quyền (20/8/1945), Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời đã làm chủ thị xã

Thái Nguyên; tỉnh bộ Việt Minh tổ chức lực lượng đi thu vũ khí của quân đội Nhật đóng tại các đồn lẻ trong tỉnh. Một đơn vị bộ đội được phân công nhiệm vụ lên La Hiên (có 1 sĩ quan Nhật cầm cờ trắng đi cùng). Đến Khe Mo, đơn vị điều động tự vệ chiến đấu của xã cùng tham gia giải giáp quân Nhật ở La Hiên. Khi làm việc với ta, quân Nhật ở đây đòi mang hết vũ khí dự trữ đi theo nhưng ta cương quyết giữ lại, chỉ đồng ý cho mỗi tên được đem theo 1 khẩu súng cá nhân về Thái Nguyên. Số súng còn lại ta thu hết và giao cho đơn vị tự vệ chiến đấu xã vận chuyển về cất giữ và bảo quản tại xóm Đèo Khê.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, đã phá tan xiềng xích, áp bức của thực dân phong kiến đối với nhân dân ta. Đất nước độc lập, tự do mở ra một chân trời mới cho cả nước nói chung và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo nói riêng. Nhiệm vụ xây dựng chính quyền nhân dân gặp rất nhiều khó khăn do chưa có kiến thức về quản lý điều hành; cán bộ phải vừa làm, vừa học tập tích lũy kinh nghiệm để đáp ứng được yêu cầu trước mắt. Thời gian đất nước bị nô lệ, người dân đã thấu hiểu nỗi đau mất nước, văn hóa dân

tộc bị vùi dập, các quyền tối thiểu bị tước đoạt. Nay đất nước được độc lập, tự do, quyền dân tộc được khôi phục; niềm tự hào dân tộc được nâng lên gấp bội. Vì vậy, dầu biết rằng còn rất nhiều khó khăn, nhưng nhân dân các dân tộc xã Khe Mo tin tưởng Việt Minh, đi theo Việt Minh làm Cách mạng Tháng Tám thành công. Trong niềm vui, niềm hạnh phúc của người dân lần đầu tiên được sống trong độc lập tự do; nhân dân các dân tộc Khe Mo vững vàng cùng nhân dân cả nước bước vào công cuộc kháng chiến kiến quốc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam mãi mãi độc lập, tự do, hạnh phúc.



Ngôi nhà sàn của ông Lương Văn Chiêu ở xóm La Nưa
Nơi họp bầu chính quyền cách mạng xã Khe Mo ngày 14/4/1945.



Bên trong ngôi nhà sàn của ông Lương Văn Chiêu, nơi đã diễn ra hội nghị nhân dân bầu Chính quyền lâm thời xã Khe Mo. Trong ảnh: Ông Lương Văn Chiêu (áo trắng) đang kể về hội nghị bầu Chính quyền lâm thời xã ngày 14/4/1945.
Ảnh Nguyễn Ngọc Lâm.



Cầu treo Linh Nham cửa ngõ phía nam
của xã Khe Mo năm 1950

Ảnh: Nguyễn Mạnh Tiễn - nguyên Phó Ty thông tin tuyên truyền tỉnh
Thái Nguyên chụp- Em trai là Nguyễn Long Tiễn cung cấp, Nguyễn
Ngọc Lâm chụp lại.

Chương III

XÃ KHE MO TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

1- Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân (1945-1947)

Cách mạng Tháng Tám thành công, nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Đất nước được độc lập tự do, nhưng nhân dân vẫn còn đói khổ. Những khó khăn thử thách đang từng ngày đặt ra cho chính quyền nhân dân lâm thời như nạn đói, nạn mù chữ, các tàn dư của chế độ cũ để lại. Trong tình hình chung của cả nước, nhân dân Khe Mo đang gặp rất nhiều khó khăn về đời sống dơ kinh tế thiếu thốn, bệnh tật phát triển. Nạn đói đang hoành hành ở vùng đồng bằng Bắc Bộ làm hàng triệu người chết, cái đói đã đe dọa trực tiếp đến địa phương. Nhân dân Khe Mo cũng đang trong cảnh thiếu đói trầm trọng, phải vào rừng đào củ mài, săn hoang, măng rừng, các loại quả...để sống qua ngày. Tất cả những khó khăn phức tạp phát sinh khi xây dựng chế độ mới, chính quyền mới, đòi hỏi cán

bộ và nhân dân phải phấn đấu hết sức mình để bảo vệ nền tự do độc lập non trẻ.

Chính quyền nhân dân lâm thời xã đã được bầu từ tháng 4/1945, nhưng chủ yếu tập trung vào việc vận động, sơ tán nhân dân, lãnh đạo tự vệ chiến đấu chống tàn sát, khủng bố của địch. Vì vậy, tuy có thời gian hoạt động lâu hơn những nơi khác trong huyện nhưng chính quyền xã chưa có phương pháp và kinh nghiệm trong giải quyết các công việc trước mắt cũng như lâu dài. Mọi công việc khi tổ chức điều hành thực hiện đều theo hệ thống chính quyền từ huyện chuyển xuống xã.

Về văn hóa, đa số nhân dân mù chữ, trong đó có cả cán bộ đang đảm nhiệm các nhiệm vụ của địa phương. Số người biết đọc, biết viết không nhiều nên trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ gặp rất nhiều khó khăn. Xã Khe Mo lại có nhiều dân tộc khác nhau sinh sống. Bên cạnh những nét đẹp văn hóa của từng dân tộc cũng có nhiều hủ tục lạc hậu, ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám, chính quyền nhân dân non trẻ gặp rất nhiều khó khăn trên tất cả các

mặt. Ở miền Bắc quân Tàu Tưởng vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật mang theo âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ” để xóa bỏ chính quyền của ta. Tại Thái Nguyên, chúng lập ra tổ chức “Nam dương Hoa kiều hội” để lôi kéo, xúi dục bà con Hoa kiều, người Ngái, người Nùng... không chấp hành các chủ trương chính sách của chính quyền cách mạng. Ở xã Khe Mo, Văn Hán đã lập tổ chức “Nam dương Hoa kiều hội”, bầu ông Luân Kim Hải làm Chủ nhiệm, ông Triệu Vân làm Phó Chủ nhiệm và đặt trụ sở tại nhà ông Lãng Viết Thiều ở xóm La Đàn. Về hoạt động chưa có gì nhiều, mới thấy họ tổ chức chụp ảnh cho nhân dân, đến khi quân Tưởng rút về nước thì tổ chức này cũng tự giải tán.

Thực hiện những nhiệm vụ cấp bách mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra ngay trong buổi giao ban đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, trong đó nhiệm vụ thứ nhất là lo chống đói cho nhân dân. Chính quyền xã Khe Mo tập trung vận động nhân dân vào rừng lấy những thứ ăn ngay được như sắn, củ mỡ, củ mài... Song song với nhân dân tự chống đói, chính quyền động viên những gia đình có điều kiện

kinh tế khá hơn chia sẻ giúp đỡ những người thiếu đói. Đồng thời với chống đói trước mắt, chính quyền vận động bà con tập trung trồng các loại cây ngắn ngày như khoai lang vụ đông 3 tháng, ngô vụ đông 3 tháng¹. Bằng nhiều biện pháp tích cực nên đến đầu năm 1946, đời sống của nhân dân mới tạm chấm dứt được tình trạng nguy hiểm do đói kém gây ra.

Thực hiện nhiệm vụ thứ 2 mà Hồ Chủ tịch nêu ra trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ “mở ngay một phong trào chống nạn mù chữ do bọn thực dân Pháp gây ra đối với đồng bào ta”. Chính quyền xã thành lập Ban Bình dân học vụ để điều hành chung; các xóm thành lập các tổ bình dân học vụ. Ban Bình dân học vụ xã Khe Mo do đồng chí Bùi Văn Rương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời kiêm Trưởng Ban văn hóa xã làm Trưởng ban. Tất cả những người biết chữ đều được cử làm giáo viên để dạy cho người không biết chữ. Do xã rộng, các nhà dân ở xa nhau nên các xóm tổ chức học tập cho nhân dân cũng rất linh hoạt.

¹ Là các loại khoai lang, ngô, lúa từ khi trồng 3 tháng sau cho thu hoạch; tuy nhiên lúc này thời tiết đã là cuối thu sang đông nên việc trồng gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, xã Khe Mo có rất nhiều rừng nên muông thú phá hoại nhiều, phần thu hoạch không được bao nhiêu.

Các khu dân La Rẫy, La Nưa, Đèo Khế... mỗi nhà ở một quả đồi cách xa nhau thì tổ chức cho bà con tranh thủ học buổi trưa là chính. Các chòm dân ở La Đường, Khe Mo, Ao Rôm, Làng Cháy... có nhà ở gần nhau thì tổ chức học buổi tối; ánh sáng để cho nhân dân tập viết, tập đọc được dùng bằng đuốc nứa, đuốc nhựa thông, nhựa trám. Thời gian năm 1946, 1947 phong trào học tập văn hóa của nhân dân các xóm trong xã Khe Mo diễn ra rất sôi nổi; cơ bản nhân dân trong xã đều đã biết đọc biết viết. Mục tiêu xóa nạn mù chữ cho nhân dân ở xã Khe Mo đã đạt được kết quả bước đầu. Trước khi Pháp mở cuộc hành quân Xanh-tuya (cuối năm 1947) lên Thái Nguyên, mỗi người dân Khe Mo đã tự viết, tự đọc được. Tuy nhiên, do bà con nông dân chỉ tập trung lao động trên nương rẫy, đồng ruộng, không có điều kiện để được đọc và viết thường xuyên. Mặt khác, địa phương lại tập trung cho các công việc phục vụ chiến đấu, chi viện cho chiến trường, lo đời sống vật chất cho nhân dân nên chỉ đạo công tác bình dân học vụ có phần sao nhãng. Đối với người nông dân, gặp lúc thiếu lương thực, phải lo cái ăn, cái mặc là chính, do vậy đi học không đều, nên một thời gian sau số người bị tái mù chữ khá nhiều.

Với phương châm “tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do dân chủ của nhân dân”. Thực hiện việc lãnh đạo và chỉ đạo của Mặt trận Việt Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Cộng Hòa; chính quyền nhân dân lâm thời xã khẩn trương tổ chức mọi mặt cho cuộc bầu cử sớm đạt được kết quả. Ngày 23 tháng 12 năm 1945 cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh Thái Nguyên, nhân dân các dân tộc xã Khe Mo đi bầu cử Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa I. Với đa số nhân dân xã Khe Mo, đây là lần đầu tiên trong đời được đi bầu cử, được tự mình lựa chọn những đại biểu xứng đáng đại diện cho mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước. Vượt lên những khó khăn, do hạn chế về văn hóa, với quyết tâm làm chủ vận mệnh của mình, các cử tri ở xã Khe Mo đã hoàn thành tốt nhiệm vụ góp phần xây dựng chính quyền nhân dân¹. Tại cuộc bầu

¹ Các cụ cao niên kể lại: do đa số nhân dân mù chữ, phong trào bình dân học vụ mới phát động nên các cử tri không thể tự mình viết phiếu bầu được. Cuộc bầu cử được thực hiện bằng cách: nơi bỏ phiếu được dán ảnh ứng cử viên và 1 ống đựng; Ban bầu cử giới thiệu tiểu sử của từng ứng cử viên cho cử tri lựa chọn. Khi cử tri xuất trình thẻ, ban bầu cử sẽ cấp cho cử tri một số hạt (ngô, hoặc đỗ) ứng với số đại biểu được bầu. Cử tri lựa chọn đại biểu nào thì bỏ một hạt (ngô hoặc đỗ) vào ống của ứng cử viên đó. Có nơi lại dùng bằng thẻ.

cử này, tỉnh Thái Nguyên có 3 vị là Lê Trung Đình, Đặng Đức Thái và Nguyễn Trung Thành trúng cử là đại biểu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa đầu tiên.¹

Các tổ chức đoàn thể cũng được kiện toàn một bước trước khi tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân 2 cấp xã và tỉnh. Tháng 12 năm 1945, đồng chí Hoàng Hữu Thông (Chủ nhiệm Việt Minh) được cử làm tiểu đội trưởng tự vệ chiến đấu. Mặt trận đã bầu đồng chí Bùi Văn Tòng làm Chủ nhiệm thay đồng chí Hoàng Hữu Thông. Chi đoàn thanh niên Cứu quốc cũng được kiện toàn bổ sung Ban Thường vụ gồm đồng chí La Văn Thuận làm Bí thư; đồng chí Lê Văn Tương làm Phó Bí thư và đồng chí Trạc Thị Xìn làm Ủy viên.

Sau khi lãnh đạo hoàn thành tốt việc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa I, nhân dân xã Khe Mo cùng nhân dân trong tỉnh lại bắt tay vào bầu Hội đồng nhân dân 2 cấp xã và tỉnh. Chấp hành Nghị định ngày 04 tháng

¹ Theo Sắc lệnh số 51/SL, ngày 17/10/1945 của Chủ tịch Chính phủ, cuộc bầu cử Quốc hội được tiến hành vào ngày 23/12/1945; nhưng để chuẩn bị cho chu đáo, ngày 18/12/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 76/SL quyết định lùi ngày bầu cử đến ngày 06/01/1946. Tỉnh Thái Nguyên không nhận được tin hoãn nên vẫn tổ chức bầu cử theo kế hoạch cũ.

01 năm 1946 do Chủ tịch Ủy ban Hành chính Bắc Bộ² ban hành về thể lệ bầu cử và ấn định ngày 8 tháng 2 năm 1946 các địa phương tiến hành bầu cử hội đồng nhân dân cấp tỉnh và xã. Mặt trận cùng với Ủy ban nhân dân lâm thời xã vừa đã tập trung vào công tác thông tin tuyên truyền vận động nhân dân vừa tập trung làm các công tác chuẩn bị mọi mặt cho cuộc bầu cử. Xã Khe Mo còn rất nhiều rừng, cây cối rậm rạp, đường sá nhỏ hẹp, vất rừng, rấn, rết....đi lại rất khó khăn. Tuy nhiên, mỗi cán bộ và nhân viên đã luôn sâu sát đến từng xóm, bản, vào từng nhà vận động nhân dân đi thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân (quyền và nghĩa vụ mà bao lớp cha anh đã hy sinh cho đất nước mới có được); mỗi người đều tin tưởng, phấn khởi tận tâm tận lực để cuộc bầu cử được chuẩn bị chu đáo. Kết quả, đúng ngày 08/02/1946 cuộc bầu cử được tiến hành và thành công tốt đẹp.

² Lúc này có 2 từ “Bộ” do chính quyền đặt ra. Chính phủ có các Bộ theo ngành. Về lãnh thổ, nước ta được chia làm 3 Bộ là Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Dưới Bộ là cấp tỉnh rồi xuống đến huyện, xã. Nghị định ngày 04/01/1946 do ông Nguyễn Xiển, Chủ tịch Ủy ban Hành chính Bắc Bộ ký, nhưng bản in Nghị định này tại Công báo năm 1946 không thấy ghi số của Nghị định.

Về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên, khu vực Đồng Hỷ có 4 trong tổng số 20 đại biểu trúng cử hội đồng nhân dân tỉnh khóa I¹, đại diện cho nhân dân các dân tộc trong huyện.

Tại xã Khe Mo, các cử tri đã bầu Hội đồng nhân dân xã khóa đầu tiên, gồm 18 đại biểu đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân trong xây dựng chính quyền nhân dân cấp xã.

Tháng 3/1946, Hội đồng nhân dân xã Khe Mo khóa I đã họp kỳ thứ nhất để bầu các chức danh lãnh đạo của xã. Căn cứ vào Sắc lệnh số 77/SL ngày 21 tháng 12 năm 1945, của Chủ tịch Ủy ban Hành chính Bắc Bộ quy định: Ủy ban Hành chính xã gồm có 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 1 Bí thư hành chính (tức Ủy viên thư ký Ủy ban). Sau khi được Mặt trận Việt Minh xã giới thiệu nhân sự, Hội đồng nhân dân xã đã tiến hành bầu cử bằng bỏ phiếu kín. Kết quả bầu cử: Ông La Văn Mao, trúng cử làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Ông Phương Hữu Quảng, trúng cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Ông Đinh Văn Tư làm Thư ký Ủy ban Hành chính xã. Hội đồng

¹ Công báo xuất bản ngày 19/11/1946.

nhân dân xã cũng bầu ông Trương Văn Chúc, tiểu đội trưởng tự vệ chiến đấu (du kích) của xã làm ủy viên quân sự.

Một thời gian sau khi bầu Chủ tịch Ủy ban hành chính, theo chỉ đạo của trên, xã Khe Mo chỉ định Ủy ban bảo vệ. Theo cơ cấu, Ủy ban bảo vệ cấp xã gồm 1 đại biểu Ủy ban hành chính, 1 đại biểu hội đồng nhân dân và 1 đại biểu là ủy viên quân sự. Ủy ban bảo vệ xã Khe Mo do ông Phương Hữu Quảng làm chủ tịch, ông Trương Văn Chúc làm ủy viên². Thực hiện Chỉ thị số 15-NV, ngày 31 tháng 12 năm 1946 của Bộ Nội vụ, từ đầu năm 1947 Ủy ban bảo vệ xã Khe Mo đổi thành Ủy ban kháng chiến. Lúc này ông Phương Hữu Quảng giữ chức Chủ tịch ủy ban kháng chiến hay còn gọi ngắn gọn hơn là Chủ tịch kháng chiến.

Giữa năm 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Hội Liên-Việt) được thành lập nhằm tập hợp quảng đại quần chúng nhân dân các ngành nghề, các giới; không phân biệt độ tuổi, dân tộc, tôn giáo để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đầu năm

² Chưa xác định được ông bà nào là Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến xã Khe Mo.

1947, xã Khe Mo thành lập Mặt trận Liên-Việt. Như vậy lúc này ở xã có 2 tổ chức Mặt trận là Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên-Việt.

Sau hiệp định sơ bộ ngày 06 tháng 3 năm 1946 (do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện chính phủ Pháp) quân Anh, quân Tưởng rút đi bàn giao địa bàn cho quân đội Pháp. Sẵn có âm mưu cướp nước ta một lần nữa, nên quân Pháp liên tục khiêu khích, gây hấn ở khắp nơi trên lãnh thổ Việt Nam. Đồng thời chúng xúi giục, kích động bọn phản động trong nước gây ra các vụ bạo động, cướp bóc, chém giết cán bộ và đồng bào ta. Đỉnh điểm là chúng ngang ngược ra tối hậu thư đòi tước khí giới của quân đội ta, buộc chúng ta phải cầm vũ khí chiến đấu.

Đêm 19 tháng 12 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến với lời hiệu triệu “chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước nhất tề đứng dậy làm cuộc kháng chiến với vũ khí trang bị thô sơ hơn quân địch rất nhiều. Mặc dầu vậy, tất cả toàn quân, toàn dân đều chung

một ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nền độc lập tự do mà bao lớp người cách mạng phải hy sinh xương máu mới có được. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh rút về ATK (an toàn khu) Thái Nguyên, Tuyên Quang. Vùng đồng bằng và các thành phố thị xã hầu hết nằm trong vùng kiểm soát của địch. Lúc này Thái Nguyên trở thành thủ đô kháng chiến-một địa bàn nhất định quân Pháp phải tiến đánh nếu chúng muốn giành thắng lợi để kết thúc chiến tranh. Tuy nhiên do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, đến thượng tuần tháng 10 năm 1947, chiến sự vẫn chưa lan đến Thái Nguyên.

Đáp lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hàng vạn bà con nhân dân ở các thành phố, thị xã, các vùng bị địch tạm chiếm, thực hiện “vườn không, nhà trống”, đã bỏ lại ruộng vườn, nhà cửa, công việc đang làm để đưa gia đình đi tản cư theo kháng chiến, chấp nhận cuộc chiến đấu, dẫu biết rằng sẽ rất lâu dài và gian khổ.

Quyết tâm của Chính phủ “vô luận thế nào, các cấp chính quyền cũng không được bỏ dân bơ vơ”¹. Để đảm

¹ Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

bảo ổn định cuộc sống cho nhân dân di tản cư, sơ tán; ngày 31 tháng 12 năm 1946, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 5-SL thành lập “Ủy ban tản cư, tiếp cư” (gọi tắt là Ban di-tản cư). Thực hiện chủ trương của trên và lãnh đạo của Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Cộng Hòa, xã Khe Mo thành lập Ban di-tản cư¹. Xã Khe Mo có diện tích rộng, nhiều rừng, đất đai tốt là điều kiện thuận lợi để sắp xếp nơi ở cho nhân dân. Rừng Khe Mo nhiều gỗ, tre, nứa, lá, giang, mây... Ủy ban xã dành cho các hộ sơ tán khai thác vật liệu để làm nhà, làm lều quán; bên cạnh đó còn vận động nhân địa phương giúp đỡ công sức làm nhà để bà con nhanh chóng có nơi ở chắc chắn... Về việc bố trí công việc để bà con sớm ổn định cuộc sống được chính quyền xã quan tâm. Những gia đình buôn bán được ở dọc đường 1B và đường đi làng Hỏa; các hộ làm nông nghiệp được sắp xếp ở xen vào các xóm. Được sự giúp đỡ của chính quyền, nhân dân địa phương và quyết tâm của mỗi gia đình, đồng bào sơ tán về Khe Mo thực sự như đang được sinh sống trên quê hương mình.

¹ Đúng ra phải là Ban Tiếp cư xã Khe Mo, nhưng các tài liệu vẫn ghi ban Di-tản cư; nhân sự ban tiếp cư còn chưa có sự cung cấp thống nhất.

Trong kháng chiến chống Pháp, tổng cộng có trên 300 hộ² sơ tán về xã Khe Mo, định cư lập nghiệp theo Chính phủ kháng chiến, với niềm tin tưởng kháng chiến nhất định thắng lợi.

Dân số tăng nhanh, nên từ năm 1947, tại xã Khe Mo đã hình thành 3 dãy phố là phố Khe Mo, phố Ao Rôm và phố Linh Nham dọc theo đường 1B. Phố Khe Mo, phố Ao Rôm, có nhiều hộ dân mở cửa hàng buôn bán nên lúc nào cũng đông đúc, nhộn nhịp, sầm uất. Phố Linh Nham có số hộ ít hơn do gần cầu treo và ngầm Linh Nham là những địa điểm máy bay địch có thể đánh phá. Trên đường 1B, người đi bộ, người đạp xe, cưỡi ngựa, ngựa thồ hàng đi lại tấp nập. Mỗi khi có máy bay địch, những người đi đường nhanh chóng tản vào 2 bên bìa rừng để bảo đảm an toàn. Buổi tối, các phố lấp lánh ánh sáng của đèn măng sông, đèn bão, đuốc nhựa thông, nhựa trám...để bà con qua lại mua bán. Nhu cầu giao thương của nhân dân đã hình thành chợ Khe Mo. Chợ Khe Mo đặt ở gần ngã ba trung tâm của xã, nơi hội tụ đường từ Long Giàn, Đèo

² Chưa kể số hộ ở các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, bệnh viện...cũng sơ tán về xã.

Khế xuống; từ Linh Nham, Ao Rôm lên và Phả Lý, làng Hỏa sang là nơi thuận tiện cho việc kinh doanh buôn bán.

Cùng với việc tiếp đón nhân dân tản cư, xã còn có các cơ quan sơ tán về như trạm đón tiếp của Bộ Tư lệnh Liên khu Việt Bắc ở xóm La Đường, có đồng chí Lê Thiết Hùng thường qua lại. Trường Phùng Chí Kiên đào tạo cán bộ ở xóm Đèo Khế. Bộ Tư lệnh Khu Việt Bắc đóng quân ở La Đường và Làng Cháy. Trường Quân y Việt Bắc, kho dầu tây (dầu thắp đèn thời đó gọi là dầu tây) và Trạm tiếp đón cán bộ hành chính Việt Bắc ở xóm La Nưa. Bưu điện tỉnh đóng ở rừng Ao Rôm. Khu suối Dừng và Hóa Trung là nơi giam giữ tù binh. Nhà ông Lý Na là Trạm xá chữa bệnh cho tù - hàng binh. Đền Ao Rôm là kho gạo của Chính phủ có đến vài chục tấn. Đơn vị 914, Phòng Quân y khu Việt Bắc¹, Trạm 45, sở Mậu dịch Trung ương, Quân báo Khu và Liên-Việt khu Việt Bắc

¹ Khu Việt Bắc có các tên gọi theo thời gian là: Chiến khu I từ 16/10/1945. Từ 28/11/1946 là Liên khu I (gồm Chiến khu 1 và Chiến khu 12 hợp lại). Từ 11/1949 là Liên khu Việt Bắc. Từ 7/1952 là Khu Việt Bắc. Từ 3/6/1957 là Quân khu Việt Bắc. Từ 29/6/1976 là Quân khu I (gồm Quân khu Việt Bắc và Quân khu Tây Bắc hợp lại). Từ 26/5/1978 đến nay là Quân Khu I (gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang)

chuyển đến ở La Nưa; riêng xưởng ô tô 19/5 ở khu vực sau này là xóm Hải Hà. Khu làm việc của Huyện ủy Đồng Hỷ ở xóm Đèo Khế - Long Giàn². Ngoài ra còn có các cơ quan của cấp trên đóng dọc theo sông Mo Linh từ Ao Rôm đến Làng Cháy. Việc bảo vệ do các cơ quan đơn vị tự canh gác vòng trong, dân quân du kích xã Khe Mo tuần tra vòng ngoài. Những ngày này, nhân dân Khe Mo đã thường xuyên cảnh giác, phòng gian, giữ bí mật góp phần bảo vệ cho các cơ sở của Nhà nước và cấp trên. Tất cả các đơn vị, các trạm, kho tàng đứng chân trên địa bàn thôn Khe Mo cơ bản bảo đảm an toàn, chỉ có 1 lần máy bay địch oanh tạc vào đoàn vận tải ở xóm Ao Rôm làm chết 3 con ngựa thồ.

Nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ an toàn cho các cơ quan và nhân dân lúc này trở nên phức tạp và nặng nề hơn đối với chính quyền xã. Để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao, đội tự vệ chiến đấu

² Cơ quan Huyện ủy Đồng Hỷ đóng ở khu vực phía đông - bắc huyện và di chuyển ở Khe Mo, Hóa Trung, đến ngày 04/10/1950, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra Quyết định số 133 NQ/TN do Ủy viên Thường vụ Trần Lê Nhân ký, nội dung: "Điều cơ quan BCH Huyện ủy Đồng Hỷ hiện nay ở mạn đông-bắc huyện di chuyển về tây-nam huyện (Phúc Xuân-Quyết Thắng-Phúc Tân) để cho việc lãnh đạo mọi mặt được thông suốt.

của xã được tổ chức thành trung đội du kích gồm 3 tiểu đội do đồng chí Trương Văn Đạo làm Trung đội trưởng. Trung đội du kích chủ yếu làm nhiệm vụ sẵn sàng đánh địch, đặt dưới sự chỉ huy điều hành của trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban kháng chiến và Ủy viên quân sự.

Cùng với trung đội du kích¹, xã thành lập 1 trung đội dân quân gồm 3 tiểu đội để làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ an toàn cho cơ quan và nhân dân.

Từ giữa năm 1947, theo chỉ đạo từ trên, xã Khe Mo thành lập Ban Chỉ huy xã đội bộ dân quân; Ban Chỉ huy xã đội bộ dân quân do đồng chí Trương Văn Chức, Ủy viên quân sự trong Hội đồng nhân dân xã và thành viên Ủy ban kháng chiến làm xã đội trưởng. Giúp việc cho xã đội trưởng là 2 xã đội phó, một đồng chí phụ trách huấn luyện, chỉ huy du kích và một đồng chí huấn luyện, chỉ huy dân quân.

¹ Thời kỳ này phân ra 2 lực lượng dân quân và du kích đặt dưới sự chỉ huy của Ban Chỉ huy xã đội bộ dân quân. Du kích là lực lượng nòng cốt gồm những người nhanh nhẹn, khỏe mạnh, dũng cảm chủ yếu làm nhiệm vụ chiến đấu. Dân quân gồm những người có hoàn cảnh khó khăn hơn... chủ yếu làm canh gác bảo vệ.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ trong lãnh đạo kháng chiến, có một nhiệm vụ cũng rất quan trọng là “nếu quân địch đến, chúng ta phải triệt để làm cho chúng đói, mù, què, câm”². Từ nửa đầu năm 1947, theo chỉ đạo của Ủy ban Hành chính huyện Cộng Hòa; Ủy ban Hành chính xã Khe Mo thành lập “Ban phá hoại, tiêu thổ kháng chiến”, thường gọi tắt là “Ban phá hoại”. Ban phá hoại của xã đã khẩn trương tổ chức cho dân quân du kích phá hỏng cầu tạm Linh Nham, Bò Đái, Long Giàn³; tổ chức đào các hố cá nhân, các đoạn giao thông hào dích dắc trên đường 1B dọc theo xã để chặn xe cơ giới của địch nhưng không làm ảnh hưởng nhiều đến người đi bộ và đi xe đạp.

Xác định trước sau gì quân Pháp cũng sẽ tấn công lên Thái Nguyên nhằm mục đích tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến. Căn cứ vào chỉ thị của trên, Ban Chỉ huy xã đội tổ chức huấn luyện cho du kích, dân quân về khoa mục đánh địch bằng gài mìn (địa lôi), phục kích trên đường giao thông.

² Trích nội dung thực hiện tiêu thổ kháng chiến của Trung ương.

³ Các cầu này đã bị phá sập để chặn quân Nhật từ trước tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Sau Cách mạng ta đã bắc cầu tạm bằng cây rừng và sau làm cầu treo để cho nhân dân đi lại.

2- Xây dựng củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp

Cuối năm 1947, công tác xây dựng củng cố chính quyền, các đoàn thể cứu quốc đã cơ bản đi vào nề nếp; đời sống nhân dân từng bước được củng cố dần dần ổn định. Lực lượng dân quân du kích của xã được tổ chức lại, đã có bước trưởng thành. Đúng vào lúc ấy, quân Pháp mở cuộc hành quân tiến công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt chính phủ kháng chiến và kết thúc chiến tranh. Kế hoạch của cuộc hành quân của địch được chia làm 2 bước, bước 1 mang mật danh Lê-a (Léa), bước 2 mang mật danh Xanh-tuya. Cuộc chiến đấu chống lại cuộc hành quân Lê-a và Xanh tuya của quân và dân ta được gọi là chiến dịch Việt Bắc thu-đông 1947.

Cuộc hành quân mang mật danh Lê-a (Léa) với kế hoạch là đánh chiếm khu tam giác thị xã Bắc Kạn - Chợ Đồn - Chợ Mới. Mục tiêu của quân Pháp là “diệt và bắt cơ quan đầu não của Việt Minh, tìm diệt chủ lực, phá tan căn cứ địa Việt Bắc, bịt kín, khóa chặt biên giới Việt Trung, ngăn chặn không cho Việt Minh tiếp xúc với Trung Quốc và loại trừ mọi chi viện từ

bên ngoài vào. Truy lùng Việt Minh đến tận sào huyệt, đánh cho tan tác mọi tiềm lực kháng chiến của họ...”. Thực hiện mục tiêu kế hoạch đề ra, quân Pháp tiến công lên Việt Bắc theo 3 hướng thủy, bộ và trên không. Trên không, ngày 07/10/1947 quân Pháp thả 800 quân dù đánh chiếm thị xã Bắc Kạn và 200 quân đánh chiếm thị trấn huyện Chợ Mới; ngày 08/10/1947, chúng tiếp tục thả 200 quân dù chiếm đóng Chợ Đồn. Cùng thời gian 2 hướng thủy bộ cũng xuất phát tiến công nhằm bao vây, khóa chặt Việt Bắc. Thủy quân Pháp ngược sông Lô, sông Gâm; ngày 12/10 chiếm được Đoan Hùng, ngày 13/10 chiếm thị xã Tuyên Quang và Chiêm Hóa, bao vây chiến khu Việt Bắc từ phía Tây. Bộ binh địch từ Lạng Sơn theo quốc lộ số 4, chiếm Thất Khê, Đông Khê và ngày 12/10 từ thị xã Cao Bằng theo đường quốc lộ số 3 đánh xuống Bắc Kạn để bao vây chiến khu Việt Bắc từ phía Đông.

Ngày 14/10/1947 Thường vụ Trung ương Đảng ta họp và thông qua chỉ thị “Phải phá tan cuộc tiến công mùa Đông của giặc Pháp”. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, trên khắp các mặt trận, quân và dân ta chiến đấu anh dũng, ngăn chặn và đẩy lùi các bước

tiến quân của quân Pháp, đặc biệt là trận đánh thủy binh địch trên sông Lô và trận đánh bộ binh cơ giới địch ở đèo Sông Lau... Vấp phải sự kháng cự quyết liệt của quân ta, cuộc tiến công diễn ra không thuận lợi; hai mũi tiến công thủy-bộ đã không hợp vây được với quân nhảy dù. Quân ta chủ động bao vây, liên tiếp tiến công quân Pháp mọi lúc, mọi nơi, đặt chúng vào thế thua, buộc phải rút lui cục bộ. Kế hoạch Lê-a bị phá vỡ hoàn toàn.

Sau thất bại của cuộc hành quân Lê-a, ngày 20/11/1947, Pháp mở cuộc hành quân mới mang mật danh Xanh-tuya (vành đai xiết chặt) càn quét vùng tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Phủ Lạng Thương - Việt Trì. Ở huyện Đồng Hỷ chúng càn quét nhiều nơi, trong đó có xã Khe Mo.

Từ 9 giờ 45 phút đến 11 giờ ngày 26 tháng 11 năm 1947, quân Pháp dùng 23 máy bay ném bom dọn bãi, sau đó thả 500 quân dù xuống chiếm đóng thị trấn La Hiên và đến chiều, chúng thả 200 quân dù đánh chiếm Trảng Xá thuộc huyện Võ Nhai. Cũng trong buổi chiều cùng ngày, chúng tiếp tục dùng 15 máy bay thả 400 quân xuống cánh đồng Làng Ngò xã An Khánh

và Ba Gò thuộc xã Cù Vân huyện Đại Từ. Đơn vị quân Pháp nhảy dù xuống thị trấn La Hiên đã trực tiếp uy hiếp đến xã. Sau khi đổ bộ xuống mặt đất, chúng liền tổ chức càn quét nhằm đánh phá các cơ quan của đảng, chính quyền và các cơ sở của ta ở thị trấn và vùng xung quanh.

Tại xã Khe Mo, do lực lượng du kích của ta nhỏ bé, vũ khí trang bị thô sơ nên không thể đương đầu trực tiếp với quân địch có trang bị mạnh hơn nhiều lần. Thực hiện chủ trương của trên, dân quân du kích xã tập trung vào việc tổ chức nhân dân đi sơ tán, cất giấu thóc gạo bằng cách làm các lán bí mật ở trong rừng sâu. Mỗi xóm làm 1 đến 2 lán và phân công dân quân canh gác bảo vệ. Trung đội du kích được phân công nhiệm vụ bám địch, khi thời cơ cho phép, sẽ nổ súng đánh quấy rối, sau đó nhanh chóng rút vào rừng, tạo cho địch tâm lý hoang mang, bị động đối phó.

Khi hành quân càn quét qua xã, quân Pháp không phát hiện được gì, chúng đốt phá nhà cửa của bà con ở xóm Cây Hồng, khu Núc Nác, chợ Khe Mo, đình Khê Mo, đền Ao Rôm sau đó rút dần về Thái Nguyên. Đến

ngày 8 tháng 12 năm 1947 quân địch đã hoàn toàn ra khỏi xã Khe Mo.

Khi quân Pháp mở cuộc hành quân Xanh-tuya vào xã, việc lãnh đạo chiến đấu chống càn do Chi bộ Đảng xã Dân Chủ lãnh đạo. Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban hành chính xã Khe Mo tổ chức lực lượng chiến đấu và bố trí cho nhân dân sơ tán bảo đảm an toàn, nên không có thiệt hại về người.

Sau khi cuộc hành quân Xanh-tuya của Pháp kết thúc, tổ chức chính quyền ở xã Khe Mo có sự điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thống nhất từ trên xuống. Thực hiện Sắc lệnh số 91/SL ngày 01 tháng 10 năm 1947 về việc hợp nhất 2 Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính từ cấp tỉnh trở xuống thành Ủy ban Kháng chiến-Hành chính (UBKCHC). Từ quý 1/1948, Ủy ban KCHC xã Khe Mo được kiện toàn. Ông Đinh Phú Hào làm Chủ tịch Ủy ban KCHC, ông Bùi Văn Rương làm Phó Chủ tịch Ủy ban KCHC xã. Ông Đinh Văn Tư làm Thư ký Ủy ban KCHC xã.

Công tác bảo đảm an ninh trật tự ở xã Khe Mo từ khi thành lập chính quyền do đội tự vệ chiến đấu của xã đảm nhiệm, vừa làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu

vừa làm nhiệm vụ tuần tra canh gác bảo đảm an toàn. Từ khi có Ban Chỉ huy xã đội bộ dân quân (giữa năm 1947), công tác an ninh trật tự được giao cho trung đội dân quân đảm nhiệm. Năm 1948 theo chỉ đạo của Ủy ban Kháng chiến-Hành chính huyện (KCHC), xã Khe Mo thành lập Tổ trật tự để chuyên làm công tác an ninh. Tổ trật tự gồm có ông Phó Chủ tịch Ủy ban KCHC xã và các ông bà trưởng thôn, và là tiền thân của công an xã Khe Mo hiện nay.

Thành lập xã Long Khê

Năm 1948¹, cấp trên quyết định sáp nhập xã Khe Mo với xã Vân Hòa thành một đại xã và đặt tên là xã Long Khê. Xã Long Khê gồm có 3 thôn là thôn Vân Hoà, thôn Khe Mo, thôn Phúc Thành. Lãnh đạo Ủy

¹ Lấy theo bút tích của đồng chí Trần Văn Thị là ngày 20/3 âm (tức 28/4/1948).

Tuy nhiên, thời gian này Tổ biên soạn cũng sưu tầm được những văn bản không thống nhất về lúc sáp nhập 2 xã. Ví dụ Quyết định số 129/P3, ngày 31/7/1950 của Ủy ban KCHC tỉnh Thái Nguyên bổ nhiệm đồng chí Trần Văn Thị làm Hộ lại xã Vân Hòa. Quyết định số 38/P3 ngày 7/8/1950 của UBKHHC tỉnh Thái Nguyên bổ nhiệm ông Lương Văn Tăng làm hộ lại xã Long Khê hoặc lý lịch của các đảng viên như Dương Đình Thức, Dương Văn Quyền, Nông Tiến Thắng, Đàm Ngọc Văn... khai không trùng nhau về thời gian hợp nhất Khe Mo với Vân Hòa thành Long Khê là năm 1950 đến 1951. Nhưng Di chúc của ông Nguyễn Mạnh Hiền ghi viết tại Làng Cháy, xã Long Khê ngày 15/10/1949. Con dấu UBKCHC xã Long Khê do đồng chí Đinh Phú Hào ký ngày 09/3/1950.

ban Kháng chiến-hành chính và các ban ngành đoàn thể xã gồm: Ông Đinh Phú Hào làm Chủ tịch Ủy ban KCHC xã. Ông Lường Quang Chiêu làm Phó Chủ tịch Ủy ban KCHC xã. Các ủy viên Ủy ban KCHC xã gồm các ông Trần Văn Thị, Nông Tiến Thắng; ông Dương Đình Thúc¹ làm Ủy viên thư ký.

Về các ngành đoàn thể: Ông Lê Văn Tương làm Xã đội trưởng. Ông Mông Quốc Hoa phụ trách Đội trật tự. Ông Trần Văn Sáng làm Chủ nhiệm Việt Minh. Ông Trần Văn Thị làm Bí thư Hội Nông dân. Anh Dương Văn Quyền làm Bí thư Chi đoàn thanh niên. Bà Ninh Thị Hàn làm Bí thư Phụ nữ Cứu quốc xã.

Thành lập Chi bộ Đảng cộng sản Đông Dương xã Long Khê

Lúc này xã Long Khê chưa có chi bộ Đảng, chỉ có các đảng viên người xã Khe Mo (cũ) sinh hoạt ghép tại Chi bộ Đảng xã Dân Chủ do đồng chí Lý Văn Khâm làm Bí thư. Thực chất, thời gian này Chi bộ

¹ Đến năm 1949, Ủy viên Thư ký UBKCHC xã Long Khê có thêm đồng chí Đào Nguyên tức Nguyễn Trần Tụ (1919-14/11/1973) là người quê ở Hải Phòng đến hoạt động tại xã Khe Mo và Trưởng ban thuế nông nghiệp Nguyễn Mạnh Hiền.

Đảng xã Dân Chủ lãnh đạo bao gồm cả xã Long Khê. Vì vậy công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ gặp nhiều khó khăn, nhất là trong điều kiện Đảng đang trong thời kỳ hoạt động bí mật. Trước tình hình trên, Huyện ủy cử đồng chí Đỗ Chi Phương về xã xây dựng tổ trung kiên, tiến tới thành lập Chi bộ Đảng. Đến tháng 9 năm 1948, đã có các đảng viên người xã Long Khê đang sinh hoạt ghép tại Chi bộ Đảng xã Dân Chủ là Đinh Phú Hào, Hoàng Hữu Thông, Vũ Văn Tiến.

Ngày 26 tháng 9 năm 1948, tại trụ sở Ủy ban Kháng chiến-Hành chính xã Long Khê đặt tại xóm Khe Mo, Chi bộ Đảng xã Dân Chủ tiếp tục tuyên bố kết nạp các đồng chí Nông Tiến Thắng, La Văn Mao và Trần Văn Thị vào Đảng cộng sản Đông Dương. Sau lễ kết nạp đảng viên, đồng chí Đỗ Chi Phương thay mặt Huyện ủy tuyên bố thành lập Chi bộ xã Long Khê. Khi thành lập Chi bộ xã Long Khê gồm 9 đảng viên². Đồng chí Đỗ Chi Phương trực tiếp làm Bí thư,

² Di bút của các đồng chí Trần Văn Thị ghi khi thành lập chi bộ có 9 đảng viên, nhưng đến nay tổ biên soạn mới chỉ tìm thấy danh sách 6 đồng chí có tên trên và đồng chí Đỗ Chi Phương. Để bảo đảm khách quan tổ biên soạn vẫn ghi khi thành lập chi bộ có 9 đảng viên.

chủ yếu để hướng dẫn công tác lãnh đạo cho các đảng viên trong chi bộ; đồng chí Hoàng Hữu Thông được cử làm Phó Bí thư. Ngay trong năm 1948, Chi bộ phát triển thêm được các đảng viên là Bùi Văn Rương, Trần Văn Cứ, Lương Quang Chiêu, Dương Đình Thúc... Khi công việc đã ổn định, đồng chí Đỗ Chi Phương trở về huyện. Ngày 16/01/1949, Chi bộ bầu đồng chí Hoàng Hữu Thông làm Bí thư¹; đồng chí Nông Tiến Thắng làm Phó Bí thư²; đồng chí Đinh Phú Hào là Thường vụ Chi ủy.

Chi bộ xã Long Khê được thành lập là một sự kiện chính trị quan trọng của nhân dân các dân tộc trong xã. Từ nay, tại địa phương đã có tổ chức lãnh đạo trực tiếp gần dân, hiểu dân, cùng nhân dân trong xã thực hiện các nhiệm vụ cao cả mà Đảng đề ra.

Năm 1949, Chi bộ lãnh đạo tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp (xã và tỉnh) khóa II. Căn cứ vào Thông tư số 814-NV/PC của Bộ Nội vụ, ấn định ngày 24 tháng 4 năm 1949, tổ chức bầu cử Hội đồng nhân

¹ Theo Lý lịch của đồng chí Hoàng Hữu Thông, bản khai ngày 26/11/1951

² Từ tháng 4/1949-7/1950 đồng chí Dương Đình Thúc làm Phó Bí thư chi bộ; đồng chí Nông Tiến Thắng làm Chủ tịch Liên Việt xã.

dân 2 cấp xã và tỉnh khóa II. Chi ủy, Chi bộ lãnh đạo Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt xã hiệp thương và tổ chức bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân xã Long Khê khóa đầu tiên sau ngày hợp nhất và kết quả bầu cử đã thành công tốt đẹp. Sau bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa 1949-1951; tháng 5 năm 1949 Hội đồng nhân dân xã Long Khê đã họp phiên đầu tiên để bầu các chức danh lãnh đạo Ủy ban Kháng chiến-Hành chính xã. Hội đồng nhân dân đã bầu đồng chí Đinh Phú Hào làm Chủ tịch, đồng chí Lương Quang Chiêu và Mông Quốc Hoa làm Phó Chủ tịch Ủy ban KCHC xã.

Về công tác lãnh đạo, lúc này Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương xã Long Khê là đầu mối trực thuộc Huyện ủy Đồng Hỷ; có nhiệm vụ lãnh đạo trực tiếp mọi mặt công tác trong xã nên có điều kiện tập trung hơn so với khi còn sinh hoạt tại chi bộ ghép. Quán triệt sâu sắc nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở Đảng lãnh đạo toàn diện công tác ở địa phương, chi bộ khẩn trương ổn định các tổ chức chính quyền, đoàn thể để nhanh chóng bắt tay vào thực hiện được ngay. Trong năm 1949 chi bộ tiếp tục kết nạp được các đảng

viên Nguyễn Văn Mười, Nông Văn Giang, Nguyễn Đức Năng, Trần Văn Tùy, Mông Quốc Hoa, Trần Văn Sáng, Trương Văn Chúc, Bùi Văn Tòng... tăng cường đáng kể sức lãnh đạo của chi bộ.

Tháng 5/1950, Đại hội lần thứ nhất đoàn Phụ nữ Cứu quốc Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã quyết định thống nhất các tổ chức phụ nữ trong toàn quốc thành Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Cuối năm 1950, Hội Phụ nữ Cứu quốc xã đổi tên thành Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Long Khê do đồng chí Ninh Thị Hàn làm Hội trưởng và đồng chí Nông Thị Sùng làm Hội phó; ở các xóm có ủy viên Ban chấp hành trực tiếp làm chi hội trưởng.

Về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, Chi bộ, Chính quyền, các đoàn thể mà trực tiếp là Hội Nông dân vận động bà con tích cực khai hoang trồng lúa nước, phát rẫy trồng lúa nương; tổng cộng cả 2 diện tích được 53 mẫu 6 sào 12 thước. Tuy nhiên năng suất và sản lượng lương thực trong sản xuất nông nghiệp của xã còn rất thấp. Nguyên nhân do các thửa ruộng cấy lúa nước, tra lúa nương đều gần rừng nên bị chim chóc, thú rừng phá hoại, thu nhập chỉ đạt trên dưới 30

kg/sào. Về trồng sắn, trồng ngô cũng trong cảnh tương tự, do bị nhím, lợn rừng, khỉ, đào bẻ từ khi còn non. Chính quyền xã tổ chức cho nhân dân làm các chòi canh nương, làm bù nhìn rơm để chống chim chóc, muông thú, bảo vệ mùa màng, nhưng cũng chỉ hạn chế được sự thất thoát một phần..

Về giao thông, do các cầu Linh Nham, Bò Đái và Long Giàn đã bị phá huỷ từ năm 1945 và năm 1947 lại tiếp tục phá hoại cầu tạm trong dịp tiêu thổ kháng chiến. Được sự chỉ viện của bộ đội, nhân dân xã Khe Mo phối hợp làm cầu treo qua 3 khúc sông để nhân dân đi lại. Các cầu treo Linh Nham, Bò Đái và Long Giàn tuy chỉ đơn giản được treo bằng các sợi dây cáp kết hợp với dây song¹, nhưng đã phục vụ kịp thời cho nhu cầu qua sông của người đi bộ, người gánh hàng hoặc xe đạp thồ. Các loại hàng hoá nặng phải dùng ngựa thồ hoặc phải dùng xe kéo, xe quệt hoặc nhiều người đẩy...đã có lối xuống để lội qua ngầm để sang sông.

¹ Dây song thuộc họ mây, nhưng sợi dây song có thể to bằng cổ tay người lớn nên có độ bền, dai chắc. Ba sợi dây song chập lại với 1 dây cáp làm dây treo cầu sẽ rất chắc chắn.

Bên cạnh đó xã còn tập trung nhân lực chi viện cho chiến trường, từ năm 1948 đến 1949 mỗi năm xã đều tổ chức trung bình khoảng 10 đợt huy động dân công, mỗi đợt từ 10 đến 30 người đi phục vụ làm đường, vận tải lương thực và kéo phà...theo sự điều động của UBND huyện. Các công việc được giao xã đều chấp hành nghiêm túc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hơn 2 năm sau ngày sáp nhập, các mặt công tác của xã Long Khê đã ổn định. Chi bộ, Chính quyền và các đoàn thể đã từng bước được kiện toàn, hoạt động có hiệu quả. Tháng 10 năm 1950, quân Pháp mở cuộc hành quân mang tên Phô-cơ (tức Hải Cầu) càn quét các địa phương trong tỉnh, trong đó có xã Khe Mo.

Ngày 29 tháng 9 năm 1950, địch cho 3.000 quân có máy bay yểm trợ theo 3 hướng hành quân trên bộ và một hướng đổ bộ đường không đánh lên Thái Nguyên.

Được tin Pháp càn lên Thái Nguyên, nhân dân còn lại ở thị xã và lân cận đi sơ tán vào rừng núi, trong số này có nhiều gia đình chọn xã Khe Mo làm nơi chạy

càn¹. Sáng ngày 01 tháng 10 năm 1950, có một đoàn khoảng 300 người dân đi sơ tán từ Linh Nham vào Khe Mo. Khi đoàn người vừa qua cầu Bò Đái thì bị 2 máy bay B-ving-six (B26) lao tới bắn đạn xối xả làm chết và bị thương rất nhiều người².

Chiều ngày 01 tháng 10 năm 1950, quân Pháp cho 27 máy bay ném bom đánh phá dọn bãi sau đó thả 200 quân dù xuống sân bay Đồng Bầm. Khi tiếp đất đội quân dù lập tức tổ chức càn quét các vùng xung quanh.

Tại xã Long Khê, trung đội du kích được lệnh tổ chức phục kích trên đường 1B tại cầu Bò Đái. Trưa ngày 06 tháng 10 năm 1950, khoảng 1 trung đội địch hành quân từ Linh Nham lên và lọt vào trận địa của ta. Nhưng đúng lúc này trung đội du kích của xã làm nhiệm vụ phục kích lại về ăn cơm trưa, nên bỏ lỡ cơ

¹ Chạy càn là cách gọi tắt khi lánh đi tránh đụng quân Pháp đi càn.

² Theo di ngôn của cụ Lê Thị Tá được con trai là Nguyễn Mạnh Tiền ghi lại thì hôm đó là ngày 20/8 âm lịch năm Nhâm Thìn 1952; số người chết và bị thương do máy bay Pháp bắn khoảng 200 người. Ngay đêm 01/10/1952 cấp trên điều 1 đại đội thuộc Đoàn an dưỡng khu Việt Bắc (đóng ở xóm La Đường) và 1 đại đội thuộc Đoàn an dưỡng 99 (đóng ở Làng Hòa) ra thu dọn và chôn cất. Tuy nhiên do đêm tối và địch đã nhảy dù xuống Đồng Bầm nên việc chôn cất sơ sài, sau đó hồ, kỳ đà đào bới làm cho mùi hôi thối bốc lên rất khó chịu trong một thời gian dài.

hội diệt địch. Không bị lực lượng nào đánh chặn hoặc quấy rối, bọn địch tách 1 toán càn dọc đường từ cầu Bò Đái đến xóm Khe Mo, đốt đền Ao Rôm; một toán càn theo đường vào xóm La Nưa (nay là khu vực xóm Hải Hà). Sau đó quân địch quay trở lại và rút ra khỏi địa phương, cuộc càn quét của binh lính Pháp vào xã lần thứ 2 kết thúc.

Khi địch càn vào xã, đi đến đâu quân Pháp cũng đốt phá nhà cửa của nhân dân, bị tổn thất nhiều nhất là các hộ ở ven đường như phố Khe Mo, phố Ao Rôm, phố Linh Nham. Do có rừng núi rậm rạp, xã tổ chức nhân dân và đồng bào tản cư triệt để sơ tán lánh vào rừng nên không có tổn thất về người.

3- Lãnh đạo xây dựng chính quyền, đoàn thể, sản xuất, chi viện cho chiến trường và hoàn thành cách mạng ruộng đất

Sau khi quân Pháp rút lui, Chi bộ, Ủy ban KCHC xã Long Khê khẩn trương tổ chức nhân dân về làng cũ, tích cực tăng gia sản xuất, ổn định đời sống. Chi ủy chi bộ và chính quyền lãnh đạo nhân dân vừa tích cực trồng lúa nước, tra lúa nương, mố rẫy và trồng ngô, trồng sắn, khoai lang, khoai sọ... Mặt khác còn tổ

chức nhân dân ở từng khu đồng, khu rẫy tổ chức người trông coi để đuổi thú rừng và chim muông phá hoại. Nhờ vậy việc thu hoạch lương thực bảo đảm đời sống nhân dân và đóng thuế cho nhà nước đủ kịp thời.

Đến năm 1953 toàn xã có 1.723 khẩu, trong đó có 318 người tham gia nông hội. Ngày 08 tháng 12 năm 1953¹ Ủy ban KCHC xã và Ban Chấp hành hội nông dân họp hội nghị bàn về việc củng cố các tổ đổi công và thành lập tổ giao lương vận chuyển thóc thuế nhanh gọn kịp thời. Trước đó, từ ngày 25 tháng 5 đến ngày 07 tháng 6 năm 1953² xã Long Khê đóng thuế đợt 1 được 29.597 kg thóc. Từ ngày 24 tháng 12 năm 1953 đến ngày 02 tháng 01 năm 1954³ xã Khe Mo đóng thuế lương thực được 12.915 kg thóc, hoàn thành chỉ tiêu trên giao. Ngoài ra, Ủy ban xã còn vận động nhân dân bán thóc cho nhà nước được 4.536 kg. Lãnh đạo củng cố được 8 tổ đổi công ở các xóm để hỗ trợ nhau sản xuất và giúp đỡ các gia đình neo đơn, gia đình có người đi bộ đội, đi dân công dài ngày và du kích tập trung để anh chị em yên tâm làm nhiệm vụ.

¹ Bút tích của cổ đồng chí Lý Văn Học xóm Đèo Khế.

² Từ ngày 13 đến ngày 26/4/1953 theo âm lịch.

³ Từ ngày 19 đến ngày 28/11/1953 theo âm lịch

Bên cạnh lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất kinh tế, Chi bộ và Ủy ban xã tiếp tục kiện toàn bộ máy lãnh đạo và các cơ quan giúp việc. Thực hiện Quyết định số 438-NV/TTC ngày 10 tháng 10 năm 1950 về việc thành lập Ban Công an xã thay thế cho tổ trật tự. Cuối năm 1950 đầu năm 1951, Chi bộ và Ủy ban phân công đồng chí Mông Quốc Hoa (nguyên là tổ trưởng tổ trật tự) làm Trưởng Ban Công an xã Long Khê. Ban Công an gồm 1 trưởng ban, 1 phó ban, và các ủy viên là các tổ trưởng công an ở các xóm.

Lãnh đạo nhiệm vụ động viên thanh niên tòng quân xây dựng quân đội và phục vụ cho chiến trường ngày một nặng nề. Chi bộ, Ủy ban, Mặt trận và các ban ngành đoàn thể xã tích cực vận động thanh niên vào Vệ quốc đoàn, đi dân công và đi thanh niên xung phong.

Công tác vận động thanh niên tòng quân xây dựng quân đội là nhiệm vụ xuyên suốt từ khi thành lập chính quyền đến những năm tiếp sau. Thời kỳ này chưa có luật hoặc pháp lệnh về việc gọi thanh niên nhập ngũ, vì vậy công tác động viên, vận động, thuyết phục của chi bộ, chính quyền, các đoàn thể đóng vai

trò quan trọng. Cấp ủy, Chính quyền luôn tuyên truyền, động viên làm cho thanh niên nhận thức được ý thức trách nhiệm, lòng yêu nước, căm thù giặc, tình nguyện xung phong lên đường đi chiến đấu. Trong 3 năm 1949-1951 toàn xã có 33 đồng chí tình nguyện nhập ngũ. Một số đồng chí vào các đơn vị bồi đội chủ lực của Bộ tổng Tư lệnh đi chiến đấu ở các chiến trường, một số đồng chí vào đại đội 223 bộ đội địa phương huyện Đồng Hỷ chiến đấu bảo vệ quê hương. Trong số thanh niên thôn Khe Mo tình nguyện đi chiến đấu trong kháng chiến chống Pháp, có 6 đồng chí đã anh dũng hy sinh.

Về huy động dân công phục vụ chiến trường, năm 1950 xã Long Khê thành lập Văn phòng huy động dân công. Văn phòng do đồng chí Trần Văn Thị (Chấp ủy viên¹) phụ trách, thành phần có đồng chí Lương Đình Công (Phó Chủ tịch UBND xã), đồng chí Lê Văn Tương (xã đội trưởng), các ủy nhiệm thôn và đại biểu các ngành các giới². Văn phòng huy động dân công đã

¹ Sau gọi là Thường vụ chi ủy.

² Theo quy định Văn phòng huy động dân công thành phần gồm: 1 Chi ủy viên, 1 Phó Chủ tịch hoặc ủy viên Ủy ban KCHC xã; 1 xã đội, các ủy nhiệm thôn (sau gọi là trưởng thôn) và đại biểu các ngành các giới. Khi đồng chí trong thành phần thay đổi nhiệm vụ thì đồng chí đảm nhiệm chức danh tương ứng thay thế cho đủ thành phần.

thường xuyên bám sát nhiệm vụ, huy động trực tiếp nhân lực, đảm bảo đủ chỉ tiêu trên giao. Từ tháng 01 đến tháng 9 năm 1951, xã Long Khê có 276 người đi làm đường, 783 lượt người đi tiếp lương và 642 lượt người đi dân công phục vụ chiến dịch và phục vụ tại các cơ quan hoặc cơ sở của Nhà nước¹.

Ngày 03 tháng 3 năm 1951, Đảng Lao động Việt Nam chính thức ra mắt quốc dân, công khai lãnh đạo kháng chiến toàn quốc. Chi bộ Đảng Lao động Việt Nam xã Long Khê ra hoạt động công khai gồm Bí thư chi bộ Hoàng Hữu Thông; Phó Bí thư chi bộ Nông Tiến Thắng và Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Đình Phú Hào. Từ tháng 5 năm 1951 đồng chí Bùi Văn Rương làm Phó Bí thư. Tháng 8 năm 1951 đồng chí Hoàng Hữu Thông kiêm Ủy viên Ủy ban KCHC xã và đến tháng 5 năm 1952 lên nhận công tác tại Hội đồng cung cấp Liên khu Việt Bắc. Đồng chí Đào Quốc Nhã được bầu làm Bí thư chi bộ².

¹ Báo cáo số: 71 BC/TN lưu tại ĐVBQ 15 phong số 1 Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

² Theo di bút của các cố đồng chí Hoàng Bằng, Trương Văn Chức.

Từ ngày 03 đến 07 tháng 3 năm 1951, Đại hội hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Liên-Việt thành một tổ chức thống nhất lấy tên là Mặt trận Liên-Việt. Theo chỉ đạo của Mặt trận Liên-Việt huyện Đồng Hỷ, quý 3/1951, xã Long Khê thống nhất 2 tổ chức mặt trận thành Mặt trận Liên-Việt. Mặt trận Liên Việt xã Long Khê bầu đồng chí Nông Tiến Thắng làm Chủ tịch. Mặt trận Liên-Việt xã Long Khê đã nhanh chóng thực hiện nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ nặng nề của xã.

Ngày 10 tháng 6 năm 1951, Hội đồng nhân dân xã Long Khê đã họp và bầu các chức danh chủ chốt Ủy ban Kháng chiến-Hành chính xã. Đồng chí Đinh Phú Hào được bầu làm Chủ tịch, đồng chí Lường Quang Chiêu được bầu làm Phó Chủ tịch, ông Nguyễn Văn Cân làm Ủy viên Ủy ban phụ trách Văn phòng Ủy ban. Các ông Phương Hữu Quảng, Hoàng Hữu Thông, Nguyễn Đức Năng làm Ủy viên Ủy ban KCHC xã³.

Về huy động dân công xã luôn bảo đảm chỉ tiêu trên giao như đi dân công phục vụ chiến dịch Tây Bắc- Thượng Lào⁴ năm 1952, 1953. Chấp hành Thông

³ Quyết định số:177-P3, ngày 8/8/1951 của Ủy ban KCHC tỉnh Thái Nguyên.

⁴ Chiến dịch Tây Bắc diễn ra từ ngày 14/10 đến 12/12/1952.

Chiến dịch Thượng Lào diễn ra từ ngày 8/4 đến 3/5/1953.

tư số 84 của Huyện ủy Đồng Hỷ về sự cần thiết của công tác cầu đường, ngầm, phà. Ngày 14/7/1953, Chấp ủy (chi ủy) xã Long Khê¹ ra Quyết nghị số 18-CB.X phân công các đồng chí đảng viên Nông Đình Phú, Nông Văn Giang (ở tổ đảng Vân Hán); Trần Bảo Thạch (ở tổ đảng Phả Lý); Trần Văn Sáng (ở tổ đảng Làng Cháy); Lý Văn Học (ở tổ đảng Long Giàn) lên công trường làm công tác lãnh đạo dân công một đợt thời gian 2 tháng. Đúng 12 giờ ngày 17/7/1953, các đảng viên được phân công nhiệm vụ có mặt tại trụ sở Ủy ban KCHC xã sẵn sàng lên đường; mỗi đồng chí còn phải tự túc 7 ngày lương thực và sổ tay bút mực làm việc, nhưng tất cả đều nhiệm chỉnh chấp hành và hoàn thành nhiệm vụ².

Do xã Khe Mo có nhiều đồng bào quê ở các tỉnh bạn tản cư đến và các cơ quan đơn vị sơ tán về đông, nên nhu cầu học tập cho con em nhân dân là đòi hỏi cấp bách. Được sự giúp đỡ của trên, ngay sau trận càn

¹ Trên văn bản lại ghi là xã Khe Mo nhưng lại có các đảng viên ở Văn Hán, cả đồng chí Chấp ủy viên Trần Văn Thị là người ký công văn điều động cũng là người Làng Hòa, Văn Hán. Do vậy Tổ biên soạn ghi tên xã lúc này vẫn là Long Khê.

² Trích Quyết nghị số 18-CB.X ngày 14/7/1953 của Thường vụ Chi ủy xã do Chấp ủy viên Trần Văn Thị ký. Tài liệu gốc này do gia đình đồng chí Lý Văn Học cung cấp.

Phô-cơ (1950), Ủy ban xã mở lớp học vỡ lòng ở đền Long Giàn. Năm 1952 xã mở trường học ở khu Cây Sấu gần nhà ông Trạc Văn Nam (xóm Khe Mo), nhưng chỉ có 1 lớp 1 do cô giáo Lê Thị Hoàng Hà trực tiếp dạy. Năm học 1953-1954, số lớp học tăng lên gồm 1 lớp 1; 1 lớp 2; 1 lớp 3 và 1 lớp 4. Giáo viên gồm 3 thầy (cô) là Hiệu trưởng Ma Văn Bách, thầy giáo Nguyễn Văn Xuân (thường gọi Nguyễn Xuân) và cô giáo Lê Thị Hoàng Hà cùng đứng lớp dạy học như nhau.

Thực hiện Sắc lệnh số 26/SL ngày 15 tháng 2 năm 1950, thành lập Ban Giảm tô cấp xã về chủ trương phát động nhân dân đấu tranh đòi giảm tô, giảm tức. Theo sự điều động của cấp trên, ngày 15 tháng 4 năm 1953³, Đội giảm tô do ông Nông Quốc Chấn⁴ làm đội trưởng, các đội phó là Lê Văn Liên, Lý Văn Sửu, cùng các đội viên về xã Long Khê phát động quần chúng đấu tranh đòi giảm tô tức. Đội giảm tô lấy Ban chấp

³ Tức ngày 12/3 theo âm lịch

⁴ Tức nhà thơ Nông Quốc Chấn, sau này làm Thứ trưởng Bộ Văn hóa. Khi tiến hành giảm tô vẫn là xã Long Khê, sau giảm tô mới chia thành 2 xã Khe Mo và Đoàn Kết. Những người quy thành phần ở đây chỉ ghi số ở xã Khe Mo.

hành Nông hội làm nòng cốt phát động nông dân đấu tranh. Được sự hỗ trợ của đội giảm tô và uy thế của nông dân, sau nhiều ngày tuyên truyền vận động và kiên trì đấu tranh, mức giảm địa tô 25% được các nhà có thu tô chấp nhận. Qua giảm tô đã phân định thành phần giai cấp của các gia đình ở thôn Khe Mo. Đội quy thành phần 4 gia đình là địa chủ¹, 4 hộ bị quy thành phần phú nông². Đồng thời đội giảm tô cũng định chỉ sinh hoạt đảng và hạ tầng công tác các đảng viên gồm Hoàng Hữu Thông, Bí thư chi bộ; Đinh Phú Hào, Thường vụ Chi ủy, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - Hành chính xã. Đồng chí Trần Ngọc Sơn được cử làm Bí thư chi bộ và đồng chí Lê Văn Tương được cử làm Chủ tịch Ủy ban KCHC xã Long Khê.

Ngày 25 tháng 5 năm 1953, các đại biểu Chi ủy, Ủy ban KCHC và Hội nông dân Cứu quốc xã đi dự đấu tố địa chủ Nguyễn Thị Năm ở xã Đồng Bầm. Ngày 01 tháng 6 năm 1953, Tòa án nhân dân đặc biệt huyện Đồng Hỷ xử địa chủ cường hào tại xã Đồng

¹ Các hộ bị quy địa chủ là: Lý Thị Sùng, Lê Công Thịnh, Nguyễn Như Chín, Lý Bùi Cơ.

² Các hộ bị quy thành phần Phú nông là: Phạm Văn Tiến, Trương Văn Nho, Lý Văn Chính, về sau thêm hộ Lê Văn Tương.

Bẩm, xã Long Khê cử 8 đại biểu đi dự. Tại phiên tòa đã tuyên án tử hình đối với địa chủ Nguyễn Thị Năm (tức Cát Hanh Long). Trở về xã các quần chúng bắt tay vào đấu tranh theo chỉ đạo của đội giảm tô, cuộc đấu tranh có lúc diễn ra gay gắt quyết liệt. Được sự chỉ đạo của trên, xã Khe Mo cùng 5 xã khác³ trong huyện Đồng Hỷ không tiến hành cải cách ruộng đất mà thực hiện phân định thành phần giai cấp quy định từ khi tiến hành giảm tô.

Ngày 12 tháng 11 năm 1953⁴, Ban Chấp hành Nông hội tổ chức cuộc họp nông dân đấu tranh đấu tố địa chủ Nguyễn Như Chín; các địa chủ Nguyễn Thị Sùng, Lý Bùi Cơ và Lê Công Thịnh bị trưng mua tài sản.

Ngày 06 tháng 11 năm 1953⁵, Đại hội Nông hội tại Ủy ban kháng chiến - Hành chính xã Long Khê, có tổng số 76 đại biểu tham dự. Đại hội bàn và quyết định chia tách xã Long Khê thành 2 xã là Khe Mo và Đoàn Kết. Đại hội bầu Ban Chấp hành Nông hội xã

³ Các xã trong huyện Đồng Hỷ không cải cách ruộng đất là: Khe Mo, Đoàn Kết (Văn Hán), Quang Trung (Nam Hòa), Tân Lợi, Hòa Bình (Cây Thị)

⁴ Tức ngày 6/10 theo âm lịch.

⁵ Tức ngày 27/10/1953 theo âm lịch

Khe Mo gồm 7 người; ông Trần Văn Biên được bầu làm Bí thư Nông hội; ông Lương Đình Phẩm làm Phó Bí thư; các Ủy viên Ban Chấp hành gồm ông Trần Hữu Tuệ (phụ trách dân sinh-kinh tế), ông Nông Văn Nhục (thủ quỹ), ông Lê Văn Thành (phụ trách Thanh niên), bà Trần Thị Nội (phụ trách Phụ nữ) và ông Trần Văn Đạt (phụ trách Văn phòng nông hội).

Ngày 07 tháng 12 năm 1953¹, Hội nghị bàn giao công tác của Ủy ban KCHC xã Long Khê thành 2 Ủy ban KCHC xã Khe Mo và xã Đoàn kết được tiến hành có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban KCHC huyện Đồng Hỷ. Sau gần 6 năm chiến đấu, xây dựng chi bộ, chính quyền dưới ngôi nhà chung (xã Long Khê), mỗi người không khỏi bồi hồi xúc động và thề hứa quyết tâm xây dựng xã mới ngày càng tiến bộ.

Ủy ban Kháng chiến-Hành chính xã Khe Mo sau khi chia tách đã bầu ông Hoàng Văn Thọ làm Chủ tịch, ông Nguyễn Văn Nghĩa làm Phó Chủ tịch; các ủy viên Ủy ban KCHC xã gồm ông bà Phùng Đức

¹ Tức ngày 02/11/1953 theo âm lịch.

Nàm, Vy Văn Giác, Trạc Thị Xìn, Lương Đình Công²,
Dương Văn Khánh.

Các ban ngành đoàn thể của xã Khe Mo mới gồm: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban Công an. Đồng chí Hoàng Bằng làm Xã đội trưởng. Ông Phương Hữu Quảng làm Chủ tịch Liên-Việt. Ông Trần Văn Biên làm Bí thư nông dân. Bà Trạc Thị Xìn làm Hội trưởng Hội Phụ nữ. Đồng chí Nông Văn Nhục làm Bí thư Đoàn thanh niên.

Sau khi tái lập, xã Khe Mo mới (1953) có diện tích lớn hơn xã Khe Mo cũ (1945), do tiếp nhận thêm các xóm trước năm 1945 vốn thuộc các xã Vân Hán, Hòa Khê và Hóa Trung. Cụ thể, ở phía Bắc, Khe Mo tiếp nhận thêm các xóm Long Giàn, Đèo Khế (thuộc 2 xã cũ trước năm 1945 là Phả Lý và Vân Hán). Ở phía tây, Khe Mo cũng tiếp nhận các xóm La Đường, Làng Cháy, Dọc Hèo thuộc xã Hóa Trung.

² Năm 1955 đội giám tô tiếp tục đình chỉ không cho sinh hoạt đảng 3 chi ủy viên là Lương Đình Công, Trạc Văn Nam và Lê Văn Tương. Tại Đại hội chi bộ ngày 10/12/1954 đồng chí Lê Văn Tương vẫn còn được bầu làm Phó Bí thư chi bộ, Chủ tịch Ủy ban KCHC xã, sau đó mới bị đình chỉ công tác để đến năm 1958 mới được phục chức chi ủy viên và Ủy viên Ủy ban KCHC xã Khe Mo.

Sau khi chia tách xã về địa lý hành chính, Chính quyền và Chi bộ xã Long Khê cũng được tách ra thành 2 chi bộ là Chi bộ Khe Mo và chi bộ Đoàn Kết, các đảng viên sinh sống ở xã mới nào về sinh hoạt chi bộ theo xã đó¹. Chi bộ xã Khe Mo có 16 đảng viên, do đồng chí Bùi Văn Tòng phụ trách Bí thư, đến tháng 12/1953, đồng chí Hoàng Hữu Thông được bầu làm Bí thư Chi bộ xã Khe Mo.

Ngày 15 tháng 12 năm 1953², BCH Nông hội xã tổ chức hội nghị gồm 20 người kiểm điểm ông Đinh Phú Hào, nguyên là Chủ tịch Ủy ban KCHC xã Long Khê vì các có các khuyết điểm trong công tác. Hội nghị quyết định thi hành kỷ luật ông Đinh Phú Hào bằng hình thức cách chức Ủy viên Thường vụ Chi ủy, Chủ tịch Ủy ban KCHC xã.

Ngày 12 tháng 02 năm 1954³, chi bộ họp bình nghị đóng Đảng phí của các đảng viên trong chi bộ. Đảng viên thành phần trung nông đóng đảng phí bằng 5 kg thóc; đảng viên thành bản nông đóng đảng phí

¹ Theo một bản thống kê lưu trữ, Chi bộ xã Khe Mo có 16 đảng viên, Chi bộ xã Đoàn Kết có 18 đảng viên.

² Tức ngày 10/11/1953 theo âm lịch

³ Tức ngày 11/01/1954 theo âm lịch

bằng 2 kg thóc; mỗi kg thóc trị giá bằng 20 đồng. Các đảng viên trong chi bộ thống nhất cao với chủ trương đóng đảng phí do chi bộ đề ra và thực hiện nghiêm túc.

Tại thời điểm ngày 01 tháng 4 năm 1954⁴, xã Khe Mo có 396 mẫu 8 sào 12 thước ruộng, trong đó có 30 mẫu cấy được lúa chiêm nhưng mới cấy 20 mẫu, còn bỏ hoang 10 mẫu do chưa chắc chắn cho thu hoạch. Diện tích trồng màu gồm: trồng sắn được 11 mẫu 5 sào 4 thước; trồng ngô 14 mẫu 2 sào 5 thước; trồng lạc 4 mẫu 4 sào 3 thước; trồng khoai lang 5 mẫu 6 sào 1 thước và trồng khoai sọ có 9 mẫu 3 sào 2 thước. Toàn xã có 187 hộ gồm 1.222 nhân khẩu, trong đó có 125 hộ làm nông nghiệp và 62 hộ làm nghề khác. Có 52 hộ gia đình thiếu ăn từ 3 đến 6 tháng, số còn lại tạm đủ hoặc thiếu ăn từ 1 đến 2 tháng. Tuy nhiên việc huy động thuế lúc này còn gặp khó khăn, mới có 633 khẩu hoàn thành nộp thuế, còn 589 khẩu vẫn còn nợ một phần.

Để các hộ nông dân giúp đỡ nhau trong sản xuất, đặc biệt là giúp đỡ những hộ neo đơn, hộ có người đi bộ đội, đi dân công yên tâm làm nhiệm vụ, từ năm 1952 Chi ủy chi bộ và Ủy ban Kháng chiến-Hành

⁴ Tức ngày 28/02/1954 theo âm lịch

chính xã Long Khê đã chỉ đạo thành lập được 12 tổ đổi công ở tất cả các xóm đặt dưới sự chỉ đạo điều hành của Ban Chấp hành Hội nông dân. Thời gian đầu hoạt động của tổ đổi công khá tốt, bà con nông dân tự giác thực hiện nội quy của từng tổ, các tổ hoạt động tốt như 2 tổ ở xóm Làng Cháy, 2 tổ ở xóm Đèo Khế, 3 tổ ở xóm Khe Mo. Nhưng cuối năm 1953, đầu năm 1954, hoạt động của các tổ đổi công đã đi xuống, nhất là từ sau khi chia xã Long Khê thành 2 xã Khe Mo và Đoàn Kết. Cả xã Khe Mo chỉ còn 1 tổ ở xóm Khe Mo và 1 tổ đổi công ở xóm Đèo Khế còn hoạt động cầm chừng, các tổ còn lại coi như đã giải tán. Trước tình hình sản xuất của các tổ đổi công bị đình đốn, Chi ủy và Ủy ban xã chỉ đạo khôi phục củng cố các tổ đổi công để duy trì hoạt động trở lại. Ngày 28 tháng 3 năm 1954, Ban Thường vụ Ban Chấp hành Nông hội xã Khe Mo đã họp dưới sự chủ tọa của đồng chí La Văn Thuận, Ủy viên Thường vụ phụ trách Văn phòng Nông hội bàn về việc tập trung củng cố các tổ đổi công trong xã đang có chiều hướng bị mai một như các tổ La Đường, La Nưa, Khe Mo. Xác định trách nhiệm của nông dân trong xây dựng lối làm ăn tập thể, cho năng suất lao động cao hơn; giúp cho người đi dân công, đi chiến đấu yên tâm làm nhiệm vụ cũng

là góp phần đánh thắng giặc. Sau nhiều ngày kiên trì vận động, các tổ đổi công dần dần đi vào hoạt động và đã có sự chuyển biến phát triển tốt hơn trước.

Tháng 5 năm 1954, Đại hội Nông hội liên xã (gồm xã Khe Mo và xã Đoàn Kết và xóm Phúc Thành) được tổ chức với số lượng tham dự có 80 đại biểu gồm đủ các dân tộc Kinh, Thổ, Trại; thành phần giai cấp bản nông, cố nông, trung nông. Các đại biểu có Liên-Việt khu Việt Bắc, Sở Mậu dịch và bộ đội đóng quân ở địa phương tham dự. Số người vào Nông hội có 355 người, riêng thôn Khe Mo có 77 người. Đại hội tập trung vào nhiệm vụ đấu tranh của giai cấp của tầng lớp nông dân nghèo (bản nông, cố nông) nhằm hạ uy thế của địa chủ cường hào. Trong cuộc đấu tranh này nông dân được sự hậu thuẫn giúp đỡ của bộ đội và các cơ quan nhà nước đứng chân trên địa bàn xã¹. Đại hội bầu Ban Chấp hành Nông hội liên xã gồm các ông bà Nguyễn Văn Thơm, Phương Văn Thị (ở Hòa Khê); Trần Thị Đắc, Lâm Văn Lã (ở xóm Vân Hán); Lý Văn Đăng, Nguyễn Văn Ngọ và Lâm Văn Song (ở xóm Phả Lý); Trần Văn Biên, Lê Văn Thành (ở xóm Phúc

¹ Trích từ Sổ tay ghi chép năm 1953-1954 của đồng chí cán bộ có tên là Nguyễn Xuân Trường. Tài liệu ghi ngày 27/5/1954 do gia đình cố đồng chí Lý Văn Học cung cấp.

Thành); Trạc Thị Xìn (ở xóm Khe Mo); Nông Văn Nhục (ở xóm Đè Khế).

Theo điều động của Ủy ban KCHC huyện Đồng Hỷ về huy động dân công phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, Ủy ban KCHC xã Khe Mo huy động 1 trung đội và phân công đồng chí xã đội phó phụ trách chung. Chấp hành sự điều động, anh, chị em dân công Khe Mo đã tập trung tại Ủy ban huyện đúng thời gian quy định. Sau khi nhận hàng, anh chị em trong tổ gánh gạo, tổ gánh đạn đi bộ từ Thịnh Đán qua đường Đèo Khế sang Tuyên Quang, Nghĩa Lộ đến khu vực chiến trường giao đầy đủ cho hậu cần mặt trận. Tại chiến trường, các dân công được theo từng đơn vị chiến đấu vừa tiếp đạn, vừa tải thương; có đồng chí còn vào tận “cửa mở” để làm nhiệm vụ “cướp cứu”¹ thương binh; những công dân Khe Mo đã góp phần vào chiến thắng vẻ vang của dân tộc.

Trong niềm hân hoan phấn khởi của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Chi bộ, Chính quyền, Mặt trận

¹ Khi đánh đồn địch, ta thường cắt 2 đến 3 đoạn hàng rào dây thép gai để cho bộ đội xung phong vào đồn (đoạn dây thép gai bị cắt được gọi là “cửa mở”, còn bộ đội xung phong vào đồn địch được gọi là “xung kích”). Để cản xung kích của ta, địch tập trung hỏa lực dày đặc bắn về cửa mở, nên thương vong tại đây rất cao. “Cướp cứu” là biện pháp dũng cảm, quyết liệt để lấy thương binh dưới làn hỏa lực địch ở cửa mở.

và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo biết ơn Đảng, Bác Hồ kính yêu. Ngày 19 tháng 5 năm 1954, Chi bộ, Ủy ban KCHC xã Khe Mo tổ chức mít tinh kỷ niệm 64 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và mừng chiến thắng Điện Biên Phủ tại trụ sở Ủy ban kháng chiến-Hành chính xã, có 72 người tham dự. Đọc diễn văn trong lễ mít tinh đồng chí Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến-Hành chính xã Hoàng Văn Thọ nêu lên công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Điện Biên Phủ. Đồng thời, Chi bộ, Chính quyền phát động trong toàn xã phong trào thi đua sản xuất; tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến giành thắng lợi hoàn toàn.

Suốt 9 năm chiến đấu lâu dài và gian khổ, nhân dân các dân tộc xã Khe Mo kiên cường đóng góp công sức cùng nhân dân cả nước giành thắng lợi rất vẻ vang. Trong những năm tháng khó khăn ấy, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân đều tận tâm, tận lực đóng góp công sức, của cải cho sự nghiệp cách mạng; không có ai theo Pháp hoặc làm việc cho Pháp làm hại đến Tổ quốc và nhân dân.

Chương IV

LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (7/1954 - 8/1964)

1- Lãnh đạo khôi phục kinh tế sau hòa bình (7/1954-1957) và thực hiện kế hoạch nhà nước 3 năm (1958-1960)

Sau Hiệp định Giơ ne vơ, cùng với nhân dân miền Bắc; nhân dân xã Khe Mo vui mừng được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, không còn phải lo bom rơi, đạn nổ, giặc càn quét bắn phá. Nhưng, sau 8 năm được đón đồng bào các địa phương khác tản cư, sơ tán về xã, đã tạo cho Khe Mo trở thành một vùng quê đông dân nhộn nhịp, ruộng rẫy trù phú. Nay hầu hết số đồng bào này trở về quê cũ, đã để lại cho Khe Mo một khoảng trống vắng do dân số giảm đến hơn một nửa; ruộng, nương rẫy bỏ hoang khá nhiều do không có lao động canh tác. Trước đó, năm 1953 toàn xã có 1.723 khẩu (chưa tính số người ở các cơ quan, đơn vị bộ đội, xí nghiệp, bệnh viện... sơ tán tại xã đông đến

hàng ngàn người). Đến cuối năm 1954, toàn xã còn lại 187 hộ và 1.222 nhân khẩu, trong đó có 125 gia đình làm ruộng và 82 gia đình làm nghề khác. Công tác lãnh đạo sắp xếp lại lao động cho từng xóm, từng cụm dân cư để nhân dân ổn định sản xuất được chi bộ đặt lên thành nhiệm vụ hàng đầu.

Về sản xuất nông nghiệp: Lúc này xã Khe Mo vẫn có 396 mẫu 8 sào 12 thước ruộng và 21 mẫu 2 sào 7 thước nương rẫy. Chi bộ cùng chính quyền xã lãnh đạo tổ chức nhân dân vào tổ đổi công theo từng xóm. Các tổ đổi công ở Làng Cháy, Đèo Khế, La Đường được lập từ trước khi hòa bình (1954) vẫn duy trì được nếp hoạt động khá. Kết quả sản xuất lương thực vụ mùa năm 1954 đạt năng suất 307 kg/mẫu, sản lượng đạt 128.320 kg; thóc vụ chiêm xuân, thu hoạch không đáng kể. Lương thực có hạt bình quân đầu người đạt chưa đầy 100 kg/năm. Nhân dân trong xã còn thiếu lương thực, thời gian thiếu ăn trung bình từ 4 đến 6 tháng. Đa phần các gia đình quanh năm đều phải ăn độn ngô, khoai lang, sắn, khoai sọ, củ mài...chỉ những ngày nhà có giỗ chạp, ngày lễ, ngày tết mới được ăn cơm không có độn. Nhằm khắc phục

tình trạng thiếu lương thực, Chi bộ lãnh đạo tổ chức phục hóa các ruộng hoang, phát nương thêm được 13 mẫu¹ và tổ chức trồng ngô, trồng sắn được gần 20 mẫu góp phần bảo đảm lương thực cho nhân dân.

Về lãnh đạo nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an: Chi bộ cùng Ủy ban chỉ đạo Công an xã nắm chắc tình hình dân số trong toàn xã, kịp thời phát hiện các biểu hiện nghi vấn nên những năm này an ninh được bảo đảm tốt, trong xã không có tình trạng trộm cắp hoặc gây mất trật tự. Thóc thu hoạch để tại chòi ngoài rừng, lợn, gà, trâu bò thả rông; nhà sàn không có cửa nhưng không xảy ra mất mát.

Về huy động nhân lực thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên điều động, Chi ủy Chi bộ và Chính quyền xã Khe Mo đều lãnh đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, anh chị em đi dân công phục vụ chiến trường đã trở về địa phương. Lúc này tại xã nảy sinh tư tưởng đã hòa bình rồi nên không còn phải đi dân công vất vả khổ cực như trước nữa. Trước diễn biến tư tưởng của nhân dân và yêu

¹ Về nương rẫy ở giai đoạn này, bà con phát rừng trồng tía được 1 vài vụ hết đất màu lại bỏ. Vì vậy diện tích lúc tăng lúc giảm không thống nhất.

cầu nhiệm vụ khôi phục giao thông, thủy lợi sau chiến tranh; Chi bộ và Ủy ban tập trung phổ biến tuyên truyền, giáo dục nhận thức nhiệm vụ góp phần xây dựng đất nước sau hòa bình; đối tượng tập trung trước hết là cho cán bộ đảng viên, đoàn viên thanh niên, du kích và dân quân ...Hiểu được mục đích ý nghĩa của công việc góp công sức khôi phục kinh tế, xây dựng đất nước nên mọi người đều đồng tình. Ngay trong đợt dân công đầu tiên sau hòa bình, xã điều động Trung đội du kích đi dân công sửa chữa đường sá, thời gian làm việc 10 ngày không kể ngày đi ngày về, lương thực tự túc 6 bát gạo và 600 đồng; dụng cụ mang theo nồi nấu ăn, dao, rìu, bát đũa, chăn màn. Sáng ngày 30 tháng 7 năm 1954, anh chị có mặt đầy đủ tập trung tại trụ sở Ủy ban KCHC xã nhận nhiệm vụ². Tất cả cán bộ chiến sỹ dân công được điều động đều chấp hành nghiêm chỉnh sự phân công của lãnh đạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ngày 10 tháng 12 năm 1954, Chi bộ xã Khe Mo tổ chức Đại hội đảng viên lần thứ nhất (kể từ khi tái lập xã). Đại hội kiểm điểm công tác từ khi chia xã Long

² Lệnh điều động dân công ngày 28 tháng 7 năm 1954, do Xã đội trưởng Vy Văn Giác ký

Khê thành xã Khe Mo và xã Đoàn Kết, trong đó trọng tâm là công tác củng cố xây dựng chi bộ, củng cố xây dựng chính quyền và các ban ngành đoàn thể. Nguyên nhân do các tổ chức này đã bị phân tán và giảm hiệu lực thậm chí bị vô hiệu vai trò lãnh đạo điều hành trong thời gian thực hiện chính sách giảm tô. Đại hội đề ra phương hướng lãnh đạo nhiệm kỳ tới tập trung vào củng cố xây dựng chi bộ, chính quyền và các đoàn thể để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn cách mạng mới. Tập trung lãnh đạo lối làm ăn tập thể trong nhân dân thông qua các tổ đổi công ở các xóm. Đại hội bầu chi ủy gồm 7 đồng chí và bầu đồng chí Lê Văn Tương làm Phó Bí thư; đồng chí Hoàng Bằng là Ủy viên Thường vụ; các Chi ủy viên là Luân Văn Thào, Trương Văn Chức, Nông Văn Nhục và Lương Đình Phẩm¹.

Năm 1955, xã Khe Mo tiến hành cải cách dân chủ; nội dung là vận động quần chúng làm áp lực đối

¹ Di bút của đồng chí Lý Văn Học ở xóm Đèo Khế. Tài liệu do gia đình cung cấp. Theo tài liệu này ghi đồng chí Trần Văn Thân được bầu làm Bí thư Chi bộ. Nhưng theo hồ sơ lý lịch đảng viên, đồng chí Trần Văn Thân đến ngày 12/4/1955 mới vào Đảng. Theo di bút của đồng chí Hoàng Bằng thì đồng chí Trần Ngọc Sơn là Bí thư chi bộ đương nhiệm được tái bầu tại đại hội.

với số đối tượng là giai cấp bóc lột chưa thực sự cải tạo. Tại cuộc vận động này, đồng chí Lê Văn Tương, Phó Bí thư chi bộ, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã lại bị quy chụp có sai lầm và bị kỷ luật bằng hình thức giáng chức Phó Bí thư chi bộ xuống chi ủy viên và hạ tâng Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã xuống ủy viên Ủy ban Hành chính xã. Tiếp đó đồng chí Lê Văn Tương lại bị quy thành phần phú nông và bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm hết các chức vụ đảng và chính quyền².

Từ ngày 14 tháng 6 năm 1956, theo chỉ đạo của Ủy ban hành chính huyện Đồng Hỷ, Ủy ban hành chính xã Khe Mo tổ chức cho nhân dân các dân tộc trong xã học tập mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Nhân dân trong xã phấn khởi tham gia học tập với số lượng đạt trên 70%. Ngày 18 tháng 6 năm 1956, nhân dân xã Khe Mo phấn khởi đi bầu cử để lựa chọn 4 đại biểu đại diện cho nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ vào Hội đồng nhân dân Khu tự trị Việt Bắc khóa 1. Cuộc

² Tổ biên soạn chưa biết sau khi đồng chí Tương bị đình chỉ Chủ tịch UBHC xã thì đồng chí nào thay thế. Cũng theo di bút của đồng chí Hoàng Bằng thì đồng chí Trần Ngọc Sơn thay thế và kiêm cả Bí thư chi bộ.

bầu cử đã thành công tốt đẹp, thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân các dân tộc trong xã¹.

Trong giảm tô và đặc biệt trong thời kỳ tiến hành cải cách ruộng đất các đội cải cách trong tỉnh cũng như các địa phương khác đã có những khuyết điểm trầm trọng, gây oan sai cho nhiều gia đình và tổn thất cho Đảng. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 10 (tháng 9 năm 1956) khẳng định: “Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức”. Tiếp theo, tháng 10 năm 1956, Trung ương tiếp tục chỉ thị cho các địa phương tập trung lãnh đạo sửa sai theo phương châm “phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt”.

Thực hiện Nghị quyết lần thứ 10 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), tháng 12 năm 1956, các xã trong huyện Đồng Hỷ tiến hành thực hiện công tác sửa sai. Khe Mo cùng các xã Quang Trung, Linh Sơn, Đoàn Kết, Tân Lợi chỉ làm công tác giảm tô và

¹ Bản lưu tại Phòng 1. mục lục 1, ĐVBQ số 1311 Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên.

cải cách dân chủ (CCDC). Trong quá trình phát động nhân dân thực hiện chính sách giảm tô và CCDC, ở các xã, đã tiến hành phân định thành phần giai cấp là địa chủ cường hào gian ác, địa chủ thường, phú nông, bóc lột... Sau khi phân định thành phần đã tổ chức đấu tố, tịch thu, trưng thu, trưng mua tài sản của từng trường hợp cụ thể. Theo chỉ đạo của trên, các xã chỉ làm công tác giảm tô, CCDC, không cải cách ruộng đất nhưng cũng phải tiến hành rà soát, nếu có sai lầm phải kiên quyết sửa chữa, khôi phục quyền lợi cho những người bị oan sai.

Trong thời kỳ giảm tô, cải cách dân chủ (CCDC), đảng viên là bản cố nông và nông dân đã hăng hái đấu tranh để hạ uy thế của giai cấp địa chủ, phú nông giành quyền làm chủ ruộng đất cho mình. Nay lại cho rằng trong giảm tô, cải cách đã có sai lầm nghiêm trọng, phải kiên quyết sửa chữa nên nhiều người có biểu hiện chán nản, hoang mang, thậm chí không muốn làm việc nữa. Lúc này Chi bộ Khe Mo cũng nằm trong tình trạng như vậy. Chi bộ có 16 đảng viên, nhưng không tổ chức sinh hoạt được. Các đảng viên có biểu hiện chán nản, mệt mỏi, giảm sút ý chí trách

nhệm, có đồng chí đi bói toán, đánh bạc. Huyện ủy phải cử cán bộ về xã tập trung đảng viên sinh hoạt 3 lần, nhưng cả 3 lần đều không đủ đảng viên theo quy định họp chi bộ (chỉ có 6 đồng chí tham dự¹). Sau đó Huyện ủy tiếp tục cử cán bộ về xã nắm diễn biến tình hình tư tưởng; giải thích, vận động, động viên các đảng viên và củng cố lại tổ chức chi bộ, các hoạt động mới dần dần trở lại. Xã Khe Mo có diện tích rộng, nhiều rừng núi, đường sá đi lại khó khăn, cơ sở vật chất còn nghèo nàn; đòi hỏi cho cán bộ cấp xã rất ít ỏi, trong khi kinh tế gia đình rất khó khăn. Trong cán bộ đảng viên ở xã Khe Mo lại phát sinh thêm tư tưởng không thích làm cán bộ xã, chỉ muốn làm cán bộ ở thôn, xóm. Làm cán bộ xã phải đi đường xa, phải đi trực thường xuyên, đến các xóm bản vất vả khó khăn hơn và không giúp đỡ được gì cho gia đình.

Được sự kiên trì vận động, thuyết phục của những cán bộ Huyện ủy phụ trách địa bàn, phân tích có lý có tình cho đảng viên hiểu được những nguyên nhân khách quan và chủ quan đã gặp phải. Làm cách mạng

¹ Trích báo cáo số 16-B/CĐH ngày 12/3/1957, Bản lưu tại Phòng số 01, ĐVBQ 257, Phòng lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

cũng có lúc sai lầm khuyết điểm, nhưng càng sai lầm khuyết điểm hơn nếu như ta thấy sai mà không sửa, mức độ sai lầm sẽ trầm trọng hơn. Từng bước một, các đảng viên đã nhận thức được trách nhiệm của mình. Các đồng chí Trần Văn Thân, Nông Văn Nhục, Hoàng Bằng, Trương Văn Chúc, Bùi Văn Rương, Ninh Thị Hàn...là những người sớm trở lại đội ngũ sinh hoạt và bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ sửa sai. Thận trọng, công tâm vô tư, Chi ủy, Chi bộ đã từng bước xem xét các quyết định do đội giảm tô đưa ra trước đây. Chi bộ nhận thấy những quyết định trên đều có phần chưa thấu đáo hoặc có những sai lầm. Những sai lầm của đội giảm tô làm tổn hại đến nhận phẩm và danh dự công dân cũng như danh dự của người đảng viên. Họ là những người đã trải qua quá trình hoạt động cách mạng từ những ngày còn bí mật; đã từng nuôi dưỡng, che giấu cán bộ, tự mình dấn thân vào cuộc đấu tranh bất chấp sinh mạng cá nhân bị đe dọa, người thân và tài sản gia đình có thể bị kẻ địch tàn sát, đốt phá. Vì vậy, chi bộ đã đề nghị cấp trên minh oan và khôi phục quyền lợi cho đảng viên và nhân dân. Ngày 11/3/1957, Tỉnh ủy Thái Nguyên

ra Quyết nghị số 191-QN/TN do đồng chí Vũ Hưng, Ủy viên Thường trực Tỉnh ủy ký, nội dung “Trả lại đảng tịch, chức vụ cũ Bí thư chi bộ cho đồng chí Hoàng Hữu Thông (được tính tuổi đảng trong khi bị xử trí¹), bổ sung vào Chi ủy xã và Ban Chi ủy xã phân công công tác cho đồng chí Thông” và Quyết nghị số 193-QN/TN, nội dung “Phục chức Chi ủy viên và bổ sung đồng chí Lương Đình Công vào Chi ủy Chi bộ xã Khe Mo”. Tiếp đó ngày 05 tháng 11 năm 1957, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra Quyết nghị số 555-QN/TN do Ủy viên Thường trực Tỉnh ủy Nguyễn Trung Thành ký phê chuẩn, bổ sung đồng chí Trạc Văn Nam vào Chi ủy Chi bộ xã Khe Mo².

Về chính quyền: Theo đề nghị của Chi ủy Chi bộ và Ủy ban xã, ngày 20 tháng 11 năm 1957, đồng chí Lê Dục Tôn, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên ký các Quyết định số 1607 NC, hạ thành phần gia đình bà Lý Thị Sùng từ địa chủ xuống trung nông; số 1608 NC, hạ thành phần gia đình ông Lê Công Thịnh từ địa chủ xuống công

¹ Từ nguyên văn trong Quyết nghị số 191-QN/TN, ngày 11/3/1957

² Hồ sơ lưu trữ tại Phòng số 1, ĐVBQ số 51 tại Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

thương; số 1609 NC, hạ thành phần gia đình ông Phạm Văn Tiến từ phú nông xuống trung nông; số 1610 NC, hạ thành phần gia đình ông Nguyễn Như Chín từ địa chủ cường hào gian ác xuống trung nông; số 1611 NC, hạ thành phần gia đình ông Trương Văn Nho từ phú nông xuống trung nông; số 1612 NC, hạ thành phần gia đình ông Lý Văn Chính từ phú nông xuống trung nông; số 1613 NC, hạ thành phần gia đình ông Lê Văn Tượng từ phú nông xuống trung nông.

Ngày 16 tháng 01 năm 1958, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra Nghị quyết số 09-QN/TN do đồng chí Vũ Hưng, Ủy viên Thường trực Tỉnh ủy ký “Nay truy trả lại đảng tịch và chức vụ cũ: Thường vụ Chi ủy, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến-Hành chính xã cho đồng chí Đinh Phú Hào. Chi ủy sẽ tổ chức minh oan và tuyên bố nghị quyết này cho toàn Chi bộ và nhân dân biết³”

³ Tại hội nghị ngày 15/12/1953 đồng chí Đinh Phú Hào bị quy chụp 4 khuyết điểm “dung túng người nhà làm càn, nhận quà biếu, đánh một số người và ngăn cản thuyền bè của dân không được đi lại trên sông Long Giàn”. Vì vậy đồng chí Đinh Phú Hào bị khai trừ Đảng và tước hết các chức vụ chính quyền. Năm 1957, Tỉnh ủy xác minh 2 khuyết điểm đầu không có; có đánh 1 người vì mang lựu đạn đi đánh cá trong khi ta thiếu vũ khí; đánh 1 người vì nhận công văn hỏa tốc nhưng không chuyển mà mang về nhà. Việc cấm sông Long Giàn là có nhưng theo lệnh của trên để bảo đảm an toàn cho căn cứ của Huyện và Khu.

và Quyết nghị số 10-QN/TN “trả lại chức vụ Chi ủy viên, Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính xã cho đồng chí Lê Văn Tương và bổ sung đồng chí Trương vào Chi ủy và Ủy ban Kháng chiến hành chính xã hiện nay”¹.

Ngày 01 tháng 11 năm 1958, Chi bộ xã tiến hành Đại hội đảng viên. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 7 đồng chí là Hoàng Hữu Thông, Lương Đình Công, Lương Văn Thuận, Lê Văn Tương, Trạc Văn Nam, Lê Văn Thanh, Lý Văn Học vào Chi ủy. Đồng chí Hoàng Hữu Thông được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Lương Đình Công làm Phó Bí thư và đồng chí Lương Văn Thuận làm Thường vụ Chi ủy. Đại hội đề ra chủ trương biện pháp lãnh đạo nhân dân trong xã thực hiện kế hoạch Nhà nước 3 năm (1958-1960).

Sau đại hội, Chi bộ tiến hành tổ chức củng cố bổ sung lãnh đạo chính quyền và các ban ngành đoàn thể của xã. Đồng chí Lương Đình Công, được Tỉnh ủy phục hồi đảng tịch và bổ sung vào Chi ủy, tiếp tục

¹ Hồ sơ lưu trữ tại Phòng số 1, ĐVBQ số 64 tại Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên. Chức vụ của đồng chí Trương được khôi phục tại quyết nghị số 10-QN/TN không trùng với chức vụ được bầu ghi tại biên bản Đại hội chi bộ ngày 10/12/1954.

được phân công làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Đồng chí Phùng Đức Năm làm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính kiêm Trưởng ban công an. Năm 1959, đồng chí Lương Đình Công được điều lên công tác tại Huyện ủy huyện Đồng Hỷ; đồng chí Phùng Đức Năm làm Chủ tịch xã Khe Mo. Đồng chí Lê Văn Tương làm Xã đội trưởng. Đồng chí Lê Đức Thành làm Bí thư chi đoàn. Đồng chí Ninh Thị Hàn làm Hội trưởng Hội phụ nữ; đồng chí Lý Văn Học làm Phó Bí thư Ban chấp hành Hội nông dân.

Thực hiện nghị quyết chi bộ, Ủy ban hành chính xã tập trung tổ chức nhân dân sản xuất kinh tế theo hướng tập thể. Đến năm 1959, xã thành lập Ban công tác nông thôn và chỉ định đồng chí Trần Ngọc Sơn làm Trưởng ban. Ban công tác nông thôn vận động nhân dân vào hợp tác xã (HTX) được ở các xóm Làng Cháy, Đèo Khế, Khe Mo, Long Giàn, Ao Rôm, La Nua. Chi ủy, Ủy ban xã và Ban công tác nông thôn vận động nhân dân ngăn phai (vai) ở suối Đèo Khế, sông Long Giàn và làm được 8 cọn nước ở các xóm, đắp 530 mét nương dẫn nước vào ruộng cấy lúa. Các hợp tác xã được cán bộ kỹ thuật của huyện về hướng

dẫn kỹ thuật ủ phân chuồng, làm phân xanh, kỹ thuật trồng sắn, trồng khoai lang ụ, làm vườn rau gia đình; kỹ thuật gieo mạ, kỹ thuật cấy lúa nước. Mỗi HTX có từ 3 đến 4 cái xoong (loóng) để đập lúa tại ruộng. Trong thời gian này các HTX đã có bước chuẩn bị theo hướng làm ăn lớn. HTX Làng Cháy do đồng chí Trần Văn Sáng làm chủ nhiệm đã tổ chức sản xuất và ăn chia hoàn toàn tập trung. Năm 1958-1960, hợp tác xã có 11 hộ đã tổ chức theo kiểu “công xã cộng sản”. Toàn bộ sản phẩm thu hoạch về để tại kho chung của HTX (tại nhà sàn gốc Cây Hồng). Hàng tháng, đến ngày quy định HTX phân phối lương thực, từng hộ đến kho nhận về nhà sử dụng. HTX phân phối cho xã viên toàn bộ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm từ thuốc lá, thuốc Lào, viên đá lửa, dao cạo râu, dầu thắp, nước mắm đến những mặt hàng có giá trị hơn như xoong nồi, chậu rửa...Làm theo HTX Làng Cháy, toàn xã Khe Mo có 6 HTX được xây dựng theo mô hình này, mô hình HTX Làng Cháy còn lan đến tận HTX Làng Hỏa (xã Đoàn Kết). Tuy nhiên, mô hình đại tập trung bao cấp là hình thức phát triển quá sớm, không phù hợp với quan hệ sản xuất nên không tồn tại

được lâu. Khoảng 2-3 năm sau mô hình HTX nông nghiệp bậc cao Làng Cháy, Làng Hòa phải điều chỉnh quay về mô hình HTX nông nghiệp bậc thấp¹.

Về sản xuất lương thực tuy đã có nhiều cố gắng nhưng năng suất lương thực không tăng được bao nhiêu. Vụ mùa năm 1960, kế hoạch đề ra thu hoạch 320 kg thóc/mẫu, thực tế thu hoạch đạt được 307 kg/mẫu. Lúa nương, lúa rẫy cũng chỉ đạt xấp xỉ 300 kg/mẫu. Lương thực quy thóc sau khi đã đóng thuế đạt trung bình 120 kg/người/ năm. Vì vậy, xã tiếp tục chỉ đạo nhân dân tích cực khai hoang mở rộng diện tích cấy lúa và trồng ngô, trồng sản được trên 30 mẫu (trong số diện tích này có đến 26,5 mẫu là phát nương làm rẫy).

Về văn hóa giáo dục: Xã Khe Mo đã có trường học từ năm 1952, nhưng từ khi giảm tô và sau hoà bình (1954), đồng bào tản cư trở về quê cũ. Mật độ dân số trong xã giảm đến trên 60%, Khe Mo trở nên vắng vẻ. Sau cải cách dân chủ việc dạy học ở Khe Mo bị mai một và không còn trường lớp. Một số gia đình phải gửi con em lên La Hiên hoặc sang các xã Hòa

¹ Có giai thoại gọi là: “Làng Cháy đốt Làng Hòa”

Thượng, Huống Thượng và Thị xã Thái Nguyên trợ học. Trong thực hiện kế hoạch nhà nước 3 năm 1958-1960, việc dạy học cho con em nhân dân là nhiệm vụ bức thiết của chính quyền. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục, Chi ủy Chi bộ và Ủy ban hành chính xã đề nghị cấp trên và được Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất xây dựng trường lớp, cử giáo viên về dạy học. Năm 1958, trường phổ thông cấp I xã Khe Mo chính thức khai giảng khóa học 1958-1959 tại trường học cạnh đình Khê Mo. Trường cấp I xã Khe Mo khai giảng năm học 1958-1959 có 2 thầy giáo là Dương Văn Nga và Đỗ Phác. Học sinh có 1 lớp 1 và 1 lớp 2 mỗi lớp có hơn 10 học sinh. Thầy giáo Dương Văn Nga làm Hiệu trưởng và trực tiếp dạy lớp 1; thầy Đỗ Phác dạy lớp 2. Đến năm 1960 thầy giáo Đỗ Phác chuyển trường, thầy giáo Lý Văn Năng về dạy lớp 2 cũng với khoảng 17-18 em học sinh.

Sau hơn 6 năm kể từ ngày ký hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954), cùng nhân dân cả nước thực hiện nhiệm vụ 3 năm khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1955-1957) và 3 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước (1958-1960); Chi bộ và chính quyền xã vừa

củng cố tổ chức, vừa lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-văn hóa xã hội thời kỳ đầu sau hòa bình đã có những bước tiến đáng kể. Chi bộ đã lãnh đạo và giao cho Chi đoàn thanh niên lao động Việt Nam xã Khe Mo xung kích trên các phong trào của địa phương; giao cho Chi đoàn phối hợp cùng cán bộ của cấp trên (như cán bộ y tế, văn hóa của huyện, của tỉnh) về xã vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện nếp sống mới như đào giếng lấy nước ăn, không dùng nước suối để uống; ăn chín, uống sôi, ăn đũa 2 đầu, vệ sinh cá nhân, đánh răng hàng ngày, mỗi người có khăn rửa mặt riêng...Công tác vệ sinh phòng bệnh, chống sốt rét được thực hiện tích cực; tuyên truyền vận động nhân dân không nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm sàn mà làm chuồng xa nhà ở, làm hố xí 2 ngăn. Định kỳ đội vệ sinh của huyện về xã phun thuốc DDT, 666 để diệt trừ muỗi; đi ngủ phải nằm màn...Chi ủy Chi bộ và Ủy ban Hành chính xã vận động nhân dân bài trừ mê tín và các hủ tục cũ để lại. Người dân ốm đau đi khám bệnh và cắt thuốc đông y, không cúng bái để trừ ma quỷ...

Cùng phối hợp các biện pháp trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống mới có các em thiếu niên nhi đồng. Chi đoàn phân công các đồng chí Hứa Văn Tiệp, Hoàng Văn Lợi, Trần Ngọc Tuấn làm phụ trách đội thiếu niên Tiền phong của xã. Giai đoạn này Liên đội thiếu niên Tiền phong xã Khe Mo do các em Trần Ngọc Ngân (ở xóm La Nưa) làm Liên đội trưởng và Hoàng Văn Bút (ở xóm La Rẫy) làm Liên đội phó. Toàn Liên đội được chia thành các chi đội ở các xóm, các em sinh hoạt học hát, học múa, cắm trại hè. Hình ảnh những em thiếu nhi khăn quàng đỏ thắm trên vai, diễu hành qua các xóm để tuyên truyền, cổ động nhân dân theo từng nhiệm vụ, như phong trào giữ gìn vệ sinh, phong trào hợp tác xã, phong trào phản đối Mỹ - Diệm chia cắt đất nước... Được sinh hoạt, học tập, vui chơi trong tình thương yêu của gia đình, nhà trường, học sinh Khe Mo trở nên ngoan ngoãn lễ phép, chăm chỉ học tập và góp phần nhỏ bé vào các phong trào của địa phương.

Cùng với sự phục hồi kinh tế chung của đất nước, nhân dân xã Khe Mo đã kiên cường vượt qua khó khăn thử thách. Mức sống của nhân dân thời điểm

năm 1960 đã tiến bộ rất nhiều so với trước đây và được nâng cao rõ rệt¹. Những thành tựu đó đã tạo niềm tin vững chắc của nhân dân đối với Đảng và Chính phủ mà trực tiếp là chi bộ và chính quyền nhân dân.

2- Phát huy kết quả đạt được, lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965)²

Từ năm 1961, tổ chức Đảng, chính quyền đoàn thể của xã Khe Mo tiếp tục được củng cố. Tháng 4 năm 1961, đồng chí Trần Ngọc Sơn được bầu làm Bí thư chi bộ. Đồng chí Trần Văn Thân làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Ban chỉ huy xã đội do đồng chí Nông Văn Nhục làm Xã đội trưởng kiêm Bí thư Hội nông dân (từ tháng 01/1960). Đồng chí Lê Văn Tương làm Trưởng công an xã. Tháng 3 năm 1961 đồng chí Nông Văn Nhục được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã kiêm Trưởng Công an; đồng chí Hoàng Bằng

¹ Năm 1959, 1960 giá gạo 0,33 đồng/1 kg, trong khi đó 1 gánh củi bán được 3 đồng.

² Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), nhưng do chiến tranh phá hoại của Mỹ từ 5/8/1964 nên kế hoạch phải điều chỉnh. Từ 1965 thực hiện nhiệm vụ “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.”

được bầu làm Xã đội trưởng. Từ tháng 3 năm 1961, Hội nông dân được thay thế bằng chủ nhiệm các hợp tác xã, đặt dưới sự điều hành của Ban công tác nông thôn do đồng chí Lý Văn Học phụ trách. Từ tháng 9 năm 1962, đồng chí Nông Văn Nhục được bầu kiêm Trưởng ban Mặt trận xã. Đồng chí Ninh Thị Hàn làm Hội trưởng Phụ nữ. Đồng chí Lương Đình Tồn làm Bí thư chi đoàn.

Bước vào thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), chi bộ xã Khe Mo tập trung lãnh đạo chỉ đạo xây dựng, phát triển kinh tế tập thể, nhằm nâng cao đời sống nhân dân. Là xã nông nghiệp có nguồn tài nguyên rừng phong phú để nhân dân khai thác sử dụng phục vụ đời sống dân sinh. Tuy nhiên công tác khai thác rừng lúc này còn tùy tiện, mạnh ai nấy làm. Để giữ được nguồn tài nguyên quý giá của rừng, xã đã có chủ trương quản lý khai thác và khai thác có kế hoạch; những gia đình có nhu cầu xây dựng chính đáng đều phải có đơn đề nghị khai thác và chỉ khai thác khi được Ủy ban hành chính xã cho phép¹.

¹ Ngày 14/8/1961, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã Khe Mo Trần Văn Thân, nhận thực cho ông Lý Văn Học ở xóm Đèo Khế được khai thác 8 cây gỗ Ngát đường kính 20 phân làm cột và 1 cây gỗ Chò xẻ làm ván.

Đầu tháng 8 năm 1962, chi bộ xã Khe Mo có 35 đảng viên (gồm 26 đảng viên chính thức và 9 đảng viên dự bị), sinh hoạt tại 6 tổ đảng, là các tổ La Nua, La Đường, La Rẫy, Làng Cháy, Đèo Khế, Ao Rôm. Chấp hành chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, ngày 08 tháng 8 năm 1962, Chi bộ xã tổ chức Đại hội tại trụ sở HTX nông nghiệp La Đường, dự đại hội có 33 đảng viên (gồm 24 chính thức và 9 dự bị). Đại hội diễn ra trong bối cảnh xã đang tập trung cao độ xây dựng kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa. Đại hội đề ra chủ trương trọng tâm là bảo đảm cho công tác sản xuất lương thực đạt kết quả cao, phấn đấu đến năm 1964 lương thực bình quân đầu người đạt 140 kg. Công tác văn hóa xã hội có bước phát triển, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân lên một bước. Đại hội bầu 7 đồng chí vào Ban Chấp hành là Hoàng Bằng, Lương Đình Phẩm, Trần Văn Thân, Nông Văn Nhục, Lê Văn Tương, Trương Văn Chúc, Luân Văn Thào. Đồng chí Trần Văn Thân được bầu làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Lê Văn Tương được bầu làm Phó Bí thư và làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã; đồng chí Hoàng Bằng làm Ủy viên Thường vụ Chi

ủy; đồng chí Luân Văn Thảo, Chi ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Thực hiện nghị quyết Đại hội Chi bộ, chấp hành Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng tháng 6 năm 1962, về phát động cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ “4 tốt”¹. Căn cứ vào 4 nhiệm vụ của cuộc vận động, chi bộ đã triển khai sâu rộng đến toàn thể cán bộ đảng viên.

Từ năm 1962, xã Khe Mo có 6 hợp tác xã nông nghiệp ở các xóm là Khe Mo, Đèo Khế, Làng Cháy, La Đường, La Nưa, Ao Rôm. Do đất ruộng ở Khe Mo không bằng phẳng, độ chênh giữa các thửa ruộng lớn nên việc bảo đảm nước cấy khó khăn; vụ lúa chiêm thường thiếu nước nên thời gian đầu diện tích bỏ hoang hóa nhiều. Cũng do độ dốc của đồi núi lớn nên vào mùa mưa, chỉ qua một trận lũ là các bờ của khu ruộng thấp bị phá hủy hoàn toàn, lúa màu bị bùn, đất,

¹ Tóm tắt nội dung cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ “4 tốt” theo chỉ thị tháng 6/1962 của Ban Bí thư Trung ương Đảng là:

- Lãnh đạo sản xuất tốt.
- Lãnh đạo tốt việc chấp hành chính sách và pháp luật nhà nước.
- Quan tâm đến đời sống của quần chúng, làm tốt công tác vận động quần chúng.
- Làm tốt công tác củng cố và phát triển đảng.

đá vùi lấp. Chính vì vậy sản xuất nông nghiệp ở xã Khe Mo giai đoạn này rất bấp bênh, phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết khí hậu thủy văn của năm đó. Chi bộ lãnh đạo các hợp tác xã đắp đập ngăn phai (vai) trên các suối Khe Mo, suối Dùng, suối Đèo Khế và làm nương dẫn nước vào các ruộng bậc thang cao. Đồng thời tổ chức nhân dân làm thêm các cọn bên bờ các con suối để lấy nước vào ruộng. Nơi không làm cọn thì hợp tác xã làm guồng, dùng sức người lấy nước như ở La Đường, Làng Cháy. Song song cùng công tác thủy lợi bảo đảm nước cấy cho các khu ruộng chân cao, để tăng diện tích canh tác, các hợp tác xã tích cực áp dụng các cải tiến kỹ thuật trong sản xuất. Các cải tiến được áp dụng như thay thế cày chìa vôi bằng cày cải tiến 51 diệt vạ để úp đất, xếp luống gọn, cao để làm ải. Cây dây hợp lý với các mật độ 15 x15; 15 x20 và 20 x20 cm/1 khóm, lúa tùy theo từng loại chân ruộng có độ chiếu sáng tự nhiên khác nhau. Vận động nhân dân sử dụng phân chuồng, làm phân xanh bón ruộng. Năm 1962, HTX Làng Cháy và HTX Đèo Khế trung bình bón 300 kg phân chuồng/sào; HTX La Đường đạt 290 kg phân chuồng/ sào.

Với những cố gắng đạt được của phong trào HTX, đồng chí Trần Văn Sáng, Chủ nhiệm THX nông nghiệp Làng Cháy được thay mặt cho các HTX của xã Khe Mo đi dự Đại hội HTX và đội sản xuất nông nghiệp miền núi và trung du. Đại hội được tổ chức từ ngày 14 đến 18 tháng 4 năm 1964, tại thành phố Thái Nguyên, bao gồm 500 đại biểu thay mặt cho gần 8.000 HTX thuộc 21 tỉnh miền núi và trung du. Đây là một vinh dự cho chi bộ và chính quyền xã Khe Mo trong lãnh đạo xây dựng kinh tế hợp tác xã xã hội chủ nghĩa.

Mặc dầu đã tích cực trong việc thâm canh chăm sóc và bảo vệ cây lúa, nhưng do nhiều sâu bệnh và chim chóc phá hoại, nên đến cuối năm 1963 đầu năm 1964, năng suất lúa bình quân mới đạt 395 kg/mẫu; sản lượng đạt 182 tấn 870 kg¹; sau khi nộp thuế cho Nhà nước, số thóc bình quân đầu người ước đạt 130 kg/năm. Tuy đã có bước tiến bộ trong sản xuất lương thực, nhưng nhân dân vẫn thiếu ăn trung bình 2 đến 3 tháng, có nhà thiếu ăn 4 đến 5 tháng. Bữa ăn của nhân dân vẫn phải độn ngô, khoai, sắn, tùy theo mức độ của mỗi gia đình.

¹ Diện tích trồng cây lúa gồm 462 mẫu 9 sào 9 thước.

Công tác thu lương thực của xã Khe Mo theo chỉ tiêu huyện giao đến ngày 31 tháng 12 năm 1962 đạt được như sau: Về chỉ tiêu nộp thuế được huyện giao 17.015 kg; đã thu được 15.719,8 kg đạt 92,3%. Chỉ tiêu thu mua lương thực là 20.000 kg; mua đạt 10.002 kg bằng 50%. Trong đó có 87,5% số HTX hoàn thành chỉ tiêu giao nộp thuế nông nghiệp và 5 hợp tác xã hoàn thành chỉ tiêu thu mua². Về chăn nuôi gia súc, gia cầm: Đến ngày 01 tháng 10 năm 1964, xã Khe Mo có đàn trâu gồm 445 con, trong đó có 143 trâu đực, 302 trâu cái; trâu cày có 298 con và 131 con trâu dùng kéo gỗ, kéo xe quệt. Đàn lợn có 301 con do các gia đình xã viên nuôi. Các HTX có 1 mẫu 5 sào 9 thước ao đầm hồ thả được 16.400 con cá giống, thu hoạch chỉ được 141 kg. Các hộ nhân dân đều nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng để lấy thịt, lấy trứng. Do mỗi gia đình thường ở riêng một quả đồi nên có điều kiện nuôi gia cầm với số lượng lớn; nhà ít cũng có từ 20-30 con, nhà nhiều nuôi hàng trăm con. Chăn nuôi gia cầm đã đóng góp một tỷ trọng đáng kể trong việc

² Trích báo cáo công tác nông nghiệp năm 1962 của Huyện ủy huyện Đồng Hỷ. Bản lưu tại Phòng lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên. Xã Khe Mo có 6 HTX nông nghiệp bậc cao.

bảo đảm bữa ăn của gia đình xã viên, góp phần bảo đảm sức khỏe của đồng bào các dân tộc trong xã.

Về công tác văn hóa giáo dục đã có bước chuyển biến tiến bộ hơn so với thời kỳ năm 1958-1960. Từ năm 1961 trường cấp I có 3 giáo viên là thầy giáo Dương Văn Nga, Lý Văn Năng và Nguyễn Hữu Nghi. Năm học 1961-1962 nhà trường đã có đủ 4 khối học theo hệ thống giáo dục cấp I (từ khối 1 đến khối 4), nhưng mỗi khối cũng chỉ có 1 lớp duy nhất. Thầy Dương Văn Nga vừa là Hiệu trưởng vừa dạy lớp 1 có khoảng 23 đến 25 em¹. Thầy Lý Văn Năng dạy lớp 2, học sinh có từ 18 đến 20 em. Thầy Nguyễn Hữu Nghi dạy 2 khối 3 và 4; khối 3 có 1 lớp gồm 14 em; khối 4 có 1 lớp 5 em. Tuy trường lớp còn đơn sơ, học sinh chưa thiết tha với học tập nhưng cán bộ giáo viên nhà trường mang hết tinh thần trách nhiệm truyền kiến thức cho các em. Kết quả kỳ thi cuối cấp I năm học 1961-1962 nhà trường có 100% học sinh đỗ tốt nghiệp và sau đó cả 5 học sinh này đều vào học cấp II (3 em học ở Trường cấp II xã Dân Chủ và 2 em học ở Trường cấp II xã La Hiên). Thành tích này thực sự là

¹ Số học sinh học, bỏ học đan xen nên số liệu không chính xác.

kết quả phấn đấu vượt bậc của thầy và trò nhà trường trong những ngày đầu của sự nghiệp giáo dục ở xã Khe Mo. Sang năm học 1962-1963, thầy giáo Dương Văn Nga chuyển trường, thầy giáo Lý Văn Năng làm Hiệu trưởng, nhưng chỉ được 1 học kỳ lại được điều đi nơi khác. Thầy giáo Nguyễn Hữu Nghi được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng. Trước nhu cầu học tập của con em nhân dân trong xã ngày một tăng, nhà trường tăng dần đầu lớp của từng khối. Đến năm 1964 nhà trường có 3 lớp khối 1; 2 lớp khối 2; 2 lớp khối 3 và 1 lớp khối 4; giáo viên nhà trường tăng dần đến gần 10 người. Thời kỳ này xã Khe Mo vẫn chưa có trường cấp II, vì vậy, những học sinh đã tốt nghiệp cấp I, muốn tiếp tục học lên phải sang xã Đoàn Kết học học trường cấp II đặt tại Làng Hòa.

Căn cứ vào Thông tư số 414.BYT-TT, ngày 02 tháng 5 năm 1958 và Thông tư số 21/BYT-TT, ngày 29 tháng 7 năm 1959 của Bộ Y tế và Công văn số 365 P/B của Sở Y tế Khu tự trị Việt Bắc về xây dựng trạm Y tế dân lập ở cấp xã. Tháng 2 năm 1960, Trạm Y tế dân lập xã Khe Mo được thành lập do y tá Lý Đức Long làm Trạm trưởng và 1 nữ hộ sinh. Nhưng do

trang bị vật chất đơn sơ và tập tục của nhân dân tự chữa bệnh bằng thuốc nam và thờ cúng, nên trạm xá hoạt động cầm chừng, lúc làm, lúc nghỉ.

Về đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân cũng khó khăn, xã không có loa đài, thỉnh thoảng mới có một vài tờ báo. Ban đầu cả xã chỉ vài hộ có Radiô và máy hát chạy bằng dầu hỏa lúc nghe lúc hỏng; về sau mới có radiô chạy pin lác đác ở một vài gia đình. Mỗi tháng đội chiếu bóng (chiếu phim) lưu động của huyện (do xe bò hoặc xe trâu kéo máy móc và 2-3 người thợ vận hành) về xã phục vụ nhân dân 1 đến 2 tối; Ủy ban hành chính xã phân chia đội chiếu phim luân phiên đến các cụm xóm để nhân dân tiện đường đi xem.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ ở xã Khe Mo có một thực tế là trình độ văn hóa của cán bộ xã đều rất thấp. Đa số cán bộ đảng viên chỉ có trình độ văn hóa từ biết đọc biết viết đến lớp 1; cá biệt có đồng chí không biết chữ. Vấn đề nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ, làm cơ sở để tiếp thu các kiến thức chung là một yêu cầu cần thiết. Cán bộ, đảng viên nếu chỉ bằng nhiệt tình trách nhiệm mà thiếu

kiến thức sẽ có hại cho công việc chung. Chi bộ xác định học tập nâng cao trình độ cho cán bộ đảng viên là nhiệm vụ mọi người phải nghiêm túc chấp hành. Thực hiện Công văn số 299/CV, ngày 15 tháng 11 năm 1962 và Công văn số 96/CV-ĐH, ngày 08 tháng 02 năm 1963 của Huyện ủy Đồng Hỷ về tổ chức học văn hóa, Chi bộ đã sắp xếp và cử lần lượt 18 đồng chí đảng viên, cán bộ từ xóm đến xã có trình độ thấp đi học bổ túc văn hóa ở 2 trường “Dân Minh Trung” và “Đồng Quang Sơn”¹. Nhận thức được việc học tập để làm việc tốt hơn nên các đồng chí đảng viên đều khắc phục khó khăn, thu xếp công việc đi học. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan nên còn một vài đồng chí đi học chưa đều. Đến cuối năm 1964, những đồng chí này đã có trình độ lớp 2, lớp 3 bổ túc văn hóa (BTVH); một vài đồng chí tốt nghiệp cấp I (tốt nghiệp lớp 4/10).

Về xây dựng chính quyền nhân dân, Chi bộ tập trung lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 4 cấp gồm xã, huyện, tỉnh và Khu tự trị Việt Bắc lần đầu

¹ “Dân Minh Trung” là tên gọi tắt của 3 xã Dân Chủ-Minh Lập- Hóa Trung.
“Đồng Quang Sơn” là tên gọi tắt của 3 xã Đồng Tiến- Quang Trung-
Linh Sơn.

tiên diễn ra trong cùng một ngày. Đây là một nhiệm vụ khó khăn phức tạp vì từ trước đến giờ tại địa phương mới chỉ diễn ra các cuộc bầu cử 2 cấp trong cùng một ngày. Chi ủy Chi bộ xác định dù khó khăn cũng phải quyết tâm lãnh đạo thành công cuộc bầu cử. Được sự chỉ đạo giúp đỡ của Ủy ban bầu cử huyện Đồng Hỷ, xã thành lập Ủy ban bầu cử do đồng chí Trần Ngọc Sơn, Bí thư chi bộ làm Trưởng ban; đồng chí Lê Văn Tương, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã làm Phó ban; đồng chí Nông Văn Nhục, Chi ủy viên, Trưởng ban Mặt trận Tổ quốc xã làm Phó ban thường trực. Các đồng chí Chi ủy viên, các trưởng ban ngành đoàn thể và chủ nhiệm các HTX làm ủy viên. Do địa bàn rộng, xã tổ chức 6 tổ bầu cử tại 6 HTX nông nghiệp và chỉ định đồng chí chủ nhiệm HTX làm Trưởng ban. Ủy ban bầu cử xã và Ban bầu cử các HTX tuyên truyền phổ biến cho cử tri nội dung bầu cử, cách thức gạch phiếu và bỏ từng loại phiếu cụ thể. Ngày 21 tháng 4 năm 1963, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 4 cấp diễn ra tại xã Khe Mo đã thành công. Sau bầu cử, tháng 5 năm 1963, Hội đồng nhân dân xã họp kỳ thứ nhất và bầu đồng chí Trần Ngọc Sơn làm

Chủ tịch Ủy ban hành chính xã; đồng chí Luân Văn Thào làm Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban công an. Tháng 5/1964 đồng chí Trần Ngọc Sơn nghỉ công tác giữa nhiệm kỳ; đồng chí Luân Văn Thào làm Quyền Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Cuối năm 1964, Chi bộ xã Khe Mo có 41 đảng viên (34 đảng viên chính thức và 7 đảng viên dự bị) vẫn sinh hoạt tại 6 tổ đảng. Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ về tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1964-1966. Ngày 10 tháng 12 năm 1964, Đại hội chi bộ xã Khe Mo được tiến hành tại trụ sở Ủy ban hành chính xã. Tham dự đại hội có 38 đảng viên gồm 31 đảng viên chính thức, 7 đảng viên dự bị. Đại hội chi bộ diễn ra trong lúc đất nước chuyển sang tình trạng chiến tranh. Trước đó ngày mùng 5 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ cho máy bay của không quân và hải quân đánh phá tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh từ khu IV trở vào. Nhân dân cả nước đang sục sôi căm thù giặc Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc. Ở địa phương thanh niên hăng hái đăng ký lên đường chiến đấu trả thù cho đồng bào bị bom đạn Mỹ sát hại. Trên ruộng đồng nhân dân tích cực thâm canh tăng năng suất để góp

phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong tình hình chung của đất nước và điều kiện cụ thể của địa phương; Đại hội đề ra chỉ tiêu sản xuất lương thực, cụ thể là năng suất lúa đạt trung bình 600 kg/mẫu, sản lượng đạt từ 230 đến 250 tấn. Đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ kịp thời. Về biện pháp tổ chức thực hiện, phân đấu mỗi mẫu ruộng có 1 đầu lợn (cả tập thể và gia đình, trong đó lợn tập thể đạt 1 con/1 ha). Giữ vững đàn trâu từ 450 đến 500 con, có 300 trâu cày và 120 đến 130 trâu kéo gỗ. Về công tác tuyển quân, phân đấu đảm bảo đạt chỉ tiêu quân số trên giao. Thực hiện khẩu hiệu “Thóc không thiếu 1 cân, quân không thiếu 1 người”. Tuyên truyền phổ biến cho nhân dân về công tác giữ gìn trật tự trị an ở địa phương, bảo đảm phòng không khi có máy bay địch. Về công tác giáo dục, xã có trường cấp I, hiện đặt ở xóm Khe Mo, nhưng đã có phương án tổ chức học phân tán thành các lớp lẻ để bảo đảm an toàn cho học sinh. Đại hội đã bầu chi uỷ gồm các đồng chí Trần Văn Thân, Lê Văn Tương, Hoàng Bằng, Luân Văn Thào, Trương Văn Chức, Nông Văn Nhục, Nguyễn Ngọc Nhân vào Chi uỷ mới. Chi uỷ bầu đồng chí Trần Văn Thân làm

Bí thư Chi bộ, đồng chí Lê Văn Tương làm Phó Bí thư, đồng chí Hoàng Bằng làm Ủy viên Thường vụ - Thường trực Đảng¹.

Tổ chức chính quyền, đoàn thể gồm có: Đồng chí Lê Văn Tương làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Đồng chí Luân Văn Thảo làm Phó Chủ tịch Ủy ban. Đồng chí Nông Văn Nhục làm Trưởng công an kiêm Chủ tịch Mặt trận. Đồng chí Hoàng Bằng làm Xã đội trưởng. Đồng chí Lương Đình Tồn làm Bí thư chi đoàn. Đồng chí Ninh Thị Hàn làm Hội trưởng hội Phụ nữ. Đồng chí Nguyễn Hữu Nghi làm Hiệu trưởng trường phổ thông cấp I. Ông Phương Hữu Đạt làm Trạm trưởng Y tế. Đồng chí Bùi Văn Rương làm Chủ nhiệm Hợp tác xã mua bán.

Chi bộ chú trọng trong công tác xây dựng và bảo vệ Đảng, làm cho Đảng phát triển vững chắc, quan tâm giáo dục nhận thức, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho các quần chúng ưu tú và kết nạp được 16 đồng chí vào Đảng. Trong đó năm 1962 kết nạp 6; năm 1963 kết nạp 3; năm 1964 kết nạp 4 và năm 1965

¹ Trích biên bản Đại hội chi bộ xã Khe Mo ngày 10/12/1964.

kết nạp 3 đồng chí¹; tăng cường đáng kể sức lãnh đạo của chi bộ. Chi bộ cũng chú trọng làm tốt công tác kiểm tra kỷ luật đảng. Những việc làm của cán bộ đảng viên được Chi bộ kiểm tra, nhân dân giám sát vì vậy việc rèn luyện đảng viên được coi trọng. Thời kỳ này ở trong Chi bộ xuất hiện một vài đảng viên hàng ngày vẫn tích cực công tác, làm việc có hiệu quả nhưng đêm tối lại lợi dụng công việc để đi đánh bạc. Chi bộ kịp thời nhắc nhở, phê bình, kiểm điểm trách nhiệm của từng người. Trong số những đảng viên vi phạm, đa số đã nhận thức được khuyết điểm và kịp thời sửa chữa, nhưng cũng có một số đồng chí tái phạm, phải xử lý kỷ luật. Trong 3 năm 1962-1964, Chi bộ đã kỷ luật khiển trách 3 đảng viên, cảnh cáo 4 đảng viên và khai trừ 4 đảng viên. Một điều đáng tiếc, trong những đồng chí bị kỷ luật khai trừ có cả những người từng làm Bí thư, Phó Bí thư chi bộ, Chủ tịch

¹ Năm 1962 kết nạp 6 đảng viên là Hoàng Trung Mai (tín dụng xã), Nguyễn Ngọc Nhân (CTV dân quân) và Hoàng Công Thiết (kế toán HTX La Nưa), Luân Viết Thảo (UVUBHC xã), Nông Văn Mậu (Thường vụ chi đoàn), Hà Thị Chải (Thường vụ chi đoàn). Năm 1963 kết nạp 3 đồng chí là Phạm Văn Bảo (Bí thư chi đoàn), Nông Công Linh (xã đội phó) và Dương Văn Gắm. Năm 1964 kết nạp 4 đồng chí là Phương Quốc An, Lương Thị Thạch, Lương Thị Tâm và Lương Đình Chuyên. Năm 1965 kết nạp 3 đồng chí là Trương Văn Đạo, Trần Văn Phổ và Trần Văn Lan.

Ủy ban hành chính xã, đã hoạt động cách mạng từ những ngày còn bí mật trước Cách mạng tháng Tám năm 1945; riêng Bí thư chi bộ đầu tiên bị khai trừ Đảng và bị xử tù cho hưởng án treo 6 tháng.

Đồng thời với công tác xây dựng và củng cố tổ chức Đảng, Chi bộ tổ chức thực hiện nghiêm túc phong trào “3 xây, 3 chống”² trong nông nghiệp, góp phần vào phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội của xã. Thực hiện các nhiệm vụ trong “3 xây”, các đồng chí cán bộ lãnh đạo HTX Đèo Khế, Làng Cháy, La Đường được cử đi làm công tác “Cải tiến HTX nông nghiệp”³ vòng 1 và vòng 2 ở các xã bạn trong huyện.

² Nghị quyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa III, ra ngày 26/4/1962. Đến ngày 06/5/1962 Hội đồng Chính phủ chính thức phát động cuộc vận động “3 xây, 3 chống”, nội dung chủ yếu như sau:

+ “3 xây” là: 1- Bồi dưỡng nâng cao giác ngộ XHCN và quan điểm quản lý kinh tế XHCN; 2- Tăng cường cải tiến tổ chức quản lý và nhiệm vụ quản lý; 3- Cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất.

+ “3 chống” là: 1- chống tham ô; 2- chống lãng phí; 3- chống quan liêu.

³ Ngày 19/02/1963, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về cuộc vận động “Cải tiến hợp tác xã (HTX), cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ và vững chắc”. Thời gian cuộc vận động này là 3 năm (1963-1965) nhằm đạt 3 yêu cầu:

- 1- Cải tiến công tác quản lý hợp tác xã.
- 2- Cải tiến kỹ thuật và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã.
- 3- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước đối với nông nghiệp và HTX sản xuất nông nghiệp.

Thực chất đây là công việc vừa làm vừa học hỏi trao đổi kinh nghiệm về xây dựng và quản lý HTX. Xác định trách nhiệm được phân công, các đồng chí cán bộ được cử đi làm công tác “cải tiến HTX nông nghiệp” đều cố gắng hoàn thành nhiệm vụ và trưởng thành hơn khi trở về đảm nhận công việc ở địa phương.

Cũng từ năm 1963 đến năm 1964, thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ đưa nhân dân vùng đồng bằng Bắc Bộ đi khai hoang ở các vùng đất rộng, người thưa. Theo đó nhân dân vùng Hải Dương, Hưng Yên (sau hợp lại là tỉnh Hải Hưng), Hà Nam, Nam Định (sau hợp lại thành tỉnh Nam Hà) và các tỉnh Thái Bình, Ninh Bình... đến Khe Mo khai hoang, xây dựng quê hương mới, được xã bố trí ở xóm La Nưa và khu vực phía bắc xóm Đèo Khế. Về sau các hộ khai hoang ở xóm La Nưa gồm chủ yếu người Hải Hưng và Nam Hà đã lập ra xóm Hải Hà. Còn các hộ ở bắc xóm Đèo Khế được tổ chức thành xóm Thống Nhất.

Do những thất bại liên tiếp ở miền Nam những năm 1964-1965, đế quốc Mỹ cố tình đẩy tình hình chiến sự ở miền Bắc diễn biến ngày càng căng thẳng.

Sau sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” và sự kiện không quân Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc ngày 5 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ ngày càng leo thang chiến tranh hơn nữa. Từ ngày 7 đến ngày 11 tháng 2 năm 1965, chúng bắt đầu mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta bằng không quân và Hải quân. Cũng từ năm 1965, máy bay của không quân Mỹ tăng cường trinh sát trên bầu trời Thái Nguyên. Ngày 17 tháng 10 năm 1965, máy bay Mỹ ném bom đánh phá Thành phố Thái Nguyên, làm sập cầu Gia Bảy và chết nhiều đồng bào ta. Cuộc chiến đấu chống máy bay Mỹ của nhân dân tỉnh Bắc Thái trong đó có nhân dân xã Khe Mo chính thức bắt đầu.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban hành chính huyện Đồng Hỷ, Chi bộ lãnh đạo thành lập Ban phòng không do đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính xã làm trưởng ban, đồng chí xã đội trưởng làm phó ban, các đồng chí trưởng ban ngành đoàn thể làm ủy viên. Ban phòng không chỉ đạo nhân dân đào hầm trú ẩn ở từng gia đình, những nơi đông người như ở chợ xã, trường học. Nhân dân, học sinh được phổ biến phương pháp sơ tán, phòng tránh, ẩn nấp mỗi khi có báo động. Mỗi



Dấu tích giao thông hào trên đỉnh Đèo Khê, nơi năm 1945 tự vệ các xã Khe Mo, Vân Hán, Phả Lý đào để chiến đấu chống quân Nhật.

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Phần lõm dưới chân người chỉ tay là dấu tích hào giao thông trên đỉnh Đèo Khê năm 1945 còn sót lại

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Người nông dân xã Khe Mo ra ruộng làm đất
sản xuất nông nghiệp những năm 1960



Đội tuyển dân quân xã Khe Mo tham gia hội thao
cấp huyện, giành giải ba năm 1980

Ảnh: Nguyễn Long Tiến cung cấp

gia đình còn đào thêm hầm dự phòng như hầm ếch, hầm chữ chi, hố cá nhân; mỗi người khi đi làm ngoài ruộng hoặc trên nương rẫy, đều mang mũ rơm hoặc mũ rơm để chống mảnh đạn từ trên trời rơi xuống¹. Mỗi học sinh đi học có 1 mũ rơm, 1 cuộn bông băng cá nhân... Công tác sản xuất ngoài ruộng, rẫy cũng phải được tổ chức lại cho phù hợp, đảm bảo an toàn cho nhân dân. Xã chỉ đạo việc tổ chức nhân dân ra ruộng, rẫy làm việc theo những khoảng thời gian có xác suất an toàn cao nhất. Cụ thể, trong điều kiện thời tiết bình thường, buổi sáng đi làm từ 3 hoặc 4 giờ, đến 7 hoặc 8 giờ phải nghỉ việc để về; buổi chiều làm từ 16 giờ đến tối để tránh giờ cao điểm². Bằng các biện pháp tổ chức sản xuất và sẵn sàng chiến đấu phù hợp, chi bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo thực hiện được mục tiêu “chắc tay cày, tay súng” và hoàn thành các nhiệm vụ thời chiến đề ra.

¹ Sau mỗi trận chiến đấu với máy bay Mỹ, mỗi đầu đạn pháo cao xạ nổ văng ra hàng trăm mảnh trên bầu trời. Khi máy bay địch đã bay xa, các mảnh đạn này khi rơi xuống đất tạo thành những tiếng réo rít như đàn ong rất lớn bay qua. Đội mũ rơm để nếu không may mảnh đạn rơi trúng sẽ hạn chế được thương vong cho người.

² Giờ cao điểm là cách gọi khi máy bay Mỹ đánh phá có quy luật từ khoảng 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều trong ngày. Nhân dân đi làm ngoài giờ ấy, độ an toàn sẽ cao hơn.

Chương V

LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG KINH TẾ TẬP THỂ, CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI VÀ CHI VIỆN SỨC NGƯỜI SỨC CỦA CHO CHIẾN TRƯỜNG (1965 - 1975)

1- Vừa sản xuất vừa chiến đấu, góp phần đánh bại chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ (1965-1972)

Trước âm mưu thủ đoạn của đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, tháng 4 năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh ban hành luật nghĩa vụ quân sự thời chiến, kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của quân nhân theo yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện đội Đồng Hỷ, Chi ủy chi bộ đã bám sát nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng dân quân của xã đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Toàn xã thành lập được 3 trung đội dân quân với tổng quân số 89 người, đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Ban chỉ huy xã đội. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ từ 1965 đến 1968 có 39 đồng chí dân quân nhập

ngũ vào quân đội; 27 đồng chí đi công nhân quốc phòng; 12 đồng chí vào lực lượng thanh niên xung phong. Mỗi khi có biến động giảm quân số, Ban chỉ huy xã đội đều huy động bổ sung, nhưng vẫn thiếu so với yêu cầu. Đến cuối 1968, dân quân xã Khe Mo còn hơn 50 đồng chí, vẫn tổ chức thành 3 trung đội thiếu. Hàng năm dân quân được huấn luyện quân sự bao gồm các khoa mục đánh địch tại chỗ, cơ động chiến đấu, bắn máy bay bay thấp, hiệp đồng bắt giặc lái, cứu thương, cứu sập. Thời gian huấn luyện năm 1966 được 7 ngày; năm 1967 được 10 ngày và năm 1968 được 7 ngày. Qua huấn luyện, khả năng tác chiến cũng như khả năng cơ động của các trung đội dân quân của xã có tiến bộ hơn.

Về nhiệm vụ trực chiến sẵn sàng chiến đấu với không quân Mỹ, các trung đội dân quân của xã được trang bị súng trường K44, súng trường Trung Chính tham gia trực chiến cùng với bộ đội chủ lực thuộc Đại đội Ma Trung Lâm. Tại 3 quả đồi thuộc xóm Khe Mo, bộ đội đặt 3 trận địa Đại liên bắn máy bay bay thấp có sự phối hợp của dân quân xã (sau này được gọi chung là đồi đại liên, nay thuộc xóm Ao Rôm 1). Trong chiến

tranh phá hoại, máy bay Mỹ ném bom 3 lần vào xóm Khe Mo và xóm La Nura (nay thuộc Hải Hà) làm chết 3 người, bị thương 1 người; và 1 lần máy bay Mỹ bị không quân ta bắn rơi xuống rừng Đèo Khế¹.

Tuy vậy trong công tác quân sự cũng còn khuyết điểm là huấn luyện có lúc chưa sâu, học tập còn chưa hết thời gian, cá biệt có những đồng chí không tham gia huấn luyện. Trong tuyển quân thực hiện nghĩa vụ thời chiến còn có người trốn tránh lệnh gọi nhập ngũ.

Về công tác an ninh trật tự: Khi không quân Mỹ đánh phá miền Bắc, Thái Nguyên cũng trở thành một trọng điểm bị oanh tạc ác liệt. Để bảo đảm an toàn, chính quyền tổ chức cho nhân dân và các cơ quan, công trường, xí nghiệp, bệnh viện, trường học đi sơ tán ra xa các địa điểm được coi là mục tiêu bắn phá của địch. Xã Khe Mo có nhiều rừng rậm lại gần đường giao thông nên có nhiều cơ quan đơn vị sơ tán về như: Xí nghiệp 19 tháng 8; Trường Giao thông miền núi; Trường Bưu điện miền núi, Bệnh viện lao,

¹ Chiếc máy bay này bị không quân ta bắn rơi ngày 05/01/1968 và rơi xuống rừng Đèo Khế tại vườn rừng nhà ông Phương Minh Luân, gần cột anten Vinaphôn hiện nay. Ông Nguyễn Long Tiền ở xóm Ao Rôm hiện vẫn còn giữ được 1 mảnh xác máy bay này và dùng làm chiếc bàn sản nấu ăn.

Trường công an vũ trang...Sau trận ném bom vào cầu Gia Bảy, một số nhân dân thành phố Thái Nguyên sơ tán lên Khe Mo và lập ra hợp tác xã Khai Hoang (nay là xóm Tiền Phong). Để giữ gìn an ninh trật tự và bảo đảm an toàn cho các cơ quan đơn vị và nhân dân; Chi bộ có nghị quyết lãnh đạo về công tác an ninh và trật tự trị an thời chiến. Nghị quyết được phổ biến đến các tổ đảng và các hợp tác xã và đến từng người dân, để nhân dân giữ bí mật và chở che cho các cơ sở này. Các hợp tác xã, các xóm có các bức bình phong (bảng tin bằng đất hoặc toóc xi¹) nhắc nhở nhân dân về giữ bí mật với khẩu hiệu như: “Toàn dân bảo vệ trị an làng xóm”; và “không nghe, không biết, không nói, theo dõi người lạ mặt, thực hiện nội quy xóm, xã”... Vì vậy, các cơ quan đơn vị sơ tán đứng chân ở xã Khe Mo đều an toàn.

Về công tác văn hóa giáo dục: Từ khi máy bay Mỹ ném bom Thái Nguyên (năm 1965), trường cấp I xã Khe Mo phân tán nhỏ các lớp về xóm để dạy và học.

¹ Trát toóc xi: Trước đây rất ít tường xây, khi làm nhà nhân dân thường trát vách bằng đất trộn kỹ với rơm hoặc rạ. Để viết lên các bức vách như vậy rất khó nên người ta dùng hỗn hợp vôi cát hoặc hỗn hợp vôi cát xi măng trát như trát tường xây bây giờ để lấy độ phẳng nhẵn để viết bảng tin. Ban đầu các bảng tin được gọi là các tấm bình phong.

Đối với học sinh lớp 1, do tuổi nhỏ lại mới ra học phổ thông, nhà trường xếp các em ở những xóm gần nhau cho đủ lớp. Trường có 4 lớp 1 được đặt tại 4 cụm xóm nên các em đi lại học tập được thuận tiện. Các lớp 2,3,4 cũng được bố trí tương tự tùy theo số lượng học sinh. Văn phòng nhà trường sơ tán từ khu vực đình Khê Mo về đồi Cây Đa (xóm Khe Mo); một thời gian sau lại sơ tán về địa điểm Trường công an vũ trang ở xóm Dọc Hèo (do từ năm 1965, trường công an vũ trang đã chuyển đi nơi khác). Khi Bệnh viện lao chuyển về tiếp quản địa điểm Trường công an vũ trang (cũ) thì trường học của xã tiếp tục chuyển về khu rừng nhà ông Lý Na (ở xóm Dọc Hèo). Do có thêm các gia đình sơ tán nên trường học của xã đông học sinh hơn hẳn những năm trước. Giáo viên lúc này gồm có Hiệu trưởng Nguyễn Hữu Nghi; các thầy (cô) là Nguyễn Thị Bút, Nguyễn Văn Khẩn, Nguyễn Thị Diễm, Dương Quang Hồ, Mông Văn Trường, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Đức, Nguyễn Thị Đài, Dương Thị Hiền, Dương Thị Chắt và 1 nữ giáo viên tên là Sen. Năm 1967, Hiệu trưởng Nguyễn Hữu Nghi và một số giáo viên chuyển trường; cô Nguyễn Thị Bút làm Hiệu trưởng được 1 năm lại chuyển đi và bàn giao Hiệu trưởng cho thầy Ngô Minh Quang. Các lớp học

của nhà trường hoàn toàn do cha mẹ học sinh đóng góp từ cây làm cột, kèo, phen che và mái lợp. Nhà văn phòng và nhà giáo viên chật chội, mỗi phòng chỉ có một nửa gian cho 2 giáo viên ở tạm. Vật liệu thường là cây tươi nên chỉ được 1 năm lại phải làm lại nhà khác. Năm học 1969, toàn xã có 10 lớp học với số lượng 344 học sinh, bao gồm khối 1 có 4 lớp, tổng số 129 học sinh; khối 2 có 3 lớp, tổng số 97 học sinh; khối 3 có 2 lớp, tổng số 76 học sinh và khối 4 có 2 lớp, tổng cộng 42 học sinh. Ở các xóm có lớp học vỡ lòng do giáo viên dân lập được hợp tác xã cử ra để dạy cho các em trước khi vào lớp 1 như tập tô (viết tô), tập đọc...và chủ yếu để các em quen dần với nếp sống tập thể.

Trong những năm này, công tác phát triển đảng viên mới của chi bộ vẫn được duy trì đều. Từ năm 1966 đến tháng 6/1968, Chi bộ đã kết nạp được 19 đảng viên¹, chủ yếu là đoàn viên thanh niên, tăng cường đáng kể sức mạnh lãnh đạo, góp phần quan trọng vào việc tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ của địa phương. Tuy nhiên, đảng số của chi

¹ Theo thống kê, thời kỳ này Chi bộ kết nạp đảng viên các năm là năm 1966 kết nạp 2 đảng viên; năm 1967 kết nạp 4 đảng viên và năm 1968 kết nạp 13 đảng viên.

bộ không tăng, do phần lớn các đảng viên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự được gọi nhập ngũ vào quân đội, vào thanh niên xung phong và một số đi thoát ly làm nhiệm vụ do cấp trên điều động.

Ở Chi bộ xã Khe Mo thời kỳ này, mặc dù đã tổ chức học bổ túc từ những năm 1963-1964, nhưng trình độ văn hóa của cán bộ đảng viên vẫn rất thấp. Chi bộ có 34 đảng viên; có 1 đồng chí không biết chữ; 4 đồng chí từ biết đọc biết viết đến văn hóa lớp 1; đa số văn hóa lớp 2 lớp 3; có 5 đồng chí văn hóa cấp II (3 đồng chí văn hóa lớp 5 và 2 đồng chí văn hóa lớp 7). Vì vậy, việc nhận thức tiếp thu những chủ trương, chính sách, kiến thức mới gặp nhiều khó khăn; công tác tuyên truyền, phổ biến động viên nhân dân hạn chế. Từ đó có một số đảng viên thiếu gương mẫu, bỏ sinh hoạt đảng, chấp hành chính sách nửa vời; cá biệt có đảng viên vẫn đánh xóc đĩa, đánh chẵn ăn tiền (thực chất là đánh bạc), không vào hợp tác xã... làm ảnh hưởng lớn đến uy tín lãnh đạo của chi bộ. Mặc dầu vậy, đa số đảng viên có tinh thần trách nhiệm và có bản lĩnh chính trị kiên định, dũng cảm, bền bỉ đấu tranh trước những việc làm sai trái của một số cá

nhân, kể cả những đồng chí đang giữ các chức vụ chủ chốt trong Chi bộ, Ủy ban và các ngành đoàn thể. Phân loại đảng viên 6 tháng đầu năm năm 1966, Chi bộ đặt mục tiêu phải kiên quyết đấu tranh phê bình và tự phê bình, đánh giá đúng thực trạng tình hình cán bộ đảng viên để tìm biện pháp khắc phục. Trong tổng số 34 đảng viên, kết quả phân tích chất lượng chỉ có 2 đảng viên đạt mức khá (chiếm 5,88%); 7 đảng viên đạt mức trung bình (20,59%); 18 đảng viên ở mức kém (52,94%) và 7 đảng viên quá kém (20,59%)¹. Chi bộ đã nghiêm khắc kiểm điểm, thẳng thắn đấu tranh và xử lý kỷ luật 7 đảng viên quá kém bằng hình thức cảnh cáo. Các đảng viên ở mức kém được kiểm điểm phê bình nghiêm khắc và xử lý kỷ luật khiển trách 5 đồng chí. Từ đó tình hình công tác của đảng viên trong Chi bộ đã có chuyển biến đi lên, nề nếp công tác làm việc được duy trì khá hơn. Điều quan trọng hơn là qua đấu tranh phê bình thẳng thắn của Chi bộ với những đảng viên có sai phạm đã làm cho quần chúng nhân dân tin tưởng vào sự nghiêm minh của Đảng.

¹ Báo cáo phân loại đảng viên 6 tháng đầu năm 1966, do đồng chí Lê Văn Tương-Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã ký ngày 16/5/1966 (Bản lưu tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ)

Từ năm 1965, Huyện ủy mở Trường bổ túc văn hóa tại xã, do giáo viên trường phổ thông của xã dạy. Các đồng chí cán bộ, đảng viên chưa đạt trình độ lớp 4/10 đều phải bố trí thời gian học vào buổi trưa, buổi tối. Xác định được trách nhiệm học để làm việc nên các đảng viên đều cố gắng thu xếp thời gian đi học. Tuy nhiên do từ cuối năm 1965, máy bay Mỹ đánh phá trong tỉnh, địa phương phải tập trung vào nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu nên kết quả học tập còn hạn chế.

Tháng 02 năm 1965, Trung ương Đoàn phát động trong cả nước phong trào “Thanh niên Ba sẵn sàng”². Nội dung của phong trào “Ba sẵn sàng” là “Sẵn sàng chiến đấu (sẵn sàng hy sinh); Sẵn sàng nhập ngũ; sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ nhiệm vụ gì khi Tổ quốc cần”. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh Đoàn Thái Nguyên và tiếp theo là Tỉnh Đoàn Bắc Thái³, Chi

² Ngày 9 tháng 8 năm 1964, Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam thành phố Hà Nội phát động phong trào thanh niên “Ba sẵn sàng”. Đến tháng 2 năm 1965 được Trung ương Đoàn phát động trong cả nước.

³ Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa III, quyết định sáp nhập 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Tỉnh Bắc Thái làm việc từ ngày 01/7/1965. Ngày 06/11/1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX, quyết định tách tỉnh Bắc Thái thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Thời gian 2 tỉnh bắt đầu làm việc độc lập từ 01/01/1997.

đoàn thanh niên Lao động Việt Nam xã Khe Mo đã phát động phong trào “Ba sẵn sàng” trong toàn xã. Hưởng ứng phong trào do Đoàn phát động, đoàn viên thanh niên trong toàn xã tích cực hưởng ứng, hăng hái xung phong đi khám sức khỏe để được nhập ngũ chiến đấu. Năm 1965, toàn xã có 3 đợt gọi nhập ngũ (tháng 02, tháng 5 và đợt tháng 8) với tổng số 13 đồng chí vào bộ đội. Tháng 7 năm 1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố lệnh động viên cục bộ; động viên 1 bộ phận sỹ quan, hạ sỹ quan, binh sỹ dự bị nhưng chưa phục vụ tại ngũ để tăng cường lực lượng quốc phòng. Đồng thời Người ra lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ cứu nước: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa; Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố xí nghiệp có thể bị tàn phá, nhưng nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do!¹”. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thanh niên Khe Mo tích cực xung phong nhập ngũ, để được lên đường đi chiến đấu. Trước đó, năm 1966, xã Khe Mo có 3 đợt gọi nhập ngũ (đợt tháng 02, tháng 5 và tháng 11), toàn xã có

¹ Lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 17/7/1966.

tổng số 17 đồng chí. Năm 1967, chỉ có 1 đợt, đơn vị nhận quân ngày 9 tháng 7 gồm 9 đồng chí nhập ngũ. Năm 1968 có 2 đợt tuyển quân chính (tháng 4 và tháng 6,7) gồm 51 đồng chí; riêng đợt ngày 23/6 có 34 người và tháng 7 có 6 người. Đây là đợt gọi nhập ngũ những người có độ tuổi cao nhất (đến 35 tuổi); nhiều đồng chí có gia đình và đã có 4, 5 con nhỏ vẫn lên đường.... Từ năm 1965 đến hết năm 1972, xã Khe Mo có 18 lần giao quân với tổng số hơn 200 đồng chí. Có đồng chí viết đơn tình nguyện nhiều lần mới được nhập ngũ. Đồng chí Trần Minh Hợp, chưa đủ 16 tuổi đã trích máu viết đơn tình nguyện nhập ngũ; vì chưa đủ tuổi nên gia đình không đồng tình và Huyện đội quyết định trả về. Nhưng, về địa phương buổi chiều, ngay đêm hôm đó đồng chí lại quyết tâm trốn gia đình đi, đúng 3 giờ sáng đã thấy đồng chí có mặt tại nơi tập trung của huyện đội Đồng Hỷ để được nhập ngũ². Tấm gương của đồng chí Trần Minh Hợp và nhiều đồng chí khác trong xã Khe Mo như 2 anh em liệt sỹ Phạm Quảng Cư và Phạm Tiến Văn... và các gia đình

² Đồng chí Trần Minh Hợp, sinh năm 1953, nhập ngũ tháng 6/1968, hy sinh 1972 tại Mặt trận Tây Nguyên. Phần mộ đồng chí đang đặt tại nghĩa trang liệt sỹ thành phố Kon Tum (ngày hy sinh ở danh sách liệt sỹ và “Bảng vàng danh dự” của gia đình không trùng nhau. Tổ biên soạn xin được ghi trung thực theo văn bản).

có 3, 4 người con cùng ở trong quân đội...đã có tác dụng động viên thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ, chiến đấu trả thù cho đồng bào ta. Hành động của các cá nhân tiêu biểu và những gia đình bộ đội ưu tú, đã làm cho một vài người hèn nhát, thoái thác nhiệm vụ, lẩn tránh trách nhiệm với đất nước, lấy đó làm gương soi, để tự xem xét lại mình. Đóng góp vào kết quả là một xã thường xuyên đạt "...quân không thiếu 1 người", trong giai đoạn này nổi lên vai trò cá nhân của Xã đội trưởng Hoàng Bằng. Tuy có thời gian làm Bí thư chi bộ, Bí thư Đoàn thanh niên hoặc làm Chủ nhiệm hợp tác xã... nhưng cương vị nổi trội nhất của đồng chí là làm xã đội trưởng. Đồng chí Hoàng Bằng làm xã đội trưởng, Khe Mo luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ huấn luyện quân sự và giao quân. Huyện ủy Đồng Hỷ đã phát động trong toàn huyện phong trào học tập xã đội trưởng Hoàng Bằng luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quân sự và gọi thanh niên nhập ngũ¹.

¹ Theo đồng chí Nguyễn Sơn Oanh nguyên Bí thư Huyện ủy huyện Đồng Hỷ cung cấp: Đồng chí Hoàng Bằng làm xã đội trưởng trong thời kỳ chống Mỹ luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giao quân, không khi nào thiếu quân. Huyện ủy huyện Đồng Hỷ đã phát động trong toàn huyện phong trào thi đua học tập xã đội trưởng Hoàng Bằng.

Bên cạnh việc xung phong ghi tên tòng quân lên đường đi chiến đấu, có những thanh niên do vóc người nhỏ, sức khỏe có hạn vẫn tình nguyện vào lực lượng Thanh niên xung phong (TNXP) làm nhiệm vụ bốc xếp hàng hóa, giải tỏa các bến, bãi, kho hàng, nhà ga; bảo đảm giao thông ở những nơi khó khăn, bom đạn địch đánh phá ác liệt như đường 16B Trại Cau-ga Hợp Tiến, ga Lưu Xá, ga Lương Sơn, ga Quán Triều, ngầm Đa Phúc, ngầm Bến Tượng... Dù ở bất cứ nhiệm vụ gì anh chị em TNXP người Khe Mo đều phấn đấu cống hiến hết sức mình để hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu được giao.

Cùng với lãnh đạo công tác tuyển quân và phục vụ chiến đấu, chi bộ và chính quyền xã còn tập trung huy động dân công nghĩa vụ thời chiến theo lệnh điều động của huyện. Mỗi đợt đi dân công, anh chị em thường phải tự túc lương thực và dụng cụ². Để thực hiện nhiệm vụ được chu đáo, Ủy ban xã chỉ đạo các hợp tác xã chăm lo công tác bảo đảm lương thực và

² Ví dụ: lệnh của Ủy ban hành chính xã Khe Mo: xóm Đèo Khế được huy động 10 người mang theo cuốc, xẻng, xà beng và tự túc lương ăn 2 ngày, đúng 6 giờ sáng ngày 18/12/1966 có mặt tại nhà ông Năm xóm Long Giàn nhận lệnh.

chuẩn bị dụng cụ đầy đủ cho số người tham gia. Chính nhờ có công tác chuẩn bị chu đáo từ Ủy ban xã đến Ban Chủ nhiệm các hợp tác xã và trách nhiệm của từng người được đề cao, nên các đợt đi dân công phục vụ nhiệm vụ thời chiến của xã Khe Mo đều hoàn thành.

Trước âm mưu của đế quốc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh ra cả nước, ngày 19 tháng 3 năm 1965, Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động cuộc vận động “3 đảm nhiệm”¹. Hội liên hiệp Phụ nữ xã Khe Mo do đồng chí Ninh Thị Hàn làm Hội trưởng đã vận động chị em hưởng ứng tích cực phong trào. Trong chiến tranh, phần đông nam giới lên đường đi chiến đấu. Các công việc ở quê nhà từ cày, bừa,... đến trực chiến bắn máy bay, chị em phụ nữ xã Khe Mo đều tự tay làm được. Nhiều chị có chồng, con chiến đấu ở chiến trường xa, nhiều năm không có tin tức,

¹ Theo Chỉ thị số 03/CT ngày 19/3/1965 của Ban Thường trực Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Nội dung của phong trào “Ba đảm nhiệm” là: 1- Đảm nhiệm sản xuất công tác, thay thế cho nam giới đi chiến đấu; 2- Đảm nhiệm gia đình, khuyến khích chồng con yên tâm chiến đấu; 3- Đảm nhiệm phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết. Sau đó phong trào được Chủ tịch Hồ Chí Minh đổi thành phong trào “Ba đảm đang”. (Tr 270 sách “Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945-1975)” NXB Giáo dục năm 2002.

nhưng vẫn thủy chung son sắt, tần tảo lo toan nuôi dạy con cái, chăm sóc cha mẹ chồng già yếu, vẫn tích cực tham gia công tác tại địa phương.

Ngày 15 tháng 02 năm 1968, Đại hội Hội Phụ nữ xã Khe Mo được khai mạc tại trụ sở Ủy ban hành chính xã. Đại hội kiểm điểm, đánh giá, biểu dương những kết quả đạt được của chị em phụ nữ xã Khe Mo trong 3 năm thực hiện phong trào “Ba đảm đang” (3/1965-2/1968); tiếp tục phát động đẩy mạnh phong trào trong nhiệm kỳ 1968-1970. Đại hội bầu Ban Chấp hành và Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 5 người do bà Vũ Thị Liên làm Bí thư, bà Trần Thị Ích và Triệu Thị Lợi làm Phó Bí thư, bà Nguyễn Thị Sở và Nguyễn Thị Xuyên làm Ủy viên Ban Thường vụ. Các Ủy viên Ban chấp hành gồm Bùi Thị Lan (ở xóm Khe Mo), Nguyễn Thị Liên (ở xóm Long Giàn), Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Thị Thoa (cùng ở xóm Ao Rôm), Hoàng Thị Phú, Trần Thị Phúc (cùng ở xóm La Đường), Nguyễn Thị Sửu (ở Ao Đậu), Trần Thị Vụ (ở Làng Cháy), Nguyễn Thị Hạ (ở xóm Thống Nhất).

Phát huy vai trò người phụ nữ mới đảm đang lo toan việc nước, việc nhà vẹn toàn, chị em phụ nữ xã Khe Mo luôn gương mẫu xung phong đảm nhiệm tất cả các công việc ở địa phương; hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra. Góp phần tích cực vào nhiệm vụ sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu trên quê hương. Hội Phụ nữ xã trở thành điểm sáng trong thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, được Chi bộ Đảng, Chính quyền tin cậy.

Ngày 21 tháng 8 năm 1970, Hội liên hiệp Phụ nữ xã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1970-1973. Tham dự đại hội có 62 đại biểu đại diện cho chị em phụ nữ của 11/11 xóm trong xã. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 13 người là Vũ Thị Liên và Bùi Thị Lan (xóm Khe Mo); Trần Thị Toàn (xóm La Nưa); Lương Thị Hồi (xóm Na Rẫy); Nguyễn Thị Hà (xóm Làng Cháy); Nguyễn Thị Thoa, Lê Thị Minh (xóm Ao Rôm); Hoàng Thị Phú (xóm La Đường); Vũ Thị Thái (xóm Tiền Phong); Nguyễn Thị Riều (xóm Ao Đậu); Nông Thị Bạch (xóm Đèo Khế); Nguyễn Thị Hạ (xóm Thống Nhất) và Nguyễn Thị Hội (xóm Long Giản).

Ngày 23/8/1970, Ban Chấp hành Hội liên hiệp Phụ nữ xã họp với sự có mặt của 11/13 ủy viên; đồng chí Ngô Thúy Hòa, Huyện ủy viên-Bí thư Hội liên hiệp Phụ nữ huyện Đồng Hỷ tham dự và chỉ đạo hội nghị. Ban Chấp hành đã bầu bà Vũ Thị Liên (42 tuổi) làm Bí thư; các Phó Bí thư là Trần Thị Toàn (21 tuổi) và Lương Thị Hồi (23 tuổi). Ban chấp hành phân công bà Nguyễn Thị Hà (55 tuổi) làm Thủ quỹ; bà Nguyễn Thị Thoa (54 tuổi) làm Hội trưởng Hội mẹ chiến sỹ. Các ủy viên ở xóm nào phụ trách và trực tiếp làm chi hội trưởng chi hội phụ nữ xóm ấy.

Phong trào phụ nữ trong những năm kháng chiến chống Mỹ ở xã Khe Mo đã đạt được những thành tích đáng kể, được Huyện hội khen thưởng và biểu dương. Ngày 08 tháng 3 năm 1972, thay mặt Ban Chấp hành Tỉnh hội Hội liên hiệp phụ nữ Bắc Thái; Hội phó Nguyễn Thị Cẩn ký Quyết định số 53 công nhận 16 chi thuộc Hội liên hiệp phụ nữ xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ đạt danh hiệu “Phụ nữ 3 đảm đang 6 năm chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội (1965-1970)”.

Ngày 13 tháng 01 năm 1969, Chi ủy Chi bộ xã Khe Mo đã họp tại trụ sở UBND xã (gần kho gạo xóm Khe Mo) dưới sự chủ tọa của đồng chí Hoàng Bằng, Bí thư chi bộ để bàn kiểm điểm về công tác “Ba thu”¹ và sản xuất vụ đông-xuân 1968-1969. Hội nghị đánh giá công tác “Ba thu” của xã trong thời gian qua có nhiều cố gắng nhưng chưa đạt chỉ tiêu trên giao. Nguyên nhân do công tác vận động tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân chưa tốt; ở các hợp tác xã còn tình trạng giấu sản phẩm; một số gia đình cố tình dây dưa không giao nộp đúng kỳ hạn. Hội nghị nhấn mạnh: cần tập trung hơn nữa vào việc vận động nhân dân thực hiện đóng góp nghĩa vụ thời chiến. Về biện pháp thực hiện, hội nghị đề ra chủ trương là tất cả các ban

¹ Ba thu là 1- Thu lương thực; 2- Thu thực phẩm; 3- Thu nông sản (công văn đang lưu tại Phòng 1, ĐVBQ 310 tại Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên).

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, Nhà nước quy định nông dân có nghĩa vụ nộp lương thực (theo thuế nông nghiệp); nộp thực phẩm (thông thường bằng cân lợn hơi cho nhà nước, gọi là lợn nghĩa vụ); bán các nông sản như đỗ, lạc, rau xanh... với giá chỉ đạo cho nhà nước. Khi hoàn thành các nghĩa vụ quy định, được UBHC xã xác nhận bằng văn bản mới được đem bán ra thị trường hoặc bán ngoài chỉ tiêu cho ngành thương nghiệp theo giá chỉ đạo để đổi tem phiếu hàng nhu yếu phẩm như đồ dùng, vải, đường, thịt...

Nhà nước cũng quy định tiêu chuẩn vải bằng tem phiếu (gọi là phiếu vải) mỗi người nông dân được mua 3 mét vải; đến năm 1968 được nâng lên 3,8 mét (theo Quyết định số 57-CP ngày 27/4/1968 “về tiêu chuẩn vải của nhân dân ở nông thôn năm 1968 do Phó Thủ tướng Nguyễn Duy Trinh ký: nâng tiêu chuẩn vải bán cho nhân dân ở nông thôn năm 1968 từ 3 mét lên 3,8 mét/đầu người; bỏ chế độ dùng vải để thưởng”), nông dân không được cấp tem mua gạo, thịt, đường, sữa...

ngành cùng phối hợp đồng đều, để hoàn thành được nhiệm vụ của địa phương. Sau hội nghị, việc thực hiện công tác thu nộp lương thực, thực phẩm, nông sản ở xã Khe Mo được triển khai thi hành nghiêm túc và kết quả đã tăng lên.

Ngày 22 tháng 01 năm 1968, Ủy ban Hành chính xã Khe Mo đã triển khai kế hoạch sản xuất và công tác chuẩn bị Tết Mậu Thân dưới sự chủ trì của Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Phương Quốc An. Hội nghị đã đánh giá những kết quả trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 1967 và thống nhất nhận định: Đây là thời kỳ mà Chi bộ và nhân dân xã Khe Mo vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, việc lãnh đạo sản xuất phát triển kinh tế gặp nhiều khó khăn, do lực lượng trẻ khỏe hầu hết đã ra chiến trường. Tại địa phương vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu trong điều kiện thiếu nhân lực, thiếu phương tiện, thiếu vật tư nông nghiệp như thuốc trừ sâu, phân hóa học, giống... nên năng suất, sản lượng lương thực đạt thấp. Vượt lên khó khăn trước mắt, xã đề ra khẩu hiệu vận dụng riêng “Xã Khe Mo thóc không thiếu 1 cân, thịt không thiếu

1 cân, quân không thiếu 1 người; tất cả vì miền Nam ruột thịt”.

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (từ ngày 29/01/1968) và liên tiếp bị thất bại trên chiến trường đế quốc Mỹ phải ngừng leo thang chiến tranh ra miền Bắc. Ngày 31 tháng 3 năm 1968, tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 (Thanh Hóa) trở ra và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán tại Pari. Tranh thủ thời gian tạm thời yên bình, Chi bộ và chính quyền xã lãnh đạo nhân dân tập trung vào sản xuất lương thực, thực phẩm, nông sản đóng góp cho Nhà nước, ổn định cuộc sống của nhân dân. Mặt khác Cấp ủy, Chính quyền lãnh đạo nhân dân không ngừng nâng cao cảnh giác, đề phòng địch đánh phá trở lại.

Tháng 5 năm 1969, đồng chí Lý Văn Học được chỉ bộ bầu làm Bí thư thay cho đồng chí Hoàng Bằng nhận công tác khác. Lúc này chi bộ có 52 đảng viên được chia thành 7 tổ đảng, gồm tổ La Đường có 8 đồng chí; tổ Khe Mo có 4 đồng chí; tổ Làng Cháy có 11 đồng chí, tổ Ao Rôm có 5 đồng chí; tổ La Nưa có

10 đồng chí, tổ Đèo Khế và tổ La Rẫy mỗi tổ có 7 đồng chí.

Tiêu biểu trong phong trào xây dựng hợp tác xã giai đoạn này có HTX Đèo Khế do đồng chí Lý Văn Học làm Chủ nhiệm; thời điểm năm 1968 có diện tích cấy lúa là 37 mẫu, năng suất đạt 660 kg/mẫu; sản lượng đạt 24.440 kg. Nộp thuế 3.513 kg; bán nghĩa vụ 3.100 kg; quỹ HTX 1.387 kg; giống 925 kg; hoa lợi 4.965 kg. Tổng cộng chi hết 13.881 kg; còn lại 10.559 kg chia theo công lao động. Những kết quả trên đã đóng góp quan trọng vào hoàn thành chỉ tiêu sản xuất lương thực của xã.

Tính đến ngày 4 tháng 6 năm 1969, công tác giao nộp lương thực, thực phẩm năm 1968 và 6 tháng đầu năm 1969 đã đạt được 31.103,5 kg thóc, bao gồm thóc thuế 21.188,5 kg; thóc nghĩa vụ 9.746 kg. Về thực phẩm năm 1968 đã giao nộp được 69 con lợn hơi bằng 2.826,5 kg; 6 tháng đầu năm 1969 được 13 con bằng 573,5 kg.

Sản xuất vụ đông-xuân 1968-1969 được 31 mẫu lúa chiêm; 19 mẫu 3 sào trồng ngô trắng; 18 mẫu 5 sào khoai sọ; 18 mẫu 7 sào khoai lang; 11 mẫu 3 sào đỗ các loại; 9 mẫu 1 sào rau xanh. Về trồng cây công

nghiệp, toàn xã có 15 mẫu 2 sào mía; 18 mẫu 8 sào chè và 9 sào bông.

Về chăn nuôi, toàn xã có đàn trâu tổng cộng 623 con (gồm 87 trâu mộng, 279 trâu cái đẻ, 257 trâu nhỡ); riêng trâu cày kéo có 366 con. Đàn lợn tập thể có 314 con gồm lợn nái 97 con, lợn thịt 187 con. Các hộ gia đình có đàn gia cầm luôn ở mức trung bình 15 con/ khẩu. Số lượng trâu bò thời gian này chỉ dùng làm sức kéo cho HTX và gia đình; cá nhân cũng như tập thể không được giết thịt. Về đàn lợn chủ yếu do nhân dân nuôi tại các hộ, mỗi gia đình một năm phải bán nghĩa vụ lợn hơi cho Nhà nước theo quy định đầu khẩu; cá nhân không được phép giết mổ lợn, những trường hợp đã được phép mổ lợn phải nộp thuế sát sinh cho Nhà nước. Gia cầm nhân dân nuôi được tự do giết thịt và địa phương động viên bán khuyến khích cho cửa hàng thực phẩm, để cung cấp cho cán bộ, bộ đội và công nhân viên chức mua theo tem phiếu.

Căn cứ vào Quyết định số 200-CP ngày 23/12/1968 do Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị ký, ấn định thời gian bầu cử Hội đồng nhân dân huyện xã và tương đương (nhiệm kỳ 1969-1971) là ngày

30/4/1969. Chi ủy, chi bộ và chính quyền xã khẩn trương bắt tay vào công tác chuẩn bị và tổ chức bầu cử. Thành lập Ủy ban bầu cử xã do đồng chí Hoàng Bằng, Bí thư Chi bộ làm Trưởng ban; ông Chủ tịch Mặt trận xã làm Phó ban Thường trực và đồng chí Phương Quốc An, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã làm Phó ban. Các ông bà Trưởng ban ngành đoàn thể xã, các Chủ nhiệm HTX, các đồng chí tổ trưởng đảng làm ủy viên. Do được chuẩn bị chu đáo nên cuộc bầu cử diễn ra nhanh gọn và thành công. Sau bầu cử, Hội đồng nhân dân xã đã bầu đồng chí Hoàng Hữu Thông làm Chủ tịch UBHC xã; đồng chí Hoàng Thu Đoàn làm Phó Chủ tịch UBHC xã nhiệm kỳ 1969-1971 kiêm Trưởng ban công an. Đồng chí Trần Văn Lan làm xã đội trưởng.

Xã Khe Mo có hàng trăm thanh niên nhập ngũ, và đã ra chiến trường chiến đấu. Đến năm 1969, có 17 đồng chí hy sinh ở các mặt trận đã được báo tử về địa phương. Chi bộ, Chính quyền thường xuyên làm tốt công tác chính sách đối với thương binh và gia đình liệt sỹ. Hàng năm vào ngày thương binh liệt sỹ (27/7) xã đều tổ chức thăm hỏi và tổ chức mít tinh kỷ niệm.

Ngày 27/7/1969, xã Khe Mo tổ chức mít tinh kỷ niệm 22 năm ngày Thương binh - liệt sỹ tại Ủy ban hành chính xã, tham dự có đại diện Chi ủy, Chính quyền và các thân nhân liệt sỹ, thương binh. Thay mặt Chi ủy Chi bộ và Chính quyền, đồng chí Bí thư chi bộ Lý Văn Học đọc diễn văn tại buổi lễ, ghi nhận và biết ơn công lao to lớn của các anh hùng liệt sỹ, thương binh. Cảm ơn các gia đình liệt sỹ, thương binh đã đóng góp công sức máu xương cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cấp ủy, chính quyền sẽ làm hết sức mình để vượt bớt khó khăn cho các thân nhân liệt sỹ và thương binh, gia đình bộ đội tại ngũ.

Sáng ngày 04 tháng 9 năm 1969, Chi ủy, Chi bộ, Mặt trận, các ban ngành đoàn thể và nhân dân xã Khe Mo tổ chức mít tinh kỷ niệm 24 năm ngày Quốc khánh, có 55 đại biểu tham dự. Đồng chí Hoàng Bằng, Phó Bí thư Chi bộ đọc lời khai mạc; đồng chí Trần Công Dương, Ủy viên UBHC xã, thay mặt cấp ủy, chính quyền đọc diễn văn kỷ niệm. Trước đó, sáng ngày 3 tháng 9 năm 1969, Đài tiếng nói Việt Nam phát bản tin thông báo về tình hình sức khỏe của Chủ

tịch Hồ Chí Minh¹. Chiều ngày thứ Năm (4/9/1969), thông cáo đặc biệt về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, đây là một tổn thất lớn cho Đảng, nhà nước và nhân dân ta. Hồi 14 giờ ngày 05 tháng 9, Chi ủy chỉ bộ họp phiên họp bất thường dưới sự chủ tọa của đồng chí Bí thư Lý Văn Học, để thông báo về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần và triển khai một số nhiệm vụ trước mắt với khẩu hiệu “Biến đau thương thành hành động cách mạng”.

Trong sự đau thương mất mát, buổi sáng ngày 05 tháng 9 năm 1969, Trường phổ thông cấp I xã Khe Mo khai giảng năm học 1969-1970 với số lượng học sinh đông. Toàn trường có 334 học sinh theo học ở 10 lớp từ khối 1 đến khối 4. Thầy giáo hiệu trưởng Ngô Minh Quang đọc diễn văn khai giảng năm học và phát động phong trào học tập “Đền ơn Bác Hồ” trong toàn trường. Ngay ngày hôm sau (ngày 06/9/1969), Hội Phụ huynh đã phân công cha mẹ học sinh mang gỗ, tranh, tre, nứa, lá đến trường để dựng nhà cho con em có chỗ ngồi học. Chỉ trong 4 ngày, các phụ huynh đã

¹ Gồm 2 bản tin thông báo: 1 bản lúc 4 giờ sáng và 1 bản lúc 8 giờ sáng ngày 3/9/1969.

dựng xong nhà cho 10 lớp học bằng tranh, tre, vách đất, vách nửa để cho con em trong xã được đi học đúng kế hoạch đề ra trong ngày khai giảng.

Sáng ngày 10 tháng 9 năm 1969, lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh được tổ chức tại Ủy ban Hành chính xã, với sự có mặt của 191 người (gồm 43/53 đảng viên, 74 đoàn viên thanh niên, 39 đại biểu Mặt trận Tổ quốc, 35 đại biểu phụ nữ). Trước anh linh Người, đồng chí Lý Văn Học, Bí thư chi bộ, đọc lời điếu của Đảng, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo. Nhân dân các dân tộc xã Khe Mo vô cùng xúc động, tiếc thương vị lãnh tụ kính yêu, quyết tâm đoàn kết xung quanh Ban Chấp hành trung ương Đảng, góp phần đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quyết tâm của buổi lễ đã được chi bộ lãnh đạo “biến đau thương thành hành động cách mạng”, tích cực tăng gia sản xuất, hoàn thành nhanh gọn chỉ tiêu đóng thuế cho Nhà nước. Ngay trong năm 1969, các chỉ tiêu được giao đã tăng trưởng đáng kể; năng suất lúa đạt 600 kg/mẫu, sản lượng 245,5 tấn; nộp thuế bằng thóc 24.846 kg và thu bằng tiền tương đương

3.150 kg thóc. Bán lợn nghĩa vụ 26 con được 1.405 kg hơi.

Ngày 20 tháng 12 năm 1969, Chi ủy Chi bộ xã Khe Mo họp tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã để kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất. Cuộc họp do đồng chí Lý Văn Học, Bí thư Chi bộ chủ trì. Hội nghị đánh giá những kết quả đạt được trong thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh tế năm 1969 là đáng khích lệ. Hội nghị đề ra biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất năm 1970 phấn đấu năng suất lúa đạt 620 đến 630 kg/mẫu; sản lượng đạt 260 tấn. Hoàn thành các chỉ tiêu về thuế, thu mua nông sản, thực phẩm nhanh gọn và đúng hạn.

Ngày 21 tháng 12 năm 1969, Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được tổ chức tại Ủy ban Hành chính xã. Tham dự đại hội có 53 đại biểu đại diện cho các ngành các giới trong xã. Đại hội kiểm điểm công tác tập hợp đoàn kết nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Chính quyền trong những năm vừa qua đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu; chỉ riêng năm 1969, Mặt trận xã đã cùng các ngành các giới vận động thanh niên nhập ngũ

được 27 người, 12 người đi thanh niên xung phong, 86 người tham gia dân quân.

Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác nhiệm kỳ tới, tập trung vào đoàn kết vận động nhân dân để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ; chú trọng động viên thanh niên nhập ngũ vào quân đội chiến đấu, góp phần giải phóng miền Nam. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 13 người và bầu ông Phương Hữu Quảng làm Chủ tịch.

Thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 1970, toàn xã Khe Mo có 11 xóm, dân số 2.065 người (trong đó xóm La Nưa có 341 khẩu, xóm La Rẫy có 201 khẩu, xóm Khe Mo có 293 khẩu, xóm Làng Cháy có 276 khẩu, xóm La Đường có 169 khẩu, xóm Đèo Khế có 173 khẩu, xóm Ao Rôm có 117 khẩu, xóm Long Giàn có 113 khẩu, xóm Ao Đậu có 86 khẩu, xóm Tiên Phong có 105 khẩu và xóm Thống Nhất có 60 khẩu.

Thực hiện công tác thu nộp thuế hàng năm cho Nhà nước, đến ngày 28 tháng 11 năm 1970 toàn xã đã nộp được 22.391 kg thóc (trong đó HTX Đèo Khế nộp 3.400 kg; HTX Long Giàn nộp 387 kg; HTX Làng Cháy nộp 2.130 kg; HTX Khe Mo nộp 1.954 kg; HTX

Ao Rôm nộp 1.315 kg; HTX La Nưa nộp 5.374 kg; HTX La Rẫy nộp 4.919 kg; HTX Ao Đậu nộp 555 kg; HTX La Đường nộp 3.552 kg). Đồng thời các HTX trong xã cũng bán lương thực cho Nhà nước được 28.090 kg thóc (HTX Đèo Khế bán 2.464 kg; HTX Long Giàn 110 kg; HTX Làng Cháy 2.059 kg; HTX Khe Mo 3.887 kg; HTX Ao Rôm 1.595 kg; HTX La Nưa 9.748 kg; HTX La Rẫy 3.862 kg; HTX Ao Đậu 535 kg; HTX La Đường 3.830 kg). Bên cạnh đó các hộ nhân dân xã Khe Mo còn ủng hộ cho Nhà nước về vật chất; gia đình đồng chí Đỗ Quang Đạt (xóm La Rẫy) ủng hộ 1 con trâu và 100 kg gạo; bà Lý Thị Sùng ủng hộ 50 kg thóc và 50 đồng; các gia đình ông Nguyễn Văn Hậu, Trương Văn Đạo, Phạm Kinh Dữu...mỗi gia đình ủng hộ 50 kg thóc.

Sau 4 năm ngừng ném bom miền Bắc từ Thanh Hóa trở ra để dồn sức chống đỡ sự tấn công của Quân giải phóng miền Nam trên các chiến trường, nhưng vẫn liên tiếp thất bại nặng nề. Đặc biệt là thất bại của Mỹ-Ngụy trong cuộc tổng tiến công Mậu Thân năm 1968. Ngày 06 tháng 4 năm 1972, đế quốc Mỹ tuyên bố tiếp tục leo thang chiến tranh phá hoại ra toàn miền

Bắc lần thứ 2 bằng máy bay và tàu chiến. Ngày 24 tháng 5 năm 1972, máy bay Mỹ ném bom nhà máy điện Cao Ngạn (tức nhà máy điện Thái Nguyên). Đến ngày 18 tháng 12 năm 1972, không quân Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay chiến lược B52 đánh phá các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên. Quân và dân Bắc Thái chia lửa cùng quân và dân Hà Nội, Hải Phòng trong chiến dịch “Hà Nội-Điện Biên Phủ trên không”¹. Toàn chiến dịch, ta đã bắn rơi 81 máy bay trong đó có 34 “siêu Pháo đài bay B52”; thần tượng bất khả chiến bại của không lực Hoa Kỳ bị hạ bệ trên bầu trời miền Bắc. Góp công cùng cả nước, quân và dân Bắc Thái bắn rơi 2 chiếc B52 vào đêm 24 và 26 tháng 12 năm 1972. Thất bại quá nặng nề, trưa ngày 30 tháng 12 năm 1972, bắt buộc Ni-xon phải đơn phương tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và mời phái đoàn ngoại giao của ta trở lại hội nghị Pari tiếp tục đàm phán ở thể bị động.

¹ Cuộc tập kích chiến lược đường không bằng B52 (năm 1972) và Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên...phía Mỹ gọi là Chiến dịch Lai-nơ-bê-cơ II; Phía ta gọi là Chiến dịch “Hà Nội-Điện Biên Phủ trên không”

2- Lãnh đạo xây dựng kinh tế tập thể, tiếp tục chi viện sức người sức của cho chiến trường giành toàn thắng (1973-1975)

Ngày 27 tháng 01 năm 1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta. Hiệp định đã mở đường cho quân Mỹ rút về nước, thực hiện được một bước quan trọng trong chiến lược sách lược chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta. Từ đây, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, giữa tiến công với nổi dậy, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể xã Khe Mo lúc này do đồng chí Trần Ngọc Sơn làm Bí thư chi bộ. Đồng chí Phương Quốc An làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Đồng chí Trương Văn Đạo làm Phó Chủ tịch Ủy ban, kiêm Trưởng Công an xã. Đồng chí Hoàng Bằng làm xã đội trưởng. Ông Phương Hữu Quảng làm Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc. Đồng chí Phạm Văn Quý làm Bí thư chi đoàn. Bà Vũ Thị Liên làm Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ.

Trước tình hình mới của đất nước, nhân dân các dân tộc xã Khe Mo phấn khởi, tin tưởng vào những sách lược, bước đi của Đảng. Quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối cũng như mọi chủ trương chính sách được đề ra.

Về lãnh đạo sản xuất kinh tế, Chi ủy Chi bộ, Chính quyền xã lãnh đạo đưa các giống lúa lai, có khả năng chống sâu bệnh, chịu hạn tốt, cho năng suất cao vào cấy đại trà như Bao thai lùn, Bao thai hồng, Chân trâu lùn, X1... thay thế cho các giống lúa truyền thống như Nam ninh, Mồ rẫy, Ba Giăng... và thay thế cả các loại lúa có chất lượng cao như Tám thơm, Dự, Câu... cũng đã bị thoái hóa. Mặt khác xã thành lập mỗi HTX một tổ kỹ thuật, có nhiệm vụ chỉ đạo và thực hiện các công việc như ngâm thóc giống theo công thức “3 sôi, 2 lạnh”; tổ làm phân, làm bèo hoa dâu; tổ phun thuốc trừ sâu. Các năm 1973 đến 1975, trung bình mỗi sào lúa ở xã Khe Mo được bón 320 đến 350 kg phân chuồng, 300 kg phân xanh 1,2 kg phân hóa học (đạm), bên cạnh đó các HTX còn dùng các loại phân như Ka-li, Phốt phát, vôi để tăng độ phì của đất, khử chua... Kết quả thu hoạch năm 1973 cho

năng suất 812 kg/mẫu (tương đương 4,5 tấn/ha), sản lượng đạt 345 tấn; năm 1974, năng suất 820 kg/mẫu, sản lượng đạt 361 tấn. Nộp thuế và bán nghĩa vụ cho Nhà nước được mỗi năm trên 31 tấn (năm 1973 đạt 31,17 tấn; năm 1974 đạt 31,23 tấn).

Về công tác văn hóa giáo dục: Trường phổ thông cấp I do thầy giáo Ngô Minh Quang làm Hiệu trưởng đến hết năm học 1972-1973. Từ năm học 1973-1974, trường có 9 giáo viên là Nguyễn Ngọc Cầu, Nguyễn Văn Khẩn, Nguyễn Văn Phúc, Cù Thị Nguyên, Dương Thị Huyền, Dương Văn Thắng, Dương Thị Hợi và Trần Thị Quý... Toàn trường có 8 lớp học, từ khối 1 đến khối 4 với tổng cộng 308 học sinh, do thầy giáo Nguyễn Ngọc Cầu làm Hiệu trưởng và không có Hiệu phó.

Năm học 1973-1974, Trường phổ thông cấp II xã Đoàn Kết đứng chân ở Làng Hỏa được tách thành 2 trường; là Trường phổ thông cấp II xã Đoàn Kết và Trường phổ thông cấp II xã Khe Mo. Trường phổ thông cấp II xã Khe Mo đặt tại xóm Khe Mo. Đây là khóa học đầu tiên ở xã Khe Mo có trường dạy bậc học cấp II do Chi bộ và Ủy ban hành chính xã lãnh

đạo và chỉ đạo. Trường cấp II do thầy giáo Nguyễn Văn Chương làm Hiệu trưởng. Toàn trường có 3 lớp học gồm 1 lớp khối 5; 1 lớp khối 6 và 1 lớp khối 7, tổng cộng có 115 học sinh.

Các lớp học vỡ lòng vẫn tổ chức tại nhà kho các hợp tác xã như cũ, để cho con em xã viên và nhân dân học tập làm quen với bạn bè, tạo sự tự tin trong sinh hoạt ở môi trường tập thể. Các em được học múa, học hát và tập tô, tập viết, tập đọc quen dần với bút mực, sách, vở...

Sau khi hiệp định Pari được ký kết, miền Bắc không còn bị không quân Mỹ đánh phá, nhưng nhân dân ta vẫn tăng cường cảnh giác, đề phòng những âm mưu thủ đoạn mới của địch. Chi ủy Chi bộ, Chính quyền xã lãnh đạo tổ chức tốt các đợt gọi thanh niên nhập ngũ, chi viện cho chiến trường. Năm 1973 có 1 đợt tuyển quân vào tháng 8, đây là đợt gọi thanh niên nhập ngũ đầu tiên sau khi ký Hiệp định Pari, xã Khe Mo có 11 đồng chí được trúng tuyển. Năm 1974 có 2 đợt tuyển quân tháng 6 và tháng 10, toàn xã có 12 đồng chí được gọi. Năm 1975 có 2 đợt ngày 18 tháng 2 và ngày 30 tháng 3 với tổng số 17 đồng chí.

Chiến tranh ngày càng kéo dài và ác liệt, một số quân nhân giảm sút ý chí chiến đấu, đào bỏ ngũ về nhà; một số thanh niên trốn tránh nhiệm vụ. Đặc biệt có một người bị địch bắt, đã đầu hàng và được huấn luyện làm gián điệp tung trở lại miền Bắc hoạt động. Tất cả đã gây cho địa phương những khó khăn trong giữ gìn an ninh trật tự, động viên tuyển quân chi viện cho chiến trường. Chi bộ, Ủy ban, Ban Chỉ huy xã đội đã động viên số quân nhân này trở lại tiểu đoàn huấn luyện “quân tự giác tái ngũ” của Tỉnh đội Bắc Thái. Những trường hợp cố tình trốn tránh, được đưa vào “Công trường 73” giáo dục cải tạo lao động bắt buộc quân nhân đào lạc ngũ không trở lại quân đội của Tỉnh đội Bắc Thái. Cụ thể xóm La Nưa có 4 người; xóm Ao Rôm có 2 người; các xóm Đèo Khế, Làng Cháy, La Đường mỗi xóm có 1 người, Kết quả đã giảm được tình trạng đào bỏ ngũ về địa phương, tình hình an ninh, chính trị xã hội ở xã được giữ vững. Từ đó công tác động viên tuyển quân chi viện cho chiến trường của xã có chuyển biến tích cực, số thanh niên xung phong nhập ngũ ngày càng đông.

Cấp ủy Chi bộ cũng như Chính quyền, Chi đoàn thanh niên và đoàn thể nhân dân tích cực vận động,

động viên anh em lên đường nhận nhiệm vụ. Kết quả năm nào xã Khe Mo cũng hoàn thành chỉ tiêu giao quân. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, xã Khe Mo hoàn thành tốt khẩu hiệu được vận dụng ở địa phương là “thóc, thịt không thiếu 1 cân, quân không thiếu một người”. Có được những kết quả to lớn trong công tác tuyển quân, giao quân; có sự đóng góp của công tác “Hậu phương Quân đội”. Trong thời gian này công tác bảo đảm chi trả chế độ cho các đối tượng chính sách như thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và gia đình có người đi chiến đấu ở chiến trường B, C, K¹ luôn bảo đảm tốt. Không có hiện tượng bớt xén hoặc chi trả sai chế độ.

Trong thời gian không bị máy bay địch bắn phá từ 1973 đến 1975, Chi bộ Đảng, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo đã phấn đấu lao động bền

¹ Thời kỳ chống Mỹ: Người đi chiến đấu ở miền Nam gọi là chiến trường B hay “đi B”. Đi chiến đấu ở chiến trường Lào gọi là “đi C”. Đi chiến đấu ở chiến trường Campuchia chia gọi là “đi K”. Những người đi chiến đấu mà ở nhà có cha mẹ già hết tuổi lao động và con chưa thành niên được nhà nước trợ cấp tiền hàng tháng theo “Sổ trợ cấp”. Người đi bộ đội đóng quân ở miền Bắc (chiến trường A) không được hưởng trợ cấp. Tuy nhiên có một số đơn vị đóng ở miền Bắc (chiến trường A) nhưng lại vượt sông Bến Hải chiến đấu, gọi nôm na là “com Bắc, giặc Nam”, nên đôi khi có trường hợp chi trả bị nhầm lẫn.

bỉ, kiên cường vượt qua mọi khó khăn thử thách; đạt được những thành tựu đáng kể ở tất cả các mặt xây dựng phát triển kinh tế, văn hoá-xã hội, quốc phòng và an ninh. Chi bộ Đảng, Chính quyền và các đoàn thể được củng cố, có bản lĩnh chính trị vững vàng đủ năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ; chính vì vậy, kinh tế có bước phát triển, văn hóa-xã hội, quốc phòng-an ninh được bảo đảm.

Năm 1975, quân và dân ta mở đầu chiến dịch tổng tiến công và nổi dậy, tổng công kích giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước bằng chiến dịch giải phóng Tây Nguyên. Sau 55 ngày đêm chiến đấu anh dũng kiên cường, với phương châm “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng”², 11 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 4 năm 1975 lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam tung bay trên nóc Dinh Độc Lập-Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Chấm dứt chế độ Việt Nam Cộng hòa bằng lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện của

² Mệnh lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (tại Điện báo số 450/ĐB ngày 7/4/1975).

Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh, mở đường cho kỷ nguyên đất nước độc lập thống nhất, non sông thu về một mối.

Cùng với niềm vui trước thắng lợi vĩ đại của dân tộc mùa xuân năm 1975, Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo vững vàng bước thời kỳ mới, thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất, cùng thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chương VI

LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC KINH TẾ SAU CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1975-1986)

1- Cùng nhân dân cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội; tiếp tục chi viện sức người, sức của cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (1975-1981)

Chiến thắng lịch sử ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã đưa đất nước ta bước vào thời kỳ mới. Thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; với hai nhiệm vụ chiến lược “Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Chi bộ và nhân dân xã Khe Mo tự hào đã đạt được những thành tích to lớn trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng quê hương. Đồng thời Đảng, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo cũng tự hào vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa

sẵn sàng chiến đấu, chi viện sức người sức của cho chiến trường trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-TU, ngày 5 tháng 5 năm 1975 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái phát động phong trào thi đua “Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng”. Chi ủy Chi bộ xã Khe Mo đã tổ chức cho nhân dân thực hiện phong trào gắn với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Hỷ lần thứ XIII. Cụ thể là thực hiện 7 nội dung do đại hội đề ra là “Lao động giỏi, năng suất tăng, sản lượng nhiều, chăn nuôi vượt, hợp tác xã vững, chấp hành đường lối chính sách tốt, đời sống cao”. Là xã miền núi, Khe Mo còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của việc tập trung chủ yếu cho chiến đấu, những tập tục cũ lạc hậu vẫn còn. Nhiều việc cần quản lý, điều hành nhưng không được thi hành nghiêm túc, còn tình trạng dễ dãi bỏ qua. Trong lúc cùng nhân dân cả nước dồn sức khắc phục khó khăn do hậu quả của chiến tranh, ở xã Khe Mo đã bộc lộ những hạn chế bất cập. Tình trạng hợp tác xã yếu kém, phát triển không đồng đều; số hộ không vào hoặc ra hợp tác xã chiếm tỷ lệ khá cao. Lúc cao nhất có

đến 11 đảng viên không vào hợp tác xã. Để khắc phục những khuyết điểm trên, Chi bộ tập trung lãnh đạo đợt sinh hoạt phê bình và tự phê bình gắn với công tác tổ chức, kiểm tra. Kiểm điểm, phê bình những đảng viên không nghiêm túc thực hiện nghị quyết của Đảng, thiếu gương mẫu trước nhân dân. Qua đợt sinh hoạt và kiểm điểm, có 7 đảng viên đã xin vào hợp tác xã, 4 đồng chí bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo. Từ đó phong trào hợp tác xã ở Khe Mo đã được củng cố hơn, tuy nhiên cũng còn rất nhiều khó khăn cần tiếp tục tập trung giải quyết.

Từ năm 1975, nhân dân xã Khe Mo phấn khởi trước những sự kiện trọng đại của đất nước có ảnh hưởng sâu sắc đến địa phương. Trong các ngày từ 22 đến 27 tháng 5 năm 1975, tại Hà Nội diễn ra kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa V; Quốc hội phê chuẩn kết quả Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc. Ngày 24 tháng 4 năm 1976, nhân dân các dân tộc xã Khe Mo cùng nhân dân cả nước phấn khởi đi bầu cử Quốc hội khóa VI (Quốc hội thống nhất). Cuộc bầu cử tại xã diễn ra đúng kế hoạch và thành công tốt đẹp. Từ ngày 4 tháng 6 đến ngày 3 tháng 7 năm 1976, Quốc hội

triệu tập kỳ họp lịch sử thống nhất đất nước và quyết định đổi tên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cùng với việc đổi tên nước, tên Ủy ban hành chính từ tỉnh, huyện, xã được đổi thành Ủy ban nhân dân. Con dấu Ủy ban hành chính xã hình chữ nhật, dùng mực dấu màu tím đen được thay bằng con dấu Ủy ban nhân dân, hình tròn, bên trong có hình Quốc huy, dùng mực dấu màu đỏ.

Cuối năm 1976¹ Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV được triệu tập tại Hà Nội, thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đại hội nhất trí thông qua nghị quyết đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và định đường lối chiến lược cơ bản của cách mạng Việt Nam là “Xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Đồng thời Đại hội cũng quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980), nhằm 2 mục tiêu cơ bản và cấp bách là: “xây dựng một bước cơ sở vật

¹ Đại hội diễn ra từ ngày 14 đến 20 tháng 12 năm 1976 tại Thủ đô Hà Nội. Có 1.008 đại biểu thay mặt cho 1.550.000 đảng viên cả nước tham dự.

chất của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ sở công-nông nghiệp. Trên cơ sở đó cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động...”. Đây là kế hoạch 5 năm lần đầu được thực hiện trong phạm vi cả nước, nó có ý nghĩa vô cùng to lớn về kinh tế xã hội. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Chi bộ và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo xác định quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết mà đại hội Đảng đề ra.

Từ buổi đầu thành lập, chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương xã Long Khê (sau này tách ra thành 2 xã Khe Mo và Đoàn Kết- tức xã Văn Hán) chỉ có 4 đảng viên là người thuộc xã Khe Mo². Đến cuối năm 1975, chi bộ có 58 đảng viên (có 4 nữ) sinh hoạt trong 8 tổ đảng. Qua bình xét phân tích chất lượng đảng viên cuối năm 1975 có 12 đảng viên được xếp loại tích cực, 46 đảng viên xếp loại trung bình; trong số đảng viên xếp loại trung bình có 8 đồng chí vi phạm chỉ thị 192.

² Là các đồng chí Đinh Phú Hào, La Văn Mao, Hoàng Hữu Thông và Vũ Văn Tiến.

Đầu năm 1976, Chi bộ có 61 đảng viên (60 chính thức và 1 dự bị)¹, trong đó có 5 đảng viên nữ, đảng viên là người dân tộc thiểu số có 28. Trong số đảng viên có 41 đồng chí vào hợp tác xã, 5 người còn làm ăn cá thể, 12 người là hưu trí và mất sức. Về trình độ văn hóa của đảng viên là: văn hóa lớp 1 có 2 đồng chí; văn hóa lớp 2 có 10 đồng chí; văn hóa lớp 3 có 17 đồng chí; văn hóa lớp 4 có 6 đồng chí; văn hóa lớp 5 có 7 đồng chí; văn hóa lớp 6 có 8 đồng chí; văn hóa lớp 7 có 11 đồng chí; không có đồng chí nào có trình độ văn hóa cấp III (tương đương THPT hiện nay).

Theo chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, đầu năm 1976, Chi bộ xã Khe Mo tiến hành Đại hội nhiệm kỳ. Tham dự Đại hội có 53/58 đảng viên. Đại hội kiểm điểm kết quả lãnh đạo các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa và tình hình mọi mặt của xã. Đại hội nhất trí đánh giá: trong những năm từ 1973-1975, tuy miền Bắc không bị ném bom bắn phá, nhưng vẫn trong thời kỳ đất nước có chiến tranh. Chi bộ, Chính quyền và nhân dân xã Khe Mo tập trung đóng góp đầy đủ sức người, sức của cho Nhà nước, để tập trung chi viện cho

¹ Số liệu theo báo cáo ngày 30/3/1976.

chiến trường. Hàng năm xã đều cơ bản hoàn thành chỉ tiêu nộp thuế, bán khuyến khích lương thực, thực phẩm và nông sản. Chỉ tiêu lương thực, thực phẩm, nông sản “Ba thu” hàng năm xã đạt từ 90,5 đến 97,3%. Công tác tuyển quân là một nhiệm vụ hết sức nặng nề, mỗi năm xã đều huy động trung bình 2 đợt, có năm 3 đến 4 lần gọi nhập ngũ. Riêng năm 1975, chuẩn bị cho tổng tiến công chiến lược giải phóng miền Nam, yêu cầu chi viện cho chiến trường nhiều nên chỉ trong tháng 2 và tháng 3, huyện đội đã ra lệnh gọi nhập ngũ liên tiếp 2 đợt, nhưng xã đều hoàn thành chỉ tiêu giao quân.

Tuy vậy, Đại hội cũng thẳng thắn chỉ ra những yếu kém đang bộc lộ trong xã. Lúc này toàn xã có 1.113 nhân khẩu; có 6 hợp tác xã nông nghiệp và 513 xã viên. Mỗi hợp tác xã có 1 tổ đảng; 7/10 đội sản xuất có đảng viên. Mặc dù vậy, tình trạng sản xuất của các hợp tác xã bị cầm chừng, năng suất, sản lượng lương thực tăng chậm, thậm chí có lúc không tăng do lệ thuộc vào thời tiết, khí hậu, thủy văn. Bên cạnh hợp tác xã khá hơn như Đèo Khế vẫn duy trì được nếp làm việc thì các hợp tác xã còn lại hoạt động không có hiệu quả. Về văn hóa xã hội nổi lên vấn đề mê tín dị đoan, đánh bài,

đánh chặn ăn tiền và đánh bạc; tình trạng này không được ngăn chặn, thậm chí có lúc còn tăng. Nguyên nhân của sự gia tăng tình trạng này là do còn có cán bộ đảng viên thiếu trách nhiệm và thiếu gương mẫu, một số đảng viên còn tham gia, trong đó có cả cán bộ chủ chốt của xã.

Đại hội đề ra chủ trương tập trung củng cố hợp tác xã, kiên quyết không để xảy ra tình trạng hợp tác xã tồn tại hình thức. Tăng cường quản lý rèn luyện đảng viên, giao nhiệm vụ cho đảng viên, đánh giá đảng viên theo kết quả công tác. Kiên quyết xử lý kỷ luật các đảng viên vi phạm, cần thiết phải khai trừ ra khỏi Đảng. Đưa nhân tố mới vào trong lãnh đạo của địa phương nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực, xây dựng địa phương theo phương hướng mà Đại hội đề ra. Đại hội bầu Ban Chấp hành chi bộ gồm 7 đồng chí là Nguyễn Văn Kỳ, Phương Hữu Ngôn, Trần Ngọc Sơn, Hoàng Bằng, Trần Xuân, Trương Văn Đạo, Nông Thị Bạch và Dương Văn Gám. Chi ủy bầu đồng chí Nguyễn Văn Kỳ (là thương binh từ chiến trường trở về) làm Bí thư; đồng chí Phương Hữu Ngôn làm Phó Bí thư; đồng chí Trần Xuân làm Thường vụ Chi ủy và

đồng chí Dương Văn Gấm phụ trách Văn phòng Chi ủy và Ủy ban xã. Sau đó Hội đồng nhân dân bầu đồng chí Phương Hữu Ngôn làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân; đồng chí Trần Ngọc Sơn- Phó Chủ tịch UBND. Đồng chí Hoàng Bằng được đại-hội xã viên bầu làm Chủ nhiệm HTX La Nua.

Bước vào thời kỳ hòa bình, đất nước thống nhất, giang sơn đã thu về một mối, nhưng những hậu quả chiến tranh vẫn ảnh hưởng nặng nề. Hàng trăm thanh niên lên đường chiến đấu đã hoàn thành nhiệm vụ trở về, 39 đồng chí đã nằm lại trên các mặt trận, người đã được báo tử, người chưa có tin tức. Tất cả đã có ảnh hưởng lớn đến công tác lãnh đạo ổn định xã hội của chi bộ, chính quyền. Xác định các đồng chí bộ đội phục viên xuất ngũ là những người đã trải qua thử thách khắc nghiệt của chiến tranh mà trưởng thành, có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, là vốn quý của địa phương. Cấp ủy, Chính quyền tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp với trình độ và sức khỏe của anh em đảm nhiệm công tác từ cấp ủy, chính quyền đến cán bộ đội sản xuất, cán bộ hợp tác xã, đoàn thể. Được sự quan tâm, tin tưởng của Chi bộ và Chính

quyền giao nhiệm vụ, thử thách trong công việc, nhiều đồng chí đã trưởng thành nhanh nhanh chóng. Bắt nhịp nhanh với các nhiệm vụ của quê hương và trở thành lãnh đạo chủ chốt của xã, như các đồng chí Vũ Quang Việt, Nguyễn Văn Kỳ, Đàm Hùng Sinh, Trần Xuân... thay thế xứng đáng lớp lãnh đạo đi trước.

Thực hiện Nghị quyết đại hội, cuối năm 1976, chi bộ tiến hành bình xét, phân loại, đánh giá chất lượng đảng viên. Về hình thức, đây là đợt sinh hoạt chính trị theo định kỳ hàng năm, nhưng chi bộ tập trung kiểm điểm sâu hơn về ý thức, vị trí vai trò trách nhiệm của đảng viên nhằm đánh giá đúng thực trạng đội ngũ. Lúc này, đảng số của chi bộ gồm 69 người; qua bình xét phân tích có 27 đảng viên được xếp loại tích cực, 35 đảng viên trung bình. Chi bộ chưa xét 7 đồng chí¹, gồm 3 người đang bị kỷ luật khai trừ lưu đảng và 3 đảng viên bỏ sinh hoạt, 1 đảng viên đang xem xét kỷ luật. Sau đó chi bộ khai trừ 3, xóa tên 4 đảng viên; đảng số của chi bộ tăng, chủ yếu là do đảng viên từ bộ đội phục viên xuất ngũ về địa phương.

¹ Báo cáo phân tích Chất lượng đảng viên năm 1976 của Chi bộ Khe Mo do Bí thư Nguyễn Văn Kỳ ký (Bản lưu tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ).

Đến ngày 22 tháng 8 năm 1978, Chi bộ xã Khe Mo có 67 đảng viên (có 1 dự bị), gồm 2 đảng viên là nữ giới, có 34 đảng viên là người dân tộc thiểu số (chiếm 50,74%).

Ngày 16 tháng 5 năm 1979, Theo chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, Chi bộ xã Khe Mo tiến hành Đại hội đảng viên tại Ủy ban nhân dân xã, có 54 đảng viên tham dự. Đại hội bầu BCH gồm các đồng chí Phương Hữu Ngôn, Vũ Quang Việt, Nguyễn Văn Tý, Trần Minh Xuân (Trần Xuân); Hoàng Công Bằng (Hoàng Bằng), Lâm Văn Thảy²...làm Ủy viên Ban Chấp hành. Chi ủy bầu đồng chí Phương Hữu Ngôn làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Vũ Quang Việt làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Tý làm Thường trực Đảng.

Tháng 7 năm 1979, Chi bộ xã Khe Mo còn 55 đảng viên³, được chia làm 7 tổ đảng (là tổ Ao Rôm có 10 đảng viên; tổ Đèo Khế có 6 đảng viên; tổ La Đường có 8 đảng viên; tổ La Rẫy có 7 đảng viên; tổ La Nưa có 9 đảng viên; tổ Khe Mo có 9 đảng viên; tổ Làng Cháy có 6 đảng viên). Ngày 24 tháng 7 năm 1979, chi bộ tổ

² Còn thiếu tên 1 đồng chí Chi ủy viên.

³ Đảng viên giảm so với năm 1976 do một số đồng chí đi làm các cơ quan.

chức hợp để kiểm điểm bình xét phân loại đảng viên 6 tháng đầu năm. Kết quả có 29 đồng chí đạt mức khá (chiếm 52,72%) và 26 đồng chí đạt mức trung bình (chiếm 47,28%). Về tổ đảng, có 2 tổ đạt khá (là tổ La Đường và tổ Ao Rôm), 2 tổ trung bình (là tổ La Rẫy và tổ Làng Cháy), 3 tổ kém (là tổ Đèo Khế, Khe Mo và La Nua)¹.

Chi ủy Chi bộ xã nhiệm kỳ năm 1979-1980 được đại hội bầu gồm có 7 đồng chí, nhưng trong thời gian công tác, có 2 đồng chí xin thôi việc (thực chất là bỏ việc) gây ảnh hưởng lớn đến công tác lãnh đạo chỉ đạo. Để kịp thời kiện toàn nhân sự cấp ủy đủ sức lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ, ngày 7 tháng 5 năm 1980, Chi ủy đã bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Kỳ và Đinh Văn Năm vào Ban chấp hành. Đến tháng 6 năm 1980, kết quả bầu cử bổ sung được Huyện ủy Đồng Hỷ chuẩn y. Từ đó việc phân công nhiệm vụ chỉ đạo các xóm, các hợp tác xã và lãnh đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ của chi bộ nhịp nhàng hơn.

¹ Báo cáo của Chi bộ Khe Mo ngày 24/7/1979 do Bí thư Phương Hữu Ngôn ký (Bản lưu tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ)

Tiếp theo, Chi bộ lãnh đạo kiện toàn chính quyền xã. Ngày 16 tháng 8 năm 1979, Hội đồng nhân dân xã họp và bầu đồng chí Vũ Quang Việt, Phó Bí thư Chi bộ làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Đồng chí Trần Minh Xuân, Chi ủy viên được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban kiêm Trưởng Công an xã. Đồng chí Hoàng Công Bằng (Hoàng Bằng) làm xã đội trưởng và đồng chí Lâm Văn Thủy làm Thường trực Ủy ban nhân dân xã.

Về công tác giáo dục phổ thông của xã có thay đổi về công tác tổ chức và nhân sự. Từ năm học 1978-1979, Trường phổ thông cấp I và Trường phổ thông cấp II xã Khe Mo được sáp nhập thành một nhà trường, gọi là “Trường phổ thông cấp I+II xã Khe Mo”. Trường tổ chức dạy và học tập trung, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều khó khăn. Trường do thầy giáo Nguyễn Văn Chương làm Hiệu trưởng và thầy giáo Mai Xuân Tường làm Hiệu phó. Một thời gian sau tên gọi của trường lại được đổi là Trường phổ thông cơ sở xã Khe Mo. Trường tổ chức dạy và học trong bối cảnh cơ sở vật chất đều rất thiếu thốn và hết sức khó khăn. Các nhà để học sinh ngồi học đều làm nhanh và tạm bợ nên năm nào cũng phải làm lại toàn bộ, tốn rất nhiều công

sức của cán bộ giáo viên và phụ huynh học sinh¹. Nhà ở của giáo viên cũng trong cảnh tạm bợ như vậy, mỗi gian nhà được ngăn làm 2 phòng, mỗi phòng chỉ kê 1 giường để 2 giáo viên cùng giới ở.

Mặc dù điều kiện vật chất khó khăn nhưng phong trào thi đua dạy tốt học tốt vẫn được duy trì thường xuyên, chất lượng dạy và học trong nhà trường được đảm bảo. Từ khi có Nghị quyết số 14 của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, đội ngũ giáo viên của nhà trường được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới. Các giáo viên của nhà trường luôn nêu cao vai trò trách nhiệm, khắc phục khó khăn, tâm huyết, gắn bó với nghề; chính vì vậy hàng năm, tỷ lệ học sinh lên lớp và đỗ tốt nghiệp phổ thông cơ sở thường đạt trên 90%. Học sinh có hạnh kiểm tốt và khá đạt trên 95%.

¹ Năm nào cũng vậy, đến hè, giáo viên và học sinh về nghỉ, trâu bò, giò lốc làm tất cả các lớp học sập đổ nằm rạp trên mặt đất. Ngày 5/9 khai giảng xong học sinh về nghỉ. Ngày 6/9 phụ huynh học sinh từng lớp họp và tổ chức nhau mang cây, cột, gianh lợp, lá, nửa tự dựng lớp học, chỉ vài ngày là có nhà cho các cháu học. Nhưng do làm nhanh nên cây tươi, gianh lợp, lá đều tươi nên chỉ ít ngày sau, gianh lợp ngót đi lại trông thấy trời. Mỗi mọt ăn chân cột nên mỗi nhà chỉ tồn tại được một năm học mà thôi.

Trong giai đoạn này, đất nước ta mới vừa ra khỏi cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm, hậu quả hết sức nặng nề, rất cần có thời gian tập trung sức lực để khắc phục hậu quả chiến tranh, đưa kinh tế đất nước phát triển đi lên. Nhưng, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế câu kết với nhau, âm mưu làm suy yếu và thôn tính nước ta. Thông qua bọn tay sai phản động Pôn Pốt-Iêng xa ri đang cầm quyền chế độ diệt chủng ở Căm-pu-chia, ra sức đẩy mạnh các hành động lấn chiếm và tàn sát dã man đồng bào ta ở dọc tuyến biên giới tây-nam của Tổ quốc. Ở phía bắc chúng kích động, lấn chiếm gây tình hình căng thẳng trên toàn tuyến biên giới.

Tình hình trên đã đặt dân tộc ta trước một thử thách mới hết sức nghiêm trọng. Vì độc lập tự do, vì chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì tính mạng và tài sản của nhân dân, buộc dân tộc ta một lần nữa phải cầm súng kiên quyết đánh trả kẻ thù xâm lược. Chiến tranh nổ ra ở biên giới tây-nam (năm 1977), biên giới phía bắc (17/2/1979) làm cho các hoạt động trong xã hội bị đảo lộn. Thực hiện lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng,

nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến để tập trung cho nhiệm vụ trọng tâm là bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của đất nước, thanh niên Khe Mo lại cầm súng lên đường chiến đấu chống quân xâm lược. Chỉ riêng năm 1979, xã Khe Mo có 3 đợt gọi nhập ngũ với tổng số 33 thanh niên lên đường ra mặt trận

Đồng thời trong thời gian này thiên tai cũng lại liên tiếp xảy ra, đặc biệt là trận lũ diễn ra trong các ngày 3, 4 tháng 10 năm 1978 làm cho lúa, hoa màu mất trắng. Chỉ riêng lương thực đã bị thiệt hại hàng trăm tấn thóc, các khu ruộng bị đất đá từ các sườn núi, sườn đồi xô xuống vùi lấp, không thể trồng cây lại ngay được. Trận lũ tháng 10 năm 1978 vẫn còn để lại hậu quả thì cuối năm 1978, đầu năm 1979 lại xảy ra tình trạng thời tiết cực đoan khắc nghiệt. Rét đậm, rét hại kéo dài làm mạ gieo chết hàng loạt; thiếu thóc giống, thiếu mạ, nhiều diện tích không cấy được. Trồng ngô, trồng sắn cũng bị ảnh hưởng của giá rét nên chậm phát triển. Mặt khác xã lại thiếu nhân lực, do lực lượng trẻ khỏe hầu hết đã ra chiến trường, trong khi đòi hỏi chung của xã hội ngày một cao.

Thời tiết, thiên tai, địch họa có tác động không nhỏ đến tư tưởng, đời sống kinh tế, xã hội của địa phương. Trước tình hình trên, chi bộ đã tập trung lãnh đạo với phương châm “khắc phục khó khăn, khơi dậy truyền thống”; “giáo dục cho cán bộ đảng viên và nhân dân hiểu rõ âm mưu thủ đoạn của các thế lực phản động, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đưa xã Khe Mo phát triển đi lên”. Một lần nữa khí thế cách mạng của nhân dân các dân tộc xã Khe Mo được khơi dậy, lại vẫn với khẩu hiệu “Khe Mo thực hiện thóc không thiếu 1 cân, thịt không thiếu 1 cân, quân không thiếu 1 người”, “tất cả vì các tỉnh biên giới, vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội”. Nhân dân các dân tộc xã Khe Mo lại kiên cường, dũng cảm bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, song song với cuộc chiến đấu chống đói nghèo cũng không kém phần gian nan vất vả. Trong cuộc chiến đấu này chúng ta có đất nước thống nhất, độc lập, tự do; có Đảng Cộng sản giàu kinh nghiệm lãnh đạo và nhân dân vững niềm tin vào Đảng nên nhất định sẽ thành công.

Để khắc phục khó khăn, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ theo yêu cầu của cách mạng trong tình hình

mới. Chi bộ, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ an ninh quốc phòng với nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Một mặt nhanh chóng tổ chức lại sản xuất, thực hiện các Nghị quyết 23, Nghị quyết 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 45, 46 của Tỉnh ủy Bắc Thái và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Hỷ khóa XIV với tinh thần: “Ra sức sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng chuyên canh, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, đưa năng suất lúa lên đạt 4 tấn /1 ha/2 vụ¹”

Chi bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo tập trung vào chiến dịch “khắc phục thiên tai, đẩy mạnh sản xuất”. Chỉ hơn 10 ngày ra quân, toàn bộ số ruộng bị đất đá, cát sỏi vùi lấp, đã được thu dọn gọn gàng, sẵn sàng trồng cấy. Các hợp tác xã khẩn trương triển khai trồng ngô, khoai vụ đông để khắc phục tình trạng thiếu hụt lương thực.

Bên cạnh việc tổ chức sản xuất nông nghiệp bằng cấy lúa nước, trồng lúa nương, trồng ngô, trồng sắn để

¹ Tương đương với năng suất 72 kg/sào Bắc bộ (720 kg/mẫu)

đảm bảo đời sống nhân dân được đặc biệt quan tâm. Chi bộ và chính quyền xã còn chú trọng lãnh đạo phát triển kinh tế đồi rừng, trồng cây công nghiệp để tăng thu nhập cho nhân dân. Thiên nhiên ưu đãi cho Khe Mo có diện tích đồi rừng lớn, nhưng những năm trước đây, rừng đã bị khai thác quá mức nên cạn kiệt. Để khai thác diện tích đất đã bị mất rừng, nhân dân Khe Mo đã trồng các cây công nghiệp như cây bồ đề, cây mỡ, cây thông... và một phần diện tích khác nhân dân đã trồng chè. Ban đầu việc trồng chè chỉ đơn thuần để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của mỗi gia đình, khi sản phẩm thừa mới đem bán. Thời gian này công tác quản lý thị trường vẫn còn quản lý chặt chẽ, hàng hóa không được tự do lưu thông, vì vậy việc trồng chè vẫn rất cầm chừng. Diện tích đất trồng chè chỉ dừng lại khoảng 7 mẫu ở hợp tác xã Khai Hoang (về sau gọi là hợp tác xã Tiên Phong, nay là xóm Tiên Phong). Do lợi ích của người trồng chè chưa được bảo đảm, nên giai đoạn này mặc dù xã đã có nhiều cố gắng trong lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nhưng việc phát triển diện tích và sản lượng chè ở xã Khe Mo vẫn tăng không đáng kể.

Đồng thời với khắc phục thiên tai, xã chỉ đạo củng cố lực lượng dân quân cả về số lượng và chất lượng. Xã có 4 đại đội dân quân. Đại đội 1 gồm dân quân các xóm Long Giàn - Đèo Khế - Thống Nhất. Đại đội 2 gồm dân quân 3 xóm Khe Mo - Làng Cháy - Dọc Hèo. Đại đội 3 gồm dân quân 2 xóm La Nưa - La Rẫy. Đại đội 4 gồm dân quân 3 xóm Ao Rôm - Tiên Phong - La Đường. Các hợp tác xã có trung đội, đội sản xuất có tiểu đội dân quân đặt dưới sự chỉ huy của Ban Chỉ huy xã đội. Lực lượng dân quân của xã được huấn luyện theo chương trình của Huyện đội Đồng Hỷ, sẵn sàng cơ động làm nhiệm vụ chiến đấu khi có yêu cầu¹; phối hợp cùng lực lượng công an tuần tra canh gác, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy mặc dầu tình hình diễn biến phức tạp, bọn phản động, những kẻ xấu, phần tử cơ hội ra sức tuyên truyền kích động, phá hoại nhưng tình hình chính trị - xã hội ở xã Khe Mo vẫn ổn định.

¹ Khi chiến tranh biên giới năm 1979 xảy ra, đồng chí Nguyễn Văn Kỳ đang là Bí thư chi bộ xã được cử làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn dân quân huyện Đồng Hỷ đi xây dựng phòng tuyến tại Lạng Sơn. Cùng đi với đồng chí Kỳ có 1 tiểu đội dân quân xã Khe Mo.

Đến ngày 20 tháng 7 năm 1979, toàn xã Khe Mo có 460 hộ (có 391 hộ vào HTX và 69 hộ cá thể). Trong số 391 hộ vào hợp tác xã, có 2.343 nhân khẩu, 831 lao động. Diện tích đất canh tác có 556 mẫu. Toàn xã có 8 hợp tác xã và 17 đội sản xuất là:

HTX La Đường-Ao Rôm² có 102 hộ, 557 khẩu, 251 lao động, 154 mẫu đất canh tác, được chia làm 4 đội sản xuất. Ngoài ra, 2 xóm còn 16 hộ chưa vào hợp tác xã.

HTX La Nưa có 45 hộ, gồm 328 khẩu, 130 lao động, 96 mẫu đất canh tác, được chia làm 3 đội sản xuất. Xóm La Nưa còn 7 hộ cá thể.

HTX Khe Mo có 52 hộ, 246 khẩu, có 102 lao động, 65 mẫu đất canh tác và được chia làm 2 đội sản xuất. Xóm Khe Mo còn 25 hộ cá thể.

HTX Làng Cháy có 57 hộ, 408 khẩu, 140 lao động, 77 mẫu đất canh tác, được chia làm 2 đội. Không có người ngoài hợp tác.

² Trước khi sáp nhập với La Đường, trong HTX Ao Rôm đã có 1 đội Ao Đậu. Vì vậy khi sáp nhập chỉ có 2 HTX cũ gồm 3 xóm.

HTX Long Giàn có 31 hộ, 153 khẩu, 68 lao động, 26 mẫu đất canh tác, có 1 đội sản xuất. Xóm còn 20 hộ cá thể.

HTX Đèo Khế có 39 hộ, 269 khẩu, 105 lao động, 50 mẫu đất canh tác, có 1 đội sản xuất. 100% số hộ trong xóm vào hợp tác xã.

HTX La Rẫy 29 hộ, 267 khẩu, 84 lao động, 75 mẫu đất canh tác, có 3 đội sản xuất. Còn 1 hộ cá thể

HTX Tiền Phong có 26 hộ, 115 khẩu, 51 lao động, 13 mẫu đất canh tác (gồm 7 mẫu lúa và 6 mẫu chè), có 1 đội sản xuất.

Phong trào xây dựng hợp tác xã ở Khe Mo lúc này gặp nhiều khó khăn do trong bối cảnh chung của đất nước. Hàng hóa vật tư nói chung và vật tư nông nghiệp nói riêng đều rất khan hiếm. Công tác tổ chức quản lý điều hành và phân phối sản phẩm của các hợp tác xã nông nghiệp ở Khe Mo bộc lộ những yếu kém bất cập; dẫn đến các hợp tác xã hoạt động không đồng đều, lúc lên, lúc xuống thất thường. Nguyên nhân do thời kỳ này chúng ta đề cao khẩu hiệu “hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ” nhưng thực chất, tài sản tập thể ở Khe Mo đã trở thành không có chủ. Tình trạng quản lý hợp tác

xã không chặt chẽ, kế hoạch sản xuất không sát thực và đặc biệt là tình trạng “tính ngày ghi công” không kể gì đến năng suất, đã diễn ra thường xuyên và mỗi ngày một trăm trọng hơn. Xã viên đi làm theo hiệu lệnh kẻo, về theo hiệu lệnh kẻo, công điểm tính theo thời gian có mặt ở nơi làm việc. Người làm việc tích cực, người dựa dẫm lười biếng đều được tính công điểm như nhau. Vì vậy, làm việc không có năng suất và hiệu quả, dẫn đến sản lượng thóc không tăng, thậm chí mức thu lương thực bình quân đầu người còn giảm (do dân số tăng), mỗi công lao động chỉ đạt 0,7 đến 0,8 kg thóc, không đủ nuôi sống chính người lao động chứ chưa nói đến nuôi cha mẹ già yếu, con nhỏ, nhiều người sinh ra chán nản. Những đảng viên, những người có tâm huyết lao động thật sự xót xa, đấu tranh không có kết quả, nên có một số xin ra hợp tác, thực chất cũng chỉ mong cho gia đình được no đủ. Tình trạng trên được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ quan tâm lãnh đạo tổ chức củng cố nhiều lần, nhưng cũng chỉ ổn định được một thời gian ngắn¹.

¹ Phong trào xây dựng HTX nông nghiệp ở Khe Mo giai đoạn này gặp nhiều khó khăn. Các đoàn cán bộ củng cố HTX rút về huyện được một thời gian là HTX lại sa sút.

Thực hiện Thông tri số 22/BBT của Ban Bí thư Trung ương "Tiếp tục đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng" và Chỉ thị số 73/BBT của Ban Bí thư Trung ương về việc phát thẻ đảng viên, chi bộ đã triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong khi địa phương đang có nhiều khó khăn do suy giảm kinh tế, làm cho nhân dân và cán bộ có biểu hiện bi quan chán nản. Chi bộ xác định đây là dịp sinh hoạt nâng cao trách nhiệm, củng cố lại đội ngũ, để xứng đáng với vai trò vị trí của Đảng. Mỗi đợt phát thẻ đảng viên được Chi bộ phát động thành một đợt sinh hoạt chính trị nâng cao trách nhiệm, đưa đảng viên về vị trí. Những đảng viên được phát thẻ đều nhận thức được vinh dự, niềm tự hào và trách nhiệm của mình trong việc phấn đấu xây dựng quê hương Khe Mo ngày càng tiến bộ.

2- Lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương mới của Đảng, từng bước vượt qua khó khăn thử thách (1981-1986)

Ngày 13 tháng 01 năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra *Chỉ thị số 100 CT/TW, "về cải tiến công tác khoán và mở rộng khoán sản phẩm đến*

nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp” (gọi tắt là “Chỉ thị 100” hay “Khoán 100”. Đây là bước thử nghiệm quan trọng của Đảng ta về đổi mới tư duy trong lãnh đạo tìm hướng đi cho kinh tế nông nghiệp, và cải cách mô hình hợp tác xã. “Chỉ thị 100” đã tạo ra sinh khí mới làm hồi sinh các hợp tác xã vốn đang gặp rất nhiều khó khăn. Chi bộ chỉ đạo các hợp tác xã rà soát kiểm tra nắm chắc diện tích đất nông nghiệp của từng đội sản xuất trên từng cánh đồng, từng hạng đất cho năng suất, sản lượng khác nhau để lập kế hoạch giao khoán.

Khi thực hiện hình thức giao khoán theo “Chỉ thị 100”, mọi người từ đồng chí Bí thư chi bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các chủ nhiệm hợp tác xã đến từng người dân đều tính toán lo toan thực hiện bằng được hình thức quản lý kinh tế mới. Việc trả công lao động gắn liền với trách nhiệm và quyền lợi của xã viên. Từ đó kế hoạch sản xuất được chủ động hơn, đất đai, sức lao động được tận dụng, diện tích đất đai bị hoang hóa giảm hẳn. Các khâu trung gian trong điều hành sản xuất được bố trí hợp lý. Trách nhiệm của đội ngũ cán bộ đảng viên được đề cao. Trên cơ sở hợp tác xã bảo

đảm giống lúa có năng suất cao, nước tưới, điều hành sức cày kéo, thuốc bảo vệ thực vật. Đến kỳ thu hoạch, xã viên nộp sản phẩm cho hợp tác xã theo kế hoạch đã nhận khoán, số còn lại xã viên được hưởng. Chính vì quyền lợi của người lao động được bảo đảm nên trong 2 năm đầu thực hiện “khoán 100” (1981-1982) diện tích, năng suất và sản lượng của hợp tác xã tăng lên đến 30%. Lương thực bình quân đầu người năm 1982 đạt 12 kg/ tháng và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước.

Cùng với khoán trong nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết số 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Đưa chăn nuôi trở thành một ngành sản xuất chính”. Khe Mo là địa bàn miền núi, nên hình thức chăn nuôi tự cung tự cấp phát triển mạnh; gia đình nào cũng nuôi trâu cày, trâu kéo gỗ, lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng...Hợp tác xã cũng thực hiện việc khoán chỉ tiêu cho từng gia đình. Khi đã hoàn thành chỉ tiêu giao khoán cho hộ; cứ mỗi kg lợn hơi vượt tiêu chuẩn bán cho hợp tác xã, người nhận khoán được hợp tác xã bán cho 0,8 kg thóc. Cách làm trên đã tạo cho nhân dân phấn khởi tích cực chăn nuôi để có thực phẩm như thịt, trứng, cá bán cho Nhà nước thông qua hợp tác xã. Với cách làm này,

người dân nhận khoán cũng như tập thể đều được hưởng lợi, mọi gia đình đều cố gắng chăn nuôi để góp phần tăng thu nhập, giải quyết khó khăn. Sản phẩm chăn nuôi đã góp phần đáng kể vào tỷ trọng thu nhập của mỗi nhà, nâng cao đời sống của nhân dân trong xã.

Về lãnh đạo công tác giáo dục: Trong giai đoạn, này thực trạng trường lớp của Trường phổ thông cấp I+II vẫn theo nếp cũ. Sau ngày khai giảng, hội phụ huynh học sinh lại làm các nhà tạm cho con em ngồi học. Vào năm học mới 1982-1983, cả trường chỉ có 7 gian nhà Hội đồng là chưa bị sập đổ. Nhà trường dành 2 gian cho gia đình giáo viên Nguyễn Văn Công và Vũ Thị Mão. Một gian làm nhà hội đồng, 4 gian còn lại, được ngăn làm 8 phòng cho giáo viên ở. Thực hiện nghị quyết Đại hội chi bộ về lãnh đạo công tác văn hóa giáo dục theo phương châm từng bước xóa bỏ phòng học tạm, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Chi bộ, Ủy ban nhân dân xã và trực tiếp đồng chí Hiệu trưởng Lê Văn Tiến, Hiệu phó Nguyễn Văn Tuấn vận động nhân dân và các cơ quan đơn vị đứng chân trên địa bàn xã cùng chung tay xây dựng trường học.

Năm 1983, nhà trường đứng ra mua chịu gạch của Trường Sơ cấp kỹ thuật Quân khu I. Vội do nhà trường bỏ tiền ra mua, còn cát do học sinh lấy từ sông, suối góp lại (chủ yếu là cát non). Chỉ huy Lữ đoàn 575¹ cử một trung đội bộ đội mang toàn bộ lương thực thực phẩm theo tiêu chuẩn và dụng cụ đến giúp nhà trường xây phòng học. Sau gần 2 tháng, ngôi nhà xây gồm 3 phòng học đã hoàn thành. Có phòng học, nhưng bàn ghế ngồi cho học sinh vẫn thiếu. Ban giám hiệu Trường sơ cấp Kỹ thuật Quân khu I nhận giúp đỡ việc khai thác gỗ và đóng bàn ghế cho các em². Sau khi hoàn chỉnh 3 phòng học, Trường phổ thông cơ sở của xã nợ lại trường Kỹ thuật Quân khu hơn 6 triệu đồng. Xét tình hình khó khăn của Trường phổ thông, Trường Kỹ thuật Quân khu quyết định xóa nợ hoàn toàn cho địa phương³. Sự giúp đỡ vô tư đầy tình nghĩa của các đơn vị quân đội, đặc biệt là Ban Giám hiệu trường Sơ

¹ Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 575 lúc đó là Trung tá Trịnh Anh.

² Ban Giám hiệu Trường Sơ cấp Kỹ thuật Quân khu I lúc đó do Trung tá Cao Văn Vân làm Hiệu trưởng; Hiệu phó là Thiếu tá Vũ Sư Huynh.

³ Ban giám hiệu Trường sơ cấp Kỹ thuật Quân khu I đã mời Bí thư chi bộ Hoàng Bằng, Chủ tịch UBND Vũ Quang Việt, Ủy viên UBND xã Trần Ngọc Ngân và Hiệu trưởng Lê Văn Tiến đến nhà trường để ký văn bản xóa nợ cho đơn vị thanh toán theo hệ thống ngành.

cấp kỹ thuật Quân khu I, là nguồn cổ vũ, động viên cán bộ giáo viên nhà trường yên tâm phấn đấu chăm lo cho sự nghiệp trồng người.

Ngày 25 tháng 5 năm 1983, Chi bộ xã Khe Mo đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ. Đại hội diễn ra trong điều kiện nhân dân trong xã hưởng ứng những kết quả ban đầu của khoán 100. Tất cả đảng viên trong Chi bộ đều thể hiện tin tưởng, quyết tâm tổ chức thực hiện thắng lợi “Chỉ thị 100” của Đảng phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của địa phương miền núi, có nhiều dân tộc anh em. Đại hội bầu 9 đồng chí vào Ban Chấp hành gồm Vũ Quang Việt, Phương Quốc An, Nguyễn Văn Kỳ, Ngô Đình Lãm, Nông Thị Bạch, Hoàng Bằng, Trần Xuân, Nguyễn Khắc Đông, Ngô Đức Phú. Chi ủy bầu đồng chí Vũ Quang Việt làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Phương Quốc An, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã giữ chức Phó Bí thư ; đồng chí Nguyễn Văn Kỳ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân kiêm Trưởng Công an xã làm Ủy viên Thường vụ Chi ủy.

Cuối năm 1984, Chi bộ có 71 đảng viên, trong đó có 3 đảng viên nữ, Chi ủy có 8 đồng chí. Qua bình xét phân loại năm có 100% đảng viên đủ tư cách (trong

đó mức A có 16 đồng chí, mức B có 39 đồng chí, mức C có 6 và mức D có 10). Tổ đảng xóm Khe Mo đạt vững mạnh; các tổ đạt khá là Ao Đậu, Ao Rôm, Làng Cháy, Long Giàn, La Rẫy; các tổ yếu là Đèo Khế, La Đường, La Nura. Trong năm kết nạp được 1 đảng viên mới; nhưng phải đưa ra khỏi Đảng 3 người gồm xóa tên 2 đảng viên và khai trừ 1 đảng viên.¹

Cuối năm 1985, cùng với cả nước, xã Khe Mo đã tổ chức thành công đợt đổi tiền ngân hàng theo kế hoạch cải cách “giá-lương-tiền” của Chính phủ. Để việc thực hiện được tốt, xã đã thành lập Ban chỉ đạo đổi tiền để phổ biến, tuyên truyền cho nhân dân. Được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân và sự tổ chức chặt chẽ của xã, nên chỉ trong 1 ngày 14 tháng 9, công tác đổi tiền ở xã Khe Mo đã thành công tốt đẹp. Sau đợt điều chỉnh, cải cách, bước đầu nhận thấy giá cả các mặt hàng giảm, giá trị hàng hóa mua về được nâng lên. Tuy nhiên, do hiệu quả sản xuất không có, sản phẩm làm ra không tăng. Nên một thời gian không lâu sau đó, tình hình kinh tế tiếp tục có những diễn biến

¹ Báo các tình hình chi bộ Khe Mo năm 1984 do đồng chí Phương Quốc An ký ngày 20/12/1984.

đi xuống, đòi hỏi phải có sự phấn đấu kiên quyết và triệt để hơn nữa.

Trong 2 ngày 28 và 29 tháng 3 năm 1986, Đại hội chi bộ xã Khe Mo lần thứ XVIII², được tổ chức tại Ủy ban nhân dân xã, với sự có mặt của 58 trên tổng số 79 đảng viên. Đại hội diễn ra trong bối cảnh đời sống mọi mặt của nhân dân xã Khe Mo cũng như nhân dân cả nước gặp rất nhiều khó khăn. Sau cuộc tổng điều chỉnh “giá-lương-tiền” tháng 9 năm 1985, đã dẫn đến tình trạng vật tư hàng hóa đặc biệt khan hiếm, giá cả tất cả các mặt hàng trong nước đều tăng hằng ngày. Lạm phát tăng quá cao³, làm cho đời sống nhân dân đã khó khăn lại thêm khó khăn chồng chất, đặc biệt là với người làm công ăn lương. Nhiều cán bộ giáo viên và các cơ quan Nhà nước về xã Khe Mo phát nương, làm rẫy để tháo gỡ khó khăn trước mắt cho gia đình. Đại hội thảo luận và nghiêm túc đánh giá ưu điểm cũng như các

² Bắt đầu có đánh số lần tổ chức từ Đại hội chi bộ năm 1986. Đại hội này ghi lần thứ 18 (XVIII).

³ Do hậu quả của 30 năm chiến tranh, do chính sách bao vây cấm vận của Mỹ và những yếu kém trong cơ chế chính sách nên thời kỳ này tình trạng lạm phát của nước ta tăng lên đến 774% (bài của Đại tướng Lê Đức Anh, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trên báo Nhân Dân số 18.596, ra thứ hai, ngày 17/10/2006)

khuyết điểm trong thực hiện Nghị quyết Đại hội chi bộ lần thứ XVII.

Về sản xuất nông nghiệp: Diện tích đất trồng lúa có 415,7 ha, năng suất lúa bình quân đạt 20 tạ/ha; sản lượng lương thực đạt 831.400 kg, tăng 54.000 kg so với vụ mùa năm 1984. Sau nhiều lần huyện về củng cố, toàn xã đã có 8 HTX nông nghiệp nhưng xã viên không phấn khởi, nên hoạt động cầm chừng, hiệu quả không cao. Ủy ban nhân dân xã tiếp tục tổ chức củng cố được HTX Khe Mo đã hoạt động khá hơn; 7 HTX còn lại thực chất chỉ là hình thức. Thực hiện đóng góp với Nhà nước năm 1985 còn thiếu 4.148 kg thóc thuế và 123 kg chè khô. Nguyên nhân là sau 5 năm thực hiện, Chỉ thị 100 đã bộc lộ những hạn chế bất cập, lợi ích của người lao động đã được quan tâm nhưng chưa thỏa đáng, người dân thiếu phấn khởi trong sản xuất nên sản phẩm nông nghiệp làm ra không tương xứng với tiềm năng.

Về công tác xây dựng Đảng, Chi bộ đánh giá: trong nhiệm kỳ vừa qua, tuy đã có nhiều cố gắng phấn đấu nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Còn có một bộ phận đảng viên chưa tích cực, chỉ tập trung lo cho gia đình

mình, bỏ bê trách nhiệm với tập thể. Chi bộ tập trung đấu tranh, khắc phục khuyết điểm để đưa đảng viên về vị trí nhưng chuyển biến còn chậm. Năm 1985, chi bộ xử lý kỷ luật 5 đảng viên, bao gồm cảnh cáo 2, khiển trách 3 và báo cáo đề nghị Huyện ủy khai trừ lưu đảng 12 tháng 1 đảng viên. Chi bộ xếp loại yếu.

Về phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 1986-1988, Đại hội quyết định duy trì mỗi xóm có 1 HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả. Đưa năng suất lúa lên 21 tạ/ha, sản lượng đạt 873.000 kg; mỗi gia đình có từ 1 đến 2 con lợn, 1 con trâu hoặc bò. Hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Hợp đồng, phối hợp với các cơ quan, đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn (Lữ đoàn 575, Trường Kỹ thuật Quân Khu I, Trung đoàn 922/Sư đoàn 31/Quân đoàn 3...) để bảo đảm tốt an ninh trật tự ở địa phương; huấn luyện quân sự theo kế hoạch và giao quân đầy đủ đúng quy định. Phần đầu xây dựng trong nhà trường có tổ đảng, củng cố xây dựng nhà trường vững mạnh, mỗi năm xây dựng mới được từ 1 đến 2 phòng học. Củng cố trạm y tế xã đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh tối thiểu của nhân dân, không để xảy ra dịch bệnh. Trong công tác xây dựng Đảng tập trung

xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh. Để đạt được mục tiêu đề ra, khâu đột phá là phải quản lý tốt gắn với giáo dục và rèn luyện đảng viên, giao nhiệm vụ cho đảng viên và kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ. Thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh kịp thời; đưa đảng viên về vị trí để lấy lại niềm tin của nhân dân. Hàng năm có 98% trở lên đảng viên đủ tư cách trong đó có 70 đến 75% đảng viên tiên phong gương mẫu, chi bộ đạt trong sạch vững mạnh.

Đại hội bầu Ban chấp hành chi bộ gồm 11 đồng chí là Hoàng Bằng, Vũ Quang Việt, Nguyễn Khắc Đông, Phương Quốc An, Nông Thị Bạch, Ngô Đình Lãm, Ngô Văn Phú, Nguyễn Hữu Thìn, Nguyễn Văn Kỳ, Trần Xuân và Nguyễn Văn Tiến. Ban Chấp hành bầu đồng chí Hoàng Bằng làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Vũ Quang Việt làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Kỳ làm Ủy viên Ban Thường vụ Chi ủy, để lãnh đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ do đại hội đề ra.

Chương VII

ĐẢNG BỘ XÃ KHE MO LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1987-2013)

Sau 7 năm thực hiện, chính sách “khoán 100” đã bộc lộ nhiều bất cập, lợi ích của người lao động không tương xứng với công sức bỏ ra. Vì vậy, những xã viên trong hợp tác xã làm việc cảm chừng, sản phẩm làm ra không đủ đảm bảo đời sống tối thiểu. Trong chi bộ đã có sự đấu tranh giữa 2 luồng tư tưởng. Một là cứ chấp hành nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng nhưng để nhân dân đói và khó khăn như hiện tại. Hai là mạnh dạn xé rào, chịu trách nhiệm trước Đảng, tuy có vi phạm quy định hiện hành nhưng sẽ làm cho dân bớt được đói khổ. Ai cũng hiểu, các chủ trương, chính sách lúc này đã lỗi thời cần phải thay đổi, nhưng cũng có rất nhiều sự trăn trở, băn khoăn trước sự đúng, sai chưa rõ ràng. Chưa có sự chỉ đạo thống nhất của trên, nhưng trước những khó khăn về đời sống của nhân dân, nên ở Khe Mo, hợp tác xã chỉ tồn tại về hình thức. Thực tế, nhân dân đã tự làm, tự thu hoạch..và chấp nhận việc

làm không đúng với các quy định của Nhà nước. Những cán bộ đảng viên suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng, trần trở, day dứt vì đang làm việc không đúng với chủ trương, chính sách hiện hành của Đảng. Nhưng trước những đòi hỏi cấp thiết cho bữa ăn hàng ngày của nhân dân, trong đó có cả bản thân và gia đình mình, nên buộc phải chấp nhận việc làm riêng lẻ, không đúng với những quy định đang được thực hiện. Những ngày này, mỗi cán bộ, đảng viên ở Khe Mo đều đau đầu, ưu tư; làm thế nào và bằng cách gì để kinh tế địa phương phát triển, giảm khó khăn, khổ cực cho nhân dân?.

Từ ngày 15 đến 18 tháng 12 năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội. Đây là kỳ đại hội có dấu ấn lịch sử sâu sắc. Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, coi đó là sự nghiệp sống còn của cách mạng nước ta.

Đầu năm 1987, Chi bộ xã Khe Mo có 86 đảng viên, được phân thành 8 tổ đảng ở 8 HTX. Các đồng chí đảng viên là lãnh đạo Chi bộ, Ủy ban nhân dân và các ban ngành đoàn thể ở xã cũng về sinh hoạt tại tổ đảng ở khu dân cư mình cư trú. Chi bộ xã Khe Mo được

Huyện ủy Đồng Hỷ công nhận “Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh năm 1986”¹. Từ một chi bộ yếu năm 1985, phấn đấu để năm sau đạt tiêu chuẩn TSVM là một bước tiến đáng kể của cán bộ, đảng viên trong khắc phục khó khăn xây dựng quê hương. Kết quả xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh làm động lực để mỗi đảng viên tiếp tục phấn đấu vươn lên, cùng toàn thể nhân dân trong xã hoàn thành những mục tiêu đổi mới đề ra.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Chi bộ và nhân dân xã Khe Mo phấn khởi bước vào giai đoạn thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Trước mắt là tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1987-1989, kết quả đã bầu được 38 đại biểu. Trong niềm tin tưởng, phấn khởi, ngày 13 tháng 5 năm 1987, Hội đồng nhân dân xã Khe Mo nhiệm kỳ 1987-1989 đã họp với sự có mặt của 38/38 đại biểu. Dự hội nghị có đồng chí Nguyễn Viết Tại là đại biểu hội đồng nhân dân huyện ứng cử tại xã. Tham dự hội nghị còn có đại biểu là lãnh

¹ Tại Thông báo số 121/TB-ĐH, ngày 06 tháng 12 năm 1987, của Huyện ủy Đồng Hỷ.

đạo, chỉ huy các đơn vị đứng chân tại xã gồm Trung đoàn 922/Sư đoàn 31/Quân đoàn 3, Lữ đoàn 575, Trường Kỹ thuật Quân khu I, Trường Công an tỉnh và Đội 4 Lâm trường Đồng Hỷ. Hội đồng nhân dân xã đã bầu đồng chí Vũ Quang Việt làm Chủ tịch UBND; đồng chí Nguyễn Văn Kỳ làm Phó Chủ tịch UBND kiêm Trưởng công an xã; đồng chí Trần Ngọc Ngân làm Ủy viên Thường trực Ủy ban; đồng chí Nguyễn Khắc Đông làm Ủy viên UBND xã phụ trách ủy nhiệm thu và thống kê; đồng chí Đàm Hùng Sinh là Ủy viên UBND xã kiêm Xã đội trưởng; đồng chí Trương Minh Thanh là Ủy viên UBND xã phụ trách hộ khẩu hộ tịch. Ban Thư ký tổng hợp do đồng chí Nguyễn Hồng Giang làm Trưởng ban, đồng chí Lê Văn Tiến làm thư ký và Nguyễn Văn Long làm ủy viên. Ban Pháp chế do đồng chí Trần Xuân Thịnh làm Trưởng ban và các đồng chí Trương Văn Các, Nguyễn Hồng Thanh, Trần Văn Giềng và Lý Viết Hòa làm ủy viên. Ban Kinh tế và Văn hóa xã hội gồm 13 người do đồng chí Vi Xuân Hải làm Trưởng ban và đồng chí Phạm Văn Thọ làm Phó ban.

Thành lập Đảng bộ xã Khe Mo

Từ năm 1986, số lượng đảng viên trong chi bộ đã có trên 80 đồng chí được chia thành 10 tổ đảng. Số lượng đảng viên đông nên mỗi lần tổ chức sinh hoạt chi bộ gặp rất nhiều khó khăn trong việc triệu tập đảng viên. Theo Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam khóa VI, việc một chi bộ cơ sở có trên 30 đảng viên là ngoại lệ. Căn cứ vào Điều lệ Đảng và tình hình thực tế tại địa phương, ngày 22 tháng 6 năm 1987, Chi bộ xã Khe Mo tổ chức hội nghị toàn thể đảng viên để thông qua nghị quyết đề nghị thành lập Đảng bộ xã. Tham dự hội nghị có 68 đảng viên (63 chính thức và 5 dự bị) trên tổng số 86 đảng viên của chi bộ. Sau khi nghe đồng chí Hoàng Bằng, Bí thư chi bộ thay mặt Chi ủy báo cáo dự thảo tờ trình đề nghị thành lập Đảng bộ cơ sở xã Khe Mo gồm 10 chi bộ dưới cơ sở theo địa bàn thôn, xóm, trường học. Chi bộ đã thảo luận và nhất trí đề nghị Huyện ủy Đồng Hỷ phê duyệt cho thành lập Đảng bộ cơ sở xã với sự tán thành của 100% đảng viên dự hội nghị và biểu quyết nhất trí 63/63.

Ngày 18 tháng 7 năm 1987, thay mặt Ban Thường vụ Huyện ủy huyện Đồng Hỷ, đồng chí Nguyễn Sơn

Oanh, Bí thư Huyện ủy ký Quyết định số 95/NQ-HU, chuẩn y thành lập Đảng bộ cơ sở xã Khe Mo.

Huyện ủy chỉ định 11 đồng chí Chi ủy viên đương nhiệm giữ chức vụ Đảng ủy viên lâm thời là các đồng chí: Hoàng Bằng làm Bí thư Đảng ủy; Vũ Quang Việt làm Phó Bí thư; Nguyễn Văn Kỳ làm Ủy viên Thường vụ. Các đồng chí Phương Quốc An, Ngô Đức Phú, Ngô Đình Lãm, Nông Thị Bạch, Trần Xuân, Nguyễn Hữu Thìn, Nguyễn Khắc Đông, Nguyễn Văn Tiến được chỉ định giữ chức vụ Đảng ủy viên.

Căn cứ vào nhiệm vụ chức năng, quyền hạn và số lượng đảng viên hiện có ở từng xóm và từng hợp tác xã để tổ chức các chi bộ cho phù hợp. Ngày 12 tháng 8 năm 1987, Đảng ủy xã đã quyết định thành lập 10 chi bộ trực thuộc ở các xóm, nhà trường và chỉ định Ban Chấp hành các chi bộ gồm:

Chi bộ 1: gồm có 6 đảng viên cư trú ở xóm Thống Nhất và xóm Đèo Khế, chỉ định các đồng chí Nguyễn Trung Dũng làm Bí thư, đồng chí Nông Văn Nhục làm Phó Bí thư.

Chi bộ 2: có 6 đảng viên cư trú, sinh hoạt ở xóm Long Giản do đồng chí Đinh Văn Năm làm Bí thư.

Chi bộ 3: có 16 đảng viên ở xóm Khe Mo, do đồng chí Nguyễn Hữu Thìn-Đảng ủy viên, Trưởng ban Kiểm soát HTX nông nghiệp Khe Mo làm Bí thư và đồng chí Phạm Xuân Trường- Kế toán HTX làm Phó Bí thư, đồng chí Ngô Đức Cử- Chủ nhiệm HTX Khe Mo làm Chi ủy viên.

Chi bộ 4: gồm 14 đảng viên ở xóm Làng Cháy, do đồng chí Phương Quốc An- Đảng ủy viên Chủ tịch Hội nông dân tập thể xã làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Tiến - Đảng ủy viên làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Trung Thành là Chi ủy viên.

Chi bộ 5: gồm 8 đảng viên ở xóm La Đường do đồng chí Ngô Đình Lãm, Đảng ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã làm Bí thư; đồng chí Trần Sinh làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Tý, Chủ nhiệm HTX nông nghiệp La Đường làm Chi ủy viên.

Chi bộ 6: gồm 7 đảng viên xóm Ao Rôm do đồng chí Nguyễn Văn Kỳ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy- Phó Chủ tịch UBND xã làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Hữu Điều làm Phó Bí thư.

Chi bộ 7: gồm 7 đảng viên ở Trường phổ thông cơ sở xã do đồng chí Lê Văn Tiến - Hiệu trưởng nhà

trường làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Quốc Ty làm Phó Bí thư.

Chi bộ 8: gồm 6 đảng viên ở xóm La Nưa do đồng chí Nguyễn Khắc Đông, Đảng ủy viên, Ủy viên UBND xã làm Bí thư.

Chi bộ 9: gồm 8 đảng viên cư trú ở xóm La Rẫy do đồng chí Đỗ Quang Đạt làm Bí thư, đồng chí Trần Xuân, Đảng ủy viên- Chủ nhiệm HTX La Rẫy làm Phó Bí thư.

Chi bộ 10: có 8 đảng viên là người cư trú ở xóm Ao Đậu, do đồng chí Trần Văn Giềng làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Long- Quyền Bí thư Đoàn xã làm Phó Bí thư¹.

Căn cứ vào Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VI, theo chức năng nhiệm vụ, toàn Đảng bộ đã hoàn thành công tác tổ chức. Các chi bộ trực thuộc và Đảng ủy khẩn trương tổ chức lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ và đã dần dần đi vào nề nếp.

Ngày 05 tháng 4 năm 1988, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra ***Nghị quyết số 10-***

¹ Báo cáo Danh sách cấp ủy các chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã Khe Mo ngày 12/8/1987 gửi Huyện ủy Đồng Hỷ do Bí thư Hoàng Bằng ký (Bản lưu tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ)

BCT/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (gọi tắt là “khoán 10”). Ngày 20 tháng 4 năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 87/HĐBT, cụ thể hoá nội dung đề Nghị quyết này của Bộ Chính trị sớm được thực hiện trong cuộc sống.

Phấn khởi, tin tưởng vào sự đổi mới của Đảng, trong 2 ngày 04 và 05 tháng 7 năm 1988, Đại hội toàn thể đảng viên Đảng bộ xã Khe Mo lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1988-1990) long trọng khai mạc tại Ủy ban nhân dân xã, với sự có mặt của 80 trong tổng số 87 đảng viên của toàn Đảng bộ. Đại hội đánh giá nhiệm kỳ 1986-1988 là thời kỳ chuyển đổi từ sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ cơ sở toàn xã sang lãnh đạo của Đảng ủy thông qua các chi bộ trực thuộc. Nhiệm vụ sản xuất kinh tế được Đảng bộ tập trung lãnh đạo trong suốt nhiệm kỳ và đã nâng được sản lượng lương thực lên 917 tấn.

Phương hướng nhiệm kỳ 1988-1990: Về lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế, phấn đấu hệ số sử dụng đất đạt 1,8 lần. Diện tích cây lúa 390 ha (trong đó vụ đông-xuân 100 ha, vụ mùa 290 ha), năng suất 25 tạ/ha; sản lượng thóc đạt 1.127 tấn, lương thực bình quân đầu người đạt

288 kg/năm. Diện tích, sản lượng cây màu gồm: ngô đông 50 ha, đạt 15 tạ/ha; ngô xuân 40 ha, đạt 18 tạ/ha; khoai lang 60 ha, đạt 40 tạ/ha. Các loại cây công nghiệp như: cây mía trồng 40 ha, thu hoạch 27 tạ/ha; cây chè trồng 20 ha, năng xuất 18 tạ búp tươi/ha. Đàn trâu, bò phân đầu có số lượng 1.310 con. Trung bình mỗi hộ thường xuyên có ít nhất trong chuồng 1,5 đầu lợn, đưa tổng số đàn lợn lên 2.620 con. Mỗi hộ có 10 đến 20 con gà, vịt, ngan, ngỗng; đưa tổng số đàn gia cầm lên từ 25.000 đến 30.000 con.

Về công tác Đảng: Phần đầu trong nhiệm kỳ có 100% đảng viên đủ tư cách, 60 đến 70% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, không có đảng viên và chi bộ yếu kém. Lãnh đạo công tác cán bộ phải có quy hoạch và quy hoạch phải có tính kế thừa, tránh tình trạng hụt hẫng thiếu nguồn dẫn đến bị động lúng túng.

Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất đã bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành gồm Vũ Quang Việt, Nguyễn Văn Kỳ, Trần Xuân, Ngô Đình Lãm, Nguyễn Văn Viện, Vũ Văn Miện, Nguyễn Khắc Đông, Nông Thị Bạch, Trần Tiến Bộ, Đàm Hùng Sinh, Phương Quốc An. Ban chấp hành bầu đồng chí Vũ Quang Việt làm Bí thư Đảng ủy,

đồng chí Nguyễn Văn Kỳ làm Phó Bí thư, đồng chí Trần Xuân làm Ủy viên Thường vụ-Thường trực đảng.

Dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng mà cụ thể là “khoản 10” của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đã đi đúng vào tâm tư nguyện vọng của nhân dân, tạo nên một luồng sinh khí mới, động lực mới để Đảng bộ và nhân dân xã Khe Mo nhanh chóng tháo gỡ khó khăn vướng mắc, vững tin thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới mà Đảng đề ra.

Kết quả công tác năm 1988, xã Khe Mo được Huyện uỷ đánh giá phân loại: công tác Thanh niên đạt khá, Phụ nữ trung bình, Mặt trận khá, nông dân trung bình, quân sự trung bình, an ninh khá. Về công tác Đảng có 1 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 7 chi bộ khá, 3 chi bộ yếu¹. Về phân loại đảng viên toàn Đảng bộ có 90 đồng chí, đạt 100% đủ tư cách (trong đó có 1 đồng chí đạt loại 1 (1,1%); 3 đồng chí loại 2 (3,3%) và 86 đồng chí loại 3 (95,6%); không có đảng viên phân loại 4 là loại không đủ tư cách.

¹ Số lượng chi bộ trong báo cáo lưu tại Huyện uỷ Đồng Hỷ là 11

Đến ngày 05 tháng 9 năm 1989, toàn Đảng bộ có 95 đảng viên (93 chính thức và 02 dự bị), tăng 05 đảng viên so với năm 1988. Đảng bộ thực hiện việc rà soát việc cấp và giữ gìn thẻ đảng viên theo chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ. Kết quả kiểm tra tổng số 91 đảng viên chính thức, có 87 đồng chí đã được cấp thẻ, 01 đồng chí đang phải để lại xem xét tư cách và 03 đồng chí mới ở quân đội chuyển về; đảng viên dự bị có 04 đồng chí đều đã được cấp thẻ và bảo quản tốt.

Ngày 06 tháng 12 năm 1989, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VI) quyết định thành lập Hội Cựu Chiến binh Việt Nam. Theo chỉ đạo của Huyện ủy và Hội Cựu Chiến binh Đồng Hỷ, tháng 01 năm 1991 Đảng ủy xã chỉ định đồng chí Thượng tá Nguyễn Phương và đồng chí Ngô Đình Lãm làm Chủ tịch và Phó Chủ tịch lâm thời để vận động tập hợp Cựu Chiến binh (CCB) vào hội. Ngày 5 tháng 8 năm 1991, Hội Cựu Chiến binh xã Khe Mo tổ chức đại hội lần thứ nhất và chính thức thành lập hội. Đại hội bầu đồng chí Vũ Văn Miện làm Chủ tịch và đồng chí Ngô Đình Lãm làm Phó Chủ tịch hội khóa I

Cuối năm 1992, Đảng bộ xã Khe Mo có 93 đảng viên sinh hoạt ở 13 chi bộ (12 chi bộ xóm và HTX nông nghiệp, 1 chi bộ trường học). Đảng ủy phân công nhiệm vụ cho 56 đảng viên, miễn sinh hoạt 5 đồng chí¹

Đầu năm 1995, chấp hành công tác khảo sát đảng viên và chi bộ 3 năm (1993-1995), lúc này Đảng bộ Khe Mo có 100 đảng viên (chính thức 96, dự bị 4) trong đó có 11 đảng viên nữ, đảng viên là người dân tộc ít người có 26 đồng chí, đảng viên được miễn sinh hoạt có 15 đồng chí; đảng viên dưới 30 tuổi có 6 đồng chí; đảng viên từ 31-40 tuổi có 30 đồng chí; đảng viên từ 41-50 tuổi có 28 đồng chí; đảng viên trên 51 tuổi có 39 đồng chí. Về trình độ văn hóa có 15 đồng chí văn hóa cấp 1, văn hóa cấp 2 có 65 đồng chí và 20 đồng chí văn hóa cấp 3. Về chuyên môn: trình độ sơ cấp có 1 đồng chí, trình độ trung cấp có 12 đồng chí, trình độ cao đẳng có 2 đồng chí và trình độ đại học có 3 đồng chí. Đảng viên là trưởng xóm, tổ trưởng có 16 đồng chí; đảng viên là ủy viên các đoàn thể có 37 đồng chí. Kết nạp Đảng năm 1993 được 3 đồng chí, năm 1994

¹ Báo cáo ngày 24/11/1992 của Đảng ủy xã Khe Mo do Bí thư Phương Quốc An ký (Bản lưu tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ)

được 2 đồng chí. Về kỷ luật Đảng năm 1993 khai trừ 1, xóa tên 5, khiển trách 6, cảnh cáo 3; năm 1994 xóa tên 3, khiển trách 4, cảnh cáo 1. Phân loại đảng viên năm 1993 loại 1 có 65, loại 2 có 24, loại 3 có 4 và loại 4 có 1; năm 1994 tương tự là 76-14-02-01; năm 1995 là 93-01-06-0. Về phân loại Đảng ủy năm 1994: loại 1 có 8 đồng chí, loại 3 có 1 đồng chí. Đảng viên làm kinh tế gia đình giỏi có 24 đồng chí¹.

Về lãnh đạo công tác thu chi tài chính còn chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Năm 1993, thu ngân sách nhà nước của xã đạt 63.667.000 đồng, so với chỉ tiêu cả năm chỉ đạt 58,5%. Thu ngân sách xã được 18.753.000 đồng so với chỉ tiêu cả năm, đạt 52,2%. Chi ngân sách xã năm 1992 hết 15.863.000 đồng so với chỉ tiêu cũng chỉ hết 37,3%². 6 tháng đầu năm 1994 thu ngân sách Nhà nước ở xã đạt 14.855.000 đồng so với kế hoạch phải thu 80.927.000 đồng, chỉ đạt 18,3% kế hoạch. Trong khi đó chi ngân sách 6 tháng đầu năm 1994 hết

¹ Báo cáo của Đảng ủy xã Khe Mo ngày 27/5/1995 do Bí thư Phương Quốc An ký (Bản lưu tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ)

² Báo cáo số 993/BC-UB, ngày 6/01/1994 của UBND Huyện Đồng Hỷ, báo cáo thực hiện nhiệm vụ Kinh tế-VHXH-ANQP năm 1993.

46.178.000 đồng so với chỉ tiêu 54.300.000 đồng, chiếm 85% định mức³.

Về công tác giáo dục, đến cuối năm 1994 xã Khe Mo đã hoàn thành công tác phổ cập giáo dục cấp I và chống mù chữ. Cũng từ đây các phòng học của trường Phổ thông cơ sở xã Khe Mo đã được ngói hóa 100% và chấm dứt tình trạng học sinh phải học 3 ca trong ngày.

Cuối năm 1995, Đảng bộ xã Khe Mo có 105 đảng viên, trong đó có 6 đảng viên dự bị và 13 đảng viên nữ, đảng viên người dân tộc 26, đảng viên miễn sinh hoạt 17, đảng viên trực tiếp sản xuất 60, đảng viên là giáo viên 5, đảng viên là cán bộ hưu trí 40, đảng viên trong độ tuổi Đoàn 8; đảng viên được phân công công tác 75.

Qua phân loại chất lượng đảng viên có 98 đồng chí tham dự; kết quả đảng viên loại 1 có 90 đồng chí (chiếm 91,83%), đảng viên loại 2 có 4 đồng chí (chiếm 4,08%), đảng viên loại 3 có 4 đồng chí (chiếm 4,08%).

Toàn Đảng bộ có 13 chi bộ. Chi bộ 1 (xóm Đèo Khế) có 5 đảng viên. Chi bộ 2 (xóm Long Giàn) có 5 đảng viên. Chi bộ 3 (xóm Khe Mo) có 17 đảng viên.

³ Báo cáo số 10/BC-TC, ngày 12/7/1994 của Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Đồng Hỷ tại kỳ họp thứ 13 HĐND huyện khóa 14.

Chi bộ 4 (xóm Làng Cháy) có 6 đảng viên. Chi bộ 5 (xóm La Đường) có 6 đảng viên. Chi bộ 6 (xóm Ao Rôm) có 12 đảng viên. Chi bộ 7 (Nhà trường) có 4 đảng viên. Chi bộ 8 (xóm La Nua) có 6 đảng viên. Chi bộ 9 (xóm La Rẫy) có 8 đảng viên. Chi bộ 10 (xóm Ao Đậu) có 7 đảng viên. Chi bộ 11 (xóm Dọc Hèo) có 7 đảng viên. Chi bộ 12 (xóm Tiền Phong) có 13 đảng viên và Chi bộ 13 (xóm Hải Hà) có 3 đảng viên¹.

Cuối năm, theo chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng ủy chỉ đạo các chi bộ tổ chức đại hội nhiệm kỳ, bầu cấp ủy mới. Trong số 13 đồng chí Bí thư chi bộ được bầu, có 12 đồng chí tái cử (chỉ có Chi bộ Hải Hà bầu Bí thư mới), riêng đồng chí Bí thư chi bộ La Rẫy kiêm trưởng xóm.²

Ngày 19 tháng 01 năm 1996, Đảng ủy xã Khe Mo triệu tập Đại hội đảng viên Đảng bộ xã lần thứ IV (nhiệm kỳ 1996-2000). Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí; bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng

¹ Báo cáo của Đảng ủy ghi 12 chi bộ và 105 đảng viên, nhưng thống kê theo báo cáo có danh sách 13 chi bộ và chỉ có 99 đảng viên, nên tổ biên soạn sửa thành 13 chi bộ.

² Báo cáo ngày 26/11/1995 của Đảng ủy xã Khe Mo do Ủy viên Thường vụ- TT Đảng Trần Xuân ký (Bản lưu tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ)

chí. Đồng chí Phương Quốc An được bầu làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Vũ Quang Việt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân được bầu làm Phó Bí thư; đồng chí Trần Xuân được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ - Thường trực Đảng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

Tuy nhiên, trong Ban chấp hành Đảng bộ vẫn có đồng chí chưa thật sự gương mẫu, làm giảm uy tín của Đảng với nhân dân. Tại Quyết định số 09-QĐ/KT ngày 13/3/1998 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Đồng Hỷ, thi hành kỷ luật đồng chí Đảng ủy viên, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Khe Mo bằng hình thức cảnh cáo do cưới vợ cho con vi phạm luật hôn nhân gia đình. Huyện ủy cũng ra Quyết định số 134-QĐ/HU ngày 15/4/1998 khiển trách đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Thường trực Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy vì thiếu trách nhiệm trong công tác và tác phong làm việc chưa khoa học, giải quyết một số việc chưa kịp thời.

Năm 1999 xã Khe Mo xây mới trạm bơm điện La Đường gồm nhà trạm và 810 mét nương; tổng kinh phí 155.985.000 đồng (trong đó ngân sách nhà nước cấp 93.591.000 đồng, nhân dân đóng góp 62.394.000

đồng)¹. Đồng thời xây dựng được trạm bơm dầu xóm Long Giàn gồm nhà trạm và 192 mét nương với số vốn là 52.586.000 đồng (trong đó ngân sách Nhà nước cấp 31.552.000 đồng, nhân dân đóng góp 21.034.000 đồng)². Tổng cộng 2 hạng mục có 1002 mét nương xây cùng trang thiết bị nhà trạm với số vốn đầu tư 208.571.000 đồng (trong đó ngân sách nhà nước cấp 125.143.000 đồng, nhân dân đóng góp 83.428.000 đồng).

Cũng năm 1999, xã Khe Mo tiếp thu vốn dự án ADB xây trường học 2 tầng. Vốn hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn dùng xây cầu Long Giàn, tổng số tiền xây cầu 200 triệu đồng, ngân sách nhà nước 120 triệu đồng; nhân dân đóng góp 80 triệu đồng. Đường từ cầu Linh Nham đi Văn Hán được đầu tư trải nhựa cấp 6, với số vốn 460 triệu đồng (ngân sách dự án 240 triệu đồng, nhân dân đóng góp 220 triệu đồng)³. Kết quả xây dựng trường học và làm đường năm 1999 đã đánh dấu mốc quan trọng trong xây dựng cơ sở hạ tầng của xã Khe Mo. Con đường đã tạo thuận tiện trong việc đi lại

¹ Báo cáo số 365 ngày 30/11/1999 của UBND huyện Đồng Hỷ.

² Báo cáo số: 01/BC-BCĐ, ngày 23/12/1999 của UBND huyện Đồng Hỷ.

³ Trích Báo cáo số: 390/BC-UB, ngày 27/9/1999 của UBND huyện Đồng Hỷ.

và vận chuyển, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế của nhân dân trong xã. Tuy nhiên, đây là con đường giao thông nông thôn cấp 6, tải trọng có hạn. Tốc độ phát triển kinh tế của địa phương nhanh, phương tiện quá tải (so với cấp đường) nhiều, nên con đường này bị xuống cấp nhanh chóng.

Thực hiện chỉ đạo tổng kết thành tích của địa phương trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Xã Khe Mo là một trong những địa phương đầu tiên của huyện Đồng Hỷ đã có những đóng góp to lớn trong xây dựng cơ sở cách mạng của Đảng và xây dựng chính quyền nhân dân. Nhân dân các dân tộc xã Khe Mo không quản nguy hiểm, khó khăn, cuu mang, che chở cán bộ của Đảng từ những ngày đất nước còn chìm đắm trong sự khủng bố ác liệt của kẻ thù. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, ngày 11 tháng 6 năm 1999, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã ký Quyết định số 202 KT/CTN, trao tặng phần thưởng cao quý: *“Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân”* cho *“nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã*

Khe Mo”¹. Ngày 18 tháng 12 năm 1999, tại trường Phổ thông cơ sở (nay là địa điểm trường THCS), Đảng ủy-Hội đồng nhân dân-Ủy ban nhân dân-Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Khe Mo long trọng tổ chức lễ đón nhân danh hiệu Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Phấn khởi, tự hào với trang sử vẻ vang của quê hương; Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo quyết tâm phát huy truyền thống, xây dựng xã ngày càng tiến bộ văn minh.

Về nhân sự, do đồng chí Phương Quốc An được nghỉ hưu, ngày 20 tháng 3 năm 2000, Ban Chấp hành Đảng bộ xã đã nhất trí 100% bầu đồng chí Trần Tiến Bộ làm Bí thư Đảng ủy. Ngày 30 tháng 3 năm 2000, Huyện ủy Đồng Hỷ ra Quyết định số 290-QĐ/HU do Bí thư Nguyễn Văn Khiêm ký chuẩn y đồng chí Trần Tiến Bộ làm Bí thư Đảng ủy xã.

Trong tháng 4 năm 2000 Đảng ủy đã chỉ đạo các chi bộ trong toàn Đảng bộ tổ chức đại hội nhiệm kỳ, kiện toàn cấp ủy.

¹ Nội dung ghi trên bằng Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Chi bộ 1: gồm 5 đảng viên ở xóm Thống Nhất và xóm Đèo Khế, tổ chức Đại hội ngày 17 tháng 4 năm 2000. Đảng ủy phân công đồng chí Trần Xuân, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy dự và chỉ đạo. Đại hội Chi bộ 1 tiếp tục bầu đồng chí Lý Cao Cầu làm Bí thư.

Chi bộ 2: có 5 đảng viên ở xóm Long Giàn tổ chức Đại hội ngày 18 tháng 4 năm 2000. Đảng ủy phân công đồng chí Vũ Quang Việt, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã dự và chỉ đạo. Đại hội chi bộ 2 tiếp tục bầu đồng chí Nguyễn Duy Trụ làm Bí thư.

Chi bộ 3: có 20 đảng viên ở xóm Khe Mo, tổ chức Đại hội ngày 19 tháng 4 năm 2000. Đồng chí Vũ Quang Việt, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã dự và chỉ đạo. Đại hội bầu Chi ủy gồm 3 đồng chí, đồng chí Vũ Hải Quỳnh được tiếp tục được bầu làm Bí thư, đồng chí Phạm Văn Thi làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Cao được bầu làm Chi ủy viên.

Chi bộ 4: gồm 7 đảng viên ở xóm Làng Cháy, tổ chức Đại hội ngày 17 tháng 4 năm 2000. Đảng ủy phân công đồng chí Vũ Quang Việt, Phó Bí thư Đảng

ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã dự và chỉ đạo. Đồng chí Nguyễn Văn Tiến được tiếp tục bầu làm Bí thư.

Chi bộ 5: gồm 7 đảng viên ở xóm La Đường, tổ chức Đại hội ngày 18 tháng 4 năm 2000. Đảng ủy phân công đồng chí Trần Xuân, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy dự và chỉ đạo. Đại hội bầu đồng chí Trần Xuân Thịnh tiếp tục làm Bí thư.

Chi bộ 6: gồm 11 đảng viên ở xóm Ao Rôm, tổ chức Đại hội ngày 19 tháng 4 năm 2000. Đảng ủy phân công đồng chí Trần Xuân, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy dự và chỉ đạo. Đại hội bầu Chi ủy gồm 3 đồng chí. Đồng chí Vũ Sư Huynh¹ tiếp tục được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Hữu Điều làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Kỳ làm Chi ủy viên.

Chi bộ 7: gồm 8 đảng viên ở trường Tiểu học và THCS, tổ chức Đại hội ngày 21 tháng 4 năm 2000. Đảng ủy phân công đồng chí Trần Xuân, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy dự và chỉ đạo. Đại hội tiếp tục bầu đồng chí Đỗ Quốc Hưng làm Bí thư.

¹ Từ tháng 11/2000, đồng chí Vũ Sư Huynh, Chủ tịch Hội CCB xã Khe Mo kiêm Bí thư Chi bộ xóm Ao Rôm được Huyện ủy điều lên làm Ủy viên Thư ký Hội CCB huyện Đồng Hỷ, nhưng vẫn làm Bí thư Chi bộ 6 (Chi bộ xóm Ao Rôm)

Chi bộ 8: gồm 7 đảng viên ở xóm La Nưa, tổ chức Đại hội ngày 18 tháng 4 năm 2000. Đồng chí Trần Tiến Bộ, Bí thư Đảng ủy dự và chỉ đạo. Đại hội tiếp tục bầu đồng chí Lương Đình Nhân làm Bí thư.

Chi bộ 9: gồm 9 đảng viên ở xóm La Rẫy, tổ chức Đại hội ngày 19 tháng 4 năm 2000. Đảng ủy phân công đồng chí Trần Xuân, Ủy viên Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy dự và chỉ đạo. Đại hội bầu Bí thư và Phó Bí thư Chi bộ; đồng chí Trần Đức Hạnh được tiếp tục bầu làm Bí thư, đồng chí Luân Văn Hợp được bầu làm Phó Bí thư.

Chi bộ 10: gồm 13 đảng viên ở xóm Ao Đậu, tiến hành Đại hội ngày 17 tháng 7 năm 2000. Đồng chí Trần Tiến Bộ, Bí thư Đảng ủy dự và chỉ đạo. Đại hội bầu Chi ủy gồm 3 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Long được tiếp tục bầu làm Bí thư, đồng chí Vũ Thanh Hợi làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Hồng Sáng làm Chi ủy viên.

Chi bộ 11: gồm 6 đảng viên ở xóm Dọc Hèo, tổ chức Đại hội ngày 20 tháng 4 năm 2000. Đồng chí Vũ Quang Việt, Phó Bí thư Đảng ủy dự và chỉ đạo. Đại hội tiếp tục bầu đồng chí Nguyễn Thị Xinh làm Bí thư.

Chi bộ 12: gồm 16 đảng viên ở xóm Tiên Phong, tổ chức Đại hội ngày 20 tháng 4 năm 2000. Đồng chí Trần Tiến Bộ, Bí thư Đảng ủy dự và chỉ đạo. Đại hội bầu Chi ủy gồm 3 đồng chí. Đồng chí Trần Xuân Nam được tiếp tục bầu làm Bí thư, đồng chí Phạm Văn Sơn làm Phó Bí thư và đồng chí Phạm Văn Thịnh làm Chi ủy viên.

Chi bộ 13: gồm 7 đảng viên ở xóm Hải Hà, Đại hội ngày 21 tháng 4 năm 2000. Đồng chí Trần Tiến Bộ, Bí thư Đảng ủy dự và chỉ đạo. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Văn Thừa làm Bí thư.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát kịp thời của Đảng ủy mà trực tiếp là Ban Thường vụ, chỉ trong 5 ngày, toàn bộ 13 chi bộ trong Đảng bộ đã tổ chức thành công đại hội nhiệm kỳ. Đại hội các chi bộ đã bầu tổng cộng 22 đồng chí vào cấp ủy (gồm 13 bí thư chi bộ, 5 đồng chí phó bí thư và 4 đồng chí chi ủy viên). Trong số này có 16 đồng chí tái cử (gồm 12 bí thư chi bộ, 2 phó bí thư và 2 chi ủy viên) và 6 đồng chí được bầu lần đầu.

Ngày 26 tháng 9 năm 2000, tại trụ sở UBND xã Khe Mo, Đảng ủy xã long trọng tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ V, nhiệm kỳ 2000-2005 với sự có mặt của

112/121 đảng viên của toàn Đảng bộ. Đại hội là kiểm điểm đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ và xây dựng Đảng bộ 5 năm cuối cùng của thế kỷ XX; đề ra phương hướng, chủ trương biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo 5 năm đầu tiên của thế kỷ XXI.

Với phương châm thẳng thắn, trung thực, đánh giá đúng tình hình thực tế của địa phương, Đại hội nghiêm túc thảo luận nêu bật được những thành tựu cũng như những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện của nhiệm kỳ IV (1996-2000).

Về sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ chính của địa phương thuần nông. Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã quyết tâm đưa giống lúa cao sản vào gieo trồng; năm 1996 đưa được 60 ha, năm 1999 đạt 90,74 ha; năng suất lúa từ 33 tạ/ha (năm 1996) lên 40 tạ/ha (năm 1999). Trồng được 25 ha ngô lai cao sản, 20 ha khoai lang. Sản lượng lương thực quy thóc năm 1996 là 1.198 tấn, đến năm 1999 đạt 1.623 tấn và năm 2000 ước đạt 1.773 tấn. Lương thực bình quân đầu người năm 2000 đạt 285 kg, tăng 75 kg so với năm 1996.

Về chăn nuôi, năm 1996 mỗi hộ đạt bình quân 1,2 đầu lợn, đến năm 2000 đạt 2,5 con. Mỗi hộ xuất

chuồng bình quân đạt từ 150 đến 200 kg lợn hơi 1 năm. Đàn trâu giữ vững mức 2.100 con.

Ngoài cây lương thực truyền thống, cây ăn quả và cây chè phát triển mạnh. Diện tích chè đạt 205 ha, tăng 120 ha so với đầu nhiệm kỳ; sản lượng chè búp tươi đạt 1.200 đến 1.400 tấn/ năm. Diện tích cây ăn quả gồm vải, hồng, bưởi...ước đạt 200 ha, sản lượng thu hoạch từ 120 đến 150 tấn/ năm. Mức thu nhập bình quân đầu người đạt 1.500.000/người/năm, tăng 400.000 đồng so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IV đề ra.

Trong nhiệm kỳ đã chuyển đổi được 1 HTX theo luật, tích cực trang bị cơ giới phục vụ nông nghiệp. Toàn xã có 35 máy kéo và máy cày tay, 8 máy vò lúa chạy bằng điện, 60 máy xay sát và máy nghiền, trên 500 máy bơm nước các loại và 5 xe công nông. Trên 30 mô hình sản xuất theo hướng kinh tế trang trại cho thu nhập từ 5 đến 8.000.000 đồng/khẩu/năm. Số hộ làm kinh tế giỏi tăng từ 18 hộ thời điểm năm 1996, lên 30 hộ vào năm 2000.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng: Trong nhiệm kỳ đã xây dựng được 1 trạm biến áp 250 KVA cùng 2,9 km

đường dây trung thế và 30 km đường dây hạ thế. Xây dựng 1 trạm bơm điện ở xóm La Đường cùng với 810 mét nương kiên cố; 1 trạm bơm dầu ở xóm Long Giàn cùng nhà trạm và 192 mét nương xây; tổng số vốn đầu tư là 208.571.000 đồng, trong đó nhà nước đầu tư 125.143.000 đồng, nhân dân trong xã đóng góp đối ứng bằng 83.428.000 đồng¹. Hoàn thành xây dựng cầu Khe Mo (tức cầu Bò Đái cũ), cầu Long Giàn và đập tràn Suối Cả từ nguồn vốn hỗ trợ cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, tổng kinh phí cho cầu Long Giàn và đập tràn Suối Cả) là 380 triệu đồng². Làm 5,1 km đường nhựa từ cầu Linh Nham đến cầu Long Giàn theo tiêu chuẩn đường nhựa cấp 6. Xây mới 2 đập tràn ở xóm Ao Rôm và xóm Tiền Phong. Xây dựng được 8 phòng học 2 tầng cho Trường THCS và 12 phòng học nhà cấp 4. Xây nhà Dân số kế hoạch hóa gia đình 5 gian và Trụ sở Ủy ban nhân dân xã 5 gian. Tổng giá trị xây dựng

¹ Trích Báo cáo số 01/BC-BCĐ ngày 23/12/1999 về đánh giá thực hiện kiên cố hóa kênh nương 3 tháng cuối năm 1999 do đồng chí Kiều Thị Xuân, Phó Chủ tịch UBND kiêm Trưởng Ban chỉ đạo ký.

² Trích Báo cáo số 01/BC-UB ngày 10/01/1998 về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế-VHXXH-ANQP năm 1977. cầu Suối Cả được đầu tư 130 triệu đồng; cầu Long Giàn được đầu tư 250 triệu đồng.

cơ sở hạ tầng trong nhiệm kỳ đạt 4 tỷ 500 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp được 1 tỷ 200 triệu đồng.

Công tác tài chính có bước tiến bộ, thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước; cụ thể năm 1996 thu được 118 triệu đồng; năm 1997 thu được 125,5 triệu đồng; năm 1998 thu 125,6 triệu đồng; năm 1999 được 140 triệu đồng; năm 2000 đạt 130,6 triệu đồng. Xã còn thu hút được các nguồn vốn cho 3.750 lượt hộ được vay vốn từ chương trình 120 và 500 lượt hộ được vay vốn từ chương trình xóa đói giảm nghèo, vốn từ ngân hàng người nghèo để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa hộ đói, giảm hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đã giảm từ 18,5% năm 1996 đến năm 2000 còn 6%.

Về giáo dục: Thực hiện chủ trương của trên, từ năm học 1997-1998, trường Phổ thông cơ sở xã Khe Mo được tách thành trường Tiểu học và trường Trung học cơ sở (THCS). Trường THCS do thầy giáo Lê Văn Tiến làm Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng. Trường Tiểu học do cô giáo Bùi Thanh Vân làm Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng. Trường Tiểu học quản lý cả công tác giáo dục mầm non của xã. Năm 2000, giáo dục mầm non tách ra

khởi trường Tiểu học để thành lập trường Mầm non riêng. Trường Mầm non xã Khe Mo do cô giáo Ma Thị Hoa làm Hiệu trưởng. Thời kỳ này, các trường đã được chú trọng cả ở 4 khâu là tăng cường trang thiết bị dạy học; tăng cường chất lượng giáo viên để nâng cao chất lượng dạy và học; tăng cường công tác quản lý nhà nước trong quá trình dạy và học; tăng cường vai trò của hội đồng giáo dục nhằm từng bước xã hội hóa giáo dục. Đã ngói hóa 100% phòng học từ xóm đến xã, đủ lớp cho học sinh học 2 ca/ngày. Thu hút các cháu vào học lớp 1 đúng tuổi đạt 98%; tỷ lệ tốt nghiệp lớp 5 lên lớp 6 đạt 98 đến 100%; tỷ lệ tốt nghiệp lớp 9 đạt 74 đến 96%.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng và có bước tiến bộ. Trạm Y tế có 1 bác sỹ điều trị, 9/13 xóm có nhân viên y tế thôn bản hoạt động khá tốt. Thực hiện tốt chương trình y tế dự phòng, y tế quốc gia và khai thác khả năng y tế cổ truyền của dân tộc. Trong 5 năm, trên địa bàn xã không xảy ra dịch bệnh không có người tử vong do bệnh sốt rét. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình thực hiện khá, có 65% các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện các biện

pháp tránh thai. Tỷ suất sinh thô năm 1996 là 1,45% đến năm 1999 còn 1,31%; tỷ lệ người sinh con thứ 3 năm 1996 là 30% đến năm 1999 còn 7,2%.

Về công tác xây dựng Đảng: Đảng bộ luôn xây dựng cho Đảng viên có bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, kiên quyết đấu tranh với các âm mưu thủ đoạn chia rẽ Đảng với nhân dân, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Trong nhiệm kỳ, toàn Đảng bộ có 13 chi bộ, gồm 12 chi bộ xóm và 1 chi bộ nhà trường. Đảng bộ luôn lấy mục tiêu xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh để phấn đấu. Kết quả phân loại chi bộ trong nhiệm kỳ được cụ thể như sau:

Năm 1996 có 9 chi bộ trong sạch vững mạnh (TSVM), 4 chi bộ khá.

Năm 1997 có 7 chi bộ trong sạch vững mạnh, 6 chi bộ khá.

Năm 1998 có 9 chi bộ trong sạch vững mạnh và 4 chi bộ khá.

Năm 1999 có 7 chi bộ trong sạch vững mạnh, 5 chi bộ khá và 1 chi bộ yếu.

6 tháng đầu năm 2000 có 6 chi bộ trong sạch vững mạnh, 5 chi bộ khá và 2 chi bộ yếu.

Trong nhiệm kỳ kết nạp được 29 đảng viên, có 14 đảng viên nữ và 7 là giáo viên.

Kết quả bình xét đảng viên hàng năm đạt như sau:

Năm 1996, Đảng bộ có 109 đảng viên, qua bình xét, đảng viên đạt mức 1 là 105 đồng chí, mức 2 có 4 đồng chí, mức 3 và 4 không có.

Năm 1997, Đảng bộ có 108 đảng viên, qua bình xét đảng viên đạt mức 1 là 94 đồng chí, mức 2 là 4 đồng chí, mức 3 có 10 đồng chí.

Năm 1998, Đảng bộ có 114 đảng viên, mức 1 có 101 đồng chí, mức 2 có 11 đồng chí và mức 3 có 2 đồng chí.

Năm 1999, Đảng bộ có 120 đảng viên, bình xét mức 1 có 111 đồng chí, mức 2 có 1 đồng chí và mức 3 có 8 đồng chí.

6 tháng đầu năm 2000, Đảng bộ có 127 đảng viên, phân loại mức 1 có 115 đồng chí, mức 2 có 9 đồng chí và mức 3 có 3 đồng chí.

Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ của Đảng bộ vẫn có những đảng viên thiếu ý thức kỷ luật, tư lợi cá nhân,

gây mất đoàn kết, vi phạm các quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước. Vì vậy, trong nhiệm kỳ IV, Đảng bộ có 1 đảng viên bị khai trừ, 8 đảng viên bị xóa tên, cảnh cáo 3 và khiển trách 3 đảng viên, trong đó có cả Ủy viên Ban Thường vụ và Đảng ủy viên.

Trong nhiệm kỳ, công tác lãnh đạo của Đảng bộ còn những hạn chế yếu kém. Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư”¹ còn chưa đạt yêu cầu, tỷ lệ gia đình văn hóa và xóm (bản) văn hóa đạt thấp. Xã có 1.249 hộ gia đình ở 13 xóm, nhưng số hộ đạt gia đình văn hóa năm 1997 chỉ có 171, chiếm 13,69%; năm 1998 có 298 hộ, đạt 23,85%. Trong 2 năm 1997 và 1998, không có xóm (bản) nào đạt danh hiệu làng văn hóa. Đến năm 1998 xã vẫn còn 22 hộ đói và 128 hộ nghèo.

Đại hội đề ra phương hướng lãnh đạo đến năm 2005 phải đạt được các chỉ tiêu cụ thể:

Năng suất lúa đạt 45 tạ/ha, ngô đạt 40 tạ/ha. Sản lượng lương thực quy ra thóc đạt 2.755 tấn. Diện tích

¹ Quyết định của hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khóa IV) lấy tên là: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư” sau này đổi thành “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”

chè 205 ha, năng xuất 80 tạ bắp tươi/ha. Đàn trâu 2.240 con, đàn bò 70 con, đàn lợn 3.640 con... Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.800.000 đồng/năm.

Xây dựng hoàn chỉnh trường Mầm non, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS; 98% trẻ em 6 tuổi được vào lớp 1; 95 đến 98% trẻ em từ 6 đến 11 tuổi học tiểu học. Xây dựng 1 trường học đạt chuẩn quốc gia. Xã có bưu điện văn hóa, có nơi hoạt động văn hóa thể thao; 100% xóm có nhà văn hóa và có loa truyền thanh. Có 80 đến 85% số hộ đạt gia đình văn hóa, 7 xóm đạt làng văn hóa. Giảm tỷ lệ tăng dân số đến năm 2005 dưới 2%; hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 31% xuống còn 24 %. Trạm Y tế làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, có phòng chẩn trị y học cổ truyền. Tranh thủ các nguồn vốn tạo việc làm cho khoảng 250 đến 350 lao động, phần đầu không còn hộ đói; hộ nghèo giảm xuống còn 2%. Đẩy mạnh phòng ngừa và ngăn chặn tệ nạn xã hội, giữ vững trật tự an ninh ở trong xã. Công tác quốc phòng được duy trì đúng kế hoạch huấn luyện cho dân quân và giao quân đủ chỉ tiêu.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với toàn thể cán bộ đảng viên. Xây dựng cho đảng viên có lập trường kiên định vững vàng, không mơ hồ mất cảnh giác. Hàng năm có 100% đảng viên đủ tư cách, có 80 đến 85% đảng viên đạt mức 1 và 80% trở lên số chi bộ đạt trong sạch vững mạnh. Xây dựng Đảng bộ tiếp tục giữ vững danh hiệu trong sạch vững mạnh.

Tuy còn những khuyết điểm yếu kém, nhưng đánh giá chung nhiệm kỳ 1996-2000, Đảng bộ lãnh đạo đạt kết quả đều trên các mặt, trong đó nổi trội là lãnh đạo công tác xây dựng cơ sở hạ tầng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa V (nhiệm kỳ 2000-2005) gồm 11 đồng chí là Trần Tiến Bộ, Vũ Quang Việt, Trần Xuân, Nguyễn Văn Long, Đàm Hùng Sinh, Trần Xuân Thịnh, Nguyễn Văn Kỳ, Bùi Xuân Thùy, Lê Ngọc Dũng, Lê Văn Tiến và Nguyễn Văn Tiến. Ban Chấp hành bầu đồng chí Trần Tiến Bộ làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Vũ Quang Việt làm Phó Bí thư; đồng chí Trần Xuân làm Ủy viên Thường vụ

Ngày 05 tháng 11 năm 2001, Huyện ủy Đồng Hỷ ra Quyết định số 07-QĐ/HU công nhận Đảng bộ xã Khe

Mo đạt danh hiệu Đảng bộ Trong sạch vững mạnh giai đoạn 1996-2000. Tập thể Chi bộ 12 đạt Trong sạch vững mạnh xuất sắc và đồng chí Nguyễn Phương, đảng viên chi bộ 12 đạt danh hiệu đảng viên xuất sắc được Huyện ủy tặng Giấy khen. Đây là kết quả phấn đấu kiên trì của Đảng bộ đồng thời cũng là sự động viên khích lệ cán bộ, đảng viên xã Khe Mo tiếp tục phấn đấu vươn lên.

Năm 2001, được cấp trên chuẩn y chia xóm Khe Mo và Ao Rôm thành Khe Mo 1, Khe Mo 2, Ao Rôm 1, Ao Rôm 2. Đảng ủy thành lập thêm 6 chi bộ là Khe Mo 1, Ao Rôm 1, Thống Nhất, Trường Tiểu học, Trường Mầm Non và Chi bộ Y tế

Tháng 5 năm 2004, Đảng ủy lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân xã khóa XVII. Kết quả đã bầu đủ số lượng đại biểu theo kế hoạch ban đầu gồm 28 người. Ngày 27 tháng 5 năm 2004, Hội đồng nhân dân xã Khe Mo khóa XVII đã họp và bầu các chức danh lãnh đạo của xã. Đồng chí Trần Tiến Bộ, Bí thư Đảng ủy được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Đồng chí Đinh Mạnh Tuấn được bầu làm Phó Chủ tịch-Thường trực Hội đồng nhân dân. Đồng chí

Nguyễn Văn Long được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Các đồng chí Phạm Xuân Trường và Lê Ngọc Dũng được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Đồng chí Phạm Văn Hùng làm Ủy viên Ủy ban, Trưởng Công an xã. Đồng chí Trần Văn Ngọc làm Ủy viên Ủy ban, Xã đội trưởng. Các ông Nguyễn Văn Sỹ và Đỗ Hoàng Hán được bầu làm Thư ký Hội đồng nhân dân.

Ngày 20 tháng 6 năm 2004, Đảng ủy xã họp và công bố Thông báo số 102 và 103-TB/HU của Huyện ủy Đồng Hỷ, đồng ý cho đồng chí Vũ Quang Việt, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã khóa XVI và đồng chí Nguyễn Văn Kỳ, Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch UBND xã khóa XVI thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ để nghỉ chế độ. Trước đó các đồng chí Trần Xuân, Đàm Hùng Sinh được nghỉ chế độ; đồng chí Lê Văn Tiến chuyển về làm Hiệu trưởng Trường THCS Linh Sơn, Đảng ủy xã chỉ còn lại 6 đồng chí.

Ngày 27 tháng 7 năm 2004, Huyện ủy Đồng Hỷ ra Quyết định số 393/QĐ-HU, bổ sung đồng chí Bùi Thanh Vân (Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng Trường Tiểu học) và đồng chí Phạm Văn Hùng (Trưởng Công an xã) vào Ban Chấp hành. Cùng ngày Ban Chấp hành

bầu đồng chí Nguyễn Văn Long đang là Đảng ủy viên-Chủ tịch UBND vào Ban Thường vụ và làm Phó Bí thư Đảng ủy.

Đến cuối năm 2004, Đảng bộ có 149 đảng viên, sinh hoạt trong 19 chi bộ dự phân loại. Kết quả như sau: đảng viên mức 1 có 124 đồng chí, đạt 83,22% (trong đó xuất sắc có 5 đồng chí chiếm 3,35%); đảng viên mức 2 có 21 đồng chí, chiếm 14,09%; đảng viên mức 3 có 4 đồng chí, chiếm 2,68%.

Có 14/19 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh (TSVM) chiếm 73,68%, là Chi bộ Khe Mo 1, Khe Mo 2, Ao Rôm 1, Ao Đậu, Thống Nhất, Y tế, Mầm Non, Trường Tiểu học, Trường Trung học cơ sở (THCS), Làng Cháy, Tiền Phong, Hải Hà, Đèo Khế và La Đường. Trong đó có 3 chi bộ đạt TSVM tiêu biểu là Chi bộ Trường Tiểu học, Chi bộ Trường Trung học cơ sở (THCS) và chi bộ Làng Cháy. Có 5 chi bộ hoàn thành nhiệm vụ là Long Giàn, Ao Rôm 2, La Nưa, Dọc Hèo và La Rầy. Kết quả chấm điểm Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên xếp loại A. Chính quyền xếp loại B. Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh.

Trong 2 ngày 24 và 25 tháng 8 năm 2005, Đảng bộ xã Khe Mo tiến hành Đại hội đại biểu đảng viên lần

thứ VI¹, nhiệm kỳ 2005-2010, với sự có mặt của 102/103 đại biểu được triệu tập.

Đại hội đánh giá: Sản lượng lương thực đạt 2.370 tấn, tăng so với năm 2001 là 159 tấn. Chè búp tươi tăng 615 tấn (33%). Cây ăn quả cho sản lượng ước đạt 1000 tấn. Đàn bò tăng 201 con. Thu nhập trên 1 héc ta ruộng tăng 8 triệu đồng so với đầu nhiệm kỳ. Thu nhập từ vườn đồi tăng 5 triệu đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 4,1 triệu đồng/năm (tăng trung bình 12,14%/năm). Xu hướng dùng máy móc cơ giới để giảm sức lao động được nhân dân chú trọng đầu tư phát triển. Năm 2001 cả xã có 4 xe công nông đến năm 2004 có 9 xe. Tương tự, máy cày bừa từ 8 cái lên 120 cái; máy bơm điện các loại từ 500 cái lên 1.020 cái; máy cúp chè tay từ 10 cái lên 50 cái; máy vò thóc từ 2 máy lên 16 máy; tôn sao chè có động cơ từ 100 cái lên 600 cái; máy vò chè có động cơ từ 210 cái lên 750 cái; máy xay sát từ 21 cái lên 50; máy chế biến lâm sản từ

¹ Các văn kiện của xã đều ghi là Đại hội đảng bộ lần thứ VII, nhưng đối chiếu với các văn bản lưu trữ phù hợp với Điều lệ Đảng các khóa. Đại hội cấp Đảng bộ ngày 24+25/8/2005 là đại hội lần thứ VI. Sau ngày 25/8/2005, Đảng bộ xã Khe Mo có 7 kỳ Ban Chấp hành (1 Ban Chấp hành do Huyện ủy chỉ định và 6 Ban Chấp hành do đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu bầu ra).

1 cái lên 5 cái; máy làm gạch từ 5 cái lên 31 cái; máy ủi đất có 3 cái...

Kết quả công tác lãnh đạo văn hóa, xã hội trong nhiệm kỳ đã thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra. An ninh-quốc phòng được giữ vững. Chính quyền, các đoàn thể hoàn thành nhiệm vụ có mặt tốt. Kết nạp được 40 đảng viên mới, hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch. Đảng bộ đạt TSVM.

Về phương hướng nhiệm kỳ 2005-2010, Đại hội đề ra chỉ tiêu chủ yếu gồm: tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt từ 13-15%. Sản lượng lương thực đến năm 2010 đạt 2.644 tấn. Trồng thêm 5 ha chè giống mới; năng suất chè búp tươi đạt 10 tấn/ha. Diện tích rừng trồng 250 ha. Triển khai 10% diện tích theo mô hình “cánh đồng 50 triệu”². Về chăn nuôi giữ đàn trâu bò từ 250 đến 400 con. Đàn lợn 8.000 con (trong đó lợn thịt 7.500 con, lợn nái 500 con). Thu nhập bình quân đầu người đến cuối nhiệm kỳ đạt 8 triệu đồng. Giá trị thu nhập bình quân từ 1 ha ruộng đạt 22 triệu đồng và từ 1 ha vườn đồi đạt 25 triệu đồng.

² Cho thu nhập 50 triệu đồng/1 ha/năm.

Về văn hóa xã hội: Hàng năm có 80% số hộ đạt Gia đình văn hóa; 40% xóm đạt văn hóa, 100% xóm có nhà văn hóa. 100% cơ quan đạt văn hóa. Giảm tỷ lệ tăng dân số còn 1%; người sinh con thứ 3 còn dưới 3%. Hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 26,47% xuống còn 18%. Mỗi năm giảm 3 đến 5% số hộ nghèo. Xây dựng 1 trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ I.

Đại hội lần thứ VI đã bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ, gồm Trần Tiến Bộ, Trần Xuân Thịnh, Nguyễn Văn Long, Lê Ngọc Dũng, Phạm Xuân Trường, Phạm Văn Hùng, Bùi Thanh Vân, Trương Thị Hằng, Đinh Mạnh Tuấn, Nông Thị Phương, Lê Ngọc Tứ. Đồng chí Trần Tiến Bộ tiếp tục được bầu làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Văn Long làm Phó Bí thư và đồng chí Trần Xuân Thịnh là Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.

Để tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI đạt kết quả, ngày 29 tháng 9 năm 2005, Đảng ủy xã đã thành lập 14 ban công tác chuyên môn và ban chỉ đạo, bao gồm:

- 1- Ban Chỉ đạo thực hiện “Quy chế dân chủ” gồm 13 người, do đồng chí Trần Tiến Bộ, Bí thư Đảng ủy

làm Trưởng ban; các đồng chí Trần Xuân Thịnh và Nguyễn Khắc Đông làm Phó ban.

2- Ban Tuyên giáo cơ sở gồm 5 người, do đồng chí Trần Xuân Thịnh, Ủy viên Ban Thường vụ làm Trưởng ban; các đồng chí Phạm Xuân Trường, Bùi Thanh Vân, Phạm Văn Thịnh, Đinh Mạnh Tuấn làm ủy viên.

3- Ban Chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gồm 17 người, do đồng chí Phạm Xuân Trường làm Trưởng ban; các đồng chí Nguyễn Hồng Sáng, Nguyễn Khắc Đông làm Phó Ban.

4- Ban Chỉ đạo thực hiện “Đề án 01”, gồm 9 người, do đồng chí Trần Tiến Bộ, Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban; các đồng chí Trần Xuân Thịnh và Nguyễn Khắc Đông làm Phó Ban.

5- Ban xóa đói giảm nghèo gồm 13 người, do đồng chí Nguyễn Văn Long, Chủ tịch UBND làm Trưởng ban. Các đồng chí Phạm Xuân Trường, Nguyễn Khắc Đông làm Phó ban.

6- Ban Tổ chức những ngày lễ gồm 7 người, do đồng chí Nguyễn Văn Long, Chủ tịch UBND làm Trưởng ban. Các đồng chí Trần Xuân Thịnh và Phạm Xuân Trường làm Phó ban.

7- Ban Phòng chống dịch bệnh gồm 29 người do đồng chí Trần Xuân Thịnh làm Trưởng ban. Đồng chí Lê Ngọc Dũng và đồng chí Trần Thị Tuyết làm Phó ban.

8- Ban Phòng chống tệ nạn xã hội do đồng chí Phạm Xuân Trường, Phó Chủ tịch UBND về VHXXH làm Trưởng ban. Các đồng chí Nguyễn Hồng Sáng, Phạm Văn Hùng làm Phó ban.

9- Ban Chỉ đạo dân quân làm công tác dân vận do đồng chí Trần Tiến Bộ làm Trưởng ban. Các đồng chí Trần Văn Ngọc và Trần Xuân Thịnh làm Phó ban.

10- Ban Chỉ đạo xóa nhà dột nát cho người nghèo do đồng chí Trần Tiến Bộ làm Trưởng ban. Các đồng chí Phạm Xuân Trường và Nguyễn Khắc Đông làm Phó ban.

12- Ban Cải cách hành chính do đồng chí Nguyễn Văn Long, Chủ tịch UBND làm Trưởng ban.

13- Hội đồng giáo dục do đồng chí Nguyễn Văn Long, Chủ tịch UBND làm Chủ tịch. Các đồng chí Nguyễn Xuân Đức và Bùi Thanh Vân làm Phó Chủ tịch.

14- Khối dân vận do đồng chí Trần Xuân Thịnh làm Trưởng khối và đồng chí Nguyễn Khắc Đông làm Phó khối.

Trong nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ lần thứ VI, bên cạnh việc lãnh đạo thực hiện những mục tiêu do đại hội cấp mình đề ra, Đảng bộ luôn tập trung lãnh đạo chấp hành nghiêm các chỉ thị nghị quyết của trên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2006, Bộ Chính trị ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Chỉ thị số 06-CT/TW, phát động trong toàn Đảng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Thực hiện kế hoạch số 16 KH/HU, ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Huyện ủy Đồng Hỷ; ngày 27 tháng 5 năm 2007, Đảng ủy xã Khe Mo ra Quyết định số 04-QĐ/ĐU, thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gồm 13 người, do đồng chí Trần Tiến Bộ, Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban. Từ đây, mọi hoạt động của Đảng bộ đều gắn liền với các mục tiêu của cuộc vận động lớn này. Ngày 23 tháng 11 năm 2007, Đảng ủy tổ chức hội thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, có 17 thí sinh tham dự. Đồng chí Hoàng Thị Hồng Bắc, đảng viên sinh hoạt tại chi bộ 7 (Trường THCS) được cử đi dự thi cấp huyện.

Ngày 21 tháng 5 năm 2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Khe Mo lần thứ VII diễn ra tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã với sự có mặt của 122/126 đại biểu được triệu tập, thay mặt cho 191 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ VI trên tất cả các mặt công tác, Đảng bộ đã lãnh đạo đồng đều và đạt được kết quả quan trọng. Đời sống nhân dân được cải thiện nâng lên đáng kể.

Về lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế: đến cuối năm 2009, lương thực có hạt đạt 2.528,65 tấn (tăng 114,25 tấn so với năm 2005). Cây chè có 255 ha, tăng 50 ha so với năm 2005, trong đó trồng mới và trồng lại được 51 ha các loại chè giống mới như Kim Tuyên, Bát Tiên, LDP-1, LDP-2; sản lượng búp tươi đạt 2.422,5 tấn. Tổng cộng 5 năm trồng được 526,6 ha rừng theo chương trình 661, 327 và rừng dân tự trồng đạt 210,6% kế hoạch (không tính số liệu trồng rừng của Công ty ván dăm Thái Nguyên); giá trị thu hoạch trên 1 ha đất đồi đạt 22 triệu đồng/năm.

Trong chăn nuôi đến năm 2009, toàn xã có đàn trâu 890 con, đàn bò 210 con. Đàn lợn gồm lợn thịt 5.000

con, lợn nái 455 con. Đàn gia cầm đạt 35.000 con. Đàn gia súc, gia cầm được chăm sóc thường xuyên nên trong nhiệm kỳ không xảy ra dịch bệnh.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển. Sản xuất gạch đất nung có 25 chủ gồm 40 lò đang hoạt động. 1 cơ sở sản xuất gạch không nung và 1 lò rèn. Có 18 cơ sở sản xuất cơ khí và mộc dân dụng.

Các phương tiện phục vụ sản xuất kinh tế được nhân dân đầu tư mua sắm. Đến năm 2009, toàn xã có 13 xe vận tải (tăng 44,4%); 180 máy cày, bừa, sạ lúa (tăng 83%); 2.055 máy bơm điện các loại (tăng 83,3%); 81 máy phun thuốc trừ sâu (tăng 478%); 85 máy cúp chè và máy gặt lúa bằng tay (tăng 70%); 22 máy vò lúa (tăng 37,5%); 1.010 tôn sao và 1.253 máy vò chè có động cơ (tăng 155,9%). Đồng thời toàn xã có 60 máy xay sát gạo, 35 máy nghiền thức ăn, 11 máy chế biến lâm sản, 40 máy làm gạch và 5 máy ủi đất, mức đất.

Chợ xã có 350 hộ kinh doanh buôn bán nhỏ và 1 hợp tác xã dịch vụ điện hoạt động đúng quy định theo luật hợp tác xã, phục vụ có hiệu quả cho sinh hoạt của nhân dân.

Giá trị thụ nhập bình quân đầu người năm 2009 đạt 8,5 triệu đồng (tăng 4 triệu đồng, tương đương 106,25% so với đầu nhiệm kỳ.

Đảng bộ lãnh đạo nhiệm vụ văn hóa xã hội đã đạt được những kết quả quan trọng. Trong 5 năm, toàn xã đã xóa được 73 ngôi nhà dột nát, giá trị hỗ trợ 1.359.000.000 đồng (bao gồm 3 nhà tình nghĩa, 2 nhà do hội chữ thập đỏ hỗ trợ, 28 nhà đại đoàn kết, 15 nhà theo chương trình 134 và 25 nhà theo chương trình 167. Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2009 còn 13,75% (bình quân mỗi năm giảm được 2,2%).

Các nhà trường duy trì tốt công tác giáo dục theo chương trình, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi của trường Tiểu học đạt 50,05%; trường THCS đạt 40,68%. Trường Tiểu học xây dựng tường rào, nhà để xe, nâng cấp các công trình vệ sinh. Các trường được trang bị máy vi tính phục vụ cho công tác giảng dạy. Trường Mầm non huy động 100% các cháu 5 tuổi vào lớp; hiện đang san ủi để lấy mặt bằng xây dựng mới. Trong nhiệm kỳ, thực hiện việc di chuyển trường Mầm non ra vị trí mới đã được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân; gia đình ông

Bùi Quang Quý đồng ý đổi 2.000 m² đất để xây dựng trường mới khang trang cho các cháu¹.

Trạm Y tế xã do Y sỹ Phạm Văn Thọ làm trạm trưởng cùng đội ngũ chuyên môn gồm 5 y sỹ, y tá. Dụng cụ trang thiết bị đã được dần nâng cấp, thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Thực hiện tốt chương trình quốc gia về y tế dự phòng, trong xã không xảy ra dịch bệnh. Trong 5 năm trạm đã khám và điều trị cho 31.709 lượt người, không có trường hợp nào tử vong tại trạm do sai sót về chuyên môn.

Kết quả thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được tập trung đầu tư và ngày càng có bước tiến bộ năm sau cao hơn năm trước, cụ thể như sau:

Năm 2005, toàn xã có 1.451 hộ, có 73,33% trong số 1.276 hộ đã đăng ký phần đầu, được công nhận đạt gia đình văn hóa. Có 4/5 cơ quan đạt văn hóa là trường THCS, trường Tiểu học, trường Mầm non, trạm Y tế. Các xóm Thống Nhất, Làng Cháy, Ao Đậu, La Nưa,

¹ Tại Văn bản Báo cáo của Đảng ủy xã ngày 27/10/2008

Ao Rôm 1, Ao Rôm 2 và Hải Hà đạt khu dân cư tiên tiến, không có xóm nào đạt khu dân cư văn hóa.

Năm 2006, toàn xã có 1.462 hộ, có 76,2% trong số 1.408 hộ đã đăng ký phân đấu, được công nhận đạt gia đình văn hóa. Có 5/5 cơ quan đạt văn hóa là trường THCS, trường Tiểu học, trường Mầm non, trạm Y tế và cơ quan xã. Có 3 xóm đạt danh hiệu Làng văn hóa là Làng Cháy, Ao Rôm 1 và Hải Hà. Các xóm Thống Nhất, Đèo Khế, Tiền Phong, Khe Mo 1, Ao Rôm 2, La Đường và Ao Đậu đạt khu dân cư tiên tiến.

Năm 2007, có 1.373 hộ trên tổng số 1.448 hộ đăng ký phân đấu gia đình văn hóa và có 81,01% số hộ đã đăng ký được công nhận đạt tiêu chí. Có 3 xóm đạt danh hiệu Làng văn hóa là Làng Cháy, Ao Rôm 1, Tiền phong. 100% số cơ quan đạt cơ quan văn hóa. Các xóm đạt khu dân cư tiên tiến là Thống Nhất, Đèo Khế, Khe Mo 2, La Đường, Ao Rôm 2, Hải Hà, Ao Đậu, La Nưa và La Rẫy.

Năm 2008, có 1.377 hộ trong tổng số 1.454 hộ toàn xã đăng ký phân đấu gia đình văn hóa, cuối năm đã có 83,43% đạt tiêu chí. Các xóm Làng Cháy, Hải Hà, Thống Nhất đạt danh hiệu Làng văn hóa. 100% số cơ

quan đạt danh hiệu cơ quan văn hóa. 7 xóm đạt danh hiệu khu dân cư tiên tiến là Tiên Phong, La Đường, Ao Rôm 1, Ao Rôm 2, Ao Đậu, La Nưa và La Rẫy.

Trong năm 2008, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận xã tổ chức lễ đón nhận bằng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh cho đền Long Giàn. Để công tác quản lý lễ hội theo đúng Luật di tích, Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập Ban quản lý di tích do đồng chí Phạm Xuân Trường, Phó Chủ tịch UBND xã về văn hóa xã hội làm Trưởng ban.

Năm 2009, toàn xã có 1.469 hộ, trong đó có 1.378 hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, 1.222 hộ (chiếm 93,19%) đạt gia đình văn hóa. 4 xóm là Làng Cháy, Hải Hà, Thống Nhất, La Nưa đạt danh hiệu Làng văn hóa. Có 5/5 cơ quan trực thuộc xã đạt danh hiệu cơ quan văn hóa. Có 2 xóm đạt danh hiệu Khu dân cư tiên tiến là Đèo Khế và La Rẫy.

Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo và đầu tư nhiều công sức. Trong nhiệm kỳ xây dựng xong và đưa vào sử dụng trụ sở Ủy ban nhân dân xã 2 tầng khang trang. Xây dựng xong nhà 2 tầng cho trường tiểu học gồm 12 phòng. Đón

nhận chương trình điện nông thôn (Re 2) cùng với kinh phí đối ứng của nhân dân để xây dựng đường điện cho xã. Đã có 1.470 hộ gia đình trên tổng số 1.499 hộ trong toàn xã (chiếm 98,1%) được sử dụng điện lưới quốc gia. Quản lý khai thác 4,6 km đường nhựa Khe Mo-Đèo Khế. Tổ chức tu sửa được 40 km đường liên thôn, liên xóm, làm 3,2 km đường bê tông và 3 nhà văn hóa xóm. Nhân dân xóm La Đường đóng góp xây dựng đập tràn liên hợp trị giá 150 triệu đồng. Xóm Dọc Hèo làm 3 km đường xóm và 1 cầu đập tràn trị giá 73.951.000 đồng. Những kết quả trên đã góp phần làm cho bộ mặt cơ sở hạ tầng trong xã tiến bộ từng bước vững chắc.

Về công tác an ninh, quốc phòng luôn đảm bảo được tình hình ổn định, không có vụ việc bức xúc phức tạp xảy ra. Thực hiện diễn tập phòng thủ khu vực (ký hiệu ZT-07) đạt kết quả tốt. Trong 5 năm đã tiến đưa 50 thanh niên lên đường nhập ngũ làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Triệt phá 15 tụ điểm buôn bán, sử dụng chất ma túy, tổ chức giáo dục tại địa phương 63 đối tượng, cai nghiện tại cộng đồng 40 người; đưa đi giáo dục bắt buộc tại trung tâm 05,06 của huyện 17 người. Số người nghiện ma túy giảm

được 27 (nhưng chỉ có 3 người cai thành công). Hiện nay toàn xã còn 64 người nghiện ma túy. Nhìn chung, số người sử dụng ma túy có chiều hướng giảm, nhưng chủ yếu do chết bệnh, số người cai nghiện thành công ít. Toàn xã chỉ có duy nhất xóm Thống Nhất không có người nghiện ma túy.

Theo chỉ đạo của trên, ngày 10 tháng 10 năm 2008, Ban Thường vụ Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã quyết định cử Ban Chấp hành lâm thời Hội nạn nhân chất độc da cam/đioxin gồm 5 người và chỉ định đồng chí Phạm Văn Thịnh làm Trưởng ban vận động thành lập hội. Ngày 09/01/2009, Hội nạn nhân chất độc da cam/đioxin xã Khe Mo tiến hành đại hội lần thứ nhất và bầu đồng chí Vũ Hải Quỳnh làm Chủ tịch và đồng chí Đỗ Hoàng Hán làm Phó Chủ tịch hội.

Về công tác xây dựng Đảng: Đảng ủy nghiêm túc tổ chức quán triệt Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về “Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ”; Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 07/12/2006 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng ở xã, thị trấn”. Từ đó tạo chuyển

biển nhận thức của cán bộ, đảng viên ở chi bộ, đảng bộ. Trong nhiệm kỳ phát triển được 51 đảng viên, đạt 102% kế hoạch. Trao tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho 29 đồng chí; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng cho 12 đồng chí; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng cho 1 đồng chí và Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng cho 1 đồng chí. Truy tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho 4 đồng chí.

Kết quả bình xét, phân tích chất lượng đảng viên và tổ chức Đảng trong nhiệm kỳ đạt được là:

Năm 2005: Toàn Đảng bộ có 163 đảng viên, tham gia bình xét 153 đồng chí, kết quả đạt mức 1 có 126 đồng chí (trong đó đạt xuất sắc 7); mức 2 có 24 đồng chí và mức 3 có 3 đồng chí. Đảng bộ có 19/19 chi bộ tham gia bình xét, đạt trong sạch vững mạnh (TSVM) 14 chi bộ (trong số này có 2 chi bộ đạt TSVM tiêu biểu); đạt khá 5 chi bộ, không có chi bộ trung bình và yếu kém. Đảng bộ đạt TSVM.

Năm 2006: Toàn Đảng bộ có 163 đảng viên, tham gia bình xét 149 đồng chí, kết quả đạt mức 1 có 126 đồng chí, mức 2 có 21 đồng chí và mức 3 có 2 đồng chí. Đảng bộ có 19 chi bộ, đạt trong sạch vững mạnh (TSVM) 14 (có 1 chi bộ đạt TSVM tiêu biểu); đạt khá

có 5 chi bộ và không có chi bộ trung bình và yếu kém. Đảng bộ đạt TSVM.

Năm 2007: Toàn Đảng bộ có 181 đảng viên, tham gia bình xét 165 đồng chí, kết quả đạt mức 1 có 144 đồng chí, mức 2 có 17 đồng chí và mức 3 có 4 đồng chí. Đảng bộ có 19 chi bộ, đạt trong sạch vững mạnh (TSVM) 16 (có 4 chi bộ đạt TSVM tiêu biểu); 3 chi bộ đạt khá và không có chi bộ trung bình và yếu kém. Đảng bộ đạt TSVM.

Năm 2008: Toàn Đảng bộ có 185 đảng viên, tham gia bình xét 169 đồng chí, kết quả đạt mức 1 có 10 đồng chí (cả 10 đồng chí đều đạt xuất sắc), mức 2 có 144 đồng chí và mức 3 có 14 đồng chí, mức 4 có 1 đồng chí. Đảng bộ có 20 chi bộ, qua bình xét có 16 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh (có 3 chi bộ đạt TSVM tiêu biểu); 4 chi bộ đạt khá, không có chi bộ trung bình và yếu kém. Đảng bộ đạt TSVM.

Năm 2009: Toàn Đảng bộ có 191 đảng viên, tham gia bình xét 170 đồng chí, kết quả đạt mức 1 có 15 đồng chí (cả 15 đồng chí đạt xuất sắc), mức 2 có 133 và mức 3 có 22. Đảng bộ có 20 chi bộ, đạt trong sạch vững mạnh (TSVM) 13 (có 6 chi bộ đạt TSVM tiêu

biểu); 4 chi bộ đạt khá, 3 chi bộ trung bình, không có chi bộ yếu kém. Đảng bộ đạt TSVM.

Đại hội cũng nghiêm khắc chỉ ra những khuyết điểm cần được khắc phục như quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa (CNH-HĐH) nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2005-2010 còn chậm. Công tác thủy lợi chưa đáp ứng được yêu cầu, còn nhiều diện tích ruộng chân cao chưa có nước tưới, dẫn đến sản xuất bắp bệnh, vụ cấy, vụ bỏ hoang. Diện tích cây lúa bị phụ thuộc nhiều vào thời tiết khí hậu từng năm mưa nhiều hay hạn hán. Chương trình xây đập tràn, cầu qua sông, dự án đường điện 35 KVA thiếu vốn nên chưa triển khai được. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Năm 2009, nhận hỗ trợ của Chính phủ cho số hộ nghèo gồm 897 khẩu bằng tiền là 179.400.000 đồng. Cứu trợ cho 62 khẩu với tổng số tiền là 7.440.000 đồng. Hỗ trợ gạo cho 74 hộ, tổng số bằng 1.500 kg¹.

Đại hội đề ra phương hướng lãnh đạo nhiệm kỳ VII (2010-2015) với các chỉ tiêu cụ thể là: Cơ cấu kinh tế “Nông-lâm nghiệp, cây công nghiệp, tiểu thủ công

¹ Nhận trợ cấp ngày 26/2/2009.

ng nghiệp và dịch vụ”. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 12 đến 13%/năm. Đến năm 2015, thu nhập bình quân đầu người đạt 17 đến 18 triệu đồng/năm. Tiếp tục huy động mọi nguồn lực, nguồn vốn, lao động sẵn có để chuyển dịch mạnh, vững chắc cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn. Tiếp tục khai thác thế mạnh về đất đai, tài nguyên, lực lượng lao động tại chỗ, ổn định cơ cấu mùa vụ, phát triển mạnh kinh tế vườn đồi, kinh tế lâm nghiệp và dịch vụ. Không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, tăng nhanh hộ khá và giàu, giảm mạnh hộ nghèo theo tiêu chí mới, tiến tới không còn hộ nghèo. Tăng cường xây dựng tổ chức Đảng, hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh hàng năm. Phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và địa phương.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khoá VII gồm 13 đồng chí là Nguyễn Văn Long, Phạm Xuân Trường, Trần Xuân Thịnh, Đinh Mạnh Tuấn, Phạm Văn Hùng, Đoàn Văn Tới, Trần Văn Ngọc, Ma Thị Hoà, Trần Tiến Bộ, Lê Ngọc Dũng, Trương Thị Hằng, Trần Văn Ngoan, Nguyễn Việt Dũng. Đồng chí Nguyễn Văn Long được

bầu làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Phạm Xuân Trường được bầu làm Phó Bí thư và đồng chí Trần Xuân Thịnh được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Thường trực Đảng kiêm Trưởng khối dân vận, Trưởng ban Tuyên giáo.

Tháng 8 năm 2010, Hội đồng nhân dân xã khóa XVII họp và bầu đồng chí Phạm Xuân Trường, Phó Bí thư Đảng ủy đang là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân thay cho đồng chí Nguyễn Văn Long được bầu làm Bí thư Đảng ủy xã.

Tháng 5 năm 2011, Đảng ủy lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã khóa XVIII thành công tốt đẹp. Hội đồng nhân dân đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Long, Bí thư Đảng ủy làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân thay đồng chí Trần Tiến Bộ nghỉ hưu. Đồng chí Trần Văn Ngoan được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ VII về lãnh đạo nhiệm vụ văn hóa xã hội, Đảng ủy, chính quyền xã đã triển khai đều trên các mặt công tác.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có bước chuyển biến; từ năm 2010 đến hết năm 2013 trạm Y tế

xã đã khám cho 25.628 lượt người dân, chuyển lên tuyến trên 2.939 lượt người; 437 trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng theo quy định, không có tử vong tại trạm. Phổ biến tuyên truyền về dân số kế hoạch hóa gia đình 48 buổi, có 3.396 lượt người áp dụng các biện pháp tránh thai; tỷ lệ sinh 1,4%. Với kết quả phấn đấu vươn lên, ngày 04/6/2013 Trạm Y tế xã Khe Mo đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ký Quyết định số: 1043/QĐ-UBND công nhận Trạm Y tế xã Khe Mo đạt chuẩn Y tế Quốc gia cấp độ 1.

Phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được chú trọng. Năm 2010 có 1.437 hộ/1.477 hộ đăng ký phấn đấu, có 86,7% đạt gia đình văn hóa, 2 khu dân cư là Thống Nhất và Làng Cháy đạt làng Văn hóa và 5 cơ quan đạt cơ quan văn hóa. Năm 2011 có 1.479/1.547 hộ đăng ký phấn đấu, có 89% đạt gia đình văn hóa; 4 khu dân cư là La Rẫy, Ao Rôm 2, Khe Mo 2, Thống Nhất đạt làng Văn hóa và 5 cơ quan đạt văn hóa. Năm 2013 có 100% số hộ đăng ký phấn đấu và 85,45% đạt gia đình văn hóa, 4 khu dân cư là Làng Cháy, Khe Mo 2, La Đường, Tiền Phong đạt làng Văn hóa và 5 cơ quan đạt cơ quan văn hóa. Trong 4 năm (2010-2013) toàn xã xóa được 75 ngôi nhà dột nát cho người nghèo, tỷ lệ hộ nghèo còn 11,46%.

Cùng với thực hiện đồng loạt các nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội lần thứ VII đề ra, xã Khe Mo tập trung chỉ đạo xây dựng trường Tiểu học, trường Mầm Non đạt chuẩn quốc gia. Ban giám hiệu trường Tiểu học do cô giáo Bùi Thanh Vân làm Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường đã tích cực chủ động sáng tạo trong dạy, học và xây dựng cơ sở. Sau nhiều năm phấn đấu dạy tốt, học tốt và tập trung xây dựng cơ sở vật chất. Đến năm 2011, trường Tiểu học đã hội đủ tiêu chuẩn của một trường chuẩn. Ngày 04 tháng 11 năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ký Quyết định số: 2820/QĐ-UBND công nhận Trường Tiểu học xã Khe Mo đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Ngày 06 tháng 11 năm 2011, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Hội đồng giáo dục và Ban giám hiệu nhà trường long trọng tổ chức lễ đón “Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1”. Đây là niềm vinh dự không chỉ riêng của thầy trò trường Tiểu học, nhắc nhở nhà trường phấn đấu hơn nữa trong sự nghiệp trồng người.

Để xây dựng Trường Mầm non đạt chuẩn, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy và cấp trên, sự

nỗ lực phấn đấu của thầy và trò, nhà trường còn được nhân dân ủng hộ giúp đỡ. Gia đình ông bà Phạm Văn Ngọc-Vũ Thị Yến ở xóm Ao Rôm 2 hiến 1.200 m² đất để xây dựng cơ sở 2 của trường. Phấn khởi, tin tưởng trước sự ủng hộ giúp đỡ của nhân dân, Ban giám hiệu nhà trường do cô giáo Ma Thị Hoa (từ 2012 là cô giáo Bùi Thị Vân) làm Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng cùng tập thể giáo viên, phu huynh tập trung xây dựng 2 phân trường theo chuẩn. Ngày 31/5/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ký quyết định số: 1025/QĐ-UBND công nhận trường Mầm non đạt chuẩn và ngày 14/11/2013, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy Ban nhân dân, Hội đồng giáo dục và Ban giám hiệu nhà trường long trọng tổ chức lễ đón “Bằng công nhận trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1”.

Về công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ (2010-2015) đã có bước phát triển mới toàn diện. Kết quả bình xét đảng viên và tổ chức Đảng các năm đạt được như sau:

Năm 2010, toàn Đảng bộ có 190 đảng viên (trong đó miễn sinh hoạt 19 đồng chí), sinh hoạt ở 20 chi bộ. Kết quả bình xét đảng viên đạt 17 đồng chí mức 1

(hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ); 139 đồng chí mức 2 (hoàn thành tốt nhiệm vụ); 12 đồng chí mức 3 (hoàn thành nhiệm vụ có mặt hạn chế) và 03 đồng chí mức 4 (mức có khuyết điểm). Về chi bộ có 16 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh; 02 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ và 02 chi bộ hoàn thành nhiệm vụ. Các đoàn thể nhân dân và Mặt trận tổ quốc đạt mức A. Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh.

Năm 2011, Đảng bộ có 196 đảng viên sinh hoạt ở 20 chi bộ (trong đó miễn sinh hoạt 18 đồng chí). Kết quả bình xét có 17 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 142 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ, 17 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ. Về tập thể có 10 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 8 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 chi bộ hoàn thành nhiệm vụ và 01 chi bộ yếu. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đạt loại A. Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2012, Đảng bộ có 210 đảng viên, sinh hoạt ở 20 chi bộ (trong đó có 21 đồng chí miễn sinh hoạt). Kết quả bình xét có 25 đồng chí đạt mức 1; 148 đồng chí đạt mức 2; 12 đồng chí đạt mức 3 và 04 đồng chí đạt mức 4. Tổ chức Đảng có 04 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu, 08 chi bộ đạt

trong sạch vững mạnh, 01 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ và 01 chi bộ hoàn thành nhiệm vụ. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đạt mức A. Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh.

Năm 2013, đảng bộ có 205 đảng viên, sinh hoạt ở 20 chi bộ (trong đó có 22 đồng chí miễn sinh hoạt). Kết quả bình xét có 32 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 142 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ, 07 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ và 02 đồng chí có khuyết điểm. Có 05 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu, 12 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 03 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đạt loại A. Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ VII “Xây dựng xã Khe Mo sớm đạt các tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới”. Đây là một nhiệm vụ rất lớn của Đảng, Chính phủ tập trung vào 3 vấn đề “nông nghiệp, nông dân và nông thôn”. Chủ trương của Đảng là “xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội hiện đại, có cơ cấu kinh tế và các hình thức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa

dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường”¹. Đảng ủy xã tổ chức tuyên truyền cho nhân dân về 19 tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Năm 2012, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã đã hoàn thành việc khảo sát, quy hoạch xây dựng nông thôn cấp xã. Đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới xã Khe Mo, giai đoạn đến 2015 đồng bộ, toàn diện theo 19 tiêu chí do Trung ương đề ra. Về làm đường giao thông nông thôn, trong 4 năm (2010-2013) toàn xã đã làm được 6 km đường bê tông theo xóm và liên xóm; đưa tổng số chiều dài đường bê tông của toàn xã đến hết năm 2013 là 9,9 km. Vận động các hộ nhân dân sinh sống dọc theo tuyến đường từ cầu Linh Nham đi Làng Hỏa hiến đất làm đường và được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng; đến cuối năm 2013 đã hoàn thành được nền của tuyến đường này, đang chờ hoàn thiện mặt đường và trải nhựa. Bên cạnh con đường trục chính, nhân dân còn tích cực hiến đất để làm các con đường liên xóm; tiêu biểu có Cự

¹ Trích Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “nông nghiệp, nông dân và nông thôn”.

Chiến binh Trương Văn Nhất ở xóm Dọc Hèo đã hiến 2.300m² đất để làm đường từ xóm Tiền Phong đi xóm 7 - thị trấn Sông Cầu.

Trong nhiệm vụ phát triển kinh tế, Đảng ủy lãnh đạo theo cơ cấu “Nông-lâm nghiệp, cây công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ” được chú trọng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 13 đến 15%/năm. Đến cuối năm 2013, thu nhập bình quân đầu người đạt 21,5 triệu đồng/năm; vượt kế hoạch do Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ VII đề ra là: “đến năm 2015 thu nhập bình quân đầu người từ 17 đến 18 triệu đồng/năm”². Tuy không là xã điểm được đầu tư để hoàn thành bộ 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới vào năm 2015, nhưng Đảng bộ, Chính quyền xã Khe Mo đã phấn đấu đều ở tất cả các mặt và hoàn thành được 12 tiêu chí, tạo đà để hoàn thành tốt bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới vào năm 2020.

Với những thành tích đạt được trong nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ khóa VII, năm 2013, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo vinh dự được Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh Thái Nguyên tặng cờ đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

² Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Khe Mo lần thứ VII, ngày 21/5/2010.



Cầu Linh Nham, cửa ngõ phía Nam của xã Khe Mo năm 2013.
Ảnh Nguyễn Ngọc Lâm.



Cầu Khe Mo (tức cầu Bò Đái cũ) năm 2013, cầu dài 34,5 mét, rộng 6 mét
Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Cầu Long Giàn năm 2013

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Đài tưởng niệm Liệt sỹ xã Khe Mo



Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Khe Mo năm 2012

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Trạm Y tế xã Khe Mo, đạt chuẩn Y tế năm 2013

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Cô và trò Trường Mầm non xã Khe Mo,
Trường đạt chuẩn cấp độ 1 năm 2013.

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Ông bà Phạm Văn Ngọc và Vũ Thị Yến đã hiến 1.200 m² đất để làm
phân trường 2 Trường Mầm non. Ngoài ra, ông bà còn di chúc hiến toàn
bộ đất đai còn lại cho nhà trường làm nơi học tập cho các cháu.

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Trường Tiểu học xã Khe Mo đạt chuẩn mức độ 1 năm 2012.
Ảnh do BGH nhà trường cung cấp



Trường Trung học cơ sở xã Khe Mo
Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Một buổi bồi dưỡng Khoa học kỹ thuật nông nghiệp
tại Trung tâm học tập cộng đồng xã Khe Mo (năm 2012)

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm.



Ông Trương Văn Nhất (xóm Dục Hèo) hiến 2.300 m² đất đồi chè để làm
đường giao thông. Trong ảnh: Ông Nhất (áo trắng đứng giữa) cùng cán
bộ hội Cựu chiến binh xã trên con đường đã được san lấp hoàn thành.

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Mô hình kinh tế vườn rừng

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm





Đồng chí Bùi Điệp, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên trao bằng và cờ Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho xã Khe Mò



Quang cảnh lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng VTND (thời kỳ kháng chiến chống Pháp) xã Khe Mò.

Ảnh do Đảng ủy xã Khe Mò cung cấp



Ban Chấp hành Đảng bộ xã Khe Mo nhiệm kỳ 2000-2005



Ban Chấp hành Đảng bộ xã Khe Mo nhiệm kỳ 2005-2010



Ban Chấp hành Đảng bộ xã Khe Mo
nhiệm kỳ 2010-2015.



Hội đồng nhân dân xã Khe Mo khóa XVIII.



Quang cảnh Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo,
lần hội thảo thứ nhất.



Các đại biểu tham dự Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo,
lần hội thảo thứ 2

KẾT LUẬN

Đến tháng 9 năm 2013, Đảng bộ xã Khe Mo đã có 65 năm chiến đấu xây dựng và trưởng thành. Trong 65 năm, cơ sở Đảng xã Khe Mo đã có 18¹ kỳ đại hội chi bộ và 7 kỳ đại hội Đảng bộ. Đến nay, toàn Đảng bộ xã có 205 đảng viên sinh hoạt tại 20 chi bộ (bao gồm 15 chi bộ theo thôn xóm, 3 chi bộ nhà trường, Chi bộ Trạm Y tế và Chi bộ Cơ quan xã). 65 năm qua, tổ chức Đảng xã Khe Mo khi còn là chi bộ với chưa đầy mười đồng chí, hay lúc đã trở thành Đảng bộ có số lượng đảng viên đông đảo vẫn kiên trung với Tổ quốc, son sắt với nhân dân. Mặc cho những biến cố thăng trầm, cán bộ đảng viên xã Khe Mo vẫn một lòng một dạ trung thành với đường lối mục tiêu của Đảng.

Từ trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đến kết thúc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc năm 1988, có

¹ Theo biên bản, đến năm 1986, Chi bộ xã Khe Mo đã tổ chức Đại hội lần thứ XVIII, nhưng tổ biên soạn chưa sưu tầm được số lần đại hội chi bộ tính từ khi thành lập năm 1948 hay là số lần đại hội chi bộ tính từ khi tách khỏi chi bộ xã Long Khê năm 1953.

tổng cộng 583 thanh niên xã Khe Mo tình nguyện tòng quân chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ thành quả cách mạng. Có 58 người con ưu tú của xã Khe Mo là chiến sỹ cứu quốc quân, là du kích, bộ đội đã anh dũng hy sinh trên các chiến trường. Nhiều đồng chí là thương binh, bệnh binh, là nạn nhân chất độc da cam mang thương tật suốt đời. Có nhiều gia đình có 2,3 thế hệ lên đường chiến đấu qua các thời kỳ; 11 gia đình được tặng Bằng vàng danh dự. Trong kháng chiến chống Mỹ, gia đình ông Phạm Văn Xưởng và bà Phạm Thị Mùi ở xóm Làng Cháy có 3 con tòng quân lên đường chiến đấu, trong đó 2 người đã cống hiến trọn đời mình cho đất nước. Các gia đình ông bà Phương Quốc Mên và Nông Thị Sứ, Đàm Viết Quý và Hoàng Thị Quan ở xóm Khe Mo 2 có 4 con cùng ở quân đội. Nhiều thanh niên dùng máu mình viết đơn tình nguyện lên đường nhập ngũ, với nguyện vọng tha thiết được ra mặt trận chiến đấu, dẫu biết rằng có thể phải hy sinh cả tính mạng của mình.

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, xã Khe Mo là một trong những địa phương đầu tiên của huyện

Đồng Hỷ xây dựng được cơ sở cách mạng và thành lập chính quyền nhân dân. Tháng 6 năm 1945, tự vệ xã Khe Mo cùng nhân dân phá kho thóc của Nhật tại Ao Rôm, thu được 5 tấn thóc để nhân dân xay sát cho quân giải phóng và tự vệ. Nhân dân Khe Mo tích cực hưởng ứng “tuần lễ vàng” và xây dựng “Quỹ độc lập” được 5 lạng bạc trắng và mua công trái kháng chiến do Chính phủ phát động; tích cực tham gia “Hũ gạo kháng chiến”, tổng cộng trong 9 năm (1945-1954) đã tiết kiệm được 2.540 kg gạo. Khi quân Pháp tràn vào xã, nhân dân và Hội Phụ nữ xã đã giã hàng trăm cân (kilôgam) bánh dày làm lương thực cho bộ đội. Cũng tại Khe Mo, cơ quan lãnh đạo của Khu Việt Bắc, của tỉnh Thái Nguyên và Huyện ủy Đồng Hỷ, các đơn vị quân đội, nhà máy quân giới, các cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước đã sơ tán về; nhân dân các dân tộc xã Khe Mo còn ăn đói mặc rách song vẫn một lòng một dạ chở che bảo vệ cán bộ khỏi sự đánh phá, tàn sát của kẻ thù. Trong kháng chiến chống Pháp nhân dân Khe Mo tiễn đưa 40 người con lên đường nhập ngũ, 6 đồng chí đã hy sinh, một số trở về là thương binh.

Có 9 người là thanh niên xung phong, 23 người đi dân công phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, Tây Bắc, Thượng Lào và hàng trăm người đi dân công phục vụ kháng chiến trong tỉnh và tỉnh bạn.

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chi bộ và nhân dân xã Khe Mo kiên định mục tiêu đường lối của Đảng, vừa sản xuất vừa chiến đấu với khẩu hiệu riêng “Khe Mo thực hiện thóc không thiếu 1 cân, thịt không thiếu 1 cân, quân không thiếu 1 người”. Tuy còn phải trải qua vất vả và vật lộn với khó khăn, lúc thăng lúc trầm, nhưng đã hoàn thành được mục tiêu đề ra. Với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến, tất cả vì miền Nam ruột thịt”, nhân dân Khe Mo đã đóng góp cho Nhà nước 660 tấn lương thực; 13,2 tấn thịt và nhiều hàng hóa nông sản thực phẩm khác. Trong kháng chiến chống Mỹ, Khe Mo có 293 thanh niên vào bộ đội chủ lực, chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên khắp các chiến trường, 39 người đã anh dũng hy sinh, nhiều người là thương binh, bệnh binh và nạn nhân chất độc da cam/dioxin.

Thời kỳ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975, xã Khe Mo lại cử hàng trăm thanh niên ra trận và thành lập 1 đại đội dân quân xây dựng phòng

tuyến biên giới phía Bắc. Trong chiến đấu ở tuyến đầu biên giới và làm nhiệm vụ quốc tế, 11 đồng chí anh dũng hy sinh và nhiều đồng chí là thương binh cống hiến một phần xương máu cho Tổ quốc.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến, Đảng bộ, Chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kỳ chống Pháp. Đảng, Nhà nước, Quân đội khen thưởng cho tập thể và cá nhân gồm: 193 Huân, Huy chương các loại; 11 Bằng vàng danh dự; 4 Bằng khen của Chính phủ và hàng trăm Bằng khen và Giấy khen của các cấp các ngành.

Từ khi có đường lối đổi mới, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Khe Mo tuân thủ nghiêm túc đường lối của Đảng, trăn trở tìm tòi hướng đi lên để xây dựng quê hương ngày càng sung túc tiến tới mục tiêu giàu có đầy đủ. Trải qua khó khăn, là sự thử thách bản lĩnh lãnh đạo và Đảng bộ đã vững vàng vượt qua những lúc cam go nhất. Trong những năm vừa qua đời sống của nhân dân xã Khe Mo đã

được nâng lên đáng kể, xã không còn hộ đói, hộ nghèo giảm, số hộ khá và hộ giàu tăng. Kinh tế phát triển, an ninh trật tự xã hội được bảo đảm. Nhân dân Khe Mo đang hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống, tiện nghi hơn và đầy đủ sang trọng hơn. Bộ mặt làng quê nơi núi rừng Khe Mo xưa, nay đang từng ngày thay đổi theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Những thay đổi trên quê hương Khe Mo trong hơn 65 năm qua, gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam mà trực tiếp là tổ chức cơ sở đảng xã Khe Mo. Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, Đảng bộ và Chính quyền xã đã có những quyết sách phù hợp và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương. Bên cạnh đó, Đảng bộ luôn linh hoạt, tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của các cấp các ngành; huy động được tiềm năng, sự sáng tạo của nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ của từng thời kỳ.

Trải qua thực tiễn lãnh đạo 65 năm qua, Đảng bộ xã Khe Mo rút ra được những bài học quý giá để thời gian tới tổ chức thực hiện tốt hơn.

Một là: Những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân xã Khe Mo giành được trong hơn 65 năm qua gắn liền với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam mà trực tiếp của Huyện ủy Đồng Hỷ. Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân xã Khe Mo luôn nghiên cứu kỹ lưỡng, quán triệt sâu sắc các nhiệm vụ, vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương một cách nghiêm túc, sáng tạo. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ trước mắt với nhiệm vụ lâu dài; giữa nhiệm vụ đột xuất với nhiệm vụ thường xuyên. Quan tâm đầu tư và kiên quyết thực hiện thành công các nhiệm vụ phát sinh ở những giai đoạn có tính chất bản lề, nhạy cảm.

Hai là: Phải thường xuyên nắm chắc tình hình, diễn biến công việc để cải tiến phương thức lãnh đạo, giải quyết nhanh nhạy các vấn đề nảy sinh. Coi trọng những phát minh sáng tạo, những cải tiến có giá trị thực tiễn. Trong mọi hoàn cảnh, mọi sự đổi mới sáng tạo đều phải luôn giữ vững mục tiêu “Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội”.

Ba là: Phải luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng một cách thường xuyên liên tục, để Đảng thực

sự là tổ chức tiên phong, là hạt nhân lãnh đạo ở địa phương. Xây dựng Chính quyền vững mạnh, đủ khả năng điều hành thực hiện thắng lợi nhiệm vụ; các đoàn thể quần chúng vững mạnh tương xứng.

Bốn là: Chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ từ việc tạo nguồn, bồi dưỡng giáo dục nâng cao năng lực trình độ cũng như phẩm chất đạo đức. Giao nhiệm vụ cho cán bộ để thử thách, qua đó phát hiện nhân tố mới theo phương châm tích cực, chủ động, linh hoạt. Đề cao được tinh thần trách nhiệm của cán bộ đảng viên gắn với đấu tranh phê bình góp phần phát hiện sàng lọc lựa chọn cán bộ. Quy hoạch tĩnh gắn với quy hoạch mở để phát huy vai trò sáng tạo, phấn đấu vươn lên của cán bộ, tránh được tình trạng ỷ lại chờ quy hoạch hoặc làm thui chột động cơ phấn đấu của người chưa được vào quy hoạch.

Năm là: Thường xuyên phát huy vai trò làm chủ tập thể của nhân dân. Thực hiện tốt “Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở”. Thường xuyên tạo sự tin tưởng vững chắc của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Kịp thời tổng kết rút kinh nghiệm từ trong những sáng tạo nhỏ lẻ của nhân dân thành

những chủ trương sâu rộng của Đảng để nhân rộng điển hình trong địa phương.

Có được những thành quả ngày nay, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Khe Mo ghi công công lao to lớn của các thế hệ cán bộ, đảng viên, hội viên các đoàn thể quần chúng không quản ngại khó khăn gian khổ từ những ngày còn hoạt động bí mật. Những con người không tiếc mồ hôi xương máu để xây dựng nên một xã Khe Mo anh hùng hôm nay.

Ghi nhận tôn vinh và biết ơn các liệt sỹ, gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, bộ đội công an, thanh niên xung phong, dân quân du kích... đã đóng góp công sức, mồ hôi, xương máu xây dựng nên trang sử hào hùng của xã Khe Mo anh hùng.

Ghi nhận công lao thành tích của các thế hệ cán bộ đảng viên đã một lòng một dạ vì sự nghiệp vẻ vang của Đảng trên quê hương, phấn đấu không mệt mỏi, lo toan trách nhiệm, đứng ngoài mọi cám dỗ, xứng đáng là những người con ưu tú của quê hương anh hùng.

Năm tháng qua đi, thời gian sẽ đưa ngày hôm nay vào dĩ vãng, nhưng lịch sử vẻ vang của Đảng bộ xã Khe Mo anh hùng sẽ mãi mãi là nét son sáng ngời, tạc vào thời gian, in sâu trong tâm khảm của mỗi người. Tất cả là nguồn động viên, cổ vũ, niềm tự hào, là những bài học cho thế hệ kế tiếp, tiếp tục sự nghiệp vẻ vang của lớp cha anh để lại. Xây dựng xã Khe Mo mãi mãi anh hùng, mãi mãi tươi đẹp trong lòng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

PHỤ LỤC TỔNG HỢP LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ KHE MO

Phụ lục 1: Danh sách Liệt sỹ

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nhập ngũ	Hy sinh	Ghi chú
1	Hứa Văn Lả		Tự vệ	1945	
2	Trần Văn Quý	1924	1/1944	1945	Vào CQQ
3	Nguyễn Văn Tăng	1916	3/1945	1947	
4	Phuong Ngọc Định	1933	3/1949	1949	
5	Trần Văn Chúc	1932	5/1945	1950	
6	Trương Văn Tân	1920	2/1947	1950	
7	Phạm Kinh Hữu	1922	5/1945	1953	
8	Phương Hữu Tinh	1948	1/1966	1967	
9	Huỳnh Chí Hanh	1932	7/1955	1968	
10	Nông Văn Nguyệt	1947	1/1966	1968	
11	Tăng Văn Kỳ	1947	4/1966	1968	
12	Lý Văn Lát	1945	4/1966	1968	

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mò (1948 - 2013)

13	Đình Văn Cương	1947	6/1967	1968	
14	Mông Văn Thượng	1950	7/1967	1968	
15	Phùng Văn Thao	1946	3/1966	1969	
16	Lương Văn Chí	1949	4/1966	1969	
17	Nguyễn Chí Thản	1946	8/1967	1969	
18	Vũ Khắc Tồn	1948	6/1968	1969	
19	Nguyễn Văn Đắc	1945	3/1966	1970	
20	Trần Văn Thử	1950	11/1966	1970	
21	Nguyễn Văn Toàn	1950	6/1967	1970	
22	Nông Chí Thành	1950	7/1967	1970	
23	Trần Văn Nghị	1945	6/1968	1970	
24	Phạm Quảng Cư	1941	6/1968	1970	
25	Tô Văn Khai	1952	7/1968	1970	
26	Vũ Hồng Thịnh	1949	6/1968	1971	
27	Phương Minh Thân	1950	6/1968	1971	
28	Dương Đình Ngân	1950	7/1968	1971	
29	Nguyễn Hồng Thanh	1950	8/1969	1971	

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

30	Trần Ngọc Tân	1951	12/1969	1971	
31	Trần Xuân Quế	1949	1/1971	1971	
32	Lương Xuân Hải	1940	3/1962	1972	
33	Lê Quý Đoan	1950	4/1968	1972	
34	Nguyễn Tiến Thanh	1949	4/1968	1972	
35	Trần Văn Viễn	1950	6/1968	1972	
36	Lương Đình Thiện	1948	6/1968	1972	
37	Hầu Văn Tăng	1950	6/1968	1972	
38	Trần Minh Hợp	1953	6/1968	1972	
39	Trần Văn Nguyên	1939	6/1968	1972	
40	Nông Văn Mậu	1939	7/1968	1972	
41	Hoàng Văn Triệu	1951	12/1970	1972	
42	Nguyễn Quang Huyến	1941	6/1965	1973	
43	Tô Quang Trung	1947	1/1966	1973	
44	Trần Văn Thành	1953	6/1968	1973	
45	Đặng Văn Nghị	1946	1/1966	1974	
46	Nông Văn Hiền	1948	1/1966	1974	

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

47	Phạm Tiến Văn	1950	9/1972	1974	
48	Nguyễn Thanh Bình	1954	10/1974	1979	
49	Phạm Quang Thái	1958	9/1976	1979	
50	Vũ Sỹ Dũng	1960	8/1978	1979	
51	Trần Quang Huy	1960	8/1978	1979	
52	Ngô Quang Dương	1959	8/1978	1979	
53	Trần Văn Can	1960	8/1978	1979	
54	Nguyễn Đăng Diễn	1959	7/1977	1979	
55	Ngô Quang Hùng	1954	10/1974	1980	
56	Nguyễn Văn Điền	1957	9/1976	1984	
57	Dương Văn Ngộ	1961	3/1983	1984	
58	Ngô Trinh Thiềm	1939	6/1962	1996	TPVT cũ

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)**Liệt sỹ chuyển hồ sơ về xã**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nhập ngũ	Hy sinh	Ghi chú
1	Trần Văn Lục	1926	1945	1951	
2	Bùi Viết Vĩnh	1932	1951	1953	
3	Bùi Viết Hùng	1949	1967	1968	
4	Nguyễn Văn Sơn	1947	7/1965	1968	
5	Đào Xuân Vững	1945	6/1965	1968	
6	Mai Văn Ngải	1934	5/1966	1970	
7	Bùi Kim Đạo	1948	2/1968	1972	
8	Vũ Duy Hậu	1952	11/1972	1979	

Phụ lục 2: Danh sách gia đình được tặng Bảng vàng danh dự

T T	Người được tặng bảng vàng danh dự			Có thân nhân nhập ngũ ¹	
	Họ và tên (ông, bà)	Số QĐ	Ngày QĐ	Họ và tên	Nhập ngũ
1	Mẫn Thị Chi	57/CP	22/2/1979	Nguyễn Phương (chồng) Nguyễn Hồng Thanh (LS)	4/1945 8/1969
2	Lý Văn Sơn Phùng Thị Pen	57/CP	22/2/1979	Lý Văn Liên Lý Văn Lắc(*) Lý Văn Tiến	8/1965 3/1971 8/1973
3	Nguyễn Văn Tốt Nguyễn Thị Hồng	57/CP	22/2/1979	Nguyễn Văn Hợi Nguyễn Thị(*) Hiền Nguyễn Văn Tiến	6/1965 6/1972 4/1975

¹ Quy ước: Ở cột người được tặng Bảng vàng danh dự là cha, mẹ; Ở cột có thân nhân nhập ngũ là con. Các trường hợp khác như chồng, vợ, anh, em, cháu sẽ ghi cụ thể ở bên cạnh. (LS) là viết tắt chữ Liệt sỹ

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

4	Đàm Viết Quý Hoàng Thị Quan	57/CP	22/2/1979	Đàm Hùng Sinh Đàm Văn Vượng Đàm Văn Seo Đàm Văn An	7/1967 4/1968 8/1973 3/1975
5	Ngô Văn Tu Đỗ Thị Xuân	57/CP	22/2/1979	Ngô Đức Thi Ngô Đức Cử Ngô Đức Phú	4/1968 4/1970 2/1975
6	Hoàng Văn Phong Trần Thị Tính	57/CP	22/2/1979	Hoàng Văn Triệu (LS) Hoàng Văn Trọng	12/1970 8/1972
7	Trần Văn Điều(*) Trần Thị Sáu	57/CP	22/2/1979	Trần Minh Hợp (LS) Trần Công Sự	9/1971 10/1974
8	Phạm Văn Xường Phạm Thị Mùi	(**)		Phạm Quý Đôn Phạm Quảng Cư (LS) Phạm Tiến Văn (LS)	1966 6/1968 9/1972
9	Phương Quốc Mên Nông Thị Sáu	(**)		Phương Minh Cát Phương Minh Thân (LS) Phương Minh Chiến Phương Minh Sơn	7/1968 6/1968 12/1969 9/1972

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

T T	Người được tặng bằng vàng danh dự			Có thân nhân nhập ngũ ¹	
	Họ và tên (ông, bà)	Số QĐ	Ngày QĐ	Họ và tên	Nhập ngũ
10	Dương Đình Dương	(**)		Dương Đình Ngân (LS)	1968
	Nguyễn Thị Tiền			Dương Đình Thủy	1968
11	Đinh Văn Huyền	(**)		Đinh Văn Cường (LS)	1967
	Dương Thị Bính			Đinh Văn Lộc	1968

(*) Những chỗ quyết định ghi sai, Tổ Biên soạn đã sửa lại cho đúng.

(**) Những hộ có đủ tiêu chuẩn nhưng chưa tìm được quyết định

¹ Quy ước: Ở cột người được tặng Bằng vàng danh dự là cha, mẹ; Ở cột có thân nhân nhập ngũ là con. Các trường hợp khác như chồng, vợ, anh, em, cháu sẽ ghi cụ thể ở bên cạnh. (LS) là viết tắt chữ Liệt sỹ

Phụ lục 3: Cán bộ lão thành cách mạng

- Họ và tên: *Bùi Chí Tâm*;



- Sinh tháng 02 năm 1910 tại xã Giáp Nhị, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

- Trú quán: xóm Ao Rôm (nay là Ao Rôm 2), xã Khê Mo, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Tham gia hoạt động cách mạng năm 1941.

- Vào Đảng tháng 6 năm 1945.

Tóm tắt quá trình công tác

Từ năm 1941 đến 1943 làm nhiệm vụ đưa tin tức cho cán bộ cách mạng. Từ 1944 đến 1945 là Tiểu đội phó đội võ trang tuyên truyền của Việt Minh Thái Nguyên. Từ 1946 đến 1949, Chủ nhiệm Việt Minh, Bí thư huyện Võ Nhai; Chính trị viên, Thường vụ Huyện ủy Đại từ. Từ 1950-1954 là Phó Giám đốc trại tù binh Âu-Phi của Khu, Trưởng ty Thương binh Thái Nguyên. Từ 1955-1956 Chủ tịch Ủy ban Liên-Việt⁽¹⁾, Ủy viên Ban Kế hoạch tỉnh Thái Nguyên. Từ 1957-1959 là

¹ Từ ngày 10/9/1955 Mặt trận Liên Việt đổi tên thành Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Trưởng ty Lâm Nghiệp Thái Nguyên. Từ 1960 đến 1965 là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên. Ngày 20/7/1965 về hưu tại xóm Oánh, xã Túc Duyên, Thành phố Thái Nguyên. Năm 1965 chiến tranh phá hoại xảy ra đồng chí cùng gia đình sơ tán về xóm Ao Rôm (nay là Ao Rôm 2) xã Khe Mo. Tại Khe Mo đồng chí là Chi ủy viên Chi bộ xã Khe Mo nhiệm kỳ 1971-1973. Đồng chí đã từ trần ngày 07/01/1988.

Khen thưởng:

Huân chương Độc lập hạng Ba

Huân chương Kháng chiến (chống Pháp) hạng Nhì.

Huân chương Kháng chiến (chống Mỹ) hạng Nhất.

Giấy chứng nhận “Gia đình có công với nước”, cấp ngày 21/5/1965.

Phụ lục 4: Cán bộ Tiên khởi nghĩa

- Họ và tên: *Nguyễn Phương*;
- Sinh năm 1925 tại xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
- Nhập ngũ; Tháng 4/1945.
- Vào Đảng: 11/1947;

Chính thức : tháng 5/1948.



- Cấp bậc, chức vụ: Thượng tá, Trưởng phòng Nhà trường/Bộ Tham mưu/ Quân khu I.
- Nghỉ hưu: 22/10/1981
- Trú quán: xóm La Nưa, xã Khe Mo, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng 4 đến 7/1945 học tại Trường Quân chính kháng Nhật ở Tân Trào. Từ 8/1945 đến 10/1946 là Tiểu đội phó sau là Chính trị viên đại đội thuộc Chi đội Bắc Sơn đi Nam Tiến vào Buôn Mê Thuột. Từ 11/1946 đến 3/1947 là học viên bổ túc cán bộ B,C khóa 2 Trường Quân chính Bắc Sơn. Từ 4/1947 đến 10/1949 là Tỉnh đội phó Tỉnh đội Thái Nguyên. Từ 11/1949 đến 10/1950

là phái viên kiểm tra Đoàn Kiểm tra Liên khu Việt Bắc. Từ 11/1950 đến 8/1951 là Tham mưu phó Tỉnh đội Yên Bái. Từ 9/1951 đến 9/1952 là Tham mưu trưởng Tỉnh đội Vĩnh Phúc. Từ 10/1952 đến 4/1953 là Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn Bạch Đằng, tỉnh Quảng Yên. Từ 5/1953 đến 02/1954 là Tham mưu phó Tỉnh đội Quảng Ngãi. Tháng 3/1954 đến 4/1955 là Tham mưu trưởng Đặc khu Hồng Gai. Từ tháng 5/1955 đến 10/1955 là trợ lý Tác-Huấn, phòng Tham mưu Quân khu Tây Bắc. Từ tháng 11/1955 đến 8/1958 là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 5/ Trung đoàn 242, Sư đoàn 332. Từ tháng 9/1958 đến 3/1960 là Đại úy, học viên Trường Bổ túc Quân sự trung-cao cấp. Từ 4/1960 đến 02/1965 là Đại úy, Phó phòng Quân huấn/ Bộ Tham mưu Quân khu Việt Bắc. Từ tháng 10/1965 đến 7/1968 là Thiếu tá, Tổ trưởng tổ tổng kết/cục Chính trị/Quân khu Việt Bắc. Từ tháng 8/1968 đến 5/1969 là Thiếu tá, Trung đoàn phó Trung đoàn 2/Sư đoàn 304B. Từ tháng 6/1969 đến 4/1971 là Thiếu tá, Trưởng ban Tác-Huấn/Sư đoàn 304B. Từ tháng 5/1971 đến 7/1971 là Phó phòng Quân huấn/Quân khu Việt Bắc. Từ tháng 8/1971 đến 4/1976 là Trung tá, Phó phòng và Trưởng phòng Khoa học Quân sự/Bộ Tham mưu/Quân khu I. Từ 6/1976 đến 10/1981, là Thượng tá Trưởng phòng Nhà trường/Bộ Tham mưu/Quân khu I.

Từ 11/1981 nghỉ hưu tại xã Khe Mo. Năm 1991 được giao nhiệm vụ làm Chủ tịch lâm thời để tập hợp xây dựng Hội CCB xã.

Từ trần ngày 18/6/2011 (tức 17/5 năm Tân Mão)

Khen thưởng:

Huân chương Quân công hạng Nhì.

Huân chương Kháng chiến (chống Pháp) hạng Nhì.

Huân chương Kháng chiến (chống Mỹ) hạng Nhất.

Huân chương Chiến công hạng Nhì

Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

Kỷ niệm Kháng chiến (chống Pháp)

Kỷ niệm chương Cự chiến binh.

Kỷ niệm chương Chiến sỹ Việt Bắc.

Huy hiệu 40, 50, 60 năm tuổi Đảng.

Nhiều Bằng khen và Giấy khen của các cấp các ngành.

Phụ lục 5: Danh sách Bí thư Chi bộ xã, Bí thư Đảng ủy

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Đỗ Chi Phương	9/1948-1949	Bí thư chi bộ xã Long Khê
2	Hoàng Hữu Thông	1/1949-1951	Bí thư chi bộ xã Long Khê
3	Đào Quốc Nhã	1951-1952	Bí thư chi bộ xã Long Khê
4	Lường Quang Chiếu	8/1952-1953	Bí thư chi bộ xã Long Khê
5	Bùi Văn Rương	3/1953-9/1953	Q.Bí thư chi bộ xã Long Khê
6	Bùi Văn Tòng	9/1953-1953	Phụ trách Bí thư chi bộ xã
7	Hoàng Hữu Thông	01/1954-1954	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
8	Trần Ngọc Sơn	1954-4/1958	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
9	Hoàng Hữu Thông	1958-4/1961	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
10	Trần Ngọc Sơn	1961-5/1963	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
11	Trần Văn Thân	1963- 1965	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
12	Hoàng Bằng	1965-1967	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
13	Lê Văn Tương	1967-1968	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
14	Hoàng Bằng	1968-5/1969	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
15	Lý Văn Học	1969-1971	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
16	Trần Ngọc Sơn	1971-1973	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
17	Trần Ngọc Ngân	4/1973-1974	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
18	Trần Văn Thân	1974-1976	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
19	Nguyễn Văn Kỳ	6/1976-1979	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

20	Phương Hữu Ngôn	5/1979-1983	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
21	Vũ Quang Việt	5/1983-1986	Bí thư Chi bộ xã Khe Mo
22	Hoàng Bằng	3/1986-1988	Bí thư CB; BTĐU chỉ định
23	Vũ Quang Việt	1988-1991	Bí thư Đảng ủy (Khóa I)
24	Phương Quốc An	1991-2000	Bí thư Đảng ủy (Khóa II, III, IV)
25	Trần Tiến Bộ	2000-2010	Bí thư Đảng ủy (Khóa IV, V, VI)
26	Nguyễn Văn Long	2010- nay	Bí thư Đảng ủy (Khóa VII)

**Phụ lục 6: Danh sách Chủ tịch Ủy ban Hành chính,
Chủ tịch UBKCHC; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.**

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Trương Văn Đại	1945-1946	Chánh Hội (C.TUBND lâm thời)
2	La Văn Mao	1946-1948	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
3	Đình Phú Hào	1948-1953	Chủ tịch UBKCHC xã Long Khê
4	Hoàng Văn Thọ	12/1953-1954	Chủ tịch UBKCHC xã Khe Mo
5	Lê Văn Tương	1954-1955	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
6	Trần Ngọc Sơn	1955-1957	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
7	Lương Đình Công	1957-1959	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
8	Phùng Đức Năm	1959-1961	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

9	Chưa xác định được tên ¹	1961- 1963	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
10	Trần Ngọc Sơn	5/1963-1964	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
11	Luân Văn Thào	5/1964-1965	Q.Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
12	Lê Văn Tương	1965-1967	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
13	Phương Quốc An	1967-1969	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
14	Hoàng Hữu Thông	6/1969-1971	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
15	Phương Quốc An	1971-1973	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
16	Mông Văn Lệnh	6/1973-5/1975	Chủ tịch UBHC xã Khe Mo
17	Phương Hữu Ngôn	5/1975-4/1979	Chủ tịch UBND xã Khe Mo
18	Vũ Quang Việt	5/1979-5/1983	Chủ tịch UBND xã Khe Mo
19	Phương Quốc An	5/1983-4/1986	Chủ tịch UBND xã Khe Mo
20	Vũ Quang Việt	4/1986-1987	Chủ tịch UBND xã Khe Mo
21	Nguyễn Văn Kỳ	11/1987-1989	Chủ tịch UBND xã Khe Mo
22	Vũ Quang Việt	12/1989-2004	Chủ tịch UBND xã Khe Mo
23	Nguyễn Văn Long	5/2004-7/2010	Chủ tịch UBND xã Khe Mo
24	Phạm Xuân Trường	8/2010-nay	Chủ tịch UBND xã Khe Mo

¹ Lý lịch Đảng viên của đồng chí Lê Văn Tương và Trần Văn Thân đều ghi làm Chủ tịch UBHC xã cùng thời gian này

Phụ lục 7: Danh sách Đảng ủy xã qua các nhiệm kỳ

a- Thời kỳ Chi bộ đảng xã:

Từ khi thành lập Chi bộ Đảng xã Long Khê năm 1948 đến năm 1986, Chi bộ xã Khe Mo đã trải qua 18 kỳ đại hội đảng viên. Tuy nhiên do thời gian quá dài nên việc sưu tầm danh sách Ban Chấp hành chi bộ các khóa không được đầy đủ.

Trong danh sách các đồng chí Bí thư Chi bộ, có đồng chí được ghi theo cung cấp của nhân chứng. Vì vậy có thể có trường hợp chưa chính xác.

b- Thời kỳ Đảng bộ xã:

Đến năm 2010, Đảng bộ xã Khe Mo đã tổ chức 7 kỳ đại hội. Tính ra Đảng bộ xã có 8 khóa Ban Chấp hành (bao gồm 1 khóa lâm thời do Huyện ủy Đồng Hỷ chỉ định và 7 khóa do đại hội bầu)

Tổ biên soạn lập danh sách Đảng ủy xã qua các thời kỳ dưới đây:

1- Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời xã Khe Mo

(do Huyện ủy Đồng Hỷ chỉ định tại Quyết định số 95/NQ-HU, ngày 18/7/1987)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Ghi chú
1	Hoàng Bằng	1933	Bí thư Đảng ủy	
2	Vũ Quang Việt	1947	Fó.BT Đảng ủy	
3	Nguyễn Văn Kỳ	1950	UV Thường vụ	

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

4	Phương Quốc An	1942	Đảng ủy viên	
5	Ngô Đức Phú	1956	Đảng ủy viên	
6	Ngô Đình Lãm	1935	Đảng ủy viên	
7	Nông Thị Bạch	1943	Đảng ủy viên	
8	Trần Xuân	1949	Đảng ủy viên	
9	Nguyễn Hữu Thìn	1950	Đảng ủy viên	
10	Nguyễn Khắc Đông	1954	Đảng ủy viên	
11	Nguyễn Văn Tiến	1950	Đảng ủy viên	

2- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa I - nhiệm kỳ 1988-1991
(do Đại hội đảng viên lần thứ nhất bầu ngày 04/7/1988)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Ghi chú
1	Vũ Quang Việt	1947	Bí thư Đảng ủy	
2	Nguyễn Văn Kỳ	1950	Fó BT Đảng ủy	
3	Trần Xuân	1949	UV Thường vụ	
4	Ngô Đình Lãm	1935	Đảng ủy viên	
5	Nông Thị Bạch	1943	Đảng ủy viên	
6	Phương Quốc An	1942	Đảng ủy viên	
7	Nguyễn Khắc Đông	1954	Đảng ủy viên	
8	Trần Tiến Bộ	1960	Đảng ủy viên	
9	Vũ Văn Miện	1939	Đảng ủy viên	
10	Nguyễn Văn Viện	1960	Đảng ủy viên	
11	Đàm Hùng Sinh	1947	Đảng ủy viên	

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

3- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa II-nhiệm kỳ 1991-1994

(do Đại hội đảng viên lần thứ II, vòng 2 bầu ngày 17/12/1991)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Ghi chú
1	Phương Quốc An	1942	Bí thư Đảng ủy	
2	Vũ Quang Việt	1947	Fó BT Đảng ủy	
3	Trần Xuân	1949	UV Thường vụ	
4	Nguyễn Văn Kỳ	1950	Đảng ủy viên	
5	Nguyễn Văn Long	1956	Đảng ủy viên	
6	Đàm Hùng Sinh	1947	Đảng ủy viên	
7	Trần Tiến Bộ	1960	Đảng ủy viên	
8	Lê Văn Tiến	1950	Đảng ủy viên	
9	Nguyễn Khắc Đông	1954	Đảng ủy viên	

4- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa III-nhiệm kỳ 1994-1996¹

(do Đại hội đảng viên lần thứ III bầu ngày 21/4/1994)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	
1	Phương Quốc An	1942	Bí thư Đảng ủy	
2	Vũ Quang Việt	1947	Fó BT Đảng ủy	
3	Trần Xuân	1949	UV Thường vụ	

¹ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam từ khóa VII (nhiệm kỳ 1991-1996) trở về trước quy định nhiệm kỳ của cơ sở Đảng tổ chức đại hội 5 năm 2 lần.

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

4	Nguyễn Văn Kỳ	1950	Đảng ủy viên	
5	Nguyễn Văn Long	1956	Đảng ủy viên	
6	Trần Tiến Bộ	1960	Đảng ủy viên	
7	Lê Văn Tiến	1950	Đảng ủy viên	
8	Đàm Hùng Sinh	1947	Đảng ủy viên	
9	Nguyễn Khắc Đông	1954	Đảng ủy viên	

5- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa IV- nhiệm kỳ 1996-2000²
(do Đại hội đảng viên lần thứ IV bầu ngày 19/01/1996)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Ghi chú
1	Phương Quốc An	1942	Bí thư Đảng ủy	
2	Vũ Quang Việt	1947	Fó BT Đảng ủy	
3	Trần Xuân	1949	UV Thường vụ	
4	Đàm Hùng Sinh	1947	Đảng ủy viên	
5	Trần Tiến Bộ	1960	Đảng ủy viên	
6	Nguyễn Văn Kỳ	1950	Đảng ủy viên	
7	Nguyễn Văn Long	1956	Đảng ủy viên	
8	Nguyễn Khắc Đông	1954	Đảng ủy viên	

² Điều lệ Đảng từ khóa VIII (nhiệm kỳ 1996-2001) đến nay quy định nhiệm kỳ của cơ sở Đảng tổ chức đại hội 5 năm 1 lần.

Từ ngày 24/2/2000 đồng chí Phương Quốc An nghỉ hưu. Ngày 20/3/2000 đồng chí Trần Tiến Bộ được bầu làm Bí thư Đảng ủy và ngày 30/3/2000 được Huyện ủy Đồng Hỷ chuẩn y.

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

9	Lê Văn Tiến	1950	Đảng ủy viên	
10	Nguyễn Thị Thắng	1953	Đảng ủy viên	
11	Phạm Xuân Trường	1961	Đảng ủy viên	

6- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa V (nhiệm kỳ 2000-2005)
(do Đại hội đảng viên lần thứ V bầu ngày 26/9/2000)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Ghi chú
1	Trần Tiến Bộ	1960	Bí thư Đảng ủy	
2	Vũ Quang Việt	1947	Fó BT Đảng ủy	
3	Trần Xuân	1949	UV Thường vụ	
4	Nguyễn Văn Long	1956	Đảng ủy viên	
5	Đàm Hùng Sinh	1947	Đảng ủy viên	
6	Trần Xuân Thịnh	1957	Đảng ủy viên	
7	Nguyễn Văn Kỳ	1950	Đảng ủy viên	
8	Bùi Xuân Thùy	1952	Đảng ủy viên	
9	Lê Ngọc Dũng	1971	Đảng ủy viên	
10	Lê Văn Tiến	1950	Đảng ủy viên	
11	Nguyễn Văn Tiến	1950	Đảng ủy viên	

- Năm 2002 đồng chí Lê Văn Tiến chuyển đi làm Hiệu trưởng trường THCS Linh Sơn, Trần Xuân xin nghỉ vì lý do sức khỏe. Đảng ủy phân công đồng chí Trần Xuân Thịnh làm Thường trực Đảng

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

- Ngày 20/6/2004 đồng chí Vũ Quang Việt và Nguyễn Văn Kỳ được nghỉ hưu.

- Ngày 27/5/2004, tại kỳ họp thứ nhất HĐND khóa XVII đồng chí Nguyễn Văn Long được bầu làm Chủ tịch UBND

- Ngày 27/7/2004, Huyện ủy ra quyết định bổ sung đồng chí Bùi Thanh Vân (Hiệu trưởng trường Tiểu học) và đồng chí Phạm Văn Hùng (Trưởng Công an) vào Đảng ủy. Cùng ngày đồng chí Nguyễn Văn Long được bầu vào Ban Thường vụ và Phó Bí thư Đảng ủy.

7- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa VI (nhiệm kỳ 2005-2010)

(do Đại hội đại biểu đảng viên lần thứ VI bầu ngày 25/8/2005)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Ghi chú
1	Trần Tiến Bộ	1960	Bí thư Đảng ủy	
2	Nguyễn Văn Long	1956	Fó BT Đảng ủy	
3	Trần Xuân Thịnh	1957	UV Thường vụ	
4	Lê Ngọc Dũng	1971	Đảng ủy viên	
5	Phạm Xuân Trường	1961	Đảng ủy viên	
6	Phạm Văn Hùng	1965	Đảng ủy viên	
7	Bùi Thanh Vân	1957	Đảng ủy viên	

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

8	Trương Thị Hằng	1979	Đảng ủy viên	
9	Đinh Mạnh Tuấn	1975	Đảng ủy viên	
10	Nông Thị Phương	1970	Đảng ủy viên	
11	Lê Ngọc Tứ	1968	Đảng ủy viên	

Ngày 19/6/2008 đồng chí Lê Ngọc Tứ thôi là Đảng ủy viên do vi phạm chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình. ..

8- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa VII-nhiệm kỳ 2010-2015
(do Đại hội đại biểu đảng viên lần thứ VII bầu ngày 21/5/2010)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Long	1956	Bí thư Đảng ủy	
2	Phạm Xuân Trường	1961	Fó BT Đảng ủy	
3	Trần Xuân Thịnh	1957	UV Thường vụ	
4	Trần Tiến Bộ	1960	Đảng ủy viên	
5	Lê Ngọc Dũng	1971	Đảng ủy viên	
6	Đinh Mạnh Tuấn	1975	Đảng ủy viên	
7	Phạm Văn Hùng	1965	Đảng ủy viên	
8	Trần Văn Ngọc	1981	Đảng ủy viên	Xã đội trưởng
9	Ma Thị Hoa	1962	Đảng ủy viên	

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

10	Đoàn Văn Tới	1984	Đảng ủy viên	
11	Trần Văn Ngoan	1975	Đảng ủy viên	
12	Trương Thị Hằng	1979	Đảng ủy viên	
13	Nguyễn Việt Dũng	1970	Đảng ủy viên	

Ghi chú: Tháng 5/2011 đồng chí Trần Tiến Bộ (Chủ tịch HĐND khóa 17) nghỉ hưu. Tháng 9/2012 đồng chí Ma Thị Hoa (Hiệu trưởng trường Mầm non) chuyển trường đi làm Hiệu trưởng Trường Mầm non xã Văn Lãng. Đảng ủy còn lại 11 đồng chí.

**PHỤ LỤC ẢNH VÀ TÓM TẮT LÝ LỊCH
BÍ THƯ XÃ, CHỦ TỊCH ỦY BAN XÃ CÁC THỜI KỲ**

1- Ông Trương Văn Đại



- Sinh ngày: 29/01/1919, tại xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Trú quán: xóm La Nưa, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí).

- Tôn giáo: Không.

- Thành phần gia đình: Bần nông

- Văn hóa: biết đọc, biết viết.

Tóm tắt quá trình công tác

Từ năm 1943 tham gia tự vệ chiến đấu do các đồng chí Cứu quốc quân về xã Khe Mo xây dựng. Tháng 4/1945 xã Khe Mo thành lập chính quyền cách mạng, ông Đại được bầu làm Chánh Hội cách mạng (trương đương chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời, nhưng do khi ấy chưa có chính phủ lâm thời cấp trên, nên nhân dân mới bầu chức Chánh hội). Ông Đại làm Chánh hội cách mạng từ tháng 4/1945 đến 8/1945 đổi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời đến

tháng 02/1946 bầu cử Hội đồng nhân dân xã và tháng 3/1946 HĐND xã bầu đồng chí La Văn Mao làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã thay cho ông Đại.

Từ trần ngày 26/01/2003 (tức ngày 24 tháng 12 năm Nhâm Ngọ 2002)

2- Đồng chí La Văn Mao



- Bí danh: La Văn Vong
- Sinh ngày: 11/01/1898 tại xóm La Nưa, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ.
- Trú quán: xóm La Đường, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí);

Tôn giáo : Không;

- Thành phần: Trung nông;
- Văn hóa biết đọc biết viết.
- Tham gia cách mạng ngày 01/2/1943.
- Vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày: 26/9/1948.

Chính thức: tháng 01/1949.

Tóm tắt quá trình công tác

Năm 1946-1948 làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Năm 1949-1950 làm Chủ tịch Liên-Việt xã sau đó

làm Trưởng ban phụ lão; tiếp theo làm Trưởng ban Mặt trận xã đến 1968 nghỉ công tác.

- Đã từ trần

3- Đồng chí Đỗ Chi Phương

Hiện nay các nhân chứng ở địa phương cũng như trong quá trình sưu tầm tài liệu chỉ còn lý lịch của các đảng viên viết về đồng chí Nguyễn Chi Phương làm ở UBND huyện Đông Hỷ (những năm 1947-1949), sau năm 1954 chuyển về Hà Nội nhưng không rõ ở cơ quan nào.

4- Đồng chí Đinh Phú Hào

Ngày tháng năm sinh:

Quê quán: xã Yên Lộc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Trú quán: xóm Long Giàn, xã Khe Mo, huyện Đông Hỷ.

Tóm tắt quá trình công tác

Gia đình không biết năm sinh và quá trình công tác. Căn cứ vào bản lưu hồ sơ bảo vệ Đảng của Huyện ủy Đông Hỷ năm 1964, các giấy tờ còn lại và ý kiến của các nhân chứng. Đồng chí tham gia hoạt động cách mạng khoảng năm 1941-1942, do đồng chí Triệu Khánh Phương giới thiệu và làm giao thông cho Xứ ủy. Các nhân chứng địa phương chỉ nhớ được đồng chí làm Chủ

tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính xã Long Khê (từ khi sáp nhập xã Khe Mo và xã Vân Hòa cho đến khi giải tỏa). Tháng 12/1953, bị đối xử tước đoạt quyền lợi có sai lầm nên bãi miễn hết các chức vụ đảng và chính quyền.

Ngày 16/01/1958, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra Nghị quyết số 09 QN/TN, do đồng chí Vũ Hưng, Ủy viên Thường trực Tỉnh ủy ký, nội dung: “Nay truy trả lại đảng tịch và chức vụ cũ: Thường vụ Chi ủy-Chủ tịch Ủy ban hành chính xã cho đồng chí Đinh Phú Hào. Chi ủy sẽ tổ chức minh oan và tuyên bố nghị quyết này cho toàn chi bộ và nhân dân biết”.

Đã từ trần năm 1954.

5- Đồng chí Hoàng Hữu Thông

- Bí danh: Kim Bảng
- Sinh tháng 9/1920 tại xóm Trại Cài, xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ.
- Trú quán: xóm Làng Cháy, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí).
- Tôn giáo: Không;
- Văn hóa: 2/10 BTVH.



- Tham gia cách mạng ngày 19/8/1945;

- Vào Đảng cộng sản Việt Nam lần 1 ngày 26/8/1948.

Chính thức ngày 11/1/1949.

- Vào Đảng lần 2 ngày 17/3/1968;

Chính thức ngày 13/4/1969.

Tóm tắt quá trình công tác

Năm 1945, làm Trưởng ban Kiến trúc vệ sinh xã (Chủ nhiệm Việt Minh xã). Từ 15/11/1945 làm Tiểu đội trưởng đến tháng 02/1946 làm Trung đội trưởng tự vệ xã Khe Mo. Từ 3/1946 làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Khe Mo. Tháng 01/1949 làm Bí thư Chi bộ và là Ủy viên Hội đồng nhân dân xã và từ tháng 8/1951 là Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Long Khê. Từ tháng 5/1952 là cán bộ Hội đồng cung cấp Liên khu Việt Bắc. Tháng 9/1953 làm cán bộ thuế nông nghiệp huyện Đồng Hỷ. Tháng 01/1954 Bí thư Chi bộ xã Khe Mo. Từ 1958 đến 1961 làm Bí thư Chi bộ xã Khe Mo. Từ 5/1967 Ủy viên thường trực Ủy ban hành chính xã. Từ 5/1969 là Ủy viên Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã Khe Mo. Đã từ trần.

6- Đồng chí Đào Quốc Nhã

Hiện nay, địa phương và các tài liệu đã sưu tầm được đều không có thông tin gì về đồng chí Đào Quốc Nhã, chỉ có hồi ức viết tay của cố đồng chí Hoàng Bằng và Trương Văn Chức có ghi đồng chí Nhã làm Bí thư Chi bộ trong kháng chiến chống Pháp nhưng không ghi rõ thời gian nào. Theo đồng chí Nguyễn Văn Hạnh, nguyên là Bí thư Chi bộ, nguyên Chủ tịch xã Hóa Trung cung cấp: Đồng chí Đào Quốc Nhã thường gọi là Nhạ, dân tộc Kinh, quê ở vùng Thái Bình hay Nam Định. Đến Khe Mo và có làm Bí thư Chi bộ trong kháng chiến chống Pháp thời kỳ sau đồng chí Hoàng Hữu Thông. Sau đó đồng chí và gia đình chuyển đi (không rõ là lên huyện hay lên khu Việt Bắc) đồng chí Hạnh và địa phương không được rõ.

7- Đồng chí Lương Quang Chiêu

- Bí danh: Lương Đức Chính.

- Sinh ngày : 15/3/1917 tại xóm Thịnh Đức (nay là xóm Thịnh Đức 2) xã Văn Hán, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.



- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Văn hoá: lớp 3.
- Tham gia cách mạng năm 1943.
- Vào Đảng cộng sản Việt Nam: ngày 21/11/1948¹.

Chính thức ngày: 25/5/1949.

Tóm tắt quá trình công tác

Năm 1943 được đồng chí Mông Quốc Hoa giới thiệu và được kết nạp vào căn cứ bí mật của cách mạng ở xóm Đèo Khế, xã Phả Lý (nay thuộc xã Khe Mo) làm nhiệm vụ giao thông liên lạc lên Làng Lai (xã La Hiên, huyện Võ Nhai) và bảo vệ cán bộ cấp trên đi lại làm việc. Cùng cán bộ cấp trên tham gia vận động thành lập chính quyền cách mạng xã Vân Hán, tham gia tự vệ chiến đấu và du kích đến tháng 6/1946. Từ 7/1946 đến 1948 làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Vân Hoà. Từ 1948-1951 làm Phó Chủ tịch UBND xã Long Khê. Từ tháng 8/1952-1953 làm Bí thư chi bộ xã Long Khê. Từ 11/1953 đến 12/1961 là Chi uỷ viên Chi bộ xã Đoàn Kết. Từ tháng 01/1962 đến tháng 6/1968 làm Bí thư Chi bộ xã Đoàn Kết. Từ 1968 đến 1971 làm Trưởng ban kiểm soát HTX mua bán xã Đoàn Kết. Từ 1971 đến

¹ Ngày kết nạp Đảng ghi theo lý lịch của đồng chí Chiêu là 21/11; theo sổ lưu của Huyện ủy là 22/11.

11/1975 làm Trưởng ban Kiểm soát HTX nông nghiệp Thịnh Đức.

Đã từ trần năm 1995

8- Đồng chí Bùi Văn Rương

- Sinh ngày: 25/01/1917, tại Đồn điền Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Quê quán: xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.



- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Văn hóa: lớp 3 BTVH.

- Tham gia cách mạng: tháng 01/1945

- Vào Đảng ngày 11/10/1948; Chính thức: tháng 8/1949 tại Chi bộ xã Long Khê (tức xã Khe Mo), huyện Đồng Hỷ.

Tóm tắt quá trình công tác

Tháng 3/1945 phụ trách chặn giao thông của Nhật ở Long Giản. Tháng 9/1945 là Phó Chủ tịch UBND lâm thời, kiêm Trưởng ban Văn hóa, Trưởng ban Bình dân học vụ xã Khe Mo. Đến 1952 làm Phó Bí thư chi bộ, Ủy viên Hội đồng nhân dân xã Khe Mo. Thời kỳ giảm tô từ

tháng 3/1953 đến 8/1953 làm Quyền Bí thư Chi bộ xã Khe Mo. Tháng 11/1957 chuyển gia đình về xã Cù Vân, huyện Đại Từ, Thái Nguyên, làm Tổ trưởng Đảng. Năm 1964, làm Bí thư Chi bộ, Chủ nhiệm HTX Suối Huyền xã Cù Vân, huyện Đại từ. Năm 1966 làm Công an HTX Suối Huyền. từ 1973 làm Trưởng Công an, đại biểu HĐND xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đã từ trần ngày 03/10/1993.

9- Đồng chí Bùi Văn Tòng

- Sinh ngày: 20/10/1913¹, tại xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Trú quán: xóm Long Giàn, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.



- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
- Thành phần gia đình: Bần nông;
- Thành phần bản thân: Công nhân;

¹ Theo hồ sơ Đảng viên của đồng chí Tòng khai sinh năm 1913. Theo di ảnh của gia đình ghi sinh năm Đinh Mùi 1906 là có nhầm lẫn giữa năm can chi và năm dương lịch (năm Đinh Mùi này bắt đầu từ ngày 13/02/1907 đến ngày 02/02/1908).

- Văn hóa lớp 4/10. Nghề nghiệp: thợ nguội.

- Vào Đảng ngày 16/6/1949; Chính thức 6/11/1949.
Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đến tháng 10/1978.

Tóm tắt quá trình công tác

Tháng 12/1945 được bầu làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Khe Mo; Tháng 3/1947 làm Trưởng ban xí nghiệp xưởng Phan Bội, huyện Phú Lương; Tháng 8/1949 là ủy viên Ban Chấp hành công đoàn xưởng Lý Chính Thắng (Bắc Giang). Tháng 10/1951 làm tổ trưởng đảng thuộc Chi bộ xã Khe Mo; Tháng 9/1953, phụ trách Bí thư Chi bộ xã Khe Mo; Tháng 8/1957, làm công tác thuế vụ tại xã Lâu Thượng huyện Võ Nhai. Tháng 01/1958 làm ủy viên ban cán sự HTX mua bán, kiêm kiểm soát tín dụng xã Khe Mo. Tháng 8/1961 làm Thợ sửa chữa Ô tô tại xí nghiệp Vận tải Đoàn 10 Thái Nguyên. Năm 1963 BCH Công đoàn Xí nghiệp Vận tải Đoàn 10. Tháng 6/1966, nghỉ hưu tại xã Khe Mo. Từ trần năm 1985

Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến (chống Pháp) hạng Nhì.

10- Đồng chí Hoàng Văn Thọ

Quê quán: xóm La Nưa, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay địa phương và gia đình không biết năm sinh và quá trình công tác của đồng chí Thọ. Chỉ có chữ ký của đồng chí ở cương vị Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã Khe Mo năm 1954 và gia đình cũng chỉ nhớ đồng chí từ trần năm 1954 và không rõ ngày tháng mất.

11- Đồng chí Trần Ngọc Sơn

- Họ và tên khai sinh: Trần Văn Hữu, Bí danh: Xuân

- Sinh ngày: 24/2/1925 tại xóm La Đường, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.



- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí).
- Tôn giáo: Không.
- Văn hóa: lớp 2/10.
- Tham gia cách mạng: tháng 11/1945;
- Vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 12/6/1950; Chính thức: 12/6/1951. Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đến tháng 10/1981.

Tóm tắt quá trình công tác

Từ 11/1945 là Ủy viên BCH thiếu nhi huyện Đồng Hỷ. Từ 02/1946-12/1947 làm Chính trị viên du kích. Từ

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

12/1947 đi bộ đội đến 01/1949 xuất ngũ về địa phương, đảm nhiệm các chức vụ Thông tin viên, Phó Bí thư Chi đoàn kiêm Phó Công an xã. Tháng 01/1951 phụ trách Văn phòng Chi bộ và Chủ tịch tín dụng xã. Tháng 4/1953 được bầu vào Thường vụ Chi ủy và từ tháng 4/1954 làm Bí thư Chi bộ. Tháng 4/1957 là Ủy viên BCH Chi bộ. Từ 02/1960 làm Trưởng ban nông thôn xã Khe Mo. Từ 4/1961 làm Bí thư Chi bộ và đến 5/1963 làm Chủ tịch UBHC xã đến 5/1964 nghỉ công tác. Từ 3/1966 làm các chức vụ Chủ nhiệm và kế toán HTX La Đường, Ủy viên BCH Chi bộ. Tháng 4/1971 làm Bí thư Chi bộ xã đến 4/1973 làm Phó Chủ tịch UBHC xã đến 4/1977 làm Chủ tịch Mặt trận xã. Tháng 6/1979 được nghỉ hưu.

Đã từ trần

Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến (chống Pháp) hạng Nhì.

12- Đồng chí Lê Văn Tương

- Bí danh: Tiến Vinh.
- Sinh tháng 8/1921, tại xóm Cầu Lân, xã Dân Chủ, huyện Đồng Hỷ.
- Quê ở xóm Làng Cháy, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.



- Dân tộc: Sán Dìu;
- Tôn giáo: Không.
- Thành phần: Trung nông.
- Nghề nghiệp: Làm ruộng.
- Văn hóa: lớp 4/10.
- Tham gia cách mạng: Tháng 8/1945.
- Vào Đảng ngày 26/2/1949; Chính thức 15/9/1949¹
(do đồng chí Đinh Phú Hào và La Văn Mao giới thiệu).

Tóm tắt quá trình công tác

Tháng 8/1945-1946 làm Phó Bí thư Thanh niên Cứu quốc xã Khe Mo. Từ 1946-1948 là đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Tiểu đội trưởng du kích. Từ 1948-1953 và 1957 đến 1960 làm Xã đội trưởng xã Khe Mo. Từ 1960-1961 làm Trưởng Công an xã. Từ 1961-1963² và 1965-1967 làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Năm 1967-1968 làm Bí thư Chi bộ xã Khe Mo. Năm 1968-

¹ Theo Lý lịch Đảng viên của đồng chí Tương, ngày kết nạp là 26/2/1949 (nhưng Sổ danh sách Đảng viên của Huyện ủy Đồng Hỷ ghi đồng chí Tương vào Đảng ngày 26/8/1948; ngày chính thức 15/3/1949). Tuy nhiên đồng chí La Văn Mao là người giới thiệu đồng chí Tương vào Đảng lại vào Đảng ngày 26/9/1949, nên Tổ biên soạn chọn ngày vào Đảng và ngày chuyển chính thức của đồng chí Tương như trên.

² Theo lý lịch đảng viên của đồng chí Trần Văn Thân, đồng chí Thân cũng khai làm Chủ tịch UBHC xã Khe Mo trùng vào thời gian này.

1969 công tác tại Cơ quan huyện Đồng Hỷ. Từ 1969 về địa phương sản xuất.

Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến (chống Pháp) hạng Ba.

Đã từ trần

3- Đồng chí Lương Đình Công

- Bí danh: Ngọc Thuyết.
- Sinh năm 1931³. tại xóm La Nưa, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Sán Chay (Cao Lan).
- Tôn giáo: Không.
- Thành phần gia đình: Trung nông.
- Văn hóa: 4/10
- Vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày: 03/10/1949.



Chính thức ngày: 15/6/1950

Tóm tắt quá trình công tác

Tham gia cách mạng năm 1946, làm giao liên xã. Năm 1949 được kết nạp và Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1954 được bầu vào chi ủy, sau đó bị quy

³ Hồ sơ lưu ghi sinh năm 1931; gia đình cung cấp sinh năm 1932.

thành phần bóc lột và bị đình chỉ công tác Đảng. Ngày 11/3/1957 được Tỉnh ủy Thái Nguyên phục chức Chi ủy viên và bổ sung vào chi ủy. Năm 1957 được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Khoảng năm 1959, 1960 chuyển công tác lên Phòng Phái viên thuộc Huyện ủy Đồng Hỷ. Sau đó là Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ. Từ năm 1970 đến năm 1980 là Huyện ủy viên, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ.

Từ trần ngày 20/5/1980 (tức 8/4 Canh Thân) tại xóm Hom Giỏ, xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên).

14- Đồng chí Phùng Đức Năm

Sinh năm 1913. Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không

Thường trú tại xóm La Rẫy, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1958 được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Khe Mo. Từ năm 1960 đến 1961 làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Từ trần ngày 29/12/1976 (tức 9/11 năm Bính Thìn).
Thọ 64 tuổi

15- Đồng chí Trần Văn Thân

- Sinh ngày: 12/6/1930 tại xóm La Đường, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.



- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí).

- Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Thành phần: Bần nông.

- Văn hóa: lớp 5/10 BTVH.

- Tham gia cách mạng ngày: 25/2/1947.

- Vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày: 12/4/1955;

Chính thức ngày: 30/10/1955.

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đến tháng 10/1982.

Tóm tắt quá trình công tác

Ngày 25/02/1947 nhập ngũ vào Quân đội nhân dân Việt Nam cho đến ngày 29/12/1950, phục viên về địa phương. Tháng 6/1961 được bầu vào Hội đồng nhân dân xã và được Hội đồng nhân dân bầu làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Năm 1963 được bầu làm Bí thư chi bộ xã Khe Mo đến 1965 điều lên công tác tại cơ quan

huyện ủy Đồng Hỷ. Năm 1974-1976 làm Bí thư chi bộ. Năm 1978 nghỉ công tác.

Đã từ trần

16- Đồng chí Luân Văn Thào

- Sinh ngày: 13/4/1934, tại xóm La Rầy, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.



- Dân tộc: Nùng;
- Tôn giáo: Không.
- Thành phần: Trung nông;
- Nghề nghiệp: làm ruộng.
- Văn hóa lớp 4/10;
- Ngoại ngữ: tiếng Trung;
- Vào Đảng: ngày 02/02/1963. Chính thức: ngày 10/12/1964;

Tóm tắt quá trình công tác:

Năm 1958 là Ủy viên Ban Chấp hành Chi đoàn xã Khe Mo. Năm 1959 là đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Đồng Hỷ. Năm 1962 được bầu vào Chi ủy Chi bộ xã Khe Mo. Từ năm 1963 là Ủy viên Ủy ban Hành chính xã kiêm Xã đội trưởng. Tháng 12/1964 là Phó

Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã kiêm Trưởng Công an.
Cuối năm là Quyền Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã.

Từ trần ngày 29/6/2007.

17- Đồng chí Phương Quốc An

- Sinh ngày: 15/01/1942 tại xóm
Dọc Hèo, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ,
tỉnh Thái Nguyên.

- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí);
Tôn giáo: Không.



- Văn hóa: 7/10 BTVH.

- Trình độ chuyên môn: Y sỹ đa khoa.

- Tham gia cách mạng: tháng 9/1959.

- Vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 15/4/1964;

Chính thức ngày: 15/8/1965.

Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng 9/1958 đến 9/1959 là Phó Bí thư Chi đoàn
xã Khe Mo. Tháng 10/1959, học tại Trường Y sỹ Việt
Bắc. Từ 9/1964 đến tháng 7/1967 Ủy viên BCH Huyện
đoàn Đồng Hỷ, Bí thư Chi đoàn xã Khe Mo. Từ tháng
7/1967 đến 7/1969 và tháng 7/1971 đến 7/1973 làm Phó
Bí thư chi bộ, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã Khe Mo.

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

Từ 8/1973 đến 4/1976 làm Trạm trưởng trạm Y tế xã.
Từ 4/1976 đến 4/1985 cán bộ HTX nông nghiệp Làng Cháy.
Từ 4/1985 đến 1989 là Đảng ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân xã.
Từ 1990 đến 3/2000 Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.
Từ tháng 3/2000, nghỉ hưu tại xóm Dọc Hèo, xã Khe Mo.

Đã từ trần

18- Đồng chí Hoàng Văn Bằng

- Tên gọi khác: Hoàng Bằng;
Hoàng Công Bằng;

- Sinh ngày: 24/7/1934 tại xóm La Nưa, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.



- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí);

- Tôn giáo: Không.

- Thành phần gia đình: Bần nông;

- Văn hóa: lớp 3/10.

- Ngày tham gia cách mạng: 12/6/1950.

- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 19/01/1959;

Chính thức ngày: 20/7/1961;

Tóm tắt quá trình công tác

Từ 1950 đến 1953 làm Phân đoàn phó, Phân đoàn trưởng Thanh niên Cứu quốc xã Khe Mo và Trung đội phó du kích. Từ 1953 đến 1958 làm Ủy viên BCH Đoàn xã và Phó Bí thư Đoàn xã, Trung đội trưởng và sau đó là Chính trị viên Trung đội du kích xã. Từ 1958 đến 1961 làm Bí thư Chi đoàn xã Khe Mo, Ủy viên BCH huyện Đoàn Đồng Hỷ (2 khóa), Chính trị viên Trung đội du kích và Chính trị viên xã đội (từ 1959). Từ 1961 là Chi ủy viên, Xã đội trưởng, Ủy viên Thường vụ Đoàn xã, Đại biểu HĐND huyện. Từ 1963 là Bí thư đoàn xã, Ủy viên BCH Tỉnh Đoàn Thái Nguyên; Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính, Trưởng Công an xã. Năm 1965 lại làm Xã đội trưởng kiêm Kiểm tra Đảng xã. Từ 1966 đến 1969 là Bí thư Chi bộ xã¹, Chính trị viên xã đội, Đại biểu HĐND tỉnh (khóa 1968-1971). Từ 1969 Phó Bí thư Chi bộ xã, Chính trị viên xã đội. Năm 1972 Ủy viên Thường vụ Chi ủy, xã đội trưởng, đến năm 1974 là đại biểu HĐND tỉnh Bắc Thái, Bí thư Chi bộ xã Khe Mo. Từ tháng 2/1978 đến 1981 làm xã đội trưởng, cùng thời gian 1978-1979 làm Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp La Nưa.

¹ Phần khai của đồng chí Hoàng Bằng ở thời gian 1966-1969 phải tách ra là từ 1966-1967 và 1968-1969 làm Bí thư Chi bộ. Vì nhiệm kỳ 1967-1968 đồng chí Lê Văn Tương làm Bí thư Chi bộ.

Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến (chống Mỹ) hạng Nhất.

Từ trần ngày 27/9/2010 (tức 20/8 năm Canh Dần)

19- Đồng chí Lý Văn Học

- Sinh năm: 1924 tại xóm Nà Tổng, xã Quang Trung, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.



- Trú quán: xóm Đèo Khế, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
- Dân tộc: Nùng;
- Tôn giáo: Không.
- Nghề nghiệp: Làm ruộng.
- Thành phần xuất thân: Bần nông.
- Thành phần bản thân: Trung nông. Văn hóa lớp 2/10.
- Ngày tham gia cách mạng: 06/3/1945.
- Vào Đảng Cộng sản Việt Nam: ngày 29/01/1950 tại Chi bộ xã Quang Trung, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
Chính thức ngày 27/6/1950.

Tóm tắt quá trình công tác

Ngày 6/3/1945 nhập ngũ vào quân đội đến tháng 10/1946 ra quân về xã Quang Trung, huyện Bình Gia

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

tỉnh Lạng Sơn. Làm Phó Bí thư Chi đoàn thanh niên xã và Xã đội phó dân quân xã Quang Trung, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Năm 1951 cùng gia đình chuyển về làm ruộng tại xóm Đèo Khế, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Từ 1954 đến 1956 làm Tiểu đội trưởng dân quân xã Khe Mo. Từ 1957-1960 làm Phó Bí thư Nông hội xã Khe Mo. Từ 1960 làm Trưởng ban công tác nông thôn xã. Từ 1969 đến 1971 làm Bí thư Chi bộ xã Khe Mo.

Từ trần ngày 15/4/2009 (tức 21/3 năm Kỷ Sửu).

20- Đồng chí Trần Ngọc Ngân

- Sinh ngày: 01/10/1944, tại xóm La Nưa, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Dân tộc: Sán Chay (Cao Lan);
- Tôn giáo: Không;
- Văn hóa: lớp 5/10 BTVH;
- Tham gia cách mạng tháng: 2/1962.
- Vào Đảng cộng sản Việt Nam: ngày 02/9/1968;

Chính thức: ngày 02/6/1969.

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đến năm 1974.



Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng 2/1962 đến 2/1964 qua các công tác như Bí thư Chi đoàn, Chính trị viên phó xã đội xã Khe Mo, Phó Chủ nhiệm HTX nông nghiệp. Từ tháng 2/1964 nhập ngũ vào quân đội đến tháng 10/1970 phục viên, cấp bậc Chuẩn úy Trung đội trưởng, là thương binh chống Mỹ. Từ tháng 4/1971 là Chi ủy viên, đại biểu HĐND phụ trách Văn phòng xã. Từ 4/1973 được bầu làm Bí thư Chi bộ xã, đại biểu HĐND xã và huyện. Năm 1974 nghỉ việc, do vi phạm luật hôn nhân gia đình. Năm 1976 đến 1978 làm Trưởng ban kiểm soát HTX La Nưa. Từ 1979-1981 làm công an xóm. Năm 1982-1988 làm Ủy viên thư ký UBND xã. Năm 1991-1992 làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Khe Mo. Từ năm 1993 nghỉ hưu địa phương.

Từ trần ngày 05/10/2004 (tức 22 tháng 8 năm Giáp Thân 2004)

- Khen thưởng:

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba.

Hai danh hiệu Dũng sĩ cấp I trong chiến đấu.

Nhiều Bằng khen và Giấy khen.

21- Đồng chí Mông Văn Lệnh

- Sinh ngày: 6/3/1923 tại xã Quy Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Trú quán: tại xóm Đèo Khế, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ

- Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 2/10.

- Tham gia cách mạng: tháng 3/1945.

- Vào Đảng cộng sản Việt Nam: ngày 30/6/1968;

Chính thức: ngày 02/7/1969.

Tóm tắt quá trình công tác

Ngày 07/3/1945 vào bộ đội đến 21/12/1946 xuất ngũ. Từ 3/1947 làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Vân Hòa. Từ 12/1947 đến 3/1961 nghỉ ở nhà làm ruộng. Từ 3/1961 làm chủ nhiệm HTX mua bán đến 12/1963 giải thể HTX. Từ 9/1967 lại làm Chủ nhiệm HTX mua bán đến 4/1969. Từ 05/6/1969 đến đến 30/6/1971 làm Phó Chủ tịch Thường trực UBHC xã, đến 6/1973 làm Phó Chủ tịch UBHC và kiêm công an tư pháp xã. Từ 6/1973 đến 5/1975 làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Khe Mo.

Từ trần ngày 14/9/1978 (tức ngày 13/8 năm Mậu Ngọ)

22- Đồng chí Nguyễn Văn Kỳ

- Sinh ngày: 16/11/1950, tại xóm Ao Rôm II, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Quê quán: Xã Kim Lũ, huyện Đa Phúc, Thành phố Hà Nội.



- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa 6/10;

- Vào Đảng: 27/4/1971; Chính thức: 24/01/1972

Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng 7/1967, nhập ngũ vào Quân đội; tham gia chiến đấu tại chiến trường Khu 5 (B5); tháng 5/1974 là Thượng sỹ phục viên về địa phương.

Từ 4/1975 - 5/1976 là Chi ủy viên, Xã đội trưởng. Từ 6/1976 đến 5/1979 là Bí thư Chi bộ xã Khe Mo. Từ 6/1979 đến 2/1981 là cán bộ Tiểu đoàn dân quân huyện Đồng Hỷ tại Lạng Sơn. Tháng 6/1981 đến 5/1984 là Thường vụ Chi ủy, Phó Chủ tịch UBND xã Khe Mo. Tháng 6/1984-4/1986 là Thường vụ Chi ủy, Xã đội trưởng. Từ 5/1986-2/1988, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND xã và từ 3/1988-12/1989 là Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Khe Mo. Từ 01/1990-10/1994 là Đảng ủy viên kiêm Xã đội trưởng và từ

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

11/1994 đến 6/2004 là Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch UBND xã Khe Mo.

Là Thương binh hạng 4/4, nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin.

Khen thưởng:

1 Huân chương Kháng chiến (chống Mỹ) hạng Ba;

2 Huân chương Chiến công hạng Ba;

2 Huân chương Chiến sỹ Giải phóng hạng Nhì, Ba;

Huy hiệu 30, 40 năm tuổi Đảng.

23- Đồng chí Phương Hữu Ngôn

- Sinh ngày 30/11/1927 tại xóm Làng Cháy, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Dân tộc: Sán Chay (Cao Lan).

- Tôn giáo Không;

- Văn hóa lớp 3/10.

- Tham gia cách mạng ngày: 20/8/1946;

- Vào Đảng cộng sản Việt Nam ngày: 22/2/1968;
Chính thức ngày: 13/4/1969.

Tóm tắt quá trình công tác

Từ 4/1945 làm liên lạc cho cán bộ cách mạng ở địa phương. Từ 02/1946 làm Chủ nhiệm Việt Minh xã.



Tháng 4/1947 vào du kích xã. Từ 01/1948 đến 10/1949 làm Xã đội trưởng. Từ 10/1949 đến 1952 làm Trung đội trưởng du kích. Từ 3/1953-1960 làm Phó Công an xã. Từ 1960-1967 làm Phó Chủ nhiệm HTX tín dụng. Từ 6/1967-4/1973 làm Xã đội trưởng kiêm Phó Chủ nhiệm HTX. Từ 4/1973 là Phó Bí thư Chi bộ, Ủy viên HĐND, Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Công an, Trưởng ban Tư pháp xã kiêm Chính trị viên xã đội, kiêm Trưởng ban Lâm nghiệp xã. Từ 5/1975 đến 4/1979 Chủ tịch (UBHC và UBND) xã. Từ 4/1979 đến 4/1983 là Bí thư Chi bộ xã Khe Mo.

- Khen thưởng: Huy chương Kháng chiến (chống Pháp) hạng Nhất.

24- Đồng chí Vũ Quang Việt

- Sinh ngày: 14/8/1947 tại thôn Cao Đường, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Trú quán: xóm Khe Mo 1, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Thành phần gia đình: Bần nông.



- Văn hóa: 7/10; Lý luận: Trung cấp;
- Vào Đảng ngày: 29/1/1973; Chính thức: 29/10/1973.

Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng 7/1967 nhập ngũ vào quân đội, đến 5/1976 phục viên về địa phương; cấp bậc Thượng sĩ, chức vụ Đại đội phó.

Từ tháng 7/1977-4/1979 là Ủy viên thư ký UBND xã Khe Mo. Từ 5/1979-5/1983 là Phó Bí thư chi bộ, Chủ tịch UBND xã Khe Mo. Từ 5/1983-3/1986 Bí thư chi bộ xã Khe Mo. Từ 4/1986-11/1987 Chủ tịch UBND xã Khe Mo. Từ 1988-1990 Bí thư Đảng ủy xã Khe Mo. Từ 1990-5/2004 Chủ tịch UBND xã Khe Mo. Ủy viên BCH Đảng bộ huyện Đồng Hỷ khóa XVII, XVIII, XIX (từ 1985 – 2000)

Năm 2004 nghỉ hưu tại xóm Khe Mo 1, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ.

Khen thưởng:

- 1 Huân chương Kháng chiến (chống Mỹ) hạng Ba.
- 1 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba.
- 1 Huân Chương Chiến sỹ Giải phóng hạng Ba.
- 1 Huân Chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba.
- 1 Huân Chương It-xa-la (Lào) hạng Ba.

2 lần Chiến sỹ thi đua và nhiều Bằng Khen, Giấy khen.

25- Đồng chí Trần Tiến Bộ

- Sinh ngày 10/2/1960, tại xóm La Nưa, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí);
Tôn giáo: Không;

- Thành phần gia đình: Trung nông; Văn hóa: 7/10.

- Trình độ lý luận: Trung cấp

- Vào Đảng CSVN ngày: 01/11/1984;

Chính thức ngày: 01/5/1986

Tóm tắt quá trình công tác

Tháng 3/1980 vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Từ tháng 8/1980 làm Phó Bí thư Chi đoàn La Nưa. Tháng 9/1982 làm Bí thư Chi đoàn La Nưa. Tháng 6/1983-5/1984 làm Ủy viên Ban kiểm soát HTX La Nưa. Từ 5/1984 làm Kế toán HTX La Nưa. Từ 8/1986 làm Bí thư Đoàn xã Khe Mo; từ tháng 7/1988 là Đảng ủy viên, Bí thư Đoàn xã đến 3/1991. Từ 1991-2000 là Đảng ủy viên. Từ tháng 3/2000 đến 5/2010, làm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Khe Mo. Từ 5/2010 đến



5/2011 Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Khe Mo. Từ 5/2011 đến nay nghỉ hưu tại địa phương.

26- Đồng chí Nguyễn Văn Long

- Sinh ngày: 22/2/1956.

- Nơi sinh: xã Lương Sơn, Thành phố Thái Nguyên.

- Chỗ ở hiện nay: Xóm Ao Đậu, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.



- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa 10/10.

- Lý luận: Trung cấp.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Vào Đảng: 02/02/1980; Chính thức: 02/8/1981.

Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng 7/1977 nhập ngũ vào quân đội công tác tại Trung đoàn 231/Quân khu I và e851/f346/QĐ26, Chức vụ cao nhất là tiểu đội trưởng.

Từ tháng 3/1983 đến 3/1986, là Bí thư Chi đoàn xóm Ao Đậu. Từ 4/1986 đến 7/1987 làm quyền Bí thư Đoàn xã Khe Mo. Tháng 8/1987 đến 12/1988 làm xã đội trưởng xã Khe Mo, từ tháng 7/1988 kiêm Bí thư Chi bộ

Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2013)

xóm Ao Đậu. Từ 01/1989-7/1992 là Đảng ủy viên kiêm Bí thư Chi bộ xóm Ao Đậu. Từ 8/1992-9/1999 Đảng ủy viên, Ủy viên UBND phụ trách Văn phòng kiêm Bí thư Chi bộ xóm Ao Đậu (Chi bộ 10). Từ 1999-2004 là Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch HĐND xã. Từ 2004-2010 là Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã. Từ 5/2010-7/2010 là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Từ 5/2011 là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Khe Mo.

27- Đồng chí Phạm Xuân Trường

- Sinh ngày: 12 tháng 8 năm 1961.
- Nơi sinh: xã Phú Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
- Chỗ ở hiện nay: xóm Khe Mo II, xã Khe Mo, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.



- Dân tộc: Kinh.
- Tôn giáo: Không.
- Văn hóa: 10/10; Lý luận: Trung cấp.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.

- Vào Đảng ngày 11/7/1984; Chính thức ngày 11/01/1986.

Tóm tắt quá trình công tác

Từ 1979 đến 1983 là Thư ký đội sản xuất, Phó Bí thư và Bí thư chi đoàn xóm, Ủy viên BCH Đoàn xã Khe Mo. Tháng 3/1983 nhập ngũ vào quân đội công tác tại c1/d4/f311/QĐ26, chức vụ cao nhất Quyền Trung đội trưởng đến 4/1986 xuất ngũ. Từ 3/1987 là kế toán HTX nông nghiệp Khe Mo. Từ 1989-1996, qua các cương vị là Chi ủy viên, Phó Bí thư, Bí thư Chi bộ 3, Đảng ủy viên xã khóa V. Từ 02/1996, làm Cán bộ tư pháp kiêm Phó Công an xã. Từ 2003 Ủy viên UBND kiêm xã đội trưởng. Từ tháng 5/2004 là Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách văn hóa xã hội. Từ tháng 8/2005 là Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Từ tháng 5/2010 là Phó Bí thư Đảng ủy; từ 8/2010 là Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khe Mo. Từ tháng 5/2010 là Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Đồng Hỷ khóa XVIII, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khe Mo.

CHÂN DUNG CÁC LÃNH ĐẠO XÃ KHE MƠ QUA CÁC THỜI KỲ



Ông
Trương Văn Đại
Chủ tịch UBND lâm thời



Đồng chí
La Văn Mao
Chủ tịch UBHC xã



Đồng chí
Hoàng Hữu Thông
Nguyên BTCB&CT xã



Đồng chí
Lương Quang Chiêu
Nguyên Bí thư Chi bộ

CHÂN DUNG CÁC LÃNH ĐẠO XÃ KHE MO QUÁ CÁC THỜI KỲ



Đồng chí
Bùi Văn Rương
Nguyên Q.Bí thư Chi bộ



Đồng chí
Bùi Văn Tòng
Nguyên Bí thư Chi bộ



Đồng chí
Trần Ngọc Sơn
Nguyễn BTCB, CTUBHC



Đồng chí
Lê Văn Tương
Nguyễn BTCB, CTUBHC



Đồng chí
Lương Đình Công
Nguyên Chủ tịch UBHC



Đồng chí
Trần Văn Thân
Nguyên BTCB, CTUBHC



Đồng chí
Luân Văn Thảo
Nguyên Q. CTUBHC



Đồng chí
Phương Quốc An
Nguyên BTĐU-CTUBND



Đồng chí
Hoàng Bằng
Nguyên BTCB, BTĐU



Đồng chí
Lý Văn Học
Nguyên Bí thư Chi bộ



Đồng chí
Trần Ngọc Ngân
Nguyên Bí thư Chi bộ



Đồng chí
Nguyễn Văn Kỳ
Nguyên BTCB-CTUBND



Đồng chí
Phương Hữu Ngôn
Nguyên BTĐU-CTUBND



Đồng chí
Vũ Quang Việt
Nguyên BTĐU-CTUBND



Đồng chí
Trần Tiến Bộ
Nguyên Bí thư Đảng ủy

**Còn 6 đồng chí
chưa tìm được ảnh là**

-
- 1. Đỗ Chi Phương**
Nguyên Bí thư chi bộ
 - 2. Đinh Phú Hào**
Nguyên CTUBNDKCHC
 - 3. Đào Quốc Nhã**
Nguyên Bí thư Chi bộ
 - 4. Hoàng Văn Thọ**
Nguyên CTUBNDKCHC
 - 5. Phùng Đức Năm**
Nguyên Chủ tịch UBND
 - 6. Mông Văn Lệnh**
Nguyên Chủ tịch UBND

CHÂN DUNG LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT XÃ KHE MO HIỆN NAY



Đồng chí
Nguyễn Văn Long
Bí thư Đảng ủy,
Chủ tịch HĐND



Đồng chí
Phạm Xuân Trường
Phó Bí thư Đảng ủy,
Chủ tịch UBND



Đồng chí
Trần Xuân Thịnh
Ủy viên BTV, TT Đảng,
Chủ nhiệm UB Kiểm tra



Đồng chí
Trần Văn Ngoan
Đảng ủy viên,
Phó Chủ tịch TT HĐND

CHÂN DUNG LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT XÃ KHE MO HIỆN NAY



Đồng chí
Lê Ngọc Dũng
Đảng ủy viên, Phó Chủ
tịch UBND về Kinh tế



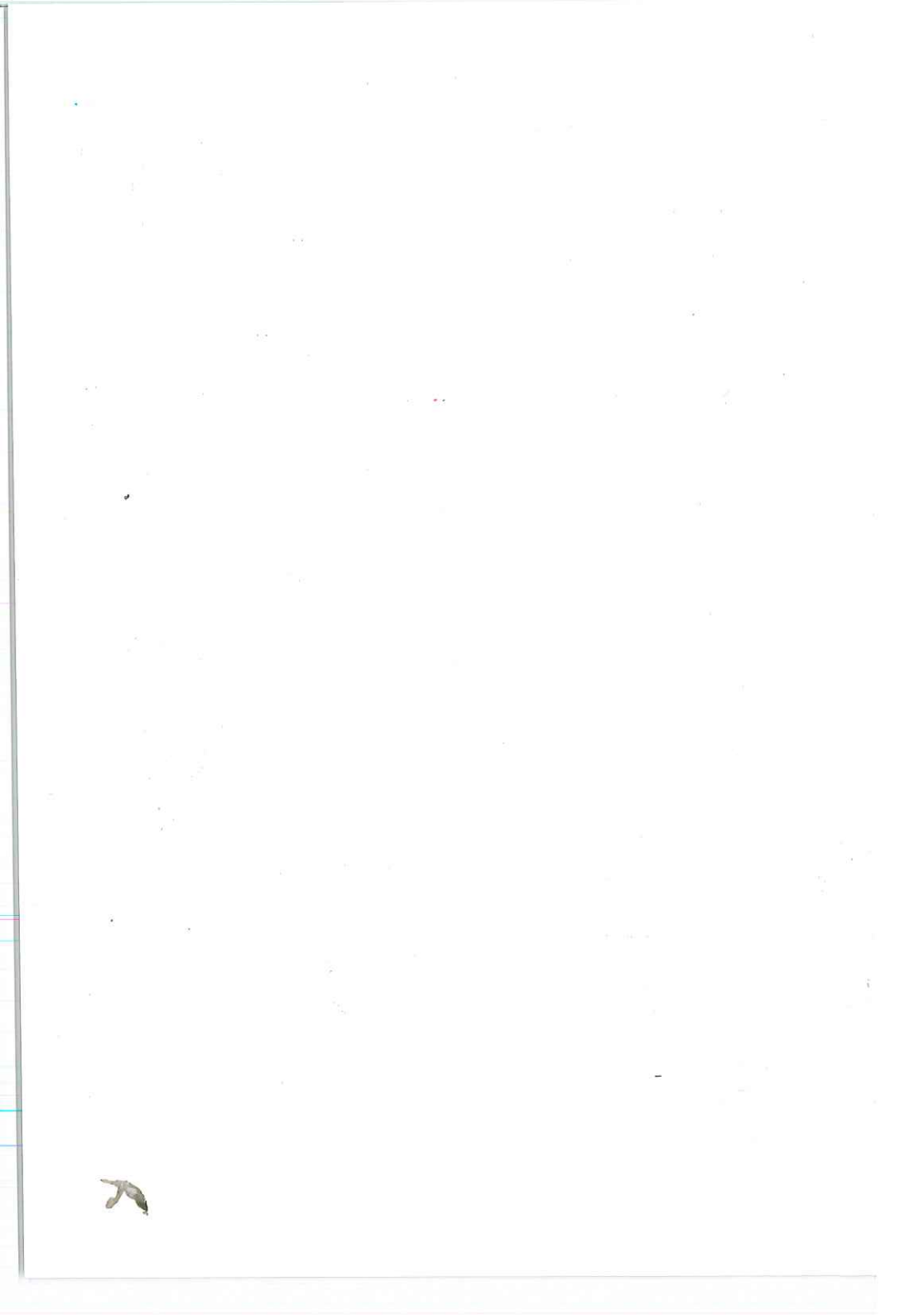
Đồng chí
Đinh Mạnh Tuấn
Đảng ủy viên, Phó Chủ
tịch UBND về VHXXH

Vĩ thanh: Trước khi cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948-2013) lên khuôn in, trong năm 2014 đã có thay đổi nhân sự lãnh đạo chủ chốt của xã.

Từ tháng 02/2014 đồng chí Trần Xuân Thịnh thôi Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã để giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã.

Tháng 6/2014 đồng chí Lê Ngọc Dũng được bầu làm Phó Bí thư Đảng ủy-Thường trực Đảng và thôi giữ chức Phó Chủ tịch UBND xã.

Tháng 10/2014 đồng chí Phạm Văn Hùng, trưởng công an xã được bầu giữ chức Phó Chủ tịch UBND xã về VHXXH. Đồng chí Đinh Mạnh Tuấn, Phó Chủ tịch UBND xã về kinh tế.



LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình biên soạn, xuất bản cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo, giai đoạn 1948-2013”, Đảng ủy đã nhận được sự quan tâm ủng hộ về kinh phí của các tập thể, cá nhân. Đảng ủy xin trân trọng cảm ơn các tập thể, gia đình trong và ngoài xã đã góp phần để cuốn Lịch sử thành công tốt đẹp.

Đảng ủy rất trân trọng mong được sự quan tâm đóng góp ý kiến phê bình xây dựng cũng như cung cấp thêm các tư liệu mà trong quá trình sưu tầm biên soạn chưa khai thác hết được, để lần tái bản được sẽ bổ sung. Mọi sự đóng góp xin gửi về Đảng ủy xã Khe Mo - huyện Đồng Hỷ - tỉnh Thái Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX
- 2 Đồng Khánh Dư địa chí
- 3 Tên làng xã và địa chí Bắc Kỳ năm 1925- Ngô Vi Liễn
- 4 Đại Việt sử ký toàn thư
- 5 Việt Nam những sự kiện lịch sử tập I (1945-1975)
- 6 Tổ tiên ta đánh giặc
- 7 Thân Cảnh Phúc trong kháng chiến chống quân Tống xâm lược- Phan Huy Lê
- 8 Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại- Sở Văn hóa-Du lịch-Thể thao và Viện Sử học
- 9 Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I, II
- 10 Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ
- 11 Huyện Đồng Hỷ, Lịch sử kháng chiến chống xâm lược.
- 12 Lịch sử Công an nhân dân huyện Đồng Hỷ
- 13 Hương ước xã Khe Mo-tổng Huống Thượng-1942
- 14 Hương ước xã Hoá Trung-tổng Hóa Thượng-1937

- 15 Hương ước xã Phả Lý- tổng Huống Thượng-1937
- 16 Hương ước làng Hòa Khê-tổng Huống Thượng-1938
- 17 Hương ước xã Văn Hán-tổng Huống Thượng-1937
- 18 Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ
- 19 Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên
- 20 Tài liệu lưu tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên
- 21 Tài liệu lưu của Đảng ủy, UBND xã Khe Mo
- 22 Sổ tay của cổ đồng chí Lý Văn Học xóm Đèo Khế
- 23 Sắc phong đình Khê Mo
- 24 Hồ sơ Di tích lịch sử đền Long Giàn
- 25 Gia đình các ông bà Trương Văn Chúc, Hoàng Bằng, Trương Văn Đạo, La Văn Mao, Nông Văn Nhục, Đỗ Đức Liên, Lý Văn Điền, Trần Trường Giang, Hoàng Văn Bút, Mông Văn Đức (Làng Hỏa), Trần Văn Lục (Làng Hỏa)
- 26 Lý lịch của các đảng viên xã Khe Mo, Văn Hán
- 27 Bút tích của cổ đồng chí Trương Văn Chúc, Hoàng Bằng, Lý Văn Học, Trần Văn Thị, Đàm Ngọc Văn
- 28 Sổ chi chép của ông Nguyễn Long Tiến

MỤC LỤC

1. Lời giới thiệu 5
2. **Chương I:** Điều kiện tự nhiên, dân cư-xã hội và truyền thống của nhân dân các dân tộc xã Khe Mo trong sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước 11
3. **Chương II:** Xã Khe Mo trong thời kỳ vận động cách mạng đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945 54
4. **Chương III:** Xã Khe Mo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) 85
5. **Chương IV:** Lãnh đạo khôi phục kinh tế và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1954-1964) 135
6. **Chương V:** Lãnh đạo xây dựng nền kinh tế tập thể, chống chiến tranh phá hoại và chi viện sức người sức của cho chiến trường (1965-1975) 174
7. **Chương VI:** Chi bộ xã Khe Mo lãnh đạo khôi phục kinh tế sau chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1975-1986) 212

8. Chương VII: Đảng bộ xã Khe Mo lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1987-2013)	246
9. Kết luận	309
10. Phần Phụ lục tổng hợp	319
11. Các tài liệu tham khảo	376

In 300 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm,
tại Công ty cổ phần In Thái Nguyên. Tổ 23, phường Quang Trung, TP TN
Giấy phép XB số 827/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông
Thái Nguyên cấp ngày 21 tháng 11 năm 2014.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2014.